

TRẦN · TRỌNG · KIM

VIỆT-NAM

SỬ-LƯỢC

QUYỂN I

TIMSACH.COM.VN



BỘ-GIÁO-DỤC
TRUNG-TÂM
HỌC-LIỆU
xuất-bản

Lộ thần

TRẦN-TRONG-KIM

VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC

QUYỂN I

BỘ-GIÁO-DỤC
TRUNG-TÂM
HỌC-LIÊU
xuất-bản

BỘ GIÁO-DỤC
TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU XUẤT-BẢN

Lần thứ nhất, 1971 : 80.000 cuốn

(Thêm Phụ-lục và Sách-dẫn)

TIMSACH.COM.VN



Lê-thần TRẦN-TRỌNG-KIM
(1882 — 1953)

MỤC - LỤC

Tựa	Trang
Tựa	vii — xii
Nước Việt-Nam	1 — 8

THƯỢNG - CỔ THỜI - ĐẠI

Chương I.	Họ Hồng-Bàng	11 — 16
Chương II.	Nhà Thục	17 — 20
Chương III.	Xã-hội nước Tàu	21 — 26
Chương IV.	Nhà Triệu	29 — 34

BẮC - THUỘC THỜI - ĐẠI

Chương I.	Bắc-thuộc lần thứ nhất	37 — 38
Chương II.	Trung-vương	39 — 40
Chương III.	Bắc-thuộc lần thứ hai	41 — 51
Chương IV.	Nhà Tiền-Lý	53 — 56
Chương V.	Bắc-thuộc lần thứ ba	57 — 68
Chương VI.	Kết-quả của thời-đại Bắc-thuộc	71 — 78

TỰ - CHỦ THỜI - ĐẠI

Chương I.	Nhà Ngô	81 — 83
Chương II.	Nhà Đinh	85 — 88
Chương III.	Nhà Tiền-Lê	89 — 92
Chương IV.	Nhà Lý	93 — 107
Chương V.	Nhà Lý (tiếp theo)	109 — 118
Chương VI.	Nhà Trần (Thời-kỳ thứ nhất)	119 — 132

Chương VII. Giặc nhà Nguyên — I	133 — 150
Chương VIII. Giặc nhà Nguyên — II.	151 — 162
Chương IX. Nhà Trần (Thời-kỳ thứ hai)	163 — 172
Chương X. Nhà Trần (Thời-kỳ thứ ba)	173 — 188
Chương XI. Nhà Hồ	189 — 197
Chương XII. Nhà Hậu-Trần.	199 — 206
Chương XIII. Thuộc nhà Minh	211 — 216
Chương XIV. Mười năm đánh quân Tàu	217 — 245
Chương XV. Nhà Lê	247 — 276
Phụ-lục. Phiên âm bài Bình Ngô đại-cáo	277 — 280
Những sách soạn-giả dùng để kê-cứu	281

BẢN-ĐỒ

1. Nước Tàu về đời nhà Tần	27
2. Nước Tàu về đời Tam-quốc	45
3. Nước Tàu về đời Ngũ Quý	69
4. Nước Nam khi nhà Trần chống với Mông-cổ	135

BIỂU-ĐỒ

1. Ngô-triều thế-phổ.	83
2. Đinh-triều thế-phổ	88
3. Tiền-Lê triều thế-phổ	92
4. Lý-triều thế-phổ	117
5. Hồ-triều thế-phổ	197
6. Trần-triều thế-phổ	207
7. Lê-triều thế-phổ	271

TỰA

Sử là sách không những chỉ để ghi-chép những công-việc đã qua mà thôi, nhưng lại phải suy-xét việc gốc-ngọn, tìm-tòi cái căn-nguyên những công-việc của người ta đã làm để hiểu cho rõ những vận-hội tri-loạn của một nước, những trình-độ tiến-hóa của một dân-tộc. Chủ-đích là để làm cái gương chung-cổ cho người cả nước được đời đời soi vào đấy mà biết cái sự sinh-hoạt của người trước đã phải lao tâm lao lực những thế nào, mới chiếm-giữ được cái địa-vị ở dưới bóng mặt trời này.

Người trong nước có thông-hiểu những sự-tích nước mình mới có lòng yêu nước yêu nhà, mới biết cố-gắng học-hành, hết sức làm-lụng, để vun-đắp thêm vào cái nền xã-hội của tiên-tổ đã xây-dựng nên mà để lại cho mình. Bởi những lẽ ấy cho nên phạm dân-tộc nào đã có đủ cơ-quan và thế-lệ làm cho một nước độc-lập, thì cũng có sử cả. Nước Việt ta khởi đầu có sử từ đời nhà Trần, vào quãng thế-kỷ thứ XIII. Từ đó trở đi nhà nào lên làm vua cũng trọng sự làm sử. Nhưng cái lối làm sử của ta theo lối biên niên của Tàu, nghĩa là năm nào tháng nào có chuyện gì quan-trọng thì nhà làm sử chép vào sách. Mà chép một cách rất vắn-tắt cốt để ghi lấy chuyện ấy mà thôi, chứ không giải-thích cái gốc-ngọn và sự liên-can việc ấy với việc khác là thế nào.

Nhà làm sử lại là người làm quan, vua sai coi việc chép sử, cho nên dầu thế nào sự chép sử cũng không được tự-do, thường có ý thiên-vị về nhà vua, thành ra trong sử chỉ cần chép những

chuyện quan-hệ đến nhà vua, hơn là những chuyện quan-hệ đến sự tiến-hóa của nhân-dân trong nước. Vả, xưa nay ta vẫn chịu quyền chuyên-chế, vẫn cho việc nhà vua là việc nước. Cả nước chỉ cốt ở một họ làm vua, cho nên nhà làm sử cứ theo cái chủ-nghĩa ấy mà chép sử, thành ra sử đời nào cũng chỉ nói chuyện những vua đời ấy mà thôi. Bởi vậy xem sử ta thật là lẽ, mà thường không có ích-lợi cho sự học-vấn là mấy.

Sử của mình đã không hay, mà người mình lại không mấy người biết sử. Là vì cái cách học-tập của mình làm cho người mình không có thể biết được sử nước mình. Bất kỳ lớn nhỏ, hễ ai cấp quyền sách đi học thì chỉ học sử Tàu, chứ không học sử nước nhà. Rồi thơ-phú văn-chương gì cũng lấy điển-tích ở sử Tàu, chứ chuyện nước mình thì nhất-thiết không nói đến. Người mình có ý lấy chuyện nước nhà làm nhỏ-mọn không cần phải biết làm gì. Ấy cũng là vì xưa nay mình không có quốc-văn, chung thân chỉ đi mượn tiếng người, chứ người mà học, việc gì cũng bị người ta cảm-hóa, chứ tự mình thì không có cái gì là cái đặc-sắc, thành ra thật rõ như câu phương-ngôn : «Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng ! »

Cái sự học-vấn của mình như thế, cái cảm-tình của người trong nước như thế, bảo rằng lòng vì dân vì nước mở-mang ra làm sao được ?

Nhưng dầu thế nào mặc lòng, nước ta đã có sử ta thì cũng có thể bởi đó mà biết được những sự đã qua ở nước ta, và có thể bởi đó mà khảo-cứu được nhiều việc quan-hệ đến vận-mệnh nước mình từ xưa đến nay xoay-vần ra làm sao. Hiềm vì sử nước ta thì làm bằng chữ Nho cả, mà chữ Nho thì từ rày trở đi chắc rồi mỗi ngày một kém đi. Hiện nay số người đọc được chữ Nho còn nhiều, mà trong nước còn không có mấy người biết chuyện nước nhà, huống chi mai sau này chữ Nho bỏ không học nữa, thì sự khảo-cứu về những việc quan-hệ đến lịch-sử nước mình sẽ khó biết bao nhiêu !

Nay nhân sự học ở nước ta đã thay-đổi, chữ quốc-ngữ đã phổ-thông cả trong nước, chỉ bằng ta lấy tiếng nước nhà

mà kể chuyện nước nhà, ta soạn ra bộ VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC, xếp-đặt theo thứ-tự, chia ra từng thời-đại, đặt thành chương, thành mục rõ-ràng, để ai ai cũng có thể xem được sử, ai ai cũng có thể hiểu được chuyện, khiến cho sự học sử của người mình được tiện-lợi hơn trước.

Bộ VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC này, soạn - giả chia ra làm 5 thời-đại. Thời-đại thứ nhất là Thượng - cổ thời-đại, kể từ họ Hồng-bàng cho đến hết đời nhà Triệu. Trong thời-đại ấy, từ chương thứ III, bàn về xã-hội nước Tàu trước đời nhà Tần, phần nhiều là những chuyện hoang-đường huyền-hoặc cả. Những nhà chép sử đời trước cũng theo tục truyền mà chép lại, chứ không có di-tích gì mà khảo-cứu cho đích-xác. Tuy vậy, soạn-giả cũng cứ theo sử cũ mà chép lại, rồi cũng phê-bình một đôi câu đề tỏ cho độc-giả biết rằng những chuyện ấy không nên cho là xác-thực.

Thời-đại thứ nhì là Bắc thuộc thời-đại, kể từ khi vua Vũ-đế nhà Hán lấy đất Nam-việt của nhà Triệu, cho đến đời Ngũ-qui, ở bên ta có họ Khúc và họ Ngô xưng lên sự độc-lập. Những công-việc trong thời-đại ấy, thì sử cũ của nước ta chép rất là sơ lược lắm. Vì rằng trong thời-đại Bắc-thuộc, người mình chưa được tiến-hóa, sự học-hành còn kém, sách-vở không có, cho nên về sau những nhà làm sử của ta chép đến thời-đại này cũng không kê-cứu vào đâu được, chỉ theo sử Tàu mà chép lại thôi. Vả, người Tàu lúc ấy vẫn cho mình là một xứ biên-địa dã-man, thường không ai lưu tâm đến, cho nên những chuyện chép ở trong sử, cũng sơ-lược lắm, mà đại-đề cũng chỉ chép những chuyện cai-trị, chuyện giặc-giã, chứ các công việc khác thì không nói đến.

Thời-đại Bắc-thuộc dài-dằng đến hơn một nghìn năm, mà trong thời-đại ấy dân-tình thế-tục ở nước mình thế nào, thì bây giờ ta không rõ lắm, nhưng có một điều ta nên biết là từ đó trở đi, người mình nhiễm cái văn-minh của Tàu một cách rất sâu-xa, dẫu về sau có giải-thoát được cái vòng phụ-thuộc nước Tàu nữa, người mình vẫn phải chịu cái ảnh-

hưởng của Tàu. Cái ảnh-hưởng ấy lâu ngày đã thành ra cái quốc-túy của mình, dầu ngày nay có muốn trừ-bỏ đi, cũng chưa dễ một mai mà tẩy-gội cho sạch được. Nhưng nhà chính-trị toan sự đổi cũ thay mới cũng nên lưu-tâm về việc ấy, thì sự biến-cải mới có công-hiệu vậy.

Thời-đại thứ ba là Thời-đại tự-chủ, kể từ nhà Ngô, nhà Đinh cho đến Sơ-diệp nhà Hậu-Lê. Nước mình từ thời đại ấy về sau là một nước độc-lập, tuy đối với nước Tàu vẫn phải xưng thần và chịu cống, nhưng kỳ thực là không ai xâm-phạm đến cái quyền tự-chủ của mình.

Buổi đầu, nhà Đinh, nhà Lê mới dựng lên, còn phải xây-đắp cái nền tự-chủ cho vững-bền, phải lo sửa-sang việc vô-bị đề-chống với kẻ thù-ngịch, cho nên sự văn-học không được mở-mang lắm. Về sau đến đời nhà Lý, nhà Trần, công-việc ở trong nước đã thành nền-nếp, kẻ cửu-địch ở ngoài cũng không quấy-nhiên nữa, lại có nhiều vua hiền tài giỏi nối nhau mà lo việc nước, cho nên từ đó trở đi việc chính-trị, việc lòng-giao và việc học-vấn mỗi ngày một khai-hóa ra, làm cho nước ta thành một nước có thế-lực, bắc có thể chống được với Tàu, nam có thể mở rộng thêm bờ-cõi. Nhà Lý và nhà Trần lại có công gây nên cái quốc-hồn mạnh-mẽ, khiến cho về sau đến đời Trần mạt, nhân khi họ Hồ quấy-rối, người Tàu đã toan đường kiêm-tính, người mình biết đồng tâm hiệp lực mà khôi-phục lại giang-sơn nhà. Kể đến nhà Lê, trong khoảng một trăm năm về buổi đầu, nước mình cũng có thể gọi là thịnh-trị, nhất là về những năm Quang-thuận (1460-1469) và Hồng-đức (1470-1497), thì sự văn-trị và võ-công đã là rực-rỡ lắm. Nhưng về sau gặp những hôn-quán dung chứa, việc triều-chính đồ-nát, kẻ gian-thần dấy-loạn. Mỗi binh-đao gây nên từ đó, người trong nước đánh giết lẫn nhau, làm thành ra nam bắc chia rẽ, vua chúa tranh quyền. Ấy thật là một cuộc biến lớn ở trong nước vậy.

Thời-đại thứ tư là Nam-bắc phân-tranh, kể từ khi nhà Mạc làm sự thoán-đoạt cho đến nhà Tây-sơn. Trước thì nam

Lê, bắc Mạc, sau thì Nguyễn nam, Trịnh bắc, sự cạnh-tranh càng ngày càng kịch-liệt, lòng ghen-ghét càng ngày càng dữ-dội. Nghĩa vua tôi mỏng-mảnh, đạo cương-thường chênh-mảng: nước đã có vua lại có chúa. Trong Nam ngoài Bắc mỗi nơi một giang-sơn, công việc ở đâu chủ-trương ở đấy. Tuy vậy việc sửa-đổi ở ngoài Bắc cũng có nhiều việc hay, mà việc khai-khẩn ở trong Nam thật là ích-lợi. Nhưng cuộc thành-bại ai đâu dám chắc, cơn gió-bụi khởi đầu từ núi Tây-sơn, làm đổ-nát cả ngôi vua cùng nghiệp chúa. Anh em nhà Tây-sơn vậy-vùng không được 20 năm, thì bản-triều nhà Nguyễn lại trung-hưng lên, mà đem giang-sơn về một mối, lập thành cái cảnh-lượng nước Việt-nam ta ngày nay vậy.

Thời-đại thì năm là Càn-kim thời-đại, kể từ vua Thế-tổ bản-triều cho đến cuộc Bảo-hộ bây giờ. Vua Thế-tổ khởi đầu giao-thiệp với nước Pháp-lan-tây để mượn thế-lực mà đánh Tây-sơn. Nhưng về sau vì những vua con cháu Ngài đổi chính sách khác, nghiêm-cấm đạo Thiên-chúa, và đóng cửa không cho ngoại-quốc vào buôn-bán. Những đình-thần thì nhiều người trí-lực hẹp-hoát, cứ nghiêm-nhiên tự-phụ, không chịu theo thời mà thay-đổi. Đối với những nước ngoại đương, thì thường hay gây nên sự bất hòa, làm cho nước Pháp phải dùng binh-lực để bênh-vực quyền-lợi của mình. Vì những chính-sách ấy cho nên mới thành ra có cuộc Bảo-hộ.

Đại-khai đó là những mục lớn trong những phần mà soạn-giả đã theo từng thời-đại đề đặt ra. Soạn-giả đã cố sức xem-xét và góp-nhất những sự ghi-chép ở các sách chữ Nho và chữ Pháp (1), hoặc những chuyện rai-rác ở các dã-sử, rồi đem trích bỏ những sự huyền-hoặc đi mà soạn ra bộ sách này, cốt để người đồng-bang ta biết được chuyện nước nhà mà không tin nhầm những sự huyền-hoặc. Thời-đại nào nhân-vật ấy và tư-tướng ấy, soạn-giả cứ bình-tĩnh cứ theo cho đúng sự

(1) Những sách mà soạn-giả đã dùng để kê-cứu sẽ kê riêng ra ở trang cuối quyển này, để độc-giả có nghi-hoặc điều gì, thì có thể tìm những sách ấy tra-soát lại.

thực. Thỉnh-thoảng có một đôi nơi soạn-giả có đem ý-kiến riêng của mình mà bàn với độc-giả, thí-dụ như chỗ bàn về danh-hiệu nhà Tây-sơn thì thiết-tưởng rằng sử là của chung cả quốc-dân, chứ không phải riêng cho một nhà một họ nào, cho nên mới phải lấy công-lý mà xét-đoán mọi việc và không vị tình riêng để phạm đến lẽ công-bằng vậy.

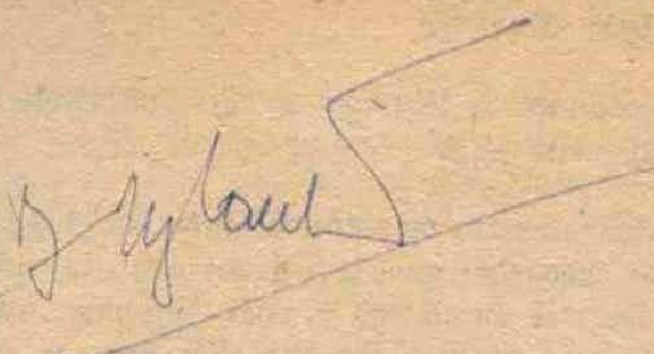
Độc-giả cũng nên biết cho rằng bộ sử này là bộ Sử-lược chỉ cốt ghi-chép những chuyện trọng-yếu để hãy tạm giúp cho những người hiếu học có sẵn quyển sách mà xem cho tiện. Còn như việc làm thành ra bộ sử thật là đích-đáng, kê-cứu và phê-bình rất tường-tận, thì xin đề dành cho những bậc tài-danh sau này sẽ ra công mà giúp cho nước ta về việc học sử. Bấy giờ ta chưa có áo lụa, ta hãy mặc tạm áo vải, tuy nó xấu-xi nhưng nó có thể làm cho ta đỡ rét. Nghĩa là ta hãy làm thế nào cho những thiếu-niên nước ta ngày nay ai cũng có thể biết một đôi chút sự-tích nước nhà, cho khỏi tủi quốc-hồn. Ấy là cái mục-đích của soạn-giả, chỉ có thể thôi. Nếu cái mục-đích ấy mà có thể tới được thì tưởng bộ sách này là bộ sách có ích vậy.

TIMSACH.COM.VN

TRẦN TRỌNG KIM

NƯỚC VIỆT-NAM

TIMSACH.COM.VN



NƯỚC VIỆT NAM

1. Quốc-hiệu
2. Vị-trí và diện-tích
3. Địa-thể
4. Chúng-loại
5. Gốc-tích
6. Người Việt-nam
7. Sự mở-mang bờ-cõi
8. Lịch-sử Việt-nam

1. QUỐC-HIỆU. Nước Việt-nam 越南 ta về đời Hồng bàng (2897-258 tr. Tây-lịch) gọi là Văn-lang 文郎, đời Thục An-dương-vương (257-207 tr. Tây-lịch?) thì gọi là Âu-lạc 瓠落. Đến nhà Tần 秦 (246-206) tr. Tây-lịch?) lược định phía nam thì đặt làm Tượng-quận 象郡, sau nhà Hán (202 tr. Tây-lịch 220 sau Tây-lịch) dứt nhà Triệu, chia đất Tượng-quận ra làm ba quận là Giao-chỉ 交趾, Cửu-châu 九真 và Nhật-nam 日南. Đến cuối đời nhà Đông-Hán, vua Hiến-đế đổi Giao-chỉ 交趾 làm Giao-châu 交州. Nhà Đường (618-907) lại đặt là An-nam Đô-hộ-phủ 安南部護府.

Từ khi nhà Đinh (968-980) dẹp xong loạn Thập-nhi Sĩ-quân, lập nên một nước tự-chủ, đổi quốc-hiệu là Đại-cồ-việt 大瞿越. Vua Lý Thánh-tông đổi là Đại-Việt 大越, đến đời vua Anh-tông, nhà Tống bèn Tàu mới công-nhận là An-nam quốc 安南國.

Đến đời vua Gia-long thống-nhất được cả Nam Bắc (1802), lấy lẽ rằng Nam là An-nam, Việt là Việt-thường

mới đặt quốc-hiệu là *Việt-nam* 越南. Vua Minh - mệnh lại cải làm Đại - nam 大南.

Quốc-hiệu nước ta thay-đổi đã nhiều lần, tuy rằng ngày nay ta vẫn theo thói quen dùng hai chữ *An-nam* 安南, nhưng vì hai chữ ấy có ngụ ý phải thần-phục nước Tàu, vậy thì ta nên nhất định lấy tên *Việt-nam* 越南 mà gọi nước nhà.

2. VỊ-TRÍ VÀ DIỆN-TÍCH. Nước Việt-nam ở về phía đông-nam châu Á-tế - á, hẹp bề ngang, dài bề dọc, hình còng như chữ S. trên phía Bắc và dưới phía Nam phình rộng ra, khúc giữa miền Trung thì eo hẹp lại

Đông và Nam giáp bể Trung-quốc (tức là bể Nam-hải); Tây giáp Ai-lao và Cao-miên; Bắc giáp nước Tàu, liền với tỉnh Quảng-dông. Quảng-tây và Vân-nam.

Diện-tích cả nước rộng chừng độ 312.000 ki-lô-mét vuông chia ra như sau này :

Bắc-Việt	:	105. 000 km ²
Trung-Việt	:	150. 000 km ²
Nam-Việt	:	57. 000 km ²

3. ĐỊA - THỂ. Nước ta hiện chia làm ba cõi: Bắc-Việt, Trung - Việt và Nam-Việt. Đất Bắc-Việt có sông Hồng - hà (tức là sông Nhị - hà) và sông Thái-bình. Mạn trên gọi là *Thượng-du* lắm rừng nhiều núi, ít người ở. Mạn dưới gọi là *Trung-châu*, đất đồng bằng, người ở chen-chúc đông lắm.

Đất Trung - Việt thì chỉ có một dải ở men bờ bể, còn ở trong có núi Tráng - sơn chạy dọc từ Bắc - Việt vào gần đến Nam-Việt, cho nên người chỉ ở được mạn gần bể mà thôi.

Đất Nam-Việt thì ở vào khúc dưới sông Mê-kông (tức là sông Cửu-long), lại có sông Đồng-nai chảy ở mé trên, cho nên đất tốt, ruộng nhiều, dân-gian trù-phủ và dễ làm ăn hơn cả.

4. CHŨNG-LOẠI. Người Việt-nam có nhiều dân-tộc ở, như là ở về miền thượng-du Bắc-Việt thì có dân Thái, (tức là Thổ), Mường, Mán, Mèo; ở về miền rừng núi Trung-Việt thì có dân Mọi, và Chăm, (tức là Hời), ở về miền Nam Việt thì có dân Mọi, Chăm, Chà-và và Khách, vân vân. Những dân ấy ở trong ba nơi tất cả đến non một triệu người. Còn thì dân-tộc Việt-nam ở hết cả.

Số người Việt-nam ở trong ba nơi có thể chia ra như sau này:

Bắc-Việt : 8.700.000 người

Trung-Việt : 5.650.000 người

Nam-Việt : 4.616.000 người

Cả thảy cộng lại được độ chừng non 19 triệu người (1).

5. GỐC-TÍCH. Theo ý-kiến những nhà kê-cứu của nước Pháp, thì người Việt-nam và người Thái đều ở miền núi Tây-tạng xuống. Người Việt-nam theo sông Hồng-hà lần xuống phía đông-nam, lập ra nước Việt-nam ta bây giờ; còn người Thái thì theo sông Mê-kông xuống, lập ra nước Tiêm-la (tức là Thái-lan) và các nước Lào.

Lại có nhiều người Tàu và người Việt-nam nói rằng nguyên khi xưa đất nước Tàu có giống Tam-miêu 三苗 ở, sau giống Hán-tộc (tức là người Tàu bây giờ) ở phía tây-bắc đến đánh đuổi người Tam-miêu đi, chiếm giữ lấy vùng sông Hoàng-hà lập ra nước Tàu, rồi dần dần xuống phía nam, người Tam-miêu phải lần núp vào rừng hay là xuống ở miền Việt-nam ta bây giờ.

Những ý-kiến ấy là theo lý mà suy ra đó thôi, chứ cũng chưa có cái gì làm chứng cho đích-xác. Chỉ biết rằng người Việt-nam ta trước có hai ngón chân cái giao lại với nhau, cho nên Tàu mới gọi ta là Giao-chỉ; mà xem các loài khác, không có loài nào như vậy, thì tất ta là một loài riêng, chứ không phải là loài Tam-miêu.

(1) Số này là theo sách Địa-lý của ông H. Russier (1939) chép lại chứ không chắc đã đúng số nhất-định của người mình.

Dẫu người mình thuộc về chủng-loại nào mặc lòng, về sau người Tàu sang cai-trị hàng hơn một nghìn năm, lại có khi đem sang nước ta hơn bốn mươi vạn binh, chắc là nói giống cũ của mình cũng đã lai đi nhiều rồi, mới thành ra người Việt-nam ngày nay.

6. NGƯỜI VIỆT-NAM. Người Việt-nam thuộc về loài da vàng, nhưng mà người nào phải đi làm-lụng dầm mưa dãi nắng lắm, thì nước da ngăm-ngăm đen, người nào nhàn-hạ phong-lưu, ở trong nhà luôn, thì nước da trắng-trắng như màu ngà cũ.

Trạc người thì thấp nhỏ hơn người Tàu, mà lăn-lăn con người, chứ không to-béo. Mặt thì xương xương, trông hơi bèn-bẹt, trán thì cao và rộng, mắt thì đen và hơi xếch về đằng dưới, hai gò má thì cao, mũi hơi tẹt, môi hơi dày, răng thì to mà lại nhuộm đen. Râu thì thưa mà ít, tóc thì nhiều và dài, đen và hơi cứng, Dáng-diệu đi-dứng thì nhẹ-nhàng và xem ra bộ vững-vàng chắc-chắn.

Áo-quần thì dài rộng, dân-ông thì búi tóc và quần khăn vành rây, áo mặc dài quá đầu gối, tay áo thì chặt, ống quần thì rộng. Dân-bà ở Bắc-Việt và phía bắc Trung-Việt thì đội khăn, mà ở chỗ thành-thị thì mặc quần, còn ở nhà quê thì hay mặc váy. Ở phía nam Trung-Việt và Nam-Việt thì dân-bà mặc quần cả, và búi tóc, chứ không đội khăn bao giờ.

Về đàng trí-tuệ và tinh-tinh, thì người Việt-nam có cả các tinh tốt và các tinh xấu. Đại-khải thì trí-tuệ minh-mẫn, học chóng hiểu, khéo chân tay, nhiều người sáng dạ, nhớ lâu, lại có tinh hiếu học, trọng sự học thức, quý sự lễ phép, mến điều đạo đức: lấy sự *nhân, nghĩa, lễ, trí, tin*, làm 5 đạo thường cho sự ăn ở. Tuy vậy vẫn hay có tinh tình vật, cũng có khi qui-quyet, và hay bài-bác nhạo-chế. Thường thì nhứt-nhất, hay khiếp-sợ và muốn sự hòa-bình, nhưng mà đã đi trăn-mạc thì cũng có can-dảm, biết giữ kỷ-luật.

Tâm-dịa thì nông-nổi, hay làm liều, không kiên-nhẫn, hay khoe-khoang và ưa trương-hoàng bề ngoài, hiếu danh-vọng, thích chơi bời, mê cờ-bạc. Hay tin ma tin quỷ, sùng sự

lễ-bái, nhưng mà vẫn không nhiệt-tin tông-giáo nào cả. Kiêu-ngạo và hay nói khoác, nhưng có lòng nhân, biết thương người và hay nhớ ơn.

Đàn-bà thu hay lam-lụng và dâm-dang, khéo chân, khéo tay, làm được đủ mọi việc mà lại biết lấy việc gia-đạo làm trọng, hết lòng chiều chồng, nuôi con, thương giữ được các cái đức-tính rất quý là *tiết, nghĩa, cần, kiệm*.

Người Việt-nam từ Bắc chí Nam, đều theo một phong-tục, nói một thứ tiếng (2) cùng giữ một kỷ-niệm, thật là cái tính đồng-nhất của một dân-tộc từ đầu nước đến cuối nước.

7. SỰ MỞ-MANG BỜ-CỎI. Người nói-giống Việt-nam ta mỗi ngày một nẩy-nở ra nhiều, mà ở phía bắc thì đã có nước Tàu cường-thịnh, phía tây thì lắm núi nhiều rừng, đường đi lại không tiện, cho nên mới theo bờ bể lần xuống phía nam, đánh Lâm-ấp, dứt Chiêm-thành, chiếm đất Chân-lạp, mở ra bờ-cỏi bây giờ.

8. LỊCH-SỬ VIỆT-NAM. Từ khi người Việt-nam lập thành nước đến giờ, kể hàng mấy nghìn năm, phải người Tàu cai-trị mấy lần, chịu khổ-sở biết bao nhiêu phen, thế mà sau lại lập được cái nền tự-chủ, và vẫn giữ được cái tính đặc-biệt của giống mình, ấy là đủ tỏ ra rằng khi-lực của người mình không đến nỗi kém-hèn cho lắm. Tuy rằng mình chưa làm được việc gì cho vẻ-vang bằng người, nhưng mình còn có thể hy-vọng một ngày kia cũng nên được một nước cường-thịnh.

Vậy ghi-chép những cơ-hội gian-truân, những sự biến-cổ của nước mình đã trải qua, và kể những công-việc của người mình làm từ đời nọ qua đời kia, để cho mọi người trong nước đều biết, ấy là sách Việt-nam sử.

(2) Tuy rằng mỗi nơi có một ít tiếng thổ-âm riêng và cái giọng nói nặng nhẹ khác nhau, nhưng đại-đề thì vẫn là một thứ tiếng mà thôi.

Nay ta nên theo từng thời-dại mà chia sách Việt-nam sử ra 5 phần để cho tiện sự kê-cứu :

Phần I : Thượng-cổ thời-dại.

Phần II : Bắc-thuộc thời-dại.

Phần III : Tự-chủ thời-dại.

Phần IV : Nam-bắc phân-tranh thời-dại.

Phần V : Cận-kim thời-dại.

TIMSACH.COM.VN

PHẦN I

THƯỢNG-CỔ THỜI-ĐẠI

上 古 時 代

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG I

HỌ HỒNG - BÀNG

鴻 龐 氏

(2879-258 tr. Tây-lịch)

1. Họ Hồng-bàng

2. Nước Văn-lang

3. Truyền cổ-tích về đời Hồng-bàng:

Phù-dông Thiên-vương; Sơn-tinh Thủy-tinh

1. HO HỒNG-BÀNG. Cứ theo tục truyền thì vua Đế-minh là cháu ba đời của vua Thần-nông, đi tuần-thú phương nam đến núi Ngũ-lĩnh (thuộc tỉnh Hồ-nam bây giờ) gặp một nàng tiên, lấy nhau, đẻ ra người con tên là Lộc Tục 務 績. Sau Đế-minh truyền ngôi lại cho con trưởng là Đế-Nghi làm vua phương bắc, và phong cho Lộc Tục làm vua phương nam, xưng là Kinh - dương - vương 涇 陽 王, quốc-hiệu là Xích-quỷ 赤 兔.

Bờ-cõi nước Xích-quỷ bấy giờ phía bắc giáp Động-dinh-hồ (Hồ-nam), phía nam giáp nước Hồ-tôn (Chiêm-thành), phía tây giáp Ba-thục (Tứ-xuyên), phía đông giáp bể Nam-hải.

Kinh-dương-vương làm vua nước Xích-quỷ vào quãng năm nhâm-tuất (2879 trước Tây-lịch ?) và lấy con gái Động-dinh-quân là Long-nữ đẻ ra Sùng Lãm 崇 纁, nối ngôi làm vua, xưng là Lạc-long-quân 貉 龍 君.

Lạc-long-quân lấy con gái vua Đế-lai tên là Âu Cơ, đẻ một lần được một trăm người con trai (1). Lạc-long-quân bảo Âu Cơ rằng: « Ta là dòng-dõi Long-quân, nhà người là dòng-dõi thần-tiên, ăn ở lâu với nhau không được; nay được trăm đứa con thì nhà người đem 50 đứa lên núi, còn 50 đứa ta đem xuống bể Nam-hải ».

Gốc-tích truyện này có lẽ là từ Lạc-long-quân về sau, nước Xích-quỷ chia ra những nước gọi là Bách-Việt. Bởi vậy ngày nay đất Hồ-quảng (tỉnh Hồ-nam, tỉnh Quảng-đông và tỉnh Quảng-tây) còn xưng là đất Bách-Việt 百越. Đây cũng là một điều nói phỏng, chứ không có lấy gì làm đích-xác được.

2. NƯỚC VĂN-LANG. Lạc-long-quân phong cho người con trưởng sang làm vua nước Văn-lang 文郎, xưng là Hùng-vương 雄王.

Cứ theo sử cũ thì nước Văn-lang chia ra làm 15 bộ :

1. Văn-lang 文郎 (Bách-hạc, tỉnh Vĩnh-yên)
2. Châu-diên 朱鳶 (Sơn-tây)
3. Phúc-lộc 福祿 (Sơn-tây)
4. Tân-hưng 新興 (Hưng-hóa — Tuyên-quang)
5. Vũ-dịnh 武定 (Thái-nguyên — Cao-bằng)
6. Vũ-ninh 武寧 (Bắc-ninh)
7. Lục-hải 陸海 (Lạng-sơn)
8. Ninh-hải 寧海 (Quảng-yên)
9. Dương-tuyền 陽泉 (Hải-dương)
10. Giao-chỉ 交趾 (Hà-nội, Hưng-yên, Nam-dịnh, Ninh-bình)
11. Cửu-chân 九真 (Thanh-hóa)
12. Hoài-hoan 懷驩 (Nghệ-an)
13. Cửu-đức 九德 (Hà-tĩnh)

(1) Có sách chép là Âu Cơ đẻ ra một trăm cái trứng nở ra một trăm con.

14. Việt-thường 越裳 (Quảng-bình, Quảng-trị)

15. Bình-văn 平文 (?)

Hùng-vương đóng đô ở Phong-châu 峯州 (bây giờ ở vào địa-hạt huyện Bạch-hạc, tỉnh Vĩnh-yên), đặt tướng văn gọi là Lạc-hầu 洛侯, tướng võ gọi là Lạc-tướng 洛將, con trai vua gọi là Quan-lang 官郎, con gái vua gọi là Mị-nương 媚娘, các quan nhỏ gọi là Bồ-chính 蒲正 (2). Quyền chính-trị thì cứ cha truyền con nối, gọi là phụ-đạo 父道.

Về đời bấy giờ, sử Tàu có chép rằng năm tân-mão (1109 tr. Tây-lịch), đời vua Thành-vương nhà Chu 周成王 có nước Việt-thường 越裳 ở phía nam xứ Giao-chỉ sai sứ đem chim bạch-trĩ sang cống, nhà Chu phải tìm người làm thông-ngôn mới hiểu được tiếng, và ông Chu-công Đán 周公旦 lại chế ra xe chỉ-nam để đem sứ Việt-thường về nước. Vậy đất Việt-thường và đất Giao-chỉ có phải là đất của Hùng-vương lúc bấy giờ không?

Họ Hồng-bàng làm vua được 18 đời, đến năm quý-mão (158 trước Tây-lịch) thì bị nhà Thục lấy mất nước.

Xét từ đời Kinh-dương-vương đến đời Hùng-vương thứ 18, cả thảy 20 ông vua, mà tính từ năm nhâm-tuất (2879) đến năm quý-mão (258 trước Tây-lịch) thì vừa được 2622 năm. Cứ tính hơn bù kém, mỗi ông vua trị-vì được non 150 năm! Dầu là người đời thượng-cổ nữa, thì cũng khó lòng mà có nhiều người sống lâu được như vậy. — Xem thế thì đủ biết truyện đời Hồng-bàng không chắc là truyện xác thực.

3. TRUYỆN CỔ-TÍCH VỀ ĐỜI HỒNG-BÀNG. Sử chép rằng đời Hùng-vương thứ nhất, người nước Văn-lang làm nghề chài lưới, cứ hay bị giống thuồng-luồng làm hại, vua mới bắt dân lấy chàm vẽ mình để những giống ấy tưởng là

(2) Bây giờ còn có nơi gọi chánh-tổng là Bồ-đinh, chắc là bởi Bồ-chính mà ra.

đồng loại không làm hại nữa (3). Sử lại chép rằng thuyền của ta ở dâng mũi thường hay làm hại con mắt, cũng có ý đề cho các thứ thủy-quái ở sông ở bể không quấy-nhiều đến.

Trong đời Hùng-vương lại có hai truyện mà ngày nay người ta thường hay nói đến, là truyện Phù-dồng Thiên-vương và truyện Sơn-tinh, Thủy-tinh.

Phù-dồng Thiên-vương. Đời Hùng-vương thứ 6 có đám giặc gọi là giặc Ân, hung-mạnh lắm, không ai đánh nổi. Vua mới sai sứ đi rao trong nước để tìm người tài giỏi ra đánh giặc giúp nước. Bấy giờ ở làng Phù-dồng, bộ Võ-ninh (nay là huyện Võ-giang, tỉnh Bắc-ninh), có đứa trẻ xin đi đánh giặc giúp vua. Sứ giả về tâu vua, vua lấy làm lạ, cho đòi vào chầu. Đứa trẻ ấy xin đúc cho một con ngựa và cái roi bằng sắt. Khi ngựa và roi đúc xong thì đứa trẻ ấy vươn vai một cái, tự-nhiên người cao-lớn lên một trượng, rồi nhảy lên ngựa cầm roi đi đánh giặc.

Phá được giặc Ân rồi, người ấy đi đến núi Sóc-sơn 朔山 thì biến đi mất. Vua nhớ ơn, truyền lập đền thờ ở làng Phù-dồng, về sau phong là Phù-dồng Thiên-vương 扶董天王 (4).

(3) Sử chép rằng người Việt-nam ta có thói vẽ mình mặt đến đời vua Anh-tông nhà Trần mới bỏ.

(4) Có người chép truyện này nói rằng: Giặc Ân là quân của nhà Ân bên Tàu sang đánh nước ta. Nói như thế thật là một điều lầm. Về đời nhà Ân nước Tàu chỉ ở vào mạn sông Hoàng-hà là đất tỉnh Hà-nam, Trục-lệ, Sơn-tây và Thiểm-tây bây giờ mà thôi. Còn những đất ở bên này sông Trường-giang là man-di hết cả. Từ Trường-giang sang đến Bắc-Việt ta xa cách bao nhiêu đường đất. Dầu lúc ấy ở bên ta có họ Hồng-bàng làm vua nữa, thì chắc cũng chưa có kỹ-cương gì, có lẽ cũng giống như một người làm quan-lang trên Mường mà thôi, như thế thì đã có giao-thiệp gì với nhà Ân mà đánh nhau. Vả lại, sử Tàu cũng không có chỗ nào chép đến truyện ấy. Vậy thì lấy lẽ gì mà nói rằng giặc Ân là người nhà Ân bên Tàu?

Truyện này là truyện tục truyền như vậy, chứ không có lẽ tin làm sự thực được. Họa chẳng đời bấy giờ có người tướng giỏi, đánh được giặc, về sau người ta nhớ ơn làm đền thờ thì hợp lẽ hơn. Hiện bây giờ có đền thờ ở làng Giồng tức là làng Phú-đồng. Năm nào đến mồng 8 tháng tư cũng có hội vui lắm, tục gọi là đức Thánh Giồng.

Truyện Sơn-tinh, Thủy-tinh. Tục truyền rằng vua Hùng-vương thứ 18 có người con gái là tên My-nương, nhan-sắc tuyệt trần. Sơn-tinh và Thủy-tinh đều muốn hỏi làm vợ. Hùng-vương hẹn rằng ngày hôm sau ai đem đồ lễ đến trước thì gả cho người ấy. Ngày hôm sau Sơn-tinh đến trước lấy được My-nương đem về núi Tản-viên (tức là núi Ba-vì ở tỉnh Sơn-tây).

Thủy-tinh đến sau, thấy Sơn-tinh lấy mất My-nương, tức giận vô cùng, mới làm ra mưa to gió lớn, rồi dâng nước lên đánh Sơn-tinh. Sơn-tinh ở trên núi không việc gì: hễ nước lên cao bao nhiêu, thì Sơn-tinh làm núi cao lên bấy nhiêu. Sơn-tinh lại dùng sấm - sét đánh xuống. Thủy-tinh phải rút nước chạy về. Từ đó Sơn-tinh và Thủy-tinh thù nhau, mỗi năm đánh nhau một lần, dân-gian thật là cực-khổ.

Truyện này là nhân vì ở Bắc-Việt năm nào đến tháng 6 tháng 7 cũng có nước lũ ở trên mạn ngược chảy xuống tràn vào trong đồng-áng, ngập mất cả ruộng đất. Người ta không hiểu là tại lẽ gì, mới tưởng tượng mà đặt ra câu chuyện Sơn-tinh Thủy-Tinh đánh nhau vậy.

Tóm lại mà xét, nước ta khởi đầu có quốc-sử từ cuối thập-tam thế-kỷ: đến đời vua Thánh-tông nhà Trần, mới có quan Hàn-lâm học-sĩ là Lê văn Hưu 黎文休 soạn xong bộ *Đại-Việt sử-ký* 大越史記, chép từ Triệu Võ-vương 趙武王 đến Lý Chiêu-hoàng 李昭皇. Hai trăm rưỡi năm về sau lại có ông Ngô Sĩ-Liên 吳士連, làm quan Lễ-bộ tả-thị-lang đời vua Thánh-tông nhà Lê, soạn lại bộ *Đại-Việt sử-ký*: chép từ họ Hồng-bàng đến vua Lê Thái-tổ. Nghĩa là từ ông Ngô-Sĩ-Liên, ở về thập-ngũ thế-kỷ trở đi, thì sử ta mới chép truyện

về đời Thượng-cổ. Xem thế thì đủ biết những truyện về đời ấy khó lòng mà đích-xác được. Chẳng qua nhà làm sử cũng nhất-nhanh những truyện hoang-đường tục-truyền lại, cho nên những truyện ấy toàn là truyện có thần-tiên quỷ-quái, trái với lẽ tự-nhiên cả.

Nhưng ta phải hiểu rằng nước nào cũng vậy, lúc ban đầu mờ-mịt, ai cũng muốn tìm cái gốc - tích mình ở chỗ thần-tiên để cho vẻ-vang cái chủng-loại của mình. Chắc cũng bởi lẽ ấy mà sử ta chép rằng họ Hồng-bàng là con tiên châu rồng v. v...

Nay ta theo sử cũ mà chép mọi truyện, người xem sử nên phân-biệt truyện nào là truyện thực, truyện nào là truyện đặt ra, thì sự học mới có lợi vậy.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG II

NHÀ THỤC

蜀 氏

(257-207 tr. Tây-lịch)

1. Gốc-tích nhà Thục
2. Nước Âu-lạc
3. Nhà Tần đánh Bắc-Việt
4. Nhà Thục mất nước

1. GỐC - TÍCH NHÀ THỤC. Nhà Thục chép trong sử nước ta không phải là nước Thục bên Tàu, vì rằng cứ theo sử nước Tàu thì đời bấy giờ đất Ba-thục 巴 蜀 (Tứ-xuyên) đã thuộc về nhà Tần 秦 cai-trị rồi, thì còn có vua nào nữa. Và, sử lại chép rằng khi Thục-vương Phan 蜀王 泮 lấy được nước Văn-lang thì đổi quốc-hiệu là Âu-lạc 夙 貉, tức là nước Âu-lạc gồm cả nước Thục và nước Văn-lang. Song xét trong lịch-sử không thấy đâu nói đất Ba-thục thuộc về Âu-lạc. Huống chi lấy địa-lý mà xét thì từ đất Ba - thực (Tứ-xuyên) sang đến Văn-lang (Bắc-Việt) cách bao nhiêu đường đất và có bao nhiêu núi sông ngăn - trở, làm thế nào mà quân nhà Thục sang lấy nước Văn-lang dễ-dàng như vậy? Sử cũ lại có chỗ chép rằng An-dương-vương họ là Thục 蜀 tên là Phan 泮. Như vậy chắc hẳn Thục tức là một họ nào độc-lập ở gần nước Văn-lang, chứ không phải là Thục bên Tàu. Sách «Khâm-định Việt-sử» cũng bàn như thế.

2. NƯỚC ÂU - LẠC. Sử chép rằng Thục - vương 蜀王 hỏi con gái của Hùng-vương 雄王 thứ 18, là Mị - nương 嫫 娘 không được, trong bụng lấy làm tức giận, đẻ con cháu ngày

sau đánh báo-thù lấy nước Văn-lang. Hùng-vương bấy giờ cậy mình có binh cường tướng dũng, bỏ trễ việc nước, chỉ lấy rượu chè làm vui thú. Người cháu Thục-vương tên là Phán 泮 biết tình - thế ấy, mới đem quân sang đánh lấy nước Văn-lang. Hùng-vương thua chạy, nhảy xuống giếng mà tự-tử.

Năm giáp-thìn (275 tr. Tây-lịch), Thục-vương dẹp yên mọi nơi rồi, xưng là An-dương-vương 安陽王, cải quốc-hiệu là Âu-lạc 吳淩, đóng đô ở Phong-khê 封溪 (nay thuộc huyện Đông-anh, tỉnh Phúc-an). Hai năm sau là năm bình-ngọ (255 tr. Tây-lịch) An-dương-vương xây Loa-thành 螺城. Thành ấy cao và từ ngoài vào thì xoáy tròn-ốc, cho nên mới gọi là Loa-thành. Hiện nay còn dấu-tích ở làng Cổ-loa, huyện Đông-anh, tỉnh Phúc-an.

3. NHÀ TẦN ĐÁNH BÁCH-VIỆT. Khi An-dương-vương làm vua nước Âu-lạc ở bên này, thì ở bên Tàu vua Thi-hoàng nhà Tần 秦始皇 đã nhất-thống thiên-hạ. Đến năm đinh-hợi (214 tr. Tây-lịch) Thi-hoàng sai tướng là Đồ Thụ 屠睢 đem quân đi đánh lấy đất Bách-Việt 百越 (vào quãng tỉnh Hồ-nam, Quảng-dông và Quảng-tây bây giờ). An-dương-vương cũng xin thần-phục nhà Tần. Nhà Tần mới chia đất Bách-Việt và đất Âu-lạc ra làm ba quận, gọi là: Nam-hải 南海 (Quảng-dông), Quế-lâm 桂林 (Quảng-tây) và Tượng-quận 象郡 (Bắc-Việt).

Người bản-xứ ở đất Bách-Việt không chịu dễ người Tàu cai-trị, trốn vào rừng ở. Được ít lâu quân của Đồ Thụ, vốn là người ở phương bắc, không chịu được thủy-thổ, phải bệnh rất nhiều. Bấy giờ người Bách-Việt thừa thế nổi lên giết được Đồ Thụ.

4. NHÀ THỤC MẤT NƯỚC. Chẳng được bao lâu thì nhà Tần suy, nước Tàu có nhiều giặc-giã, ở quận Nam-hải có quan úy là Nhâm Ngao 任敖 thấy có cơ-hội, muốn mưu đánh lấy Âu-lạc để lập một nước tự-chủ ở phương nam. Nhưng công-việc chưa thành, thì Nhâm Ngao mất. Khi sắp mất,

Nhâm Ngao giao binh-quyền lại cho Triệu Đà 趙佗 để thay mình làm quan úy 尉 quận Nam-hải.

Năm qui-tị (208 tr. Tây-lịch) là năm thứ 50 đời vua An dương-vương. Triệu Đà đem quân sang đánh lấy nước Âu-lạc, lập ra nước Nam-việt 南越 (1).

Tục truyền rằng khi An dương-vương xây Loa-thành, có những yêu-quái quấy-nhiều, xây mãi không được. An-dương-vương mới lập đàn lên cầu-khẩn, có thần Kim-quì hiện lên bày phép cho vua trừ những yêu-quái đi, bấy giờ mới xây được thành. Thần Kim-quy lại cho An-dương-vương một cái móng chân, để làm cái lẫy-nỏ. Lúc nào có giặc thì đem cái nỏ ấy ra bắn một phát, giặc chết hàng vạn người.

Cũng nhờ có cái nỏ ấy cho nên Triệu Đà đánh không được An-dương-vương. Triệu Đà dùng kế, cho con là Trọng Thi 仲始 sang lấy Mị Châu 姮珠 là con gái An-dương-vương, giả kết nghĩa hòa thân để do thám tình thực.

Trọng Thi lấy được Mị Châu rồi, hỏi dò vợ rằng: «Bên Âu-lạc có tài gì mà không ai đánh được?» Mị Châu nói chuyện cái nỏ, và lấy cho chồng xem. Trọng Thi bèn lấy cái móng của Kim-quì đi, làm cái lẫy giả thay vào, rồi định về báo tin cho cha biết. Khi sắp ra về, Trọng Thi hỏi Mị Châu rằng: «Tôi về, mà nhớ có giặc-giã đánh-duổi, thì rồi tôi biết đâu mà tìm?»— Mị Châu nói rằng: «Thiếp có áo lông ngỗng, hễ khi thiếp có chạy về đâu, thiếp sẽ lấy lông ấy mà rắc ra ở dọc đường thì rồi sẽ biết».

Trọng Thi về kể lại với Triệu Đà tình đầu mọi sự, Triệu Đà bèn khởi binh sang đánh Âu-lạc. An-dương-vương cậy có cái nỏ, không phòng-bị gì cả, đến khi quân giặc đến gần chân thành mới đem nỏ ra bắn, thì không thấy hiệu-nghiệm nữa. An-dương-vương mới đem Mị Châu lên ngựa mà chạy về phía

(1) Xin đừng lầm nước Nam-việt ngày xưa với Nam-Việt của nước Việt-nam hiện nay.

nam. Chạy đến núi Mộ-dạ 墓夜山 (thuộc huyện Đông-thành, tỉnh Nghệ-an) gần bờ bể, vua thấy giặc đuổi kịp quá, mới khẩn Kim-qui lên cứu. Kim-quy lên nói rằng: «Giặc ngồi sau lưng nhà vua đấy!» An-đương-vương tức giận quá, rút gươm ra chém Mị Châu đi, rồi nhảy xuống bể mà tự tận (2).

Trọng Thi theo dấu lông ngỗng của vợ rắc, đem binh đuổi đến núi Mộ-dạ, thấy xác vợ chết nằm đó, thương-xót vô cùng, vôi-vàng đem về cấp-táng, xong rồi, nhảy xuống cái giếng ở trong Loa-thành mà tự-tử.

Nay ở làng Cồ-loa trước đền thờ An-đương-vương có cái giếng tục truyền là Trọng Thi chết ở giếng ấy. Tục lại truyền rằng Mị-Châu bị giết rồi, vì nổi tình thực mà phải thác oan, cho nên máu nàng ấy chảy xuống bể, những con trai ăn phải hóa ra có ngọc trân-châu. Hễ ai lấy được ngọc ấy đem về rửa vào nước cái giếng ở trong Loa-thành là chỗ Trọng Thi đã tự-tử, thì ngọc ấy trong và đẹp thêm ra.

TIMSACH.COM.VN

(2) Nay ở trên núi Mộ-dạ, gần xã Cao-ái, huyện Đông-thành, tỉnh Nghệ-an, có đền thờ An-đương-vương. Ở đây có nhiều cây-cối và có nhiều chim công, cho nên tục gọi là đền Công hay Công.

CHƯƠNG III

XÃ-HỘI NƯỚC TÀU

VỀ ĐỜI TAM ĐẠI VÀ ĐỜI NHÀ TẦN

1. Phong-kiến
2. Quan-chế
3. Pháp-chế
4. Binh-chế
5. Điền-chế
6. Học-hiệu
7. Học-thuật
8. Phong-tục

Khi Triệu Đà sang đánh An-dương-vương thì ở bên Tàu nhà Tần đã suy, nhà Hán sắp lên làm vua, nước Tàu đang vào lúc đại loạn, phong-tục, chính-trị đều đổi khác cả. Vả lại Triệu-Đà là người Tàu, làm quan nhà Tần, cho nên đến khi lấy được Âu-lạc, gồm cả các quận ở phương nam, lập làm một nước tự-chủ, bèn đem chính-trị, pháp-luật nước Tàu sang cai-trị đất Nam-việt (1). Vậy trước khi nói đến chuyện nhà Triệu, ta nên xét-xem xã-hội nước Tàu lúc bấy giờ là thế nào.

1. PHONG-KIẾN. Nguyên về đời thái-cổ, nước Tàu chia ra từng địa-phương một. Mỗi một địa-phương thì có một người làm thủ-lĩnh, lập thành một nước, gọi là nước chư-hầu 諸侯, phải triều cống nhà vua.

Số những nước chư hầu ấy thì mỗi đời một khác. Xem

(1) Xin đừng lầm nước Nam-việt ngày xưa với Nam-Việt của nước Việt-nam hiện nay.

như khi vua Đại-vũ 大禹 nhà Hạ 夏, hội các nước chư-hầu ở núi Đê-sơn, kẻ có hàng vạn nước. Đến khi vua Vũ-vương nhà Chu 周 đi đánh Trụ-vương nhà Ân 殷紂王, thì các nước chư-hầu hội lại cả thấy được 800 nước.

Đánh xong nhà Ân, vua Vũ-vương 武王 phong cho hơn 70 người làm vua chư-hầu, chia ra làm 5 bậc là: công, hầu, bá, tử, nam. Nước phong cho người tước công, tước hầu thì rộng 100 dặm gọi là đại-quốc; nước phong cho người tước bá thì rộng 70 dặm, gọi là trung quốc; nước phong cho người tước tử, tước nam thì rộng 50 dặm, gọi là tiểu quốc. Những nước không đủ 50 dặm, thì gọi là nước phụ-dung 附庸.

2. QUAN-CHẾ. Nhà Hạ đặt tam-công 三公, cửu-khanh 九卿, 27 đại-phu 大夫, 81 nguyên-sĩ 元士.

Nhà Ân đặt hai quan tướng 二相, sáu quan thái 六太 là: thái-tể, thái-tông, thái-sử, thái-chức, thái-sĩ, thái-bốc; năm quan 五官 là: tư-đồ, tư-mã, tư-không, tư-sĩ, tư-khấu; sáu phủ 六府 là: tư-thê, tư-mộc, tư-thủy, tư-thảo, tư-khí, tư-hỏa; sáu công 六工 là: thổ-công, kim-công, thạch-công, thủy-công, thủ-công và thảo-công.

Đến nhà Chu, ông Chu-công đặt ra sáu quan 六官 gọi là: thiên-quan 天官, địa-quan 地官, xuân-quan 春官, hạ-quan 夏官, thu-quan 秋官, đông-quan 冬官. Mỗi một quan lại có 60 thuộc-quan, cộng cả lại là 360 người.

Người làm đầu thiên-quan 天官, gọi là trùg-tể 冢宰, thống cả việc chính-trị trong nước, việc thu-nạp cả năm và mọi việc ở trong cung. Người làm đầu địa-quan 地官 gọi là đại-tư-đồ 大司徒 giữ việc nông, việc thương, việc giáo-dục và việc canh-sát. Người làm đầu xuân-quan 春官 gọi là đại-tông-bá 大宗伯, giữ việc tế, tự, triều, sinh, hội-đồng v.v... Người làm đầu hạ-quan 夏官 gọi là đại-tư-mã 大司馬, giữ việc binh-mã và việc đi đánh-đẹp. Người làm đầu thu-quan 秋官, gọi là đại-tư-khấu 大司寇, giữ việc dân, việc hình và việc kiện-tụng. Người làm đầu đông-quan 冬官 gọi là đại-tư-không 大司空 giữ việc khuyến-công, khuyến nông và việc thổ-mộc v.v...

Trên lục-quan lại đặt tam-công 三公, là: thái-sư 太師, thái-phó 太傅, thái-bảo 太保, tam-cô 三公 là: thiếu-sư 少師, thiếu-phó 少傅, thiếu-bảo 少保, để bàn xét việc trị nước yên dân, chứ không dự vào việc hành-chính.

3. PHÁP-CHẾ. Về đời thái-tổ thì có năm hình, ngoài năm hình lại có phép đánh bằng roi da và tội lưu. Đến đời nhà Hạ, nhà Ân và nhà Chu thì lại đặt phép chặt chân, gọt đầu và tội đồ. Đến cuối đời nhà Chu thì đặt ra tội bêu đầu, xé thây, lăng-trì, mổ, muối v.v...

4. BÌNH-CHẾ. Bình-chế nhà Hạ và nhà Ân thì không rõ, đến đời nhà Chu thì đặt 5 người làm một ngũ 伍; 5 ngũ tức là 25 người làm một lượng 兩; 4 lượng tức là 100 người làm một tốt 卒; 5 tốt tức là 500 người làm một lữ 旅; 5 lữ tức là 2.500 người làm một sư 師; 5 sư tức là 12.500 người làm một quân 軍.

Quân thì đặt quan mệnh-dan làm tướng, sư thì đặt quan trung-dại-phu làm sủy, lữ thì đặt quan hạ-dại-phu làm sủy, tốt thì đặt quan thượng-sĩ làm trưởng, lượng thì đặt quan trung-sĩ làm tư-mã.

Thiên-tử có 6 quân; còn những nước chư-hầu, nước nào lớn thì có 3 quân, nước vừa có 2 quân, nước nhỏ 1 quân.

Trong nước chia ra làm tỉnh 井, mỗi tỉnh 8 nhà, 4 tỉnh làm một ấp 邑, 32 nhà; 4 ấp làm một khâu 甸, 128 nhà; 4 khâu làm một diện 甸, 512 nhà. Cứ mỗi diện phải chịu một cỗ binh-xa, bốn con ngựa, 12 con bò, 3 người giáp-sĩ, 72 người bộ tốt, 25 người để khiêng-tải những đồ nặng. Cả thảy là 100 người.

5. ĐIỀN-CHẾ. Về đời thái-cổ thì không biết cách chia ruộng đất ra làm sao. Từ đời nhà Hạ trở đi thì chia 50 mẫu làm một gian 井, 10 gian là một tổ 井. Cứ 10 nhà cấy một lô ruộng, hoa-lợi được bao nhiêu chia làm 10 phần, nhà-nước lấy một, gọi là phép cống 貢.

Nhà Ân và nhà Chu thì dùng phép tỉnh-diền, nghĩa là chia đất ra làm chín khu hình chữ tỉnh (井). Những khu ở chung quanh làm tư-diền, khu ở giữa để làm công-diền. Mỗi một tỉnh

cho 8 nhà ở, đều phải xuất lực cày-cấy công điền rồi nộp hoa-lợi cho nhà vua.

Về đời nhà Ân thì mỗi *tỉnh* có 630 mẫu, mỗi nhà được 70 mẫu; phép đánh thuế gọi là phép *trợ* 助. Đến đời nhà Chu thì mỗi *tỉnh* có 900 mẫu, mỗi nhà 100 mẫu, phép đánh thuế gọi là phép *triệt* 徹.

Nhà Chu lại đặt ra lệ cứ 20 tuổi thì được 100 mẫu ruộng, đến 60 tuổi thì trả lại cho nhà nước. Nhà nào có con thứ nhĩ gọi là *dư phu* 餘夫 đến 16 tuổi thì được lĩnh 25 mẫu ruộng.

Nhờ có phép chia ruộng như thế cho nên lúc bấy giờ không có người nào nghèo lắm mà cũng không có người giàu lắm. Về sau đến đời Chiến-quốc 戰國, người Lý Khởi 李悝 làm tướng nước Ngụy 魏, bắt dân hết sức làm ruộng, không định hạn như trước nữa; người Thương Ưởng 商鞅 làm tướng nước Tần 秦, bỏ phép *lĩnh-điền* 井田, mở *thiên-mạch* 阡陌, cho mọi người được tự tiện làm ruộng. Phép chia đất từ đó mới mất dần dần đi.

6. HỌC-HIỆU. Nhà Hạ đặt nhà *Đông-tự* 東序 làm đại-học, nhà *Tây-tự* 西序 làm tiểu-học. Nhà Ân đặt nhà *Hữu-học* 右學 làm đại-học, nhà *Tả-học* 左學 làm tiểu-học. Những nhà đại-học, tiểu-học ấy, là chỗ để tập bắn, để nuôi những người già-cả và để tập văn nghệ.

Nhà Chu thì đặt nhà *Tích-ung* 辟雍 hoặc nhà *Thành-quán* 成均 làm nhà đại-học, để cho con vua, con các quan và những người tuần-tú tuyển ở các thôn-xã đến học; còn ở châu, ở *đăng* (2) thì đặt nhà tiểu-học gọi là *Tự* 序 và nhà *Tường* 序 để cho con dân-gian vào học. Lại đặt lệ cứ từ 8 tuổi đến 14 tuổi làm niên-hạn cho tiểu-học, từ 15 đến 20 tuổi, làm niên-hạn cho đại-học. Đại-học thì dạy lễ, nhạc, thi, thư; tiểu-học thì dạy cách kính trên nhường dưới và cách ứng đối, v.v.

(2) Cứ 12.500 nhà một châu, và 500 nhà làm một *đăng* thì có nhà *Tự*, ở *đăng* thì có nhà *Tường*.

7. HỌC-THUẬT. Học-thuật ở nước Tàu về đời nhà Chu đã thịnh lắm, cho nên đến đời Xuân-thu 春秋 có nhiều học-giả như là Lão-tử 老子 bàn đạo; Khổng-tử 孔子 bàn hiếu, đễ, nhân, nghĩa; Mặc Địch 墨翟 bàn lẽ kiêm-ái, nên chuộng sự tiết-kiệm bỏ âm-nhạc; Dương Chu 楊朱 thì bàn lẽ vị-kỷ, nên tự-trọng thân mình và không chịu thiệt mình để lợi người.

Lại có những pháp-gia như Thân Bất-Hại 申不害. Hàn Phi 韓非 bàn việc trị thiên-hạ thì chỉ nên dùng pháp-luật, chứ không nên dùng nhân-nghĩa. Còn những người như Quí Cốc 鬼谷, Thi Giáo 尹佚, Điền Biền 田駢, v.v..., mỗi người đều xướng một học-thuyết để dạy người đương thời.

8. PHONG-TỤC. Nước Tàu lấy sự cày ruộng làm gốc, nhưng mà việc nuôi tằm, dệt lụa, việc họp chợ, việc buôn-bán cũng phát-đạt cả.

Dân trong nước chia ra làm 4 thứ: sĩ, nông, công, thương, nhưng mà con người làm quan lại làm quan, con người làm ruộng cứ làm ruộng, chứ con người làm ruộng không được làm quan. Tuy vậy, đến đời Xuân-thu những người thứ dân lên làm tướng văn tướng võ cũng nhiều.

Ở trong gia-đình thì già trẻ trên dưới phân-biệt nghiêm lắm. Con phải theo cha, vợ phải theo chồng, con-trai con-gái từ 7 tuổi trở đi, là không được ăn một mâm, nằm một chiếu nữa. Con trai 30 tuổi mới lấy vợ, gái 20 tuổi mới lấy chồng mà hai người cùng họ không được lấy nhau.

Nước Tàu về đời Tam-dại 三代 cũng sùng sự tế-tự lắm. Thường cúng-tế thiên, địa, nhật, nguyệt, sơn, xuyên, lâm, trạch. Nhà vua lập đàn Nam-giao để tế Thượng-đế. Lại có nhà Xã-tắc để tế Thổ-thần và Hậu-tắc. Còn sự thờ-phụng tổ-tiên thì từ vua cho đến thứ-dân đều lấy làm một việc rất quan-trọng trong đời người.

Xem như thế, thì xã-hội nước Tàu về đời Tam-dại đã văn-minh lắm, nhưng sau đến cuối đời nhà Chu, vì nhà vua suy-nhược, cho nên chư-hầu, người xưng hầu, kẻ xưng vương rồi tranh nhau, đánh nhau như Ngũ Bá đời Xuân-thu. Thất-hùng đời Chiến-quốc, làm cho trăm họ lâm-than khổ-sở.

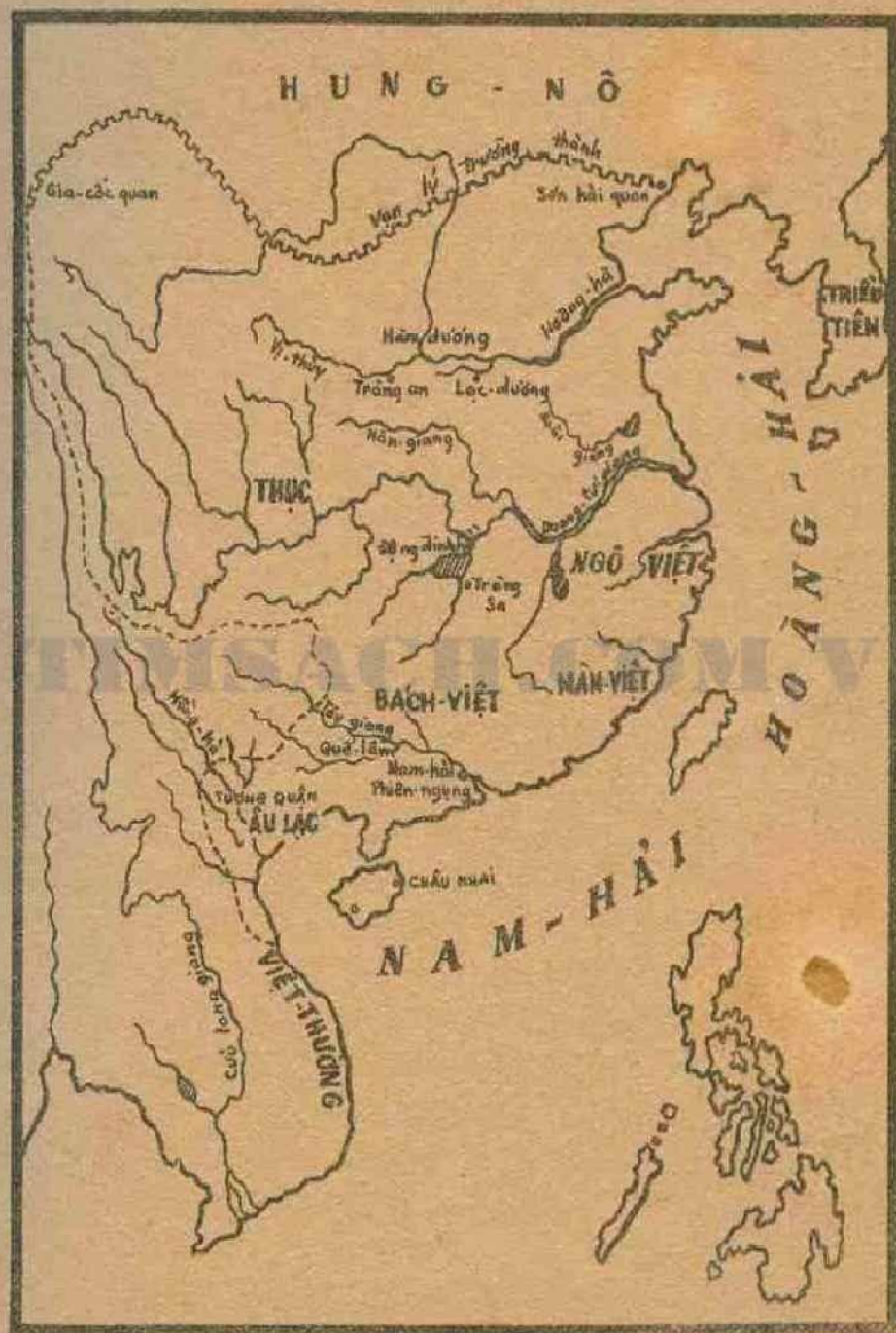
Sau nhà Tần thống-nhất được thiên-hạ, mới bỏ lệ phong-kiến, lập ra quận huyện; bỏ phép tỉnh-diên, lập thiên-mạch; cấm nho-học, đốt sách-vở, việc chính-trị thì cốt dùng pháp-luật, đề lấy quyền-lực mà áp-chế.

Đang khi phong-tục nước Tàu biến-cải như thế, thì Triệu Đà lập ra nước Nam-việt (3), đem văn-minh nước Tàu sang truyền-bá ở phương nam, cho nên từ đó về sau người nước mình đều nhiệm cái văn-minh ấy.

TIMSACH.COM.VN

(3) Xin đừng lầm nước Nam-việt ngày xưa với Nam-Việt của nước Việt-nam hiện nay.

NƯỚC TÀU VỀ ĐỜI NHÀ TẦN



CHƯƠNG IV

NHÀ TRIỆU

趙氏

(207-111 tr. Tây-lịch)

1. Triệu Vũ-vương
2. Vũ-vương thụ-phong nhà Hán
3. Vũ-vương xưng đế
4. Vũ-vương thần-phục nhà Hán
5. Triệu Văn-vương
6. Triệu Minh-vương
7. Triệu Ai-vương
8. Triệu Dương-vương

1. TRIỆU VŨ-VƯƠNG (207-137 tr. Tây-lịch). Năm quý-tị (207) Triệu Đà đánh được An-dương-vương rồi, sáp-nhập nước Âu-lạc vào quận Nam-hải, lập thành một nước gọi là Nam-việt 南越, tự xưng làm vua, tức là Vũ-vương 武王, đóng đô ở Phiên-ngung 番禺, gần thành Quảng-châu bây giờ.

2. VŨ-VƯƠNG THỤ-PHONG NHÀ HÁN. Trong khi Triệu Vũ-vương gây-dựng cơ-nghiệp ở Nam-việt, thì ở bên Tàu, ông Lưu Bang 劉邦 trừ được nhà Tần 秦, diệt được nhà Sở 楚, nhất-thống thiên-hạ, rồi lên ngôi Hoàng-đế, tức là vua Cao-tổ nhà Hán 漢高祖. Vua Cao-tổ thấy Triệu Vũ-vương độc-lập ở phương nam, bèn sai Lục Giả 陸賈 sang phong cho Vũ-vương. Bảy giờ là năm ất-tị (196 tr. Tây-lịch), năm thứ 12 đời vua Vũ-vương nhà Triệu, và năm thứ 11 đời vua Cao-tổ nhà Hán.

Vũ-vương vốn là người kiêu-căng, có ý không muốn phục nhà Hán 漢, đến khi Lục Giả sang đến nơi, vào yết-kiến Vũ-vương, Vũ-vương ngồi xếp vành tròn, không đứng dậy tiếp. Lục Giả thấy vậy mới nói rằng: «Nhà vua là người nước Tàu, mờ-mả và thân-thích ở cả châu Chân-định 真定. Nay nhà Hán đã làm vua thiên-hạ, sai sứ sang phong vương cho nhà vua, nếu nhà vua kháng-cự sứ-thần, không làm lễ thụ-phong, Hán-đế tất là tức giận, hủy-hoại mờ-mả và giết bại thân-thích của nhà vua, rồi đem quân sang đánh thì nhà vua làm thế nào?» Vũ-vương nghe lời ấy vội-vàng đứng dậy làm lễ tạ, rồi cười mà nói rằng: «Tiếc thay ta không được khởi nghiệp ở nước Tàu, chứ không thì ta cũng chẳng kém gì Hán-đế!»

3. VŨ-VƯƠNG XUNG ĐẾ. Năm mậu-ngọ (183 tr. Tây-lịch) vua Cao-tổ nhà Hán mất rồi, bà Lữ-hậu 呂后 làm triều tranh quyền Huệ-đế 惠帝, rồi lại nghe lời gièm-pha, cấm không cho người Hán buôn-bán những đồ vàng, đồ sắt và những đồ diên-khi với người Nam-việt. Vũ-vương lấy làm tức giận, lại ngờ cho Trường-sa-vương 長沙王 xui Lữ-hậu làm như vậy, bèn tự-lập làm Nam-việt Hoàng-đế, rồi cử binh-mã sang đánh quận Tráng-sa (tỉnh Hồ-nam bây giờ).

Năm canh-thân (181 tr. Tây-lịch) Hán-triều sai tướng đem quân sang đánh Nam-việt. Quân nhà Hán chịu không được thủy-thổ phương nam, nhiều người phải bệnh-tật, bởi vậy phải thua chạy về bắc. Từ đó thanh-thế Triệu Vũ-đế lừng-lẫy, đi đâu dùng xe ngựa theo nghi-vệ Hoàng-đế, như vua nhà Hán vậy.

4. VŨ-VƯƠNG THẦN PHỤC NHÀ HÁN. Đến khi Lữ-hậu mất, Hán Văn-đế 漢文帝 lên ngôi, lại sai Lục Giả đưa thư sang khuyên Vũ-đế về thần phục nhà Hán. Thư rằng:

«Trẫm là con trác-thất vua Cao-đế, phụng-mệnh ra trị nước Đại, vì non sông cách-trở, thẹn mình phác-lậu, cho nên lâu nay chưa từng đưa thư sang hỏi thăm nhà vua.

«Từ khi đức Cao-đế xa bỏ quần-thần, đức Huệ-đế qua đời, bà Cao-hậu làm-triều, không may bị bệnh, để cho họ Lữ chuyên quyền, toan đem con họ khác để nối-vi đức

«Huệ-đế. May nhờ nhà Tông-miếu linh-thiên, các công-thần ra sức dẹp kẻ tiếm-ngịch».

«Trẫm vì các vương-hầu cùng bách quan cố ép, cho nên phải lên ngôi Hoàng-đế. Mới rồi trẫm nghe nhà vua có đưa thư cho Long-lư-hầu, nhần tin và xin anh em họ-hàng ở quận Chân-định, và xin bãi binh ở quận Trường-sa.

«Trẫm cũng nghe lời thư của nhà vua, thì đã bảo tướng-quân Bắc-dương-hầu bãi binh về, còn anh em họ-hàng nhà vua ở Chân-định thì trẫm đã cho người thăm-nom, lại sai sửa-sang phần-mộ nhà vua, thật là tử-tế.

«Thế mà vừa rồi trẫm nghe nhà vua còn đem binh quấy-nhiều ngoài biên, quận Trường-sa thật khổ, mà Nam-quân lại còn khổ hơn. Làm như thế, nước nhà vua có chắc lợi được một mình không? Tất là tướng-tá quân-sĩ chết nhiều, làm cho vợ người góa chồng, con người mồ-côi bố, cha mẹ mất con, được một mất mười, trẫm không lòng nào nỡ làm như vậy.

«Vả lại được đất nhà vua cũng không lấy làm to, được của nhà vua cũng không đủ làm giàu. Vậy từ phía nam núi Lĩnh thì mặc ý nhà vua tự-trị lấy. Nhưng nhà vua cứ xưng đế hiệu, hai bên cùng là đế-quốc mà không sai sứ giao-thông, thế chẳng hóa ra ganh nhau ư? Ganh nhau mà không nhường, thì người nhân không thêm làm.

«Trẫm nay xin cùng nhà vua gác bỏ điều cũ, từ rày trở đi, thông sứ như xưa. Vậy trẫm sai Lục Giả sang đem ý trẫm khuyên nhà vua nên nghe, chứ làm chi nhiều sự cướp bóc tai-hại».

Xem thư của Hán Văn-đế lời-lẽ tử-tế, thật là có nhân-tử, vì thế cho nên Triệu Vũ-đế phải chịu phục, và đáp thư lại rằng:

«Nam đi đại-trưởng lão-phu thần, Đà, muội tử tái bái, dâng thư lên Hoàng-đế bệ-hạ. Lão-phu là kẻ cố-lại nước Việt, khi Hiếu Huệ Hoàng-đế lên ngôi, tình-nghĩa không dứt, vẫn chầu đãi lão phu. Đến khi Cao-hậu lâm triều, lại phân-biệt ra Trung-hoa, ngoại di, hạ lệnh cấm không được bán cho Nam-

«việt những đồ vàng sắt và điền-khi; còn ngựa, trâu, dê thì chỉ bán cho giống đực, chứ không bán cho giống cái.

«Lão-phu ở phương xa mà không có vật cúng-tế thì phải «tội, vì thế có sai Nội-sử Phan, Trung-úy Cao và Ngự-sử «Bình, ba lượt dâng thư sang thượng-quốc tạ quá, đều không «trở về cả.

«Lão-phu lại phong văn rằng nhà Hán đem hủy-hoại cả «phần mộ lão-phu cùng giết cả anh em tông-tộc lão-phu, cho «nên có bản riêng với chúng rằng: nay trong đã không về-vang «với nhà Hán, ngoài lại không có gì hơn được nước Ngô, vậy «có xưng đế-hiệu; mà chẳng qua tự để nước mình, không dám «hại gì đến thiên-hạ.

«Cao-hậu nghe thấy thế, lấy làm tức giận, đem tước-bỏ số «Nam-việt đi, không cho thông sứ, lão-phu trộm nghĩ rằng «chần vì Trương-sa-vương gièm-pha, cho nên Lão-phu có «dem binh đánh.

«Lão-phu ở đất Việt đã bốn mươi chín năm nay, bây giờ «đã có cháu rồi, nhưng mà sớm khuya trần-trọc, ăn không «ngon, ngủ không yên, mắt không dám trông sắc đẹp, tai không «dám nghe đàn vui, là chỉ vì cơ không được phụng thờ nhà «Hán. Nay nhờ bệ-hạ đoái thương, cho phục lại hiệu cũ, thông «sứ như xưa, lão-phu nhờ ơn, dầu chết xương cũng không nát.

«Vậy xin cải hiệu từ đây, và xin có cống-phẩm phụng-«hiển Hoàng-đế bệ-hạ».

Từ khi Triệu Vũ-vương chịu bỏ đế-hiệu, Nam, Bắc lại «giao-thông hòa hiếu không có điều gì nữa.

Năm giáp-thìn (137 trước Tây-lịch), Triệu Vũ-vương mất. «Sử chép rằng ngài thọ được 121 tuổi và làm vua được hơn 70 năm.

5. TRIỆU VĂN-VƯƠNG (137-125 trước Tây-lịch). Triệu Vũ-vương truyền ngôi lại cho cháu đích-tôn, tên là Hồ 胡, tức là Triệu Văn-vương 趙文王, trị vì được 12 năm.

Triệu Văn-vương vốn là người tầm-thường, tính-khi nhu-nhược, không được như Triệu Vũ-vương. Khi mới lên

làm vua được hai năm, thì vua Mân - việt 閩越 (tỉnh Phúc - kiến bây giờ) đem quân sang đánh phá ở chỗ biên-thùy nước Nam-việt. Triệu Văn-vương không dám cử binh - mã ra chống cự, sai sứ sang cầu cứu bên Hán-triều.

Vua nhà Hán sai Vương Khôi 王恢 và Hàn-an-Quốc 韓安國 đi đánh Mân - việt. Quân Mân - việt thấy quân nhà Hán đến nơi, bèn bắt Quốc-vương giết đi, đưa đầu nộp cho quan nhà Hán, và xin hàng. Mân-việt đã bình rồi vua nhà Hán sai Trang Trợ 莊助 sang dụ Triệu Văn-vương vào châu, nhưng mà đình - thần xin đừng đi, bèn cho thái-tử là Anh Tề 嬰齊 đi thay.

Anh Tề ở bên Hán - triều mười năm, đến năm bình-thin (125 tr. Tây-lịch) vua Văn-vương mất thì mới về nối ngôi.

6. TRIỆU MINH-VUƠNG. (125-113 tr. Tây-lịch). — Anh Tề lên làm vua tức là Triệu Minh - vương 明王, trị vì được 12 năm.

Khi Anh Tề ở bên Hán thì có lấy người vợ lẽ là Cù - thị 樛氏, đẻ được một người con tên là Hưng 興. Đến khi về làm vua Nam-việt, Minh Vương lập Cù-thị lên làm hoàng-hậu và Hưng làm Thái-tử.

7. TRIỆU AI-VUƠNG. Năm mậu - thin (113 tr. Tây-lịch) Triệu Minh-vương mất, thái-tử Hưng lên làm vua, tức là Triệu Ai-vương 哀王, trị-vì được một năm.

Bấy giờ vua nhà Hán cho An-quốc Thiệu Qui 安國少季 sang dụ Nam-việt về châu. Thiệu Qui nguyên là tình - nhân của Cù-thị lúc trước, đến khi sang Nam-việt gặp nhau, lại tư-thông với nhau rồi dỗ-dành Ai - vương đem nước Nam-việt về dâng nhà Hán.

Khi Cù-thị và Ai-vương đã định về Hán-triều, thì có quan Tề-tướng là Lữ Gia 呂嘉, biết rõ tình - ý, đã can - ngăn mãi không được, mới truyền hịch đi mọi nơi nói rằng vua và Cù thái-hậu sắp đem nước dâng cho nhà Hán; rồi Lữ Gia cùng với mấy người đại-thần đem quân cấm-binh vào giết sứ nhà Hán, Cù-thị và Ai - vương. Đoạn rồi tôn Kiến Đức 建德 lên

làm vua. Kiến Đức là con trưởng của Minh - vương, mẹ là người Nam-việt làm vua.

8. TRIỆU DƯƠNG - VƯƠNG. Kiến Đức lên làm vua, tức là Dương-vương 陽王. Dương-vương mới lên làm vua được độ một năm thì vua Vũ-đế nhà Hán 漢武帝 sai Phục-ba tướng-quân là Lộ bác Đức 路博德 và Dương Bộc 楊僕 đem 5 đạo quân sang đánh lấy Nam-việt. Quan Thái-phó Lữ Gia ra chống cự không nổi, phải đem Dương-vương chạy. Quân nhà Hán đuổi theo bắt được, vua tôi đều bị hại cả. Năm ấy là năm canh-ngọ (111 tr. Tây-lịch), nước Nam bị người Tàu chiếm lấy, cải là Giao-chỉ-bộ 交趾部, chia ra làm 9 quận, và đặt quan cai-trị như các châu quận bên Tàu vậy.

PHẦN II

BẮC-THUỘC THỜI-ĐẠI

(111 tr. Tây-lịch - 931 sau Tây-lịch)

TIMSACH.COM.VN 北 屬 時 代

CHƯƠNG I

BẮC-THUỘC LẦN THỨ NHẤT

(111 tr. Tây-lịch — 39 sau Tây-lịch)

1. Chính trị nhà Tây-Hán

2. Tích Quang và Nhâm Diên

1. CHÍNH-TRỊ NHÀ TÂY-HÁN. Năm canh-ngọ (111 tr. Tây-lịch) vua Vũ-đế nhà Hán 漢武帝 sai Lộ bát Đức 路博德 và Dương Bộc 楊僕 sang đánh nhà Triệu 趙, lấy nước Nam-việt, rồi cải là Giao-chỉ-hộ 交趾部, và chia ra làm 9 quận, là những quận này :

- | | |
|---------------|------------------------------|
| 1. Nam-hải | 南海 : (Quảng-dông). |
| 2. Thương-ngô | 蒼梧 : (Quảng-tây). |
| 3. Uất-lâm | 鬱林 : (Quảng-tây). |
| 4. Hợp-phố | 合浦 : (Quảng-dông). |
| 5. Giao-chỉ | 交趾 { |
| 6. Cửu-chân | 九真 { (Bắc Việt và mấy tỉnh ở |
| 7. Nhật-nam | 日南 { phía bắc Trung Việt). |
| 8. Châu-nhai | 珠崖 : (đảo Hải-nam). |
| 9. Đạm-nhĩ | 儋耳 : (đảo Hải-nam). |

Mỗi quận có quan thái-thủ 太守 coi việc cai-trị trong quận và lại có quan thứ-sử 刺史 để giám-sát các quận. Ở trong quận Giao-chỉ thì có những lạc-tướng hay lạc-hầu vẫn được thế-lập giữ quyền cai-trị các bộ-lạc tựa hồ như các quan lang ở mạn thượng-du đất Bắc-Việt bây giờ.

Quan thứ-sử trước tiên là Thạch Đái 石叢, đóng phủ trị ở Long-uuyền 龍淵 (?). Có sách chép là phủ trị thừa ấy đóng ở Lũng-khê 隴溪, thuộc phủ Thuận-thành bây giờ.

Từ đời vua Vũ-đế cho đến hết đời nhà Tây-Hán không thấy sử nói gì đến đất Giao-chỉ nữa. Mãi đến năm kỷ-sửu (năm 29 Tây-lịch) là năm Kiến-vô thứ 5 đời vua Quang-vũ 光武 nhà Đông-Hán 東漢 thì mới thấy chép rằng thứ-sử Giao-chỉ là Đặng Nhượng 鄧讓 sai sứ về cống nhà Hán. Bởi vì khi Vương Mãng 王莽 cướp ngôi nhà Hán, bọn Đặng-Nhượng 鄧讓, Tích Quang 錫光 và Đỗ Mục 杜穆 ở Giao-chỉ giữ châu quận, không chịu phục Vương Mãng. Đến khi vua Quang-vũ trung-hưng lên, bọn Đặng Nhượng mới sai sứ về triều cống.

2. TÍCH QUANG VÀ NHÂM DIỄN. Về đầu thế-kỷ đệ-nhất có hai người sang làm thái-thủ trị dân có nhân-chính. Một người tên là Tích Quang 錫光 làm thái-thủ Giao-chỉ, một người tên là Nhâm Diên 士延 làm thái-thủ quận Cửu-chân.

Tích Quang sang làm thái-thủ quận Giao-chỉ từ đời vua Bình-đế 平帝 nhà Tây-Hán, vào quãng năm thứ hai thứ ba về thế-kỷ đệ-nhất. Người ấy hết lòng lo việc khai-hóa, dạy dân lấy điều lễ-nghĩa, cho nên dân trong quận có nhiều người kính-phục.

Nhâm Diên thì sang làm thái-thủ quận Cửu-chân từ năm Kiến-vô nhà Đông-Hán. Bấy giờ dân quận ấy chỉ làm nghề chài-lưới và săn-bắn, chứ không biết cày-cấy làm ruộng-nương. Nhâm Diên mới dạy dân dùng cày bừa mà khai-khẩn ruộng đất, bởi vậy chẳng bao lâu mà quận ấy có đủ thóc gạo ăn. Người ấy lại dạy dân làm lễ cưới hỏi trong khi lấy vợ lấy chồng, và bắt những lại-thuộc trong quận lấy một phần lương-bổng của mình mà giúp cho những kẻ nghèo đói để lấy vợ lấy chồng.

Nhâm Diên ở Cửu-chân được 4 năm thì được thăng chức về Tàu đi làm quan chỗ khác. Dân-sự quận ấy ái-mộ Nhâm Diên, làm đền thờ. Có người vì được nhờ quan thái-thủ cho nên sau sinh con ra, lấy tên Nhâm 士 mà đặt tên cho con, để tỏ lòng biết ơn.

CHƯƠNG II

TRUNG-VƯƠNG

微王

(40 — 43)

1. Trưng-thị khởi binh

2. Mã Viện sang đánh Giao-chỉ

1. TRUNG - THỊ KHỞI BINH. Năm giáp-ngọ (34) là năm Kiến-vô thứ 10, vua Quang-vũ sai Tô Định 蘇定 sang làm thái-thủ quận Giao-chỉ.

Tô Định là người bạo-ngược, chính-trị tàn-ác, người Giao-chỉ đã có lòng oán-giận lắm. Năm canh-tí (40) người ấy lại giết Thi Sách 詩索 người ở quận Châu-diên 朱莚 (phủ Vĩnh-tường, trước thuộc về Sơn-tây, nay thuộc tỉnh Vĩnh-yên).

Vợ Thi Sách là Trưng Trắc 徵側 con gái quan lạc-tướng ở huyện Mê-linh 厓冷 (làng Hạ-lôi, huyện Yên-lãng, tỉnh Phúc-yên) cùng với em gái là Trưng Nhị 徵氏 nổi lên đem quân về đánh Tô Định. Bọn Tô Định phải chạy trốn về quận Nam-hải.

Lúc bấy giờ những quận Cửu-chân, Nhật-nam và Hợp-phố cũng nổi lên theo về với hai bà Trưng-thị. Chẳng bao lâu quân hai bà hạ được 65 thành-trị. Hai bà bèn tự xưng làm vua, đóng đô ở Mê-linh, là chỗ quê nhà.

2. MÃ VIỆN SANG ĐÁNH GIAO-CHỈ. Năm tân - sửu (41) vua Quan-vũ sai Mã Viện 馬援 làm Phục - ba tướng - quân 伏波將軍, Lưu Long 劉隆 làm phó-tướng cùng với quan Lâu-thuyền tướng-quân 樓船將軍 là Đoàn Chí 段志 sang đánh Trưng-vương.

Mã Viện là một danh - tướng nhà Đông - Hán, lúc bấy giờ đã ngoài 70 tuổi, nhưng vẫn còn mạnh, đem quân đi men bờ bể phá rừng đào núi làm đường sang đến Lãng - bạc 浪 泊, gặp quân Trưng - vương hai bên đánh nhau mấy trận (1). Quân của Trưng - vương là quân ô - hợp không đương nổi quân của Mã Viện, đã từng đánh giặc nhiều phen. Hai bà rút quân về đóng ở Cẩm - Khê 禁 谿 (phủ Vĩnh - tướng, tỉnh Vĩnh - yên). Mã Viện tiến quân lên đánh, quân hai bà vỡ tan cả. Hai bà chạy về đến xã Hát - môn 𡵓 門, thuộc huyện Phúc - lộc (nay là huyện Phúc - thọ, tỉnh Sơn - tây), thế bức quá, bèn gieo mình xuống sông Hát - giang (chỗ sông Đáy tiếp vào sông Hồng - hà) mà tự tận. Bấy giờ là ngày mồng 6 tháng 2 năm qui - mao (43).

Những tướng của hai bà là bọn Đò Dương 都 陽 chạy vào giữ huyện Cư - phong 居 封 thuộc quận Cửu - chân. Sau Mã Viện đem quân vào đánh, bọn Đò Dương đều phải ra hàng.

Hai bà họ Trưng làm vua được 3 năm, nhưng lấy cái tài - trí người đàn - bà mà dấy được nghĩa lớn như thế, khiến cho vua tôi nhà Hán phải lo sợ, ấy cũng là đủ để cái tiếng thơm về muôn đời. Đến ngày nay có nhiều nơi lập đền thờ hai bà để ghi - tạc cái danh - tiếng hai người nữ anh - hùng nước Việt - nam ta (2).

Sử - gia Lê văn Hưu 黎 文 休 nói rằng: « Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn - bà nổi lên đánh lấy được 65 thành - trì, lập quốc xưng vương dễ như giở bàn tay. Thế mà từ cuối đời nhà Triệu cho đến đời nhà Ngô hơn một nghìn năm, người mình cứ cúi đầu bỏ tay làm tôi - tớ người Tàu, mà không biết xấu - hổ với hai người đàn - bà họ Trưng! ».

(1) Sử chép rằng Lãng - bạc là Hồ - tây ở gần Hà - nội, nhưng có người bác đi, bảo không.

(2) Nay ở làng Hát - môn, huyện Phúc - thọ, tỉnh Sơn - tây và ở bãi Đồng - nhân, ở gần Hà - nội có đền thờ hai bà, đến ngày mồng 6 tháng 2 thì có hội.

CHƯƠNG III

BẮC THUỘC LẦN THỨ HAI

43 — 544

- | | | |
|-------------------|---|-------------------------------------|
| I. NHÀ ĐÔNG-HÀN | { | 1. Chính-trị nhà Đông-Hàn |
| | | 2. Lý Tiến và Lý Cầm |
| | | 3. Sĩ Nhiếp |
| II. ĐỜI TAM-QUỐC | { | 1. Nhà Đông Ngô |
| | | 2. Bà Triệu (Triệu thị Chính) |
| | | 3. Nhà Ngô chia đất Giao-châu |
| III. NHÀ TẤN | { | 1. Chính-trị nhà Tấn |
| | | 2. Nước Lâm-ấp quấy nhiễu Giao-châu |
| IV. NAM BẮC-TRIỀU | { | 1. Tình thế nước Tần |
| | | 2. Việc đánh Lâm-ấp |
| | | 3. Sự biến loạn ở đất Giao-châu |

I. NHÀ ĐÔNG-HÀN (25-220)

1. CHÍNH-TRỊ NHÀ ĐÔNG-HÀN. Mã Viện đánh được Trưng-vương đem đất Giao-chỉ về thuộc nhà Hán như cũ, rồi chinh-đốn binh-lương, đem quân đi đánh dẹp các nơi, đi đến đâu xây thành đắp lũy đến đâu và biến-cải mọi cách chính-trị trong các châu quận. Đem phủ-trị về đóng ở Mê-linh (1) và dựng cây đồng-trụ ở chỗ phân địa-giới, khắc sáu chữ: «Đồng trụ chiết, Giao-chỉ diệt. 銅柱折, 交趾滅». Nghĩa là cây đồng-trụ mà đổ thì người Giao-chỉ mất nơi.

Sử chép rằng người Giao-chỉ đi qua lại chỗ ấy, ai cũng bỏ vào chân cột đồng-trụ một hòn đá, cho nên về sau chỗ ấy thành ra núi, phủ mất cả, đến bây giờ không biết cột ấy ở vào chỗ nào.

(1) Về cuối đời Đông-Hàn lại dời về Long-biên 龍編.

Từ đó chính-trị nhà Đông-Hán càng ngày càng ngặt thêm, mà những quan-lại sang cai-trị Giao-chỉ thường có lắm người tàn-ác, tham-những, bắt dân lên rừng xuống bể để tìm những châu-báu. Dân ở quận Hợp-phố cứ phải xuống bể mò ngọc trai khổ quá, đến đôi phải bỏ xứ mà đi.

Triều-đình thì xa, quan-lại ra cai-trị thì tha hồ mà tung-hoành, tiếng oan-ức kêu không thấu vào đâu, cho nên thường hay có sự loạn-lạc, làm cho dân-gian phải nhiều sự khổ-sở.

2. LÝ TIẾN VÀ LÝ CẦM. Quan cai-trị đã tàn-ác, nhà vua lại bạc-dối người bản-xứ. Đời bấy giờ người mình đâu có học-hành thông-thái cũng không được giữ việc chính-trị. Mãi đến đời vua Linh-đế 靈帝 (168-189) cuối nhà Đông-Hán mới có một người bản-xứ là Lý Tiến 李進 được cất lên làm Thứ-sử ở Giao-chỉ. Lý Tiến dâng sớ xin cho người Giao-chỉ được bỏ đi làm quan như ở trung-châu bên Tàu. Nhưng Hán-đế chỉ cho những người đỗ mậu-tải 茂才 hoặc hiếu-liêm 孝廉 được làm lại-thuộc ở trong xứ mà thôi, chứ không được đi làm quan ở châu khác. Bấy giờ có người Giao-chỉ tên là Lý Cầm 李琴 làm linh-túc-vệ hầu vua ở trong điện, rủ mấy người bản-xứ ra phục xuống sân mà kêu cầu thăm-thiết. Hán-đế mới cho một người Giao-chỉ đỗ mậu-tải đi làm quan-lệnh ở Hạ-dương 夏陽令 và một người đỗ hiếu-liêm làm quan-lệnh ở Lục-hợp 六合令. Về sau Lý Cầm làm đến quan Tư-lý Hiệu-úy 司隸校尉 và lại có Trương Trọng 張重 cũng là người Giao-chỉ làm thái-thủ ở Kim-thành 金城太守. Người Giao-chỉ ta được làm quan như người bên Tàu, khởi đầu từ Lý Tiến và Lý Cầm vậy.

3. SĨ NHIẾP (187-226). Về cuối đời nhà Đông-Hán, giặc cướp nổi lên khắp cả bốn phương, triều-đình không có uy-quyền ra đến ngoài, thiên-hạ chỗ nào cũng có loạn. Đất Giao-chỉ bấy giờ nhờ có quan thái-thủ là Sĩ Nhiếp 士燮 cùng với anh em chia nhau giữ các quận huyện, cho nên mới được yên.

Tiền-tổ nhà ông Sĩ Nhiếp là người nước Lỗ 魯, vì lúc Vương Mãng 王莽 cướp ngôi nhà Hán, mới tránh loạn sang

ở đất Quảng-tin 廣信, quận Thương-ngô 蒼梧, đến đời ông thân-sinh ra Sĩ Nhiếp là sáu đời. Ông thân-sinh tên là Sĩ Tứ 士賜 làm thái-thủ quận Nhật-nam 日南, cho Sĩ Nhiếp về du-học ở đất Kinh-sư, đỗ hiệu-liêm được bổ Thượng-thư-lang, vì việc quan phải cách, rồi về chịu tang cha. Sau lại đỗ mẫu-tài được bổ sang làm Thái-thủ ở quận Giao-chỉ.

Năm quý-mùi (203) là năm thứ 3 đời vua Hiến-đế 獻帝, quan Thư-sử là Trương tân 張津 cùng với quan Thái-thủ Sĩ Nhiếp dâng sớ xin cải Giao-chỉ 交趾 làm Giao-châu 交州. Vua nhà Hán thuận cho. Sau vì trong châu có lắm giặc-giã, Sĩ Nhiếp mới tâu xin vua nhà Hán cho mấy anh em làm Thái-thủ quận Cửu-chân, quận Hợp-phổ và quận Nam-hải. Sĩ Nhiếp giữ được đất Giao-châu khỏi loạn và vẫn giữ lệ triều cống như cũ, cho nên vua Hiến-đế lại phong cho chức An-viễn tướng-quân 安遠將軍 Long-độ dinh-hầu 龍度亭侯. Sĩ Nhiếp trị dân có phép-tắc, và lại chăm sự dạy-bảo dân cho nên lòng người cảm-mộ công-dức, mới gọi tôn lên là Sĩ-vương.

Nhà làm sử thường cho nước ta có văn-học là khởi đầu từ Sĩ Nhiếp. Cái ý-kiến ấy có lẽ không phải. Vì rằng từ khi nhà Hán sang cai-trị đất Giao-chỉ đến đời Sĩ Nhiếp đã được hơn 300 năm, người Giao-chỉ đã có người học-hành thi đỗ hiệu-liêm, mẫu-tài. Vậy nói rằng đến ông Sĩ Nhiếp mới có nho-học thì chẳng sai lắm ru. Hoặc-giả ông ấy là một người có văn-học rồi trong khi làm quan, lo mở-mang sự học-hành, hay giúp-đỡ những kẻ có chữ-nghĩa, cho nên về sau mới được cái tiếng làm học tổ ở nước ta, tưởng như thế thì có thể hợp lẽ hơn.

II. ĐỜI TAM-QUỐC (220-265)

1. NHÀ ĐÔNG-NGÔ (222-280). Nhà Đông-Hán mất ngôi thì nước Tàu phân ra làm ba nước: Bắc-ngụy 北魏, Tây-thục 西蜀, Đông-ngô 東吳. Đất Giao-châu bấy giờ thuộc về Đông-ngô.

Sĩ Nhiếp ở Giao-châu được 40 năm, tuy thiết có uy-quyền ở cõi Giao-châu, nhưng vẫn theo lệ triều cống nhà Hán, và đến khi nhà Hán mất thì lại triều cống nhà Ngô.

Năm bình-ngọ (226) là năm Hoàng-vũ 黃武 thứ 5 nhà Ngô, Sĩ Nhiếp mất, con là Sĩ Huy 士徽 tự xưng làm Thái-thú. Ngô-chủ là Tôn Quyền 孫權 bèn chia đất Giao-châu, từ Hợp-phố về bắc gọi là Quảng-châu 廣州, từ Hợp-phố về nam gọi là Giao-châu 交州. Sai Lữ Đại 呂岱 làm Quảng-châu thứ-sử, Đái Lương 戴良 làm Giao-châu thứ-sử, và sai Trần Thi 陳承 sang thay Sĩ Nhiếp làm thái-thú quận Giao-chỉ.

Bọn Đái Lương và Trần Thi sang đến Hợp-phố thì Sĩ Huy đem quân ra chống giữ. Thứ-sử Quảng-châu là Lữ Đại mới tiến quân sang đánh-dẹp, và cho người đến dụ Sĩ Huy ra hàng. Sĩ Huy đem 5 anh em ra hàng, Lữ Đại sai bắt Sĩ Huy đem chém đi, còn mấy anh em thì đem về Ngô-triều làm tội.

Ngô-chủ lại hợp Quảng-châu và Giao-châu lại làm một, và phong cho Lữ Đại làm Thứ-sử. Lữ Đại đem quân đi đánh quận Cửu-chân có công được phong làm Giao-châu-mục 交州牧.

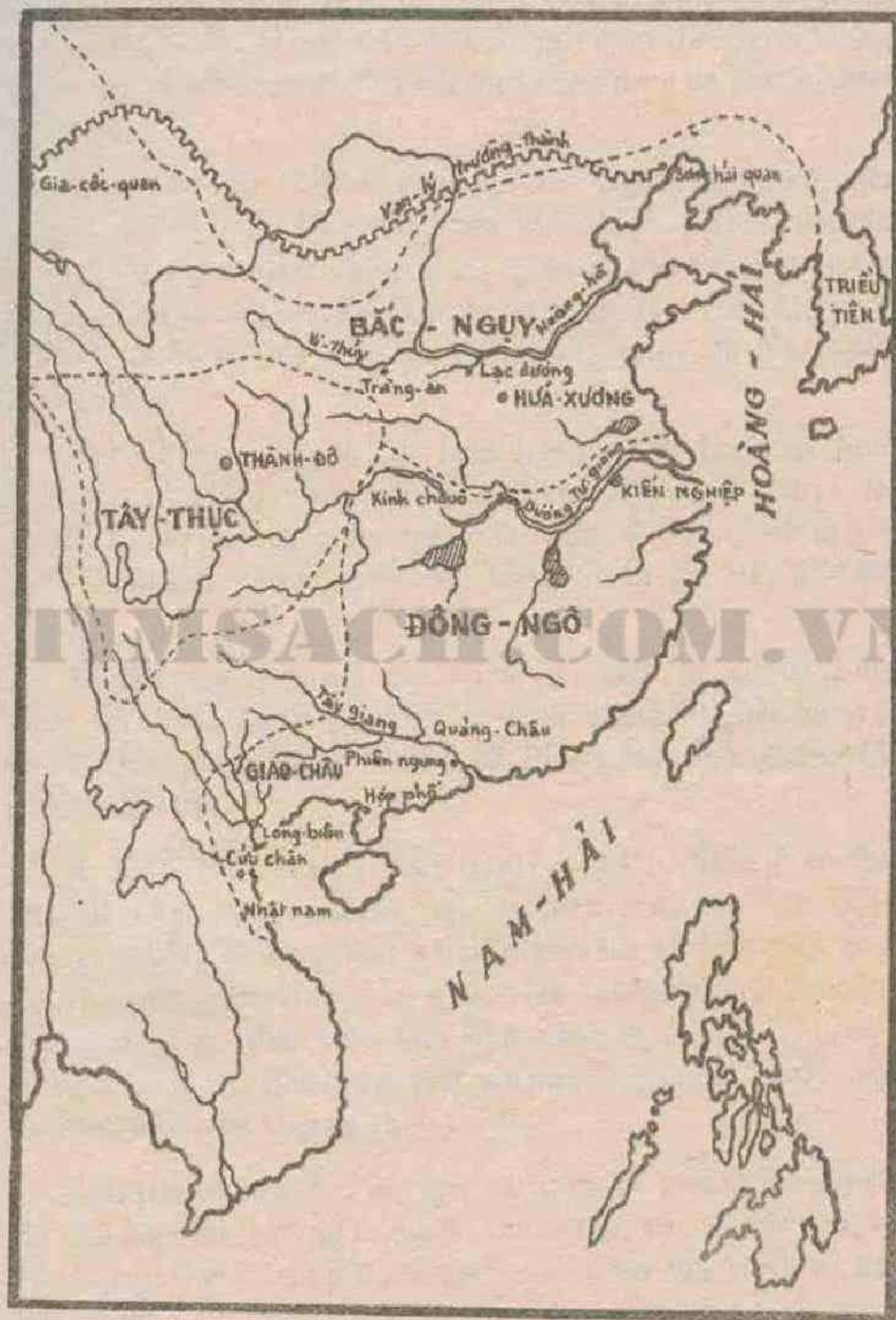
2. BÀ TRIỆU (TRIỆU THỊ CHINH) (2). Năm mậu-thìn (248) là năm Xích-ô 赤烏 thứ 11 nhà Đông-ngô, Ngô-chủ sai Lục Dận 陸胤 sang làm thứ-sử Giao-châu.

Năm ấy ở quận Cửu-chân 九真 có người dân-bà tên là Triệu thị Chinh khởi binh đánh nhà Ngô.

Sử ta chép rằng bà Triệu là người ở huyện Nông-cống bấy giờ. Thừa nhỏ cha mẹ mất cả, ở với anh là Triệu quốc Đạt 趙國達. đến độ 20 tuổi gặp phải người chị dâu ác-nghiệt, bà ấy giết đi rồi vào ở trong núi. Bà ấy là một người có sức mạnh, lại có chí-khí và lắm mưu-lược. Khi

(2) Bà Triệu, các ký xuất-bản trước đề là Triệu Ẩu. Nay xét ra nên đề là Triệu thị Chinh.

NƯỚC TÀU VỀ ĐỜI TAM-QUỐC



vào ở trong núi chiều mộ hơn 1.000 tráng-sĩ để làm thủ-hạ. Anh thấy thế mới can bà, thì bà bảo rằng : «Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tròng-kình ở bể đông, quét sạch bờ-cõi, để cứu dân ra khỏi nơi đăm-đuối, chứ không thèm bắt-chước người đời cúi đầu cong lưng để làm ti-thiếp người ta. »

Năm mậu-thìn (248) vì quan-lại nhà Ngô tàn-ác, dân-gian khổ-sở, Triệu quốc Đạt mới khởi binh đánh quận Cửu-chân. Bà đem quân ra đánh giúp anh, quân-sĩ của Triệu quốc Đạt thấy bà làm tướng có can-dảm, bèn tôn lên làm chủ. Khi bà ra trận thì cưỡi voi và mặc áo giáp vàng xưng là *Nhụy-kiều tướng-quân*.

Thứ-sử Giao-châu là Lục Dân đem quân đi đánh, bà chống nhau với nhà Ngô được năm sáu thắng. Nhưng vì quân ít thế cô, đánh mãi phải thua, bà đem quân chạy đến xã Bồ-diễn (nay là xã Phú-diễn thuộc huyện Mỹ-hóa) thì tự-tử. Bấy giờ mới 23 tuổi.

Về sau vua Nam-đế nhà Tiền-Lý, khen là người trung-dũng sai lập miếu thờ, phong là : «*Bật chinh anh-liệt hàng tài trính nhất phu-nhân*». Nay ở xã Phú-diễn, tỉnh Thanh-hóa còn có đền thờ.

4. NHÀ NGÔ CHIA ĐẤT GIAO - CHÂU. Năm giáp - thân (264) là năm Nguyên-hung nguyên-niên, vua nhà Ngô lại lấy đất Nam-hải, Thương-ngô và Uất-lâm làm Quảng-châu 廣州, đặt châu-trị ở Phiên-ngung 番禺; lấy đất Hợp-phố, Giao-chỉ, Cửu-chân, và Nhật-nam làm Giao-châu 交州, đặt châu-trị ở Long-biên 龍編. Đất Nam-Việt của nhà Triệu ngày trước thành ra Giao-châu và Quảng-châu từ đấy.

Đất Giao-châu đời bấy giờ cứ loạn-lạc mãi, những quan-lại nhà Ngô thì thường là người tham-tàn, vor-vét của dân, bởi vậy người Giao-châu nổi lên giết quan thái-thủ đi rồi về hàng nhà Ngụy.

Năm ất dậu (256) nhà Tấn 晉 cướp ngôi nhà Ngụy, rồi sai quan sang giữ Giao-châu. Nhà Ngô sai Đào Hoàng 陶璜 sang

lấy lại. Đào Hoàng được phong là Giao-châu-mục. Năm canh-ti (280) nhà Ngô mất nước. Đào Hoàng về hàng nhà Tấn, được giữ chức cũ. Đất Giao-châu từ đó thuộc về nhà Tấn.

III . NHÀ TẤN (265 - 420)

1. CHÍNH-TRỊ NHÀ TẤN. Nhà Tấn 晉 được thiên-hạ rồi, thấy nhà Ngụy 魏 vì thế cô mà mất, bèn đại phong cho họ-bàng và sai ra trấn các nơi để làm vây-cánh cho nhà vua. Nhưng cũng vì lẽ ấy mà các thân-vương thường vì lòng tham danh-lợi cứ dấy binh đánh giết lẫn nhau, làm cho anh em trong nhà, cốt-nhục tương tàn, mà ngôi vua cũng thành ra suy-nhược.

Thời bấy giờ ở phía tây-bắc có những người hung-dịch thấy nhà Tấn có nội loạn, bèn lũ-lược nổi lên chiếm giữ dần dần lấy cả vùng phía bắc sông Trường-giang 長江 rồi xưng đế, xưng vương, như nước Triệu 趙, nước Tần 秦, nước Yên 燕, nước Lương 涼, nước Hạ 夏, nước Hán 漢 v. v... cả thấy trước sau đến 16 nước, gọi là loạn Ngũ-Hồ 五胡 (3).

Nhà Tấn làm vua được hơn 50 năm thì mất cả đất ở phía tây-bắc. Dòng dõi nhà vua lại dựng nghiệp ở phía đông-nam, đóng đô ở thành Kiến-nghiệp 建業 (tức là thành Nam-kinh bây giờ) gọi là nhà Đông-Tấn 東晉.

Đất Giao-châu ta vẫn thuộc nhà Tấn. Những quan lại sang cai-trị cũng như quan-lai đời nhà Hán, nhà Ngô, thỉnh-thoảng mới gặp được một vài người nhân-tử tử-tế, thì dân-gian được yên-ôn, còn thì là những người tham-lam, độc-ác, làm cho nhân dân phải lầm-than khổ-sở. Cũng lắm khi bọn quan-lai có người phản-ngịch đánh giết lẫn nhau, làm cho trong nước cứ phải loạn-lạc luôn.

(3) Ngũ-Hồ là 5 rợ: Hung-nô 匈奴 và rợ Yết 羯 (chủng-loại Mông-cô), rợ Tiên-ti 鮮卑 (chủng-loại Mãn-châu), rợ Chi 氐 và rợ Khương 羌 (chủng-loại Tây-tạng).

2. NƯỚC LÂM - ẤP QUẤY - NHIỀU GIAO - CHÁU. Đất Giao-châu lúc bấy giờ trong thì có quan-lại những-nhiều, ngoài thì có người nước Lâm-ấp 林邑 vào đánh phá.

Nước Lâm-ấp (sau gọi là Chiêm-thành 占城) ở từ quận Nhật-nam vào cho đến Chân-lạp, nghĩa là ở vào quãng từ tỉnh Quảng-bình, Quảng-trị cho đến đất Nam-Việt bây giờ. Người Lâm-ấp có lẽ là nòi-giống Mã-lai, theo tông-giao và chính-trị Ấn-độ. Nước ấy cũng là một nước văn-minh và cường-thịnh ở phía nam lúc bấy giờ, nhưng không chắc rõ nước ấy khởi đầu thành nước từ lúc nào. Sách «*Khâm-định Việt-sử* 欽定越史» chép rằng: năm nhâm-dần (102) đời vua Hòa đế 和帝 nhà Đông-Hán 東漢, ở phía nam quận Nhật-nam có huyện Tượng-lâm 象林, người huyện ấy cứ hay sang cướp phá ở quận Nhật-nam, bởi vậy vua nhà Hán mới đặt quan cai-trị ở huyện ấy, để phòng giữ sự rối-loạn.

Đến cuối đời nhà Hán có người huyện Tượng-lâm tên là Khu Liên 區連 giết huyện-lệnh đi, rồi tự xưng làm vua, gọi là nước Lâm-ấp 林邑. Đồng dôi Khu Liên thất truyền, bởi vậy châu ngoại của Phạm Hùng 范熊 lên nổi nghiệp.

Trong đời Tam-quốc, người Lâm-ấp hay sang cướp phá ở quận Nhật-nam và quận Cửu-chân, bởi vậy khi nhà Tấn đã lấy được Đông-ngô rồi, ý muốn giảm bớt quân ở các châu quận, nhưng quan thứ-sử Giao-châu là Đào Hoàng 陶璜 dâng sớ về tâu rằng: «Vua nước Lâm-ấp là Phạm Hùng thông với nước Phù-nam 扶南 hay sang quấy nhiễu ở đất Nhật-nam, nếu lại giảm bớt quân ở Giao-châu đi, thì sợ quân Lâm-ấp lại sang đánh phá».

Xem như vậy thì nước Lâm-ấp đã có từ đầu đệ-nhi thế-kỷ.

Phạm Hùng truyền cho con là Phạm Dật 范逸. Phạm Dật mất, thì người gia-nô là Phạm Văn 范文 cướp mất ngôi. Phạm Văn truyền cho con là Phạm Phật 范佛.

Năm qui-sửu (353) đời vua Mục-đế 穆帝 nhà Đông-Tấn, thứ-sử Giao-châu là Nguyễn Phu 阮敷 đánh vua Lâm-ấp là

Phạm Phất, phá được hơn 50 đồn-lũy. Phạm Phất mất, truyền ngôi lại cho con cháu là Phạm hồ Đạt 范胡達. Năm kỷ-hợi (399) Phạm hồ Đạt đem quân sang đánh lấy hai quận Nhật-nam và Cửu-chân rồi lại đi đánh Giao-châu. Bấy giờ có quan thái-thủ quận Giao-chỉ là Đỗ Viện 杜瑗 đánh đuổi người Lâm-ấp, lấy lại hai quận. Đỗ Viện được phong làm Giao-châu thứ-sử.

Năm quý-sửu (413) Phạm hồ Đạt lại đem quân sang phá ở quận Cửu-chân. Khi bấy giờ con Đỗ Viện là Đỗ tuệ Độ 杜慧度 làm Giao-châu thứ-sử đem binh ra đuổi đánh, chém được tướng Lâm-ấp là bọn Phạm Kiện 范健 và bắt được hơn 100 người.

Người Lâm-ấp vẫn có tính hay đi cướp phá, cứ năm ba năm lại sang quấy nhiễu ở đất Nhật-nam. Đỗ tuệ Độ định sang đánh Lâm-ấp để trừ cái hại về sau, bèn đến năm canh-thân (420) cất binh mà sang đánh, chém giết tàn hại, rồi bắt người Lâm-ấp cứ hàng năm cống tiến : voi, vàng, bạc, đồi-mồi v.v. Từ đó mới được tạm yên.

Dòng-dõi Phạm hồ Đạt làm vua được mấy đời lại bị quan Lâm-ấp là Phạm chư Nông 范諸農 cướp mất ngôi. Phạm chư Nông truyền cho con là Phạm dương Mai 范陽邁.

Khi Phạm dương Mai làm vua nước Lâm-ấp, thì nhà Tấn đã mất rồi, nước Tàu phân ra Nam-triều và Bắc-triều. Phạm dương Mai lại nhân dịp đó mà sang quấy nhiễu ở Giao-châu.

IV. NAM BẮC - TRIỀU (420 - 588)

1. TÌNH-THẾ NƯỚC TÀU. Năm canh-thân (420) Lưu Du 劉裕 cướp ngôi nhà Đông-Tấn, lập ra nhà Tống ở phía nam. Lúc bấy giờ ở phía Bắc thì nhà Ngụy 魏 gồm được cả nước Lương 涼, nước Yên 燕, nước Hạ 夏. Nước Tàu phân ra làm Nam-triều 南朝 và Bắc-triều 北朝.

Bắc-triều thì có nhà Ngụy 魏, nhà Tề 齊, nhà Chu 周 nối nhau làm vua; Nam-triều thì có nhà Tống 宋, nhà Tề 齊, nhà Lương 梁 và nhà Trần 陳 kế nghiệp trị-vì.

Lúc bấy giờ ở đất giao-châu phụ thuộc về Nam-triều.

2. VIỆC ĐÁNH LÂM-ẤP. Trong đời nhà Tống về năm qui-dậu (433) đời vua Văn-đế 文帝, vua nước Lâm-ấp là Phạm dương Mai 范陽 邁 thấy nước Tàu loạn-lạc, bèn sai sứ sang cống nhà Tống và xin lĩnh đất Giao-châu để cai-trị. Nhưng vua nhà Tống không cho.

Từ đó nước Lâm-ấp lại sang cướp phá ở mạn Nhật-nam và Cửu-chân. Vua nhà Tống bèn sai quan thứ-sử là Đàn hòa Chi 檀 和 之 và Tống Xác 宗 慤 làm phó tướng đem binh sang đánh Lâm-ấp. Phạm dương Mai đem quân ra chống cự.

Đàn hòa Chi và Tống Xác tiến quân chém được tướng, phá được thành, quân Lâm-ấp vỡ tan, Phạm dương Mai cùng với con chạy thoát được. Đàn hòa Chi vào đất Lâm-ấp lấy được vàng bạc châu-báu rất nhiều. Sứ chép rằng Đàn hòa Chi lấy được một cái tượng bằng vàng mấy người ôm không xuể, đem nấu-đúc được hơn 10 vạn cân. Từ đấy người Tàu biết Lâm-ấp có nhiều của, cứ chực sang lấy. Đàn hòa Chi cũng từ đấy mà bị gièm pha, phải cách chức đuổi về.

3. SỰ BIẾN-LOẠN Ở ĐẤT GIAO-CHÂU. Năm Kỷ-mùi (479) nhà Tống mất ngôi, nhà Tề kế nghiệp, trị-vì được 22 năm thì nhà Lương lại cướp ngôi nhà Tề.

Trong đời Nam Bắc-triều đất Giao-châu không được mấy khi yên-ổn, vì quan Tàu sang cai-trị có nhiều người thấy bèn Tàu loạn, cũng muốn tìm cách để độc-lập, bởi vậy quan lại cứ giết lẫn nhau.

Đời nhà Lương lại sai Tiêu-Tư 蕭 詠 sang làm thứ-sử Giao-châu. Tiêu Tư là một người tàn-bạo, làm cho lòng người ai cũng oán-giận. Bởi vậy ông Lý Bôn 李 賁 mới có cơ-hội nổi lên, lập ra nhà Tiền Lý 前 李.

CHƯƠNG IV NHÀ TIỀN - LÝ

前李氏

(544—602)

1. Lý Nam-đế
2. Triệu Việt-vương
3. Hậu Lý Nam-đế

1. LÝ NAM-ĐẾ (544-548). Năm Tân-dậu (541) là năm Đại-dồng 大同 thứ 7 đời vua Vũ-đế nhà Lương 梁武帝, ở huyện Thái-bình (1) có một người tên là Lý Bôn 李贲, tài kiêm văn võ, thấy nước mình trong thì quan-lại Tàu làm khổ, ngoài thì người Lâm-ấp cướp phá, bèn cùng với những người nghĩa-dũng nổi lên, đánh đuổi Tiêu Tư 萧諮 về Tàu, rồi chiếm giữ lấy thành Long-biên 龍編.

Lý Bôn có người gọi là Lý Bi, vốn dòng-dõi người Tàu. Tổ-tiên ở đời Tây-Hán 西漢 phải tránh loạn chạy sang Giao-châu, đến lúc bấy giờ đã là bảy đời, thành ra người bản-xứ. Khi chiếm giữ được đất Giao-châu rồi, ông sửa-sang mọi việc, định lập nghiệp lâu dài. Qua năm quý-hợi (543) quân Lâm-ấp lại sang phá quận Nhật-nam, Lý Bôn sai tướng là Phạm Tu 范倬 vào đánh ở Cửu-đức 九德 (Hà-tĩnh), người Lâm-ấp thua chạy về nước.

Năm Giáp-ti (544) đời nhà Lương bèn Tàu, ông Lý Bôn tự xưng là Nam-việt đế 南越帝, đặt quốc-hiệu là Vạn-xuân 萬春.

(1) Cứ theo sách «Khâm-định Việt-sử» thì huyện Thái-bình thuộc về Phong-châu ngày trước, nay ở vào địa-hạt tỉnh Sơn-tây nhưng mà không rõ là chỗ nào, chứ không phải là phủ Thái-bình ở Sơn-nam mà bây giờ là tỉnh Thái-bình.

niên - hiệu là Thiên - đức 天德, rồi phong cho Triệu Túc 趙肅 làm thái - phó, Tinh Thiều 并紹 làm tướng văn, và Phạm Tu 范倬 làm tướng võ.

Năm ất-sửu (545) vua nhà Lương sai Dương Phiêu 楊樛 sang làm thứ-sử Giao-châu, và sai Trần bá Tiên 陳霸先 đem quân sang đánh Nam-việt. Lý Nam-đế thua phải bỏ Long-biên chạy về giữ thành Gia-minh 嘉寧 (huyện Yên-lãng, tỉnh Phúc-yên). Trần bá Tiên đem quân lên vây thành Gia-minh, Lý Nam-đế chạy về giữ thành Tân-xương 新昌, tức là đất Phong-châu cũ thuộc tỉnh Vĩnh-yên bây giờ.

Quân nhà Lương lại tiến lên đuổi đánh, Lý Nam-đế thấy thế mình yếu, chống không nổi, mới rút quân lên đóng ở động Khuất-liên 屈僚峴 (thuộc đất Hưng-hóa), để đợi thu-xếp được quân-sĩ lại ra đánh. Được non một năm, Lý Nam-đế đem hai vạn quân ra đánh nhau với Trần bá Tiên ở hồ Điền-triệt 典洑 (?), lại thua. Lý Nam-đế bèn giao binh quyền lại cho tá-tướng quân Triệu quang Phục 趙光復 chống nhau với quân nhà Lương rồi trở về Khuất-liên.

Triệu quang Phục là con quan thái-phó Triệu Túc 趙肅 người ở Châu-diên (Vĩnh-tường, tỉnh Vĩnh-yên) theo cha giúp Lý Nam-đế lập được nhiều công, nay đem quân chống-cự với nhà Lương được ít lâu, rồi sau thấy thế quân Tàu còn mạnh, địch không nổi, bèn rút quân về Dạ-trạch 夜澤 (2). Dạ-trạch là chỗ đồng lầy, chung quanh cỏ mọc như rừng, ở giữa có bãi cát làm nhà ở được. Triệu quang Phục vào ở đấy ngày nấp ẩn, tối thì cho lính chèo thuyền độc-mộc ra đánh quân của Trần bá Tiên, cướp lấy lương-thực về nuôi quân-sĩ. Trần bá Tiên đánh mãi không được. Người thời bấy giờ gọi Triệu quang Phục là Dạ-trạch vương 夜澤王.

2. TRIỆU VIỆT-VƯƠNG (549-571). Năm mậu-thìn (548) Lý Nam-đế ở trong Khuất-liên phải bệnh mất, sang năm sau Triệu quang Phục ở Dạ-trạch được tin ấy bèn xưng là Việt-

(2) Bấy giờ thuộc phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên.

vuơng. Bấy giờ quân của Việt-vuơng đã sắp hết lương, mà mãi không phá được quân Tàu. May nhờ gặp lúc ở bên Tàu có loạn Hầu Cảnh 侯景, vua nhà Lương phải triệu Trần bá Tiên về để người ti-tướng là Dương Sàn 楊瑒 ở lại chống cự với Triệu quang Phục. Quang Phục mới thừa thế đem quân ra đánh phá quân Tàu, rồi về lấy lại thành Long-biên.

Khi Lý Nam-đế thất thế chạy về Khuất-liêu thì người anh họ là Lý thiên Bảo 李天寶 cùng với người họ là Lý phát Tử 李佛子 đem quân chạy vào quận Cửu-chân, rồi bị quân nhà Lương đuổi đánh chạy sang Lào, đến đóng ở động Dã-năng 野能, xưng là Đào-lang-vuơng 桃郎王, quốc hiệu là Dã-năng.

Năm ất-hợi (555) là năm thứ 7 đời Triệu Việt-vuơng, Lý thiên Bảo mất, không có con, binh-quyền về cả Lý Phát Tử. Đến năm đinh-sửu (557) Lý Phát Tử đem quân về chống với Triệu Việt-vuơng. Đánh nhau mấy trận không được, Phát Tử mới xin chia đất giảng hòa. Triệu Việt vương nghĩ tình họ Lý, cũng thuận chia đất cho Lý Phát Tử.

Lý Phát Tử đóng ở Ô-diên 烏延 (nay ở vào làng Đại-mỗ, thuộc huyện Từ-liêm, tỉnh Hà-đông). Triệu Việt-vuơng đóng ở Long-biên, lấy bãi Quân-thần 君臣洲 làm giới hạn (bãi ấy thuộc làng Thương-cát, huyện Từ-liêm). Triệu Việt-vuơng lại gả con gái cho Phát Tử để tỏ tình hòa hiếu với nhau. Nhưng Phát Tử vẫn có ý muốn thôn-tính, bởi vậy bề ngoài tuy là hòa hiếu, nhưng bề trong vẫn sửa-soạn để đánh lấy Long-biên.

Năm tân-mão (571), Phát Tử bất thành-linh đem quân đánh Triệu Việt-vuơng. Triệu Việt-vuơng thua chạy đến sông Đại-nha 大鴉 (nay ở huyện Đại-an, tỉnh Nam-định), nhảy xuống sông tự tận. Người ở đấy cảm nhớ Triệu Việt-vuơng, mới lập đền thờ ở chỗ sông Đại-nha. Nay còn có đền thờ ở làng Đại-bộ, gần huyện Đại-an.

3. HẬU LÝ NAM-ĐẾ (571 - 602). Lý Phát Tử lấy được thành Long-biên rồi, xưng đế hiệu, đóng đô ở Phong-châu (thuộc huyện Bạch-hạc, tỉnh Vĩnh-yên), sai Lý đại Quyền 李大權 giữ Long-biên và Lý-phổ Đĩnh 李普鼎 giữ Ô-diên.

Trong khi Lý Phật Tử làm vua ở Nam-việt thì vua Văn-đế nhà Tùy 隋文帝 đã gồm cả Nam Bắc, nhất-thống nước Tàu. Đến năm nhâm-tuất (602) vua nhà Tùy sai tướng là Lưu Phương 劉方 đem quân 27 doanh sang đánh Nam-việt.

Lưu Phương sai người lấy lễ họa phúc để dụ Lý Phật Tử về hàng. Hậu Lý Nam-đế sợ thế không địch nổi bèn xin về hàng.

Từ đây đất Giao-châu lại bị nước Tàu cai-trị vừa 336 năm nữa.

CHƯƠNG V

BẮC THUỘC LẦN THỨ BA

(603 — 939)

I. NHÀ TÙY:

Việc đánh Lâm-ấp

1. Chinh-trị nhà Đường
2. An-nam đồ-hộ phủ
3. Mai Hắc-đế
4. Giặc bề

II. NHÀ ĐƯỜNG

5. Bỏ-cải Đại-vương
6. Việc đánh nước Hoàn-vương
7. Nam-chiếu cướp phá Giao-châu
8. Cao Biền bình giặc Nam-chiếu
9. Công việc của Cao Biền
10. Sự trị-loạn của nước Tàn

III. ĐỜI NGŨ-QUI

1. Tình-thế nước Tàn
2. Họ Khúc dấy nghiệp; Khúc thừa Dụ
3. Khúc Hạo
4. Khúc thừa Mỹ
5. Dương diên Nghệ và Kiều công Tiễn
6. Ngô Quyền phá quân Nam-hán

I. NHÀ TÙY (589-617)

VIỆC ĐÁNH LÂM-ẤP. Nhà Tùy 隋 làm vua bên Tàn được 28 năm thì mất. Trong bấy nhiêu năm thì sử không chép chuyện gì lạ, chỉ nói rằng năm ất-sửu (605), vua nhà Tùy nghe nói ở Lâm-ấp có nhiều cửa, bên sai tướng là Lưu Phương đem quân đi đánh.

Vua Lâm-ấp lúc bấy giờ là Phạm phạm Chí 范范志 đem quân ra giữ những chỗ hiểm-yếu, ở bên này sông Đồ-lê (?) để chống cự với quân Tàu. Nhưng chẳng bao lâu quân Lâm-ấp phải thua bỏ chạy. Lưu Phương thừa thế tiến quân sang sông xuôi đánh, gặp đại binh Lâm-ấp kéo đến, có nhiều voi, thế rất mạnh. Lưu Phương bèn dùng mưu : sai quân đào hố lấy cỏ phủ lên, rồi sai quân ra đánh như, giả tảng bại trận. Quân Lâm-ấp đuổi theo được một quãng, voi sa xuống hố, quân-sĩ loạn cả. Khi bấy giờ quân Tàu mới quay trở lại lấy cung nỏ bắn, voi khiếp sợ xéo cả lên quân Lâm-ấp mà chạy. Lưu Phương cũng phải bệnh về đến nửa đường thì chết.

II. NHÀ ĐƯỜNG (618-907)

1. CHÍNH-TRỊ NHÀ ĐƯỜNG. Năm mậu-dần (618) nhà Tùy mất nước, nhà Đường 唐 kế nghiệp làm vua nước Tàu. Đến năm tân-tị (621) vua Cao-tổ nhà Đường 唐高祖 sai Khâu Hòa 邱和 làm đại tổng-quản 大總管 sang cai-trị Giao-châu.

Từ khi nước ta thuộc về nước Tàu, chỉ có nhà Đường cai-trị là nghiêm hơn cả. Nhưng sử chép lược quá : thường cách hai ba năm mới chép một việc, chắc là những nhà làm sử nước ta sau cứ theo sử Tàu mà chép lại, cho nên mới sơ-lược như vậy.

2. AN-NAM ĐÔ-HỘ PHỦ. Năm kỷ-mão (679) vua Cao-tông nhà Đường 唐高宗 chia đất Giao-châu ra làm 12 châu, 59 huyện, và đặt An-nam đô-hộ phủ 安南都護府 (1).

Nước ta gọi là An-nam khởi đầu từ đây.

Mười hai Châu đời nhà Đường là những châu này :

1. *Giao-châu* 交州 có 8 huyện (Hà-nội, Nam-định v. v.)
2. *Lục-châu* 陸州 có 3 huyện (Quảng-yên, Lạng-sơn)
3. *Phúc-lộc châu* 福祿州 có 3 huyện (Sơn-tây)

(1) Nhà Đường lúc đó chia nhiều tỉnh bên Tàu ra làm Đô-hộ phủ như Tứ-xuyên Đô-hộ phủ, An-nam Đô-hộ phủ v. v. Vậy Đô-hộ là một chức quan chứ không phải là một chính-thể cai-trị các thuộc-địa như ta hiểu bây giờ.

- | | |
|----------------|---------------------------|
| 4. Phong-châu | 峰州 có 3 huyện (Sơn-tây) |
| 5. Thang châu | 湯州 có 3 huyện (?) |
| 6. Trường-châu | 長州 có 4 huyện (?) |
| 7. Chi-châu | 芝州 có 7 huyện (?) |
| 8. Võ-ngã-châu | 武峨州 có 7 huyện (?) |
| 9. Võ-an-châu | 武安州 có 2 huyện (?) |
| 10. Ái-châu | 愛州 có 6 huyện (Thanh-hóa) |
| 11. Hoan-châu | 驩州 có 4 huyện (Nghệ-an) |
| 12. Diễn-châu | 演州 có 7 huyện (Nghệ-an) |

Ở về phía tây-bắc đất Giao-châu lại đặt một châu nữa, gọi là Man-châu 蠻州 gồm cả những Mường ở mạn ấy, lệ cứ hằng năm phải triều cống vua nhà Đường.

Ấy là đại-đề cách chính-trị nhà Đường như vậy. Còn thường thì cũng loạn-lạc luôn: khi thì người trong nước nổi lên đánh phá như Mai Hắc-đế, và Bô-cải đại-vương; khi thì những nước ở ngoài vào xâm-phạm, như nước Hoàn-vương và nước Nam-chiếu.

3. MAI HẮC-ĐẾ (722). Năm nhâm-tuất (722) là năm Khai-nguyên thứ 10 về đời vua Huyền-tông 玄宗 nhà Đường, ở Hoan-châu có một người tên là Mai thúc Loan 梅叔覽 nổi lên chống cự với quân nhà Đường.

Mai thúc Loan là người huyện Thiên-lộc, tức là huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh bây giờ, mặt mũi đen sì, sức-vóc khỏe-mạnh, thấy quan nhà Đường làm nhiều điều tàn-bạo, dân-gian khổ-sở, lại nhân lúc bấy giờ lắm giặc-giã, ông ấy bèn chiêu-mộ những người nghĩa-dũng, rồi chiếm giữ lấy một chỗ ở đất Hoan-châu (nay thuộc huyện Nam-đường tỉnh Nghệ-an) rồi xây thành đắp lũy, xưng hoàng-đế, tục gọi là Hắc-đế 黑帝.

Mai Hắc-đế lại kết hiếu với nước Lâm-ấp và nước Chân-lạp để làm ngoại viện.

Vua nhà Đường sai quan nội-thị là Dương tư Húc 楊思勳 đem quân sang cùng với quan Đô-hộ là Quang sở Khách 光楚客 đi đánh Mai Hắc-đế. Hắc-đế thế yếu chống không nổi phải thua chạy, được ít lâu thì mất.

Nay ở núi Vệ-sơn 衛山, huyện Nam-đường, tỉnh Nghệ-an, còn có di-tích thành cũ của vua Hắc-đế, và ở xã Hương-lâm, huyện Nam-Đường còn có đền-thờ.

4. GIẶC BÈ. Năm đinh-vị (767) là năm Đại-lich thứ 2, đời vua Đại-lông 代宗 nhà Đường, sử chép rằng có quân Côn-lôn 昆侖 và quân Đồ-bà 闍婆 là quân ở những đảo ngoài bể vào cướp phá ở đất Giao-châu, lên vây các châu-thành.

Quan Kinh-lược-sứ là Trương bá Nghi 張伯儀 cùng với quan Đô-uy là Cao chính Bình 高正平 đem quân đánh phá được lũ giặc ấy. Trương bá Nghi bèn đắp La-thành 羅城 để phòng giữ phủ-trị. La-thành khởi đầu từ đây.

5. BỐ-CÁI ĐẠI-VUÔNG (791). Năm tân-vị (791) quan Đô-hộ là Cao chính Bình bắt dân đóng sưu-thuế nặng quá, lòng người oán-giận. Khi bấy giờ ở quận Đường-lâm 唐林 (bấy giờ là làng Cam-lâm, huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây) có người tên là Phùng Hưng 馮興 nổi lên đem quân về phá phủ Đô-hộ. Cao chính Bình lo sợ thành bệnh mà chết. Phùng Hưng mới chiếm giữ phủ-thành, được mấy tháng thì mất. Quân-sĩ lập con Phùng Hưng là Phùng An 馮安 lên nối nghiệp. Dân ái-mộ Phùng Hưng mới lập đền thờ và tôn lên là Bố cái Đại-vương 布蓋大王, bởi vì ta gọi cha là bố, mẹ là cái, nghĩa là tôn Phùng Hưng lên làm cha mẹ.

Tháng 7 năm tân-vị ấy, vua nhà Đường sai Triệu Xương 趙昌 sang làm Đô-hộ. Phùng An liệu thế chống không nổi xin ra hàng.

6. VIỆC ĐÁNH NƯỚC HOÀN-VUÔNG. Nước Lâm-ấp từ khi bị tướng nhà Tùy là Lưu Phương sang đánh, rồi quốc-vương là Phạm phạm Chí dâng biểu tạ tội và xin triều cống như cũ. Đến quãng năm Trinh-quan đời vua Thái-tông 太宗 nhà Đường, vua Lâm-ấp là Phạm đầu Lê 范頭黎 mất, con là Phạm trấn Long 范鎮龍 cũng bị người giết, dân trong nước mới lập người con của bà cô Phạm đầu Lê, tên là Chư cát Địa 諸葛地 lên làm vua.

Chư cát Địa đổi quốc-hiệu là Hoàn-vương-quốc 環王國. Từ đó về sau thường thường người nước Hoàn-vương lại sang quấy-nhiều ở Giao-châu, và chiếm giữ lấy châu Hoan và châu Ái.

Năm mậu-ti (808) đời vua Hiến-tông 憲宗, quan Đô-hộ là Trương Chu 張舟 đem binh-thuyền đi đánh giết hại quân Hoàn-vương rất nhiều. Vua nước ấy bèn lui về ở phía nam (ở vào Quảng tỉnh Quảng-nam, Quảng-nghĩa bây giờ) và đổi quốc-hiệu là Chiêm-thành 占城.

7. NAM-CHIẾU CƯỚP PHÁ GIAO - CHÂU. Về cuối đời nhà Đường, quan-lại Tàu lắm người chỉ vì tư lợi, ức-hiếp nhân-dân như Đô-hộ Lý Trác 李瑑 cứ vào những chợ ở chỗ Mường-mán mua trâu mua ngựa, mỗi con chỉ trả có một đấu muối, rồi lại giết tù-trưởng 酋長 mán là Đỗ tồn Thành 杜存成. Vì thế cho nên người Mường-mán tức giận bèn dụ người Nam-chiếu sang cướp-phá, làm cho dân Giao-châu khổ-sở trong 10 năm trời.

Ở phía tây-bắc đất Giao-châu, tức là ở phía tây tỉnh Vân-nam bây giờ có một xứ người nói Thái ở. Người xứ ấy gọi vua là chiểu 詔. Trước có 6 chiểu là Mông-huê 蒙陂, Việt-thác 越柵, Lãng-khung 浪穹, Đẳng-đạm 遣聃, Thi-lãng 施浪, Mông-xá 蒙舍. Chiểu Mông-xá ở về phía nam cho nên gọi là Nam-chiếu 南詔.

Trong khoảng năm Khai-nguyên (713-742) đời vua Huyền-tông nhà Đường, Nam-chiếu là Bì-la-Cáp 皮邏閣 cường-thịnh lên, mà 5 chiểu kia suy-hèn đi. Bì-la-Cáp mới dứt lột cho quan Tiết-độ-sứ đạo Kiếm-nam 劍南節度使 là Vương Dục 王昱 đề xin hợp cả 6 chiểu lại làm một. Triều-đình nhà Đường thuận cho, và đặt tên là Qui-nghĩa 歸義. Từ đó Nam-chiếu càng ngày càng thịnh lên, đem quân đi đánh Thổ-phồn 吐蕃 (Tây-tạng) rồi dời đô lên đóng ở thành Thái-hòa 太和 (thành Đại-lý 大理 bây giờ).

Năm bình-dần (846) quân Nam-chiếu sang cướp ở Giao-châu, quan Kinh-lược-sứ là Bùi nguyên Dụ 裴元裕 đem quân đánh đuổi đi.

Năm mậu-dần (858), nhà Đường sai Vương Thúc 王式 sang làm Kinh-lược-sứ. Vương Thúc là người có tài-lược, trị dân có phép-tắc, cho nên những giặc-giã đều dẹp yên được cả, mà quân Mường và quân Nam-chiếu cũng không dám sang quấy nhiễu.

Năm canh-thìn (860), nhà Đường gọi Vương Thúc về làm Quan-sát-sứ 觀察使 ở Tích-đông 浙東 và sai Lý Hộ 李鄩 sang làm Đô-hộ.

Bấy giờ Nam-chiếu đã mạnh lắm, bèn xưng là đế và đặt quốc-hiệu là Đại-mông 大蒙 rồi lại đổi là Đại-lễ 大禮 (2). Lý Hộ giết người tù trưởng là Đỗ thủ Trừng 杜守澄, người Mường lại đi dụ quân Nam-chiếu sang đánh lấy mất phủ thành. Lý Hộ phải bỏ chạy về Tàu. Vương Khoan 王寬 đem binh sang cứu, quân Nam-chiếu bỏ thành rút về.

Năm nhâm-ngọ (862), quân Nam-chiếu đánh Giao-châu, nhà Đường sai Thái Tập 蔡集 đem ba vạn quân sang chống giữ. Quân Nam-chiếu thấy quân nhà Đường nhiều lại rút về. Bấy giờ có quan Tiết-độ-sứ Lĩnh-nam là Thái Kinh 蔡京 sợ Thái Tập lập được công to bèn mật tâu với vua nhà Đường rằng ở Giao-châu đã yên, thì nên rút quân về. Thái Tập xin để lại 5.000 quân cũng không được.

Tháng giêng năm quý-mùi (863), Nam-chiếu đem 50.000 quân sang đánh phủ thành. Thái Tập cầu cứu không kịp, thế bức quá phải tự tử. Trên ấy có tướng nhà Đường là Nguyên duy Đức 元維德 đem hơn 400 quân Kinh-nam 荆南 chạy ra đến bờ sông, thuyền bè không có, Nguyên duy Đức bảo chúng rằng chạy xuống nước cũng chết, bất nhọc trở lại đánh nhau với giặc, một người đổi lấy hai người thì chẳng lợi hơn hay sao. Nói đoạn quay trở lại giết được hơn 2.000 người,

(2) Đến đời Ngũ-Quý vào quãng nhà Hậu-Tấn có người tên là Đoàn tư Bình 段悉平 lên làm vua đổi quốc-hiệu là Đại-lý 大理 truyền đến đời Hồng-vô (1368-1392) nhà Minh mới mất.

Nhà Minh đặt là Đại-lý phủ, thuộc về tỉnh Vân-nam.

nhưng đêm đến tướng Nam-chiếu là Dương tư Tấn 楊思遷 đem binh đến đánh, bọn Nguyên duy Đức chết cả.

Quân Nam-chiếu vào thành giết hại nhiều người. Sử chép rằng Nam-chiếu hai lần sang đánh phủ thành, giết người Giao-châu hơn 15 vạn.

Vua Nam-chiếu là Mông thế Long 蒙世隆 cho Dương tư Tấn 楊思遷 quản lĩnh 20.000 quân và cho Đoàn tù Thiên 段首遷 làm Tiết-độ-sứ ở lại giữ Giao-châu.

Vua nhà Đường hạ chỉ đem An-nam đô-hộ-phủ về đóng ở Hải-môn 海門 (?), rồi lấy quân các đạo về ở Lĩnh-nam 嶺南 và đóng thuyền lớn để tải lương-thực, đợi ngày tiến binh.

Mùa thu năm giáp-thân (864) vua nhà Đường sai tướng là Cao Biền 高駢 sang đánh quân Nam-chiếu ở Giao-châu.

8. CAO BIỀN BÌNH GIẶC NAM-CHIẾU. Cao Biền là người tướng giỏi nhà Đường, vốn dòng võ-tướng-môn, tính ham văn-học, quân sĩ đều có lòng mến-phục.

Năm ất-dậu (865), Cao Biền cùng với quan Giám-quân là Lý duy Chu 李維周 đưa quân sang đóng ở Hải-môn. Nhưng Lý duy Chu không ưa Cao Biền, muốn tìm mưu làm hại. Hai người bàn định tiến binh. Cao Biền dẫn 5.000 quân đi trước, Lý duy Chu không phát binh tiếp ứng.

Tháng chín năm ấy quân rợ đang gặt lúa ở Phong-châu (huyện Bạch-hạc, tỉnh Vĩnh-yên), Cao Biền đến đánh cắt-lên một trận, giết được nhiều người, rồi lấy thóc gạo nuôi quân-lính.

Đến tháng 4 năm sau (866), Nam-chiếu cho bọn Dương Tập 楊辟, Phạm nê Ta 范諾些, Triệu nặc Mi 趙諾眉 sang giúp Đoàn tù Thiên để giữ Giao-châu. Khi bấy giờ có tướng nhà Đường là Vi trọng Tề 韋仲宰 đem 7.000 quân mới sang, Cao Biền nhân dịp mới phát binh đánh được mấy trận, cho người đưa tin thắng trận về Kinh, nhưng mà đi đến Hải-môn, Lý duy Chu giữ lại, không cho triều-đình biết.

Trong triều mãi không thấy tin tức gì, cho ra hỏi, thì Lý duy Chu tâu dối rằng Cao Biền đóng quân ở Phong-châu không chịu đánh giặc. Vua nghe tin ấy, nổi giận sai Vương án Quyền 王晏權 ra thay, và đòi Cao Biền về hỏi tội. Ngay tháng ấy Cao Biền phá quân Nam-chiếu và vây La-thành đã được hơn 10 ngày rồi, chỉ nay mai thì lấy được, bỗng chốc được tin Vương án Quyền và Lý duy Chu sang thay. Cao Biền liền giao binh-quyền cho Vi trọng Tể, rồi cùng với mấy người thủ-hạ về bắc. Nhưng trước Cao Biền đã sai người đi lên về Kinh dâng biểu tâu rõ tình-trạng. Vua nhà Đường biết rõ sự-tình, mừng lắm, lại cho Cao Biền thăng trật và sai trở sang cầm quân đánh Nam-chiếu.

Bọn Vương án Quyền và Lý duy Chu lười-biếng không vây đánh gì cả, đến khi Cao Biền trở sang mới đốc quân - binh đánh thành, giết được Đoàn tù Thiên và người thổ làm hướng-đạo là Chu cổ Đạo 朱古道. Còn những động Mân - thổ ở các nơi xin về hàng rất nhiều.

Đất Giao-châu bị Nam-chiếu phá hại vừa 10 năm, đến bấy giờ Cao Biền lại lấy lại, đem về nội thuộc nhà Đường như cũ.

9. CÔNG-VIỆC CỦA CAO BIỀN. Vua nhà Đường đổi An-nam làm Tĩnh-hải 靜海, phong cho Cao Biền làm Tiết-độ-sứ. Cao Biền chỉnh-đốn mọi công-việc, lập đồn-ai ở mạn biên-thùy để phòng giữ giặc-giã, làm sổ sưu-thuế để chi dụng việc công (3). Cao Biền trị dân có phép tắc cho nên ai cũng kính-phục, bởi vậy mới gọi tôn lên là Cao-vương 高王.

Cao Biền đắp lại thành Đại-la 大羅 ở bờ sông Tô - lịch 蘇江. Thành ấy bốn mặt dài hơn 1982 trượng linh 5 thước, cao hai trượng linh 6 thước, đắp một đường đê bao bọc ở ngoài dài hơn 2125 trượng linh 8 thước, cao 1 trượng rưỡi, dày 2 trượng. Trong thành cho dân sự làm nhà hơn 40 vạn nóc (?).

(3) Có người bảo rằng người Việt-nam ta phải đóng sưu thuế khởi đầu từ Cao Biền.

Sử chép rằng Cao Biền dùng phép phù-thủy khiến Thiên-lôi phá những thác-gheñh ở các sông để cho thuyền-bè đi được. Thiên-lôi ấy có lẽ là Cao Biền dùng thuốc súng chăng?

Tục lại truyền rằng Cao Biền thấy bên Giao-châu ta lắm đất đế-vương, thường cứ cỡi diều giấy đi yểm đất, phá những chỗ sơn-thủy đẹp, và hại mất nhiều long-mạch. Những chuyện ấy là chuyện ngoa ngôn, không có lẽ gì mà tin được.

Năm ất-vị (875) vua Đường sai Cao Biền sang làm Tiết-độ-sứ ở Tây-xuyên (Tứ-xuyên). Biền dâng người cháu họ là Cao Tầm 高 譚 làm Tiết-độ-sứ ở Giao-châu.

Nhà Đường tuy lấy lại được đất Giao-châu nhưng bên Tàu lại sắp loạn, giặc cướp dần dần nổi lên, ngôi nhà vua cũng dần dần sắp đổ, nước Tàu lại chia rẽ làm mấy nước, cho nên ở xứ Giao-châu cũng có sự biến-cải.

10. SỰ TRI-LOAN CỦA NƯỚC TÀU. Xét chuyện nước Tàu từ đời nhà Hán 漢 cho đến đời bây giờ, cứ mỗi nhà lên cầm quyền chính-trị được vài ba trăm năm, rồi trong nước lại biến loạn, nam bắc phân tranh độ chừng năm bảy mươi năm, khi ấy có một nhà đứng lên dẹp loạn yên nước, lập nên cơ-nghiệp một nhà khác.

Phàm sự trị-loạn thay-đổi trong một xã-hội là thường lý, nhưng chỉ lạ có một điều mấy lần bên Tàu loạn cũng tương-tự như nhau cả. Xem như khi nhà Hán suy, thì nước Tàu phải cái loạn Tam-quốc; hết Tam-quốc thì có nhà Tấn nhất-thống. Đến khi nhà Tấn suy, thì có Nam Bắc-triều; hết Nam Bắc-triều thì có nhà Đường nhất-thống. Nay nhà Đường suy lại phải cái loạn đời Ngũ-Quí. Cái cơ-hội trị-loạn bên Tàu giống nhau như thế là cũng có lẽ tại cái phong-tục và cái xã-hội của Tàu. Sự giáo-dục không thay-đổi, nhân-quần trong nước không tiến-bộ, cách tư-tưởng không khai-hóa, cho nên nước tuy lâu đời, mà trình-độ xã-hội vẫn đứng nguyên một chỗ. Khi có biến-loạn là chỉ có mấy người có quyền-thế tranh-cạnh với nhau, chứ dân trong nước thì hể thấy bên nào mạnh

là làm tôi bên ấy. Nhà Hán làm vua là dân nhà Hán, nhà Đường làm vua là dân nhà Đường, việc gì cũng dở cho thiên - mệnh, làm dân chỉ biết thuận-thụ một bề mà thôi.

Xứ Giao-châu mình tự đời nhà Hán cho đến đời Ngũ-Quí vẫn là đất nội thuộc của Tàu, cho nên sự trị-loạn bên Tàu cũng ảnh-hưởng đến nước mình. Nhờ khi bên Tàu loạn-lạc, người Tàu phải bận việc nước, thì bên Giao-châu cũng rục-rịch tự lập được ba năm. Nhưng chỉ vì nước thì nhỏ, người thì ít, mà người trong nước lại không biết đồng tâm với nhau, không hiểu các lễ hợp-quần đoàn-thể là thế nào, cho nên không thành công được.

III. ĐỜI NGŨ-QUÍ (907-959)

1. TÌNH-THẾ NƯỚC TÀU. Năm đinh-mão (907) nhà Đường mất ngôi, nhà Hậu-Lương 後梁, Hậu-Đường 後唐, Hậu-Tấn 後晉, Hậu-Hán 後漢, Hậu-Chu 後周, tranh nhau làm vua. Mỗi nhà được mấy năm, gồm tất cả là 52 năm, gọi là đời Ngũ-Quí 五季 hay là Ngũ-Đại 五代.

2. HỌ KHÚC DẤY NGHIỆP: KHÚC THỪA DƯ (906-907). Trước khi nhà Đường sắp mất ngôi độ mấy năm, thì bên Tàu loạn, giặc cướp nổi lên khắp cả mọi nơi. Uy-quyền nhà vua không ra đến ngoài, thế-lực ai mạnh thì người ấy xưng đế, xưng vương. Ở Giao-châu, lúc bấy giờ có một người họ là Khúc tên là thừa Dư 曲承裕, quê ở Hồng-châu (thuộc địa-hạt Bình-giang và Ninh-giang ở Hải-dương). Khúc thừa Dư vốn là một người hào-phủ trong xứ, mà tính lại khoan-hòa, hay thương người, cho nên có nhiều người kính-phục. Năm bính-dần (906) đời vua Chiêu-tuyên nhà Đường 唐昭宣, nhân khi trong châu có loạn, chúng cử ông ấy lên làm Tiết-độ-sứ 節度使 để cai-trị Giao-châu. Nhà Đường bấy giờ suy-nhược, thế không ngăn cấm được, cũng thuận cho ông ấy làm Tĩnh-hải Tiết-độ sứ và gia phong Đồng-bình-chương-sự 同平章事.

Năm sau nhà Đường mất ngôi, nhà Hậu-Lương 後梁 phong cho Lưu-Ẩn 劉隱 làm Nam-bình-vương 南平王, kiêm

chức Tiết-độ-sứ Quảng-châu và Tĩnh-hải, có ý để lấy lại Giao-châu.

Khúc thừa Dụ làm Tiết-độ-sứ được non một năm thì mất, giao quyền lại cho con là Khúc Hạo 曲 顥.

3. KHÚC HẠO (907-917). Khúc Hạo lên thay cha làm Tiết-độ-sứ, lập ra lộ, phủ, châu, xã ở các nơi, đặt quan-lại, sửa-sang việc thuế-má, việc sưu-dịch và lại cho con là Khúc thừa Mỹ 曲 承 美 sang sứ bên Quảng-châu, tiếng là kết hiếu với nhau, nhưng cốt để dò-thăm mọi việc hư thực.

Lưu Ân ở Quảng-châu đóng phủ-trị ở Phiên-ngung được 4 năm thì mất. Em là Lưu Cung 劉 龔 (trước gọi Lưu Nham 劉 蒙) lên thay. Được ít lâu, nhân có việc bất bình với nhà Hậu-Lương, Lưu Cung tự xưng đế, quốc hiệu là Đại-việt 大 越. Đến năm đinh-sửu (947) cải quốc hiệu là Nam-hán 南 漢.

4. KHÚC THỪA MỸ (917-923). Năm đinh-sửu (917) Khúc Hạo mất, truyền nghiệp lại cho con là Khúc thừa Mỹ. Khúc thừa Mỹ nhận chức Tiết-độ-sứ của nhà Lương, chứ không thần-phục nhà Nam-Hán. Vua nước Nam-Hán lấy sự ấy làm hiềm, đến năm quý-mùi (923) sai tướng là Lý khắc Chính 李克正 đem quân sang đánh bắt được Khúc thừa Mỹ, rồi sai Lý Tiến 李 進 sang làm thứ-sử cùng với Lý khắc Chính giữ Giao-châu.

5. DƯƠNG DIÊN NGHỆ VÀ KIỀU CÔNG TIỆN (931-938). Năm tân-mão (931) Dương diên Nghệ 楊 延 藝 là tướng của Khúc Hạo ngày trước mới nổi lên, mộ quân đánh đuổi bọn Lý khắc Chính và Lý Tiến đi, rồi tự xưng làm Tiết-độ-sứ. Được 6 năm, Dương diên Nghệ bị người nha-tướng là Kiêu công Tiện 僑 公 美 giết đi mà cướp lấy quyền.

6. NGÔ QUYỀN PHÁ QUÂN NAM-HÁN. Khi ấy có người tướng của Dương diên Nghệ là Ngô Quyền 吳 權 cử binh đánh Kiêu công Tiện để báo thù cho chúa. Ngô Quyền là người làng Đường-lâm 唐 林, cùng một làng với Phùng Hưng

ngày trước (huyện Phù-thọ, tỉnh Sơn-tây) làm quan với Dương diên Nghệ. Dương diên Nghệ thấy người có tài-trí mới gả con gái cho, và phong cho vào giữ Ái-châu (Thanh-hóa). Khi được tin Kiều công Tien đã giết mất Dương diên Nghệ, Ngô Quyền liền đem quân ra đánh.

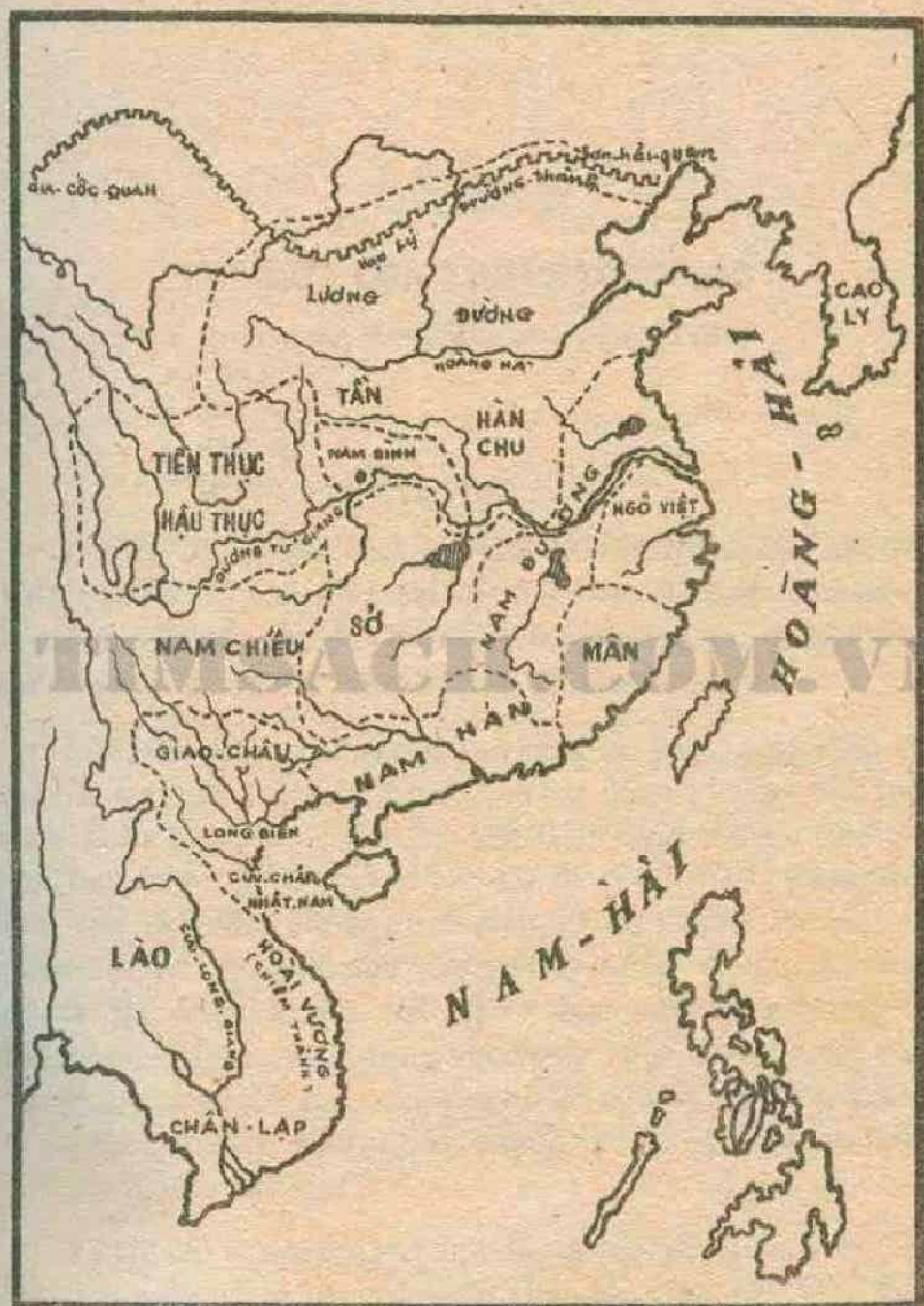
Kiều công Tien cho sang cầu cứu ở bên Nam-Hán, Hán-chủ nhân dịp cho thái-tử là Hoảng Tháo 弘操 đưa quân đi trước, mình tự dẫn quân đi tiếp ứng.

Khi quân Hoảng Tháo vào gần đến sông Bạch-đăng 白藤江, thì bên này Ngô Quyền đã giết được Kiều công Tien (938), rồi một mặt truyền lệnh cho quân-sĩ phải hết sức phòng bị, một mặt thì sai người lấy gỗ cạp sắt nhọn, cắm ngầm ở dưới lòng sông Bạch-đăng, xong rồi chờ đến lúc nước thủy-triều lên, cho quân ra khiên chiến; quân Nam-Hán đuổi theo, đến lúc nước xuống, Ngô Quyền hồi quân đánh ập lại, quân Nam-hán thua chạy, bao nhiêu thuyền mắc vào cọc gỗ thủng-nát mất cả, người chết quá nửa. Hoảng Tháo bị Ngô Quyền bắt được, đem về giết đi.

Hán-chủ được tin ấy, khóc òa lên, rồi đem quân về Phiên-ngung, không dám sang quấy nhiễu nữa.

Ngô Quyền trong thi giết được nghịch-thần, báo thù cho chủ, ngoài thì phá được cường-dịch, bảo toàn được nước, thật là một người trung-nghĩa lưu danh thiên cổ, mà cũng nhờ có tay Ngô Quyền, nước Nam ta mới cởi được cái ách Bắc-thuộc hơn một nghìn năm, và mở đường cho Đinh, Lê, Lý, Trần, về sau này được tự-chủ ở cõi nam vậy.

NƯỚC TÀU VỀ ĐỜI NGŨ-QUỊ



CHƯƠNG VI

KẾT-QUẢ CỦA THỜI BẮC-THUỘC

1. Người nước Nam nhiễm văn-minh của Tàu
2. Nho-giáo
3. Đạo-giáo
4. Phật-giáo
5. Sự tiến-hóa của người nước Nam

1. NGƯỜI NƯỚC NAM NHIỄM VĂN-MINH CỦA TÀU. Từ khi vua Vũ-đế nhà Hán sai Lộ bác Đức 路博德 sang đánh lấy Nam-việt cho đến đời Ngũ-Quí, ông Ngô Quyền 吳權 đánh-đuổi người Tàu về bắc, tính vừa 1.050 năm.

Xứ Giao-châu ta bị người Tàu sang cai-trị bấy lâu năm thì chắc là sự sinh-hoạt của người bản-xứ cũng bị thay-đổi một cách khác hẳn với trước. Khi đất Giao-châu còn gọi là Văn-lang hay là Âu-lạc thì người bản-xứ ăn ở thế nào, phong-tục làm sao, nay cũng không có di-tích gì mà kê-cứu ra cho rõ được. Có lẽ cũng tự-hồ như Mường hay là Mán ở mạn thượng-du đất Bắc-Việt bây giờ. Giả sử có đem vua Hùng-vương họ Hồng-bàng và vua An-dương-vương họ Thục mà sánh với mấy người Quan-lang ở mạn thượng-du thì dễ thường cũng không xa sự thực là mấy. Nhưng đây là một điều nói phỏng mà thôi, chứ lấy gì làm đích-xác?

Vả lại, khi người một xã-hội đã văn-minh như người Tàu mà đi mở đất chưa khai như đất Giao-châu lúc bấy giờ, thì e rằng người Tàu chiếm giữ lấy chỗ bình địa rồi tụ-hợp với nhau mà làm ăn, còn những người bản-xứ thì hoặc là lẫn với kẻ

khỏe hơn mình, hoặc giết-hại đi, hoặc vào ở trong rừng trong núi rồi chết mòn chết mỏi đi. Kể như thế thì người mình bây giờ cũng không xa người Tàu là bao nhiêu.

Dẫu thế nào mặc lòng, hết đời Bắc-thuộc rồi thì người Giao-châu ta có một cái nghị-lực riêng và cái tính-chất riêng đề độc-lập, chứ không chịu lẫn với nước Tàu. Duy chỉ có sự sùng-tín, sự học-vấn, cách cai-trị thì bao giờ mình cũng chịu cái ảnh-hưởng của Tàu.

Nguyên nước Tàu từ đời Tam-Đại 三代 đã văn-minh lắm, mà nhất là về đời nhà Chu 周 thì cái học-thuật lại càng rực-rỡ lắm. Những học-phái lớn như là Nho-giáo 儒家 và Lão-giáo 老教, đều khởi đầu từ đời ấy. Về sau đến đời nhà Hán 漢, nhà Đường 唐, những học-phái ấy thịnh lên, lại có Phật-giáo 佛敎 ở Ấn-độ truyền sang, rồi cả ba đạo cùng truyền-bá đi khắp cả mọi nơi trong nước. Từ đó trở về sau nước Tàu và những nước chịu ảnh-hưởng của Tàu đều theo tông-chỉ của những đạo ấy mà lập ra sự sùng-tín, luân-lý và phong-tục tương-tự như nhau cả. Vậy ta xét qua xem những học-phái ấy gốc-tích từ đâu, và cái tông-chỉ của những học-phái ấy ra thế nào.

2. NHO-GIÁO. Nho giáo sinh ra từ đức Khổng-tử 孔子. Ngài húy là Khâu 邈, tên chữ là Trọng Ni 仲尼, sinh ở nước Lỗ 魯 (thuộc tỉnh Sơn-đông) vào năm 551 trước Tây-lịch, về đời vua Linh-vương nhà Chu 周靈王.

Ngài sinh vào đời Xuân-Thu 春秋, có Ngũ bá tranh cường, dân-tính khổ-sở, phong-tục bại-hoại. Ngài muốn lấy đạo luân-thường mà dạy người ta cách ăn-ở với nhau trong đời. Ngài đi du-lịch trong mấy nước chư-hầu, hết nước nọ qua nước kia, môn-dệ theo ngài cũng nhiều. Đến lúc già, ngài trở về nước Lỗ, soạn kinh Thi 詩, kinh Thư 書, kinh Dịch 易, định kinh Lễ 禮, kinh Nhạc 樂 và làm ra kinh Xuân-thu 春秋, rồi đến năm 479 tr. Tây-lịch về đời vua Kinh-vương nhà Chu 周敬王 thì Ngài mất, thọ được 72 tuổi.

Ngài chỉ cốt lấy những điều hợp với bản-tính của loài người mà dạy người, chứ không dạy những điều u-ân huyền-

điều khác với đạo thường. Ngài nói rằng: «Đạo bất viễn nhân, nhân chi vi đạo nhi viễn nhân, bất khả dĩ vi đạo 道不遠人, 人之爲道而遠人, 不可以爲道.» Nghĩa là: đạo không xa cái bản-tính người ta, hễ vi đạo mà xa cái bản-tính ấy thì đạo ấy không phải là đạo. Bởi vậy cái tông-chỉ của Ngài là chủ lấy Hiếu, Đễ, Trung, Thứ làm gốc, và lấy sự sửa mình làm cốt mà dạy người. Ngài chỉ dạy người về sự thực-tế hiện-tại, chứ những điều viễn-vông ngoài những sự sinh-hoạt ở trần-thế ra thì ngài không bàn đến. Nói đến sự sống chết thì ngài bảo rằng: «Vị tri sinh, yèn tri tử 未知生, 焉知死»: chưa biết được việc sống, sao đã biết được việc chết. Nói đến việc quỷ-thần thì ngài bảo rằng: «Quỷ-thần kính nhi viễn chi 鬼神敬而遠之: quỷ-thần thì nên kính, mà không nên nói đến.»

Tông-chỉ, đạo ngài có nhiều lý-lường cao-siêu (xem sách *Nho-giáo*) (1) nhưng về đường thực-tế thì chủ-trọng ở luân-thường đạo-lý. Cái đạo luân-lý của ngài có thể truyền cho muôn đời về sau không bao giờ vượt qua được. Đối với mọi người thì ngài dạy: «Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân 己所不欲勿施於人: điều gì mà mình không muốn người ta làm cho mình, thì mình đừng làm cho ai». Đối với việc bòn-phận của mình thì ngài dạy: Quân-tử động nhi thế vi thiên-hạ đạo, hành nhi thế vi thiên-hạ pháp, ngôn nhi thế vi thiên-hạ tắc, viển chi tắc vọng, cận chi tắc bất yếm. 君子動而世爲天下道, 行而世爲天下法, 言而世爲天下則, 遠之則望, 近之則不厭: người quân-tử cử-động việc gì là để làm đạo cho thiên-hạ, làm lụng việc gì là để làm phép cho thiên-hạ, nói-năng điều gì là để làm mực cho thiên-hạ; người ở xa thì muốn lại gần, người ở gần thì không bao giờ chán (2).

Đạo của Khổng-tử truyền cho thầy Tăng Sâm 曾參; Tăng Sâm truyền cho Khổng Cấp 孔伋; Khổng Cấp truyền cho thầy Mạnh Kha 孟軻 tức là thầy Mạnh-tử 孟子.

(1) *Nho-giáo* — Trung-tâm Học-liệu xuất-bản trọn bộ 2 quyển.

(2) Sánh với lời của Khang Đức tiên-sinh là một nhà đại-triết-học ở phương Âu: «Agis de telle que la maxime de ton vouloir puisse être acceptée comme règle universelle»: Ăn-ở thế nào cho bao nhiêu những việc mình làm có thể làm cái công-lệ cho thiên-hạ.

Thầy Mạnh-tử là một nhà đại hiền-triết nước Tàu, làm sách Mạnh-tử, bàn sự trọng nhân nghĩa, khinh công lợi, và cho tính người ta vốn lành, ai cũng có thể nên được Nghiêu Thuấn cả.

Đến đời nhà Tần 秦, vua Thi-hoàng 始皇 giết những người nho-học, đốt cả sách-vở, đạo Nho phải một lúc gian-nan. Đến đời vua Cao-tổ nhà Hán 漢高祖 lại tôn-kính đạo Nho, sai làm lễ thái-lao tế đức Khổng-tử. Đến đời vua Vũ-đế nhà Hán 漢武帝 lại đặt quan bác-sĩ để dạy năm kinh. Từ đấy trở đi, đạo Nho mỗi ngày một thịnh, dầu trong nước có đạo Lão, đạo Phật mặc lòng, bao giờ đạo Nho vẫn trọng hơn.

3. ĐẠO - GIÁO. Đạo-giáo là bởi đạo của ông Lão-tử 老子 mà thành ra. Lão-tử là người nước Sở 楚 (thuộc tỉnh Hồ-bắc) họ là Lý 李, tên là Đam 聃, sinh vào năm 604 tr. Tây-lịch về đời vua Định-vương nhà Chu 周定王, sống được 81 tuổi, đến năm 523 tr. Tây-lịch, vào đời vua Cảnh-vương nhà Chu 周景王 thì mất.

Tông-chỉ của Lão-tử là trước khi có trời đất, thì chỉ có Đạo 道. Đạo là bản-thể của vũ-trụ, là cái gốc nguyên-thỉ của các sự tạo-hóa. Vạn vật đều bởi Đạo mà sinh ra. Vậy sửa mình và trị nước nên phải theo Đạo, nghĩa là người ta nên điềm-tĩnh, vô vi, cứ tự-nhiên, chứ không nên dùng trí-lực mà làm gì cả.

Lão-tử soạn ra sách Đạo-đức kinh 道德經, rồi sau có Văn-tử 文子, Thi-tử 尸子, Trang-tử 莊子, và Liệt-tử 列子 noi theo mà truyền-bá cái tông-chỉ ấy.

Đạo của Lão-tử lúc đầu là một môn triết-học rất cao-siêu, nhưng về sau cái học-thuyết biến-đổi đi, rồi những người giảng thuật thần tiên cũng phụ theo đạo ấy mà nói những chuyện số-kiếp và những sự tu-luyện để được phép trường sinh bất tử v. v... Bởi vậy đạo Lão mới thành ra Đạo-giáo là một đạo thần tiên, phù-thủy, và những người theo Đạo-giáo gọi là đạo-sĩ 道士.

Nguyên từ đời vua Thi-hoàng nhà Tần và vua Vũ-đế nhà Hán, người Tàu đã tin sự thần tiên, sau đến cuối đời nhà

Đông-Hán có Trương đạo Lăng 張道陵 soạn ra 24 thiên Đạo-kinh 道經 giảng cái thuật trường-sinh. Bọn giặc Hoàng-cân Trương Giác 張角 chính là học trò Trương đạo Lăng. Đến đời nhà Đông Tấn lại có Cát Hồng 葛洪 nói rằng được tiên-thuật, rồi làm sách dạy những thuật ấy. Từ đấy về sau Đạo-giáo thịnh dần lên, tôn Lão-tử làm Thái-thượng Lão-quân 太上老君.

Đời vua Cao-tổ nhà Đường có người nói rằng thấy Lão-tử hiện ra ở núi Dương-giác-sơn 羊角山 xưng là tổ nhà Đường (3)! Vua Cao-tổ đến tế ở miếu Lão-tử và tôn lên là Thái-thượng Huyền-nguyên Hoàng-đế 太上玄元皇帝. Bởi vậy nhà Đường trọng đạo Lão-tử lắm, bắt con cháu phải học Đạo-đức kinh.

Tuy đạo Lão về sau thịnh-hành ở nước Tàu, nhưng cũng không bằng đạo Phật. Đạo Phật là một đạo ở Ấn-độ đem vào nước Tàu, và lại là một tông-giáo rất lớn ở thế-gian này.

4. PHẬT-GIÁO. Tỉ-tổ đạo Phật là đức Thích-ca Mâu-ni 釋迦牟尼. Không biết rõ ngài sinh vào đời nào. Cứ ý-kiến của đạo-phái ở về phía bắc đất Ấn-độ thì cho là ngài sinh về năm 1.028 trước Tây - lịch kỷ - nguyên, vào đời vua Chiêu - vương nhà Chu 周昭王. Còn đạo-phái ở phía nam thì cho vào năm 624. Những nhà bác-học thời bây giờ cho ngài sinh vào năm 558 hay là 520, cùng với Khổng-tử một thời.

Đức Thích-ca là con một nhà quý-tộc ở đất Ấn-độ. Ngài đã lấy vợ, có con, nhưng vì thấy người ta ở trần-thế này không ai khỏi được những sự khổ-não như là *sinh, lão, bệnh, tử*, cho nên ngài bỏ cả vợ con mà đi tu, để cầu phép giải-thoát. Vậy đạo Phật cốt có hai chủ-ý: một là đời là cuộc *khổ-não*; hai là sự *thoát khỏi khổ-não*.

Người ta gặp phải những sự khổ-não như thế là tại mình cứ mắc trong vòng *luân hồi* 輪迴 mãi. Vậy muốn cho khỏi sự khổ-não thì phải ra ngoài *luân hồi* mới được; mà ra ngoài *luân hồi* thì phải cắt cho đứt những cái *nhân-duyên*

(3) Lão-tử và vua nhà Đường cùng họ Lý 李.

nó trôi-buộc mình ở trần-gian này. Ra được ngoài Luân-hồi thì lên đến cõi nát-bàn (nirvana) tức là thành Phật, bất sinh bất tuyệt (xem sách *Phật-giáo* và sách *Phật-lục* của tác-giả).

Nguyên đạo Phật 佛 là do ở đạo Bà-la-môn (Brahmane) mà ra, nhưng tông-chỉ đạo Phật không giống đạo Bà-la-môn cho nên hai đạo chống nhau mãi, thành ra đến ba bốn trăm năm sau, khi đức Thích-ca mất rồi, đạo Phật mới phát-đạt ra ở Ấn-độ.

Đạo Phật sang nước Tàu kể từ nhà Tây-Hán. Đời vua Hán vũ-đế 漢武帝 (140-86) quân nhà Hán đi đánh Hung-nô 匈奴 đã lấy được tượng Kim-nhân và biết rằng người Hung-nô có thói đốt hương thờ Phật (4). Đời vua Ai-đế 哀帝 năm Nguyên-thọ nguyên-niên, là lịch tây năm thứ 2, vua nhà Hán sai Tàn cảnh Hiến 蔡景憲 sang sứ rợ Nhục-chi 肉氏 có học khẩu-truyền được kinh nhà Phật.

Đến đời vua Minh-đế nhà Đông-Hán, có Ban Siêu 班超 đi sứ các nước ở Tây-vực 西域 biết đạo Phật thịnh-hành ở phương Tây. Vua bèn sai Thái Am 岑惜 đi sang Thiên-trúc 天竺 lấy được 42 chương kinh và rước thầy tăng về dạy đạo Phật. Bấy giờ nhân có con bạch-mã đem kinh về, cho nên nhà vua mới lập chùa Bạch-mã để thờ Phật ở đất Lạc-dương 洛陽.

Từ đó đạo Phật cứ dần dần truyền-bá ra khắp nước Tàu, nhưng chỉ có người Ấn-độ sang dạy đạo Phật mà thôi, mãi đến đời Tam-quốc mới có người Tàu đi làm thầy tăng. Về sau người Tàu sang Ấn-độ lấy kinh đem về giảng dạy cũng nhiều.

Đời vua An-đế nhà Đông-Tấn (402) đất Trường-an 長安 có ông Pháp Hiến 法顯 đi chơi hăng 30 nước ở xứ Ấn-độ, qua đảo Tích-lan (Ceylan) rồi theo đường hải đạo về Tàu, đem kinh nhà Phật dịch ra chữ Tàu và làm sách Phật-quốc-ký 佛國記.

(4) Tục-lệ đốt hương mà thờ-cúng khởi đầu từ đó.

Đến đời Nam-Bắc-triều, vua Hiếu Minh 孝明 nhà Ngụy 魏 sai tăng là Huệ Sinh 惠生 và Tống Vân 宋雲 sang Tây-vực lấy được hơn 170 bộ kinh đem về. Từ đó đạo Phật rất thịnh, kinh điển có đến 450 bộ, chùa-chiền được hơn 3 vạn, tăng-ni có đến 2 triệu người.

Đời vua Thái-Tông 太宗 nhà Đường (630), có ông Huyền Trang 玄奘 (tục gọi là Đường-tăng hay là Đường Tam-tạng) đi sang Ấn-độ ở hơn 10 năm lấy được 650 bộ kinh nhà Phật. Đến đời vua Cao-tông 高宗 (672) ông Nghĩa Tịnh 義淨 lại sang Ấn-độ lấy được 400 bộ kinh nhà Phật nữa.

Từ đời nhà Đường trở đi, thì ở bên Tàu đạo Phật càng ngày càng thịnh, mà người đi lấy kinh cũng nhiều.

5. SỰ TIẾN-HÓA CỦA NGƯỜI NƯỚC NAM. Khi những đạo Nho, đạo Khổng, đạo Phật phát-đạt ở bên Tàu, thì đất Giao-châu ta còn thuộc về nước Tàu, cho nên người mình cũng theo những đạo ấy. Về sau nước mình đã tự-chủ rồi, những đạo ấy lại càng thịnh thêm, như là đạo Phật thì thịnh về đời nhà Đinh 丁, nhà Tiền-Lê 前黎 và nhà Lý 李, mà đạo Nho thì thịnh từ đời nhà Trần 陳 trở đi.

Phàm phong-tục và chính-trị là do sự học-thuật và tông-giáo mà ra. Mà người mình đã theo học-thuật và Tông-giáo của Tàu thì điều gì ta cũng noi theo Tàu hết cả. Nhưng xét ra thì điều gì mình cũng thua-kém Tàu, mà tự người mình không thấy có tìm-kiếm và bày đặt ra được cái gì cho xuất sắc, gọi là có cái tinh-thần riêng của nòi-giống mình, là tại làm sao?

Có lẽ một là tại địa-thể nước Nam ta, hai là cách ăn ở của người mình.

Phàm sự tiến-hóa của một xã-hội cũng như công-việc của một người làm, phải có cái gì nó đun-dậy mình, nó bắt phải cố sức mà tiến-hóa thì mới tiến-hóa được. Sự đun-dậy ấy là sự cần-dùng và sự đua-tranh.

Nếu không có cần-dùng thì không có cố-gắng, không cố-gắng thì không tiến - hóa. Nếu không có đua - tranh thì không có tìm-kiếm, không tìm-kiếm thì không tài giỏi, sự lý tất nhiên là vậy.

Xem như nước Nam ta, thì hai cái yếu-điểm ấy đều kém cả. Người mình ở về xứ nóng-nực, cách ăn-mặc giản-dị, đơn-sơ, không phải cần-lao lo nghĩ cũng đủ sống, cho nên ai cũng thích nhàn-lạc, quý-hở khỏi chết thì thôi, chứ không muốn lao tâm lao-lực lắm như những người ở nước văn-minh khác. Tính người mình như thế, thì hễ ai có cái gì, mình chỉ bắt-chước được mà thôi, chứ không phát khởi bày đặt ra được điều gì nữa.

Còn như sự đua tranh, phải có nhiều người, nhiều nước thì mới đua tranh được. Nhưng nước ta ở phía đông thì có bẽ, ở phía tây, phía nam, thì những người Mường, người Lào là những người văn-minh kém mình cả, còn ở phía bắc có nước Tàu là hơn mình, nhưng Tàu lại to quá, sự giao-thông với mình thì cách trở sơn xuyên, đường-sá khó-khăn không tiện, chỉ có quan-tư thỉnh-thoảng đi lại mà thôi, chứ dân trong nước không mấy khi ra đến ngoài bờ-cõi nước nhà. Người mà cả đời không đi đến đâu, mắt không trông thấy cái hay cái dở của người, thì tiến-hóa làm sao được? Mà sự học của mình thì ai cũng yên trí rằng cái gì đã là của Tàu là hay, là tốt hơn cả: từ sự tư-tưởng cho chí công-việc làm, điều gì mình cũng lấy Tàu làm gương. Hễ ai bắt-chước được Tàu là giỏi, không bắt-chước được là dở. Cách mình sùng-mộ văn-minh của Tàu như thế, cho nên không chịu so-sánh cái hơn cái kém, không tìm cách mà phát-minh những điều hay tốt ra, chỉ định-ninh rằng người ta hơn mình, mình chỉ bắt chước người ta là đủ.

Địa-thế nước mình như thế, tính-chất và sự học-văn của người mình như thế, thì cái trình-độ tiến-hóa của mình tất là phải chậm-chạp và việc gì cũng phải thua-kém người ta vậy.

PHẦN III

TỰ-CHỦ THỜI-ĐẠI

(Thời-kỳ thống-nhất)

自 主 時 代

CHƯƠNG I

NHÀ NGÔ

吳氏

(939 - 965)

- I.— 1. Tiền Ngô-vương
2. Dương tam Kha
3. Hậu Ngô-vương

II.— Thập-nhi Sĩ-quân

I.— 1. TIỀN NGÔ-VUƠNG (939-965). Năm kỷ-hợi (939) Ngô Quyền 吳權 xưng vương, đóng đô ở Cổ-loa 古螺 (thuộc huyện Đông-anh, tỉnh Phúc-yên). Ngô-vương đặt quan chức, chế triều-nghi, định phục-sắc và chỉnh-đốn việc chính-trị trong nước, chỉ muốn dựng nghiệp lâu dài, nhưng chỉ làm vua được có 6 năm, đến năm giáp-thìn (944) thì mất, thọ 47 tuổi.

2. DƯƠNG TAM KHA (945-950). Ngô-vương trước lấy con Dương diên Nghệ là Dương-thị lập làm vương-hậu; đến lúc mất, vương ủy-thác con là Ngô xương Ngập 吳昌胤 cho Dương tam Kha 楊三哥 là em Dương-hậu 楊后. Dương tam Kha bèn cướp lấy quyền của cháu, tự xưng là Bình-vương 平王.

Ngô xương Ngập thấy biến, chạy trốn sang Nam-sách 南嶺 (thuộc Hải-dương) vào ẩn ở nhà Phạm Linh-công 范令公 ở Trà-hương 茶鄉 (huyện Kim-thành). Tam Kha sai quân đi đuổi bắt. Phạm Linh-công đem vào dấu trong núi. Dương tam Kha bắt em Ngô xương Ngập là Ngô xương Văn 吳昌文 nuôi làm con nuôi.

Năm canh-tuất (905) có dân ở tại thôn Thái-bình (thuộc Sơn-tây) làm loạn. Dương tam Kha sai Ngô xương Văn cùng

với tướng là Dương cát Lợi 楊吉利 và Đỗ cảnh Thạc 杜景碩 đem quân đi đánh. Đi đến Từ-liêm, Ngô xương Văn mưu với hai tướng đem quân trở về bắt Dương tam Kha.

Ngô xương Văn nghĩ tình cậu cháu không nỡ giết, chỉ giáng xuống làm Trương Dương-công 張揚公.

3. HẬU NGÔ-VƯƠNG (950 - 965). Ngô xương Văn bỏ Dương tam Kha đi rồi, xưng là Nam-tấn-vương 南晉王 và sai người đi đến làng Trà-hương rước anh là Ngô xương Ngập về cùng coi việc nước. Ngô xương Ngập về xưng là Thiên-sách-vương 天策王. Cả hai anh em làm vua, sử gọi là Hậu Ngô - vương.

Làm vua được ít lâu, Thiên-sách vương đã toan giữ lấy quyền một mình, nhưng đến năm giáp-dần (954) thì mất.

Thế-lực nhà Ngô bấy giờ mỗi ngày một kém, giặc-giã nổi lên khắp cả mọi nơi. Nam-tấn-vương phải thân chinh đi đánh dẹp. Khi đi đánh giặc ở hai thôn Thái-bình, không may bị tên bắn chết. Bấy giờ là năm ất-sửu (965), Nam-tấn-vương làm vua được 15 năm.

II. THẬP-NHỊ SỬ-QUÂN (945-967). Từ khi Dương tam Kha tiếm-vị rồi, những người thổ-hào ở các nơi như bọn Trần Lãm, Kiều công Hãn v. v... đều xưng lên độc-lập, xưng là Sứ-quân 使君. Về sau Nam-tấn-vương đã khôi-phục được nghiệp cũ, nhưng mà các sứ-quân vẫn không chịu về thần-phục. Bởi vậy nhà vua cứ phải đi đánh dẹp mãi, mà không yên được. Đến khi Nam-tấn-vương bị giặc bắn chết, thì con Thiên-sách-vương là Ngô xương Xí 吳昌熾 lên nối nghiệp, nhưng thế nhà vua lúc ấy suy-nhược lắm, không ai phục-tùng nữa. Ngô xương Xí về đóng giữ đất Bình-kiều. Tướng nhà Ngô là Đỗ cảnh Thạc cũng giữ một chỗ xưng là Sứ-quân.

Lúc bấy giờ trong nước có cả thảy 12 Sứ-quân, gây ra cảnh nội loạn kéo dài đến hơn 20 năm. Mười hai Sứ-quân là:

1. Ngô xương Xí 吳昌熾 giữ Bình-kiều 平橋 (nay là làng Bình-kiều, phủ Khoái-châu, Hưng-yên)

2. Đỗ cảnh Thạc 杜景碩 giữ Đỗ-động-giang 杜洞江 (thuộc huyện Thanh-oai)
3. Trần Lãm 陳覽, xưng là Trần Minh-công 陳明公 giữ Bồ-hải-khẩu 布海口 (Kỳ-bổ, tỉnh Thái-bình)
4. Kiều công Hãn 矯公旱, xưng là Kiều Tam-chế 矯三制 giữ Phong-châu 峰州 (huyện Bạch-hạc)
5. Nguyễn Khoan 阮寬, xưng là Nguyễn Thái-bình 阮太平 giữ Tam-đái 三臺 (phủ Vĩnh-tường)
6. Ngô nhật Khánh 吳日慶, xưng là Ngô Lãm-công 吳覽公 giữ Đường-lâm 唐林 (Phúc-thọ, Sơn-tây)
7. Lý Khuê 李奎, xưng là Lý Lang-công 李郎公 giữ Siêu-loại 超類 (Thuận-thành)
8. Nguyễn thủ Tiệp 阮守捷, xưng là Nguyễn Linh-công 阮令公 giữ Tiên-du 仙遊 (Bắc-ninh)
9. Lữ Đường 呂唐, xưng là Lữ-Tà-công 呂佐公 giữ Tế-giang 細江 (Văn-giang, Bắc-ninh)
10. Nguyễn Siêu 阮超, xưng là Nguyễn Hữu-công 阮右公 giữ Tây-phù-liệt 西扶烈 (Thanh-trì, Hà-dông)
11. Kiều Thuận 矯順, xưng là Kiều Linh-công 矯令公 giữ Hồi-hồ 回湖 (Cầm-khe, Sơn-tây)
12. Phạm bạch Hồ 范白虎, xưng là Phạm Phòng át 范防逸 giữ Đàng-châu 唐洲 (Hưng-yên)

Những Sứ-quân ấy cứ đánh lẫn nhau, làm cho dân-gian khổ-sở. Sau nhờ có ông Đinh bộ Lĩnh ở Hoa-lư đem quân đi đánh, mới dẹp xong cái loạn sứ-quân, đem giang-sơn lại làm một mối, và lập nên cơ-nghiệp nhà Đinh vậy.

NGÔ TRIỀU THẾ PHỔ 吳朝世譜

Ngô-vương Quyền 吳王權

Thiên-sách-vương Ngô-xương-Ngập

天策王 吳昌胤

Nam-tấn-vương Ngô-xương-Văn

南晉王 吳昌文

Sứ-quân Ngô xương Xí 使君 吳昌熾

CHƯƠNG II

NHÀ ĐINH

丁氏

(968 - 980)

1. Đinh Tiên-hoàng

2. Đinh Phế-đế

1. ĐINH TIÊN-HOÀNG (968-979): Đinh bộ Lĩnh (1) là người ở Hoa-lư động 花 閼 洞 (huyện Gia-viễn, tỉnh Ninh-bính), con ông Đinh công Trừ 丁 公 著 làm thứ-sử ở Hoan-châu về đời Dương diên Nghệ và đời Ngô-vương Quyền. Đinh công Trừ mất sớm, Bộ Lĩnh theo mẹ về quê ở, thường đi chơi với trẻ chăn trâu-bò, bắt chúng khoanh tay làm kiệu để ngồi cho chúng rước, và lại lấy bông lau làm cờ bầy trận đánh nhau. Trẻ xù ấy đứa nào cũng sợ, tôn lên làm anh. Đến lúc khôn-lớn lên, dân làng ở đây theo phục rất nhiều, nhưng sau vì không hòa với chú, cho nên Bộ Lĩnh cùng với con là Liên 璘 sang ở với Sứ-quân Trần Minh-công ở Bồ-hải khẩu (phủ Kiến-xương, Thái-bình).

Trần Minh-công thấy người khôi-ngô, có chí-khí, đem lòng yêu-mến, cho được giữ binh-quyền. Đến khi Trần Minh-công mất, Đinh bộ Lĩnh đem quân về giữ Hoa-lư, chiêu-mộ

(1) Có sách chép rằng Đinh Tiên-hoàng tên là Hoàn 桓, chứ không phải là Bộ Lĩnh. Bộ Lĩnh là tước quan của Trần Lâm phong cho Đinh Hoàn. Nhưng xét trong « Khâm-dịnh Việt-sử » và các sách khác thì thấy chép Đinh bộ Lĩnh chứ không thấy Đinh Hoàn. Vậy nay cứ theo sách Khâm-dịnh mà chép.

những người hào-kiệt, hùng cứ một phương. Năm tân-hợi (951) đời Hậu Ngô-vương, Nam-Tấn-vương và Thiên-Sách-vương đã đem quân vào đánh không được. Đến khi nhà Ngô mất rồi, Đinh bộ Lĩnh hàng được Sứ-quân Phạm Phòng-át 范防遏, phá được Đồ-dộng của Đồ cảnh Thạc 杜景碩. Từ đó đánh đâu được đấy, cho nên chúng tôn là Vạn-thắng-vương 萬勝王. Chỉ trong một năm mà vương binh được các Sứ-quân và lập thành nghiệp đế.

Năm mậu-thìn (968) Vạn-thắng-vương lên ngôi Hoàng-đế, tức là Tiên-hoàng-đế, đặt quốc-hiệu là Đại-cổ-việt 大累越, đóng đô ở Hoa-lư. Tiên-hoàng xây cung-diện, chế triều-nghi, định phẩm-hàm quan văn quan võ, phong cho Nguyễn Bặc 阮弼 làm Định quốc công, Lê Hoàn 黎桓 làm Thập-đạo tướng-quân 十道將軍, và phong cho con là Đinh Liễn làm Nam-việt-vương.

Năm canh-ngọ (970) Tiên-hoàng đặt niên-hiệu là Thái-bình nguyên-niên 太平元年, và đặt năm ngôi Hoàng-hậu.

Trong khi vua Đinh Tiên-hoàng dẹp loạn Sứ-quân ở nước ta, thì ở bên Tàu ông Triệu Khuông Dận 趙匡胤 nổi nghiệp nhà Hậu-Chu 後周 tức là vua Thái-tổ nhà Tống. Đến năm canh-ngọ (970) vua Thái-tổ nhà Tống sai tướng là Phan Mỹ 潘美 sang đánh lấy Nam-Hán 南漢. Vua Tiên-hoàng sợ quân nhà Tống 宋 sang đánh, bèn sai sứ sang thông hiếu với Tống-triều.

Năm nhâm-thân (972) Tiên-hoàng lại sai Nam-việt-vương là Liễn đem đồ phương vật sang cống nhà Tống. Vua nhà Tống sai sứ sang phong cho Tiên-hoàng làm Giao-chỉ quận vương 交趾郡王 và phong cho Nam-việt-vương Liễn làm Tĩnh-hải-quân Tiết-độ-sứ, An-nam đô-hộ.

Từ đó nước ta cứ giữ lệ sang triều cống nước Tàu.

Việc chính-trị trong nước thì lúc bấy giờ còn có nhiều người quen thói lúc loạn, không chịu tuân theo luật-lệ. Tiên-hoàng phải dùng oai để trừng-trị những bọn gian-ác: đặt vạc dầu ở trước điện, nuôi hổ báo ở trong vườn, rồi hạ lệnh rằng

hễ ai phạm tội thì bỏ vạc dầu hay là cho hồ báo ăn. Hình-luật uy-nghiêm như thế, thì cũng quá lắm, nhưng nhờ có những hình-luật ấy thì dân trong nước mới dần dần được yên.

Việc binh-lính thì Tiên-hoàng phân ra đạo, quân, lữ, tốt, ngũ. Mỗi một đạo có 10 quân; 1 quân 10 lữ; 1 lữ 10 tốt; 1 tốt 10 ngũ; 1 ngũ 10 người.

Vậy một đạo là 100.000 người, và cứ số ấy mà tính thì nhà Đinh bấy giờ có 10 đạo, là 1.000.000 người.

Thiết tưởng nước ta bấy giờ đất thì nhỏ, người thì ít, lấy đâu làm một triệu quân được, và lấy cơm gạo đâu mà nuôi được bấy nhiêu người. Họa chăng Tiên-hoàng có được độ 10 vạn người đã là nhiều.

Tiên-hoàng bỏ trưởng lập ấu, cho đưa con út là Hạng Lang 項郎 làm Thái-tử. Con trưởng là Nam-việt-vương Liên đã theo Tiên-hoàng đi trận-mạc từ thừa hàn-vi, nay không được ngôi Thái-tử, lấy sự ấy làm tức-giận bèn khiến người giết Hạng Lang đi. Ấy là gây nên mối loạn ở trong nhà.

Năm kỷ-mão (979) vua Tiên-hoàng và Nam-việt-vương Liên bị tên Đỗ Thích 杜适 giết chết. Sử chép rằng tên Đỗ Thích trước làm lại, đêm năm thấy sao rơi vào mồm, tưởng là triệu mệnh được làm vua, bèn định bụng làm sự thí-doạt. Một hôm Đỗ Thích thấy Tiên-hoàng say rượu nằm trong cung, bèn lên vào giết Tiên-hoàng đi, rồi giết cả Nam-việt-vương Liên.

Đình-thần tìm bắt được Đỗ Thích đem làm tội, và tôn Vệ-vương 衛王 Đinh Tuệ 丁瑑 lên làm vua.

Tiên-hoàng làm vua được 12 năm, thọ được 56 tuổi.

2. PHỄ-ĐẾ (979-980), Vệ-vương mới có 6 tuổi lên làm vua, quyền-chính ở cả Thập-dạo tướng-quân là Lê Hoàn 黎桓. Lê Hoàn lại cùng với Dương Thái-hậu 楊太后 tư thông.

Các quan đại-thần bấy giờ là bọn Đinh Điền 丁佃, Nguyễn Bặc 阮弼 thấy Lê Hoàn nhiếp chính lộng quyền quá, mới cử binh-mã đến đánh, nhưng bị Lê Hoàn giết cả.

Lúc bấy giờ nhà Tống nghe tin Tiên-hoàng đã mất, tự quân còn đại, muốn thừa thế sang lấy nước ta, mới hội đại binh ở gần biên-giới.

Bên ta được tin quân Tàu sắp sang, Lê Hoàn sai Phạm cự Lượng 范巨略 làm đại-tướng đem binh đi chống giữ. Trước khi khởi hành, Phạm cự Lượng họp cả quân-sĩ lại ở trong điện, rồi nói rằng: «Bây giờ quân nghịch sắp vào cõi, mà vua thì còn bé, lấy ai mà thường phạt cho chúng mình. Dẫu chúng mình có hết sức lập được chút công nào, thì rồi ai biết cho? Chi bằng nay ta tôn Thập-đạo tướng-quân lên làm vua rồi ra đánh thì hơn (2) ».

Quân-sĩ nghe nói đều hô vạn tuế. Thái-hậu thấy quân-sĩ thuận cả, mới sai lấy áo long-cổn mặc vào cho Lê Hoàn.

Lê Hoàn lên làm vua, giáng Đinh Tuệ xuống làm Vệ-vương, sử gọi là Phế-đế.

Nhà Đinh làm vua được 2 đời, cả thảy là 14 năm.

ĐINH-TRIỀU THẾ-PHỔ 丁朝世譜

Đinh Tiên-hoàng 丁先皇

Đinh Liên
丁連

Vệ-Vương Đinh Tuệ
衛王 丁瑒

Đinh Hạng Lang
丁項郎

(2) Xem sử Tàu, nhà Tống lấy ngôi nhà Hậu-Chu cũng giống như bên ta nhà Tiền-Lê lấy ngôi nhà Đinh. Nhà làm sử có chép lẫn nhau không?

CHƯƠNG III

NHÀ TIỀN-LÊ

前 黎 氏

(980-1009)

1. Lê Đại-hành
2. Phá quân nhà Tống
3. Đánh Chiêm-thành
4. Việc đánh-đẹp và sửa sang trong nước
5. Lê Trung-tông
6. Lê long Đĩnh

1. LÊ ĐẠI-HÀNH (980-1005). Lê Hoàn 黎 桓 là người làng Bảo-thái, huyện Thanh-liêm, tỉnh Hà-nam bảy giờ, làm quan Thập-dạo tướng-quân nhà Đinh. Nhân khi vua nhà Đinh còn trẻ tuổi, và lại có quân nhà Tống sang xâm, quân-sĩ tôn Lê Hoàn lên làm vua, tức là Đại-hành Hoàng-đế 大 行 皇 帝, niên-hiệu là Thiên-phúc 天 福 (980-988), Hưng-thống 興 統 (989-993), và Ứng-thiên 應 天 (994-1005).

Vua Đại-hành lên làm vua rồi sai sứ đưa thư sang nhà Tống nói dối là thư của Đinh Tuệ (Phế-đế) xin phong, có ý để nhà Tống hoãn binh lại. Nhưng vua nhà Tống không nghe, sai sứ sang trách Đại-hành rằng sao được xưng đế, và lại nói rằng: «Nhà Đinh truyền tập đã ba đời rồi, vậy cho Đinh Tuệ làm Thống-soái, Lê Hoàn làm phó. Nhược bằng Đinh Tuệ còn trẻ tuổi không làm được, thì Lê Hoàn phải bắt mẹ con Đinh Tuệ sang châu Bắc-triều, rồi sẽ phong quan-tước cho Lê Hoàn». Vua Đại-hành biết mưu nhà Tống bên không chịu và sửa-sang sự phòng-bị.

2. PHÁ QUÂN NHÀ TỔNG. Nhà Tống thấy vua Đại-hành không chịu nghe lời, bèn sai tướng đem quân sang đánh. Tháng 3 năm tân-tị (981) thì bọn Hầu nhân Bảo 侯仁寶 và Tôn toàn Hưng 孫全興 tiến quân sang mặt Lạng-sơn, bọn Lưu Trừng 劉澄 đem thủy-quân sang mặt Bạch-đăng-giang.

Vua Đại-hành đem binh-thuyền ra chống giữ ở Bạch-đăng. Quân nhà Tống tiến lên thế mạnh lắm, quan quân đánh không lại phải lùi. Bấy giờ lục-quân của bọn Hầu nhân Bảo tiến sang đến Chi-lăng 支陵 (thuộc Ôn-châu, Lạng-sơn), vua Đại-hành sai người sang trả hàng để dụ Hầu nhân Bảo đến chỗ hiểm bắt chém đi, rồi đuổi đánh quân nhà Tống chém giết được quá nửa, và bắt được hai người bộ-tướng.

Bọn Lưu Trừng thấy lục-quân đã tan vỡ, vội-vàng đem thủy-quân rút về.

Quân ta tuy thắng trận, nhưng vua Đại-hành sợ thế-lực không chống với Tàu được lâu, bèn sai sứ đem hai viên tướng bắt được sang trả nhà Tống và xin theo lệ triều cống. Lúc ấy ở phía bắc nước Tàu có quân Khiết-dan 契丹 (Hung-nô) đang đánh phá, cho nên vua nhà Tống cũng thuận, thôi việc chiến-tranh với nước ta, và phong cho vua Đại-hành làm chức Tiết-độ-sứ.

Năm quý-tị (993) nhà Tống sách phong cho vua Đại-hành làm Giao-chỉ-quận-vương, rồi đến năm đinh-dậu (997) lại gia phong là Nam-bình-vương 南平王.

Bấy giờ sứ nhà Tống thường hay đi lại, có khi vua Đại-hành phụng chiếu mà không lạy, nói dối rằng đi đánh giặc ngựa đau chân. Nhà Tống biết là dối, nhưng cũng làm ngơ đi.

3. ĐÁNH CHIÊM - THÀNH. Vua Đại-hành phá được quân nhà Tống rồi, định sang đánh Chiêm-thành 占城, vì lúc vua Đại-hành lên ngôi, có sai sứ sang Chiêm-thành, bị vua nước ấy bắt giam sứ lại. Đến khi việc phía bắc đã yên, vua Đại-hành đem binh sang đánh báo thù. Quân vua Đại-

hành sang chiếm giữ được kinh-thành nước Chiêm và bắt được người, lấy được của rất nhiều. Từ đây nước Chiêm-thành phải sang triều cống nước ta.

4. VIỆC ĐÁNH - ĐẸP VÀ SỬA - SANG TRONG NƯỚC.

Việc trong nước thì có các quan đại thần là bọn Từ Mục 徐穆 Phạm cự Lượng 范巨倆, Ngô tử An 吳子安 giúp rập. Đặt luật-lệ, luyện quân-lính và sửa-sang mọi việc.

Bấy giờ thường hay có các động Mường và những người các châu quận làm phản, vua Đại-hành phải thân chinh đi đánh-đẹp, bình được 49 động Hà-man 何蠻洞 (thuộc huyện Thạch - thành, tỉnh Thanh-hóa) và dẹp yên những người phản-nghịch ở các nơi. Bởi vậy thanh-thế vua Đại-hành lúc bấy giờ rất là lừng-lẫy.

Năm ất-tị (1005) là năm Ứng-thiên thứ 12, vua Đại-hành mất, thọ 65 tuổi, làm vua được 24 năm.

5. LÊ TRUNG - TÔNG (1005). Vua Đại-hành đã định cho người con thứ ba là Long Việt 龍戩 làm thái-tử, nhưng đến lúc vua Đại-hành mất, các hoàng-tử tranh ngôi đánh nhau trong bảy tháng. Đến khi Long Việt vừa mới lên ngôi được 3 ngày thì bị em là Long Đĩnh 龍景 sai người vào cung giết đi, thọ 23 tuổi. Sử gọi là Lê Trung-tông 黎中宗.

6. LÊ LONG ĐỈNH (1005-1009). LONG ĐỈNH là người bạo-ngược, tính hay chém giết, ác bằng Kiệt, Trụ ngày xưa. Khi đã giết anh rồi, lên làm vua thường cứ lấy sự giết người làm trò chơi: có khi những tù phạm phải hình, thì bắt lấy rơm tẩm dầu quấn vào người rồi đốt sống; có khi bắt tù treo lên cây rồi ở dưới sai người chặt gốc cho cây đổ; có khi bỏ người vào sọt rồi đem thả xuống sông. Làm những điều ác như thế thì lấy làm thích chí. Một hôm lấy mĩa để lên đầu nhà sư mà róc vỏ, rồi thỉnh-thoảng giả tảng nhờ tay bồ dao vào đầu sư chảy máu ra, trông thấy thế lấy làm vui cười. Còn khi ra buổi chiều, có ai tấu sớ điều gì thì cho những thẳng hễ nói khôi-hài hay là nhại tiếng làm trò.

Long Đinh làm vua được 2 năm đời niên hiệu là Cảnh-thuy (1008-1009). Sang năm sau là năm kỷ-dậu (1009) thì mất, làm vua được 4 năm, thọ 24 tuổi.

Vì lúc sống dâm-dục quá độ, mắc bệnh không ngồi được, đến buổi chiều thì cứ nằm mà thị triều, cho nên tục gọi là Ngọa-triều.

Long Đinh mất rồi, con thì bé, đình-thần nhân dịp tôn Lý công Uẩn lên làm vua, khai sáng nên cơ-nghiệp nhà Lý.

Nhà Tiền-Lê làm vua được 3 đời, cả thảy được 29 năm.

TIỀN LÊ-TRIỀU THẾ-PHỒ 前黎朝世譜

1. Đại-hành Lê Hoàn 大行黎桓

Long Du 龍 兪	Ngân Tích 銀 錫	2. Trung-tông Long Việt 中 宗 龍 超	3. Đế Long Đinh (Ngọa-triều) 帝 龍 從 眠
----------------	------------------	------------------------------------	---

Sự 作

CHƯƠNG IV

NHÀ LÝ

李氏

(1010-1225)

I. LÝ THÁI-TỔ

- 1. Thái-tổ khởi nghiệp
- 2. Dời đô về Thăng-long thành
- 3. Lấy kinh Tam-lạng
- 4. Việc chính-trị

II. LÝ THÁI-TÔNG

- 1. Lễ phụng Hiếu định toan
- 2. Sự đánh-dẹp
- 3. Giặc Nùng
- 4. Đánh Chiêm-thành
- 5. Việc chính-trị

III. LÝ THÁNH-TÔNG

- 1. Việc chính-trị
- 2. Lấy đất Chiêm-thành

IV. LÝ NHÂN-TÔNG

- 1. Ý-lan thái-phi
- 2. Lý đạo Thành
- 3. Việc sửa-sang trong nước
- 4. Việc đánh nhà Tống
- 5. Nhà Tống lấy đất Quảng-nguyên
- 6. Đánh Chiêm-thành

I. LÝ THÁI-TỔ (1010-1028)

Niên-hiệu: Thuận-thiên 順天

1. THÁI-TỔ KHỞI NGHIỆP. Lý công Uẩn 李公蘊 người ở làng Cổ-pháp, nay thuộc về huyện Đông-ngạn, phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh (ở làng Đình-bảng có lăng và đền thờ nhà Lý).

Tục truyền rằng Công Uẩn không có cha, mẹ là Phạm-thị 范氏 đi chơi chùa Tiêu-sơn 樵山 (làng Tiêu-sơn, phủ Từ-sơn), nằm mộng thấy đi lại với thần nhân rồi về có thai

để ra đưa con trai. Lên ba tuổi đem cho người sư ở chùa Cổ-pháp tên là Lý khánh Văn 李慶文 làm con nuôi, mới đặt tên là Lý công Uẩn.

Công Uẩn lớn lên vào Hoa-lư làm quan nhà Tiền-Lê, đến chức Tả-thân-vệ Điện-tiền Chỉ-huy-sứ 左親衛殿前指揮使. Khi Lê Long Đĩnh mất, thì Lý công Uẩn đã ngoài 35 tuổi. Bấy giờ lòng người đã oán-giận nhà Tiền-Lê lắm, ở trong triều có bọn Đào cam Mộc 陶甘沐 cùng với sư Vạn Hạnh 萬行 mưu tôn Lý công Uẩn lên làm vua.

Lý công Uẩn bèn lên ngôi hoàng-đế, tức là vua Thái-tổ nhà Lý 李太祖.

2. DỜI ĐÔ VỀ THĂNG-LONG THÀNH. Thái-tổ thấy đất Hoa-lư chật-hẹp không có thể mở-mang ra làm chỗ đô-hội được, bèn định dời đô về La-thành. Tháng 7 năm Thuận-thiên nguyên-niên (1010), thì khởi sự dời đô. Khi ra đến La-thành, Thái-tổ lấy cơ có điềm trông thấy rồng vàng hiện ra, bèn đổi Đại-la thành là Thăng-long thành 昇龍城, tức là thành Hà-nội bây giờ. Cải Hoa-lư làm Trường-an phủ và Cổ-pháp làm Thiên-đức phủ.

3. LẤY KINH TAM-TẠNG. Nhà Lý bấy giờ sùng đạo Phật, nhà vua trọng đãi những người đi tu, lấy tiền kho ra để làm chùa đúc chuông. Tháng 6 năm mậu-ngọ (1018) vua sai quan là Nguyễn đạo Thanh 阮道清 và Phạm Hạc 范鶴 sang Tàu lấy kinh Tam-tạng 三藏經 đem về để vào kho Đại-hưng.

4. VIỆC CHÍNH-TRỊ. Lúc bấy giờ ở bên nhà Tống có nhiều việc, cho nên cũng không sinh sự lời thôi gì với nước ta. Bởi vậy khi Thái-tổ lên làm vua, sai sứ sang cầu phong, vua nhà Tống liền phong cho làm Giao-chỉ quận-vương, sau lại gia phong Nam-bình-vương. Nước Chiêm-thành và nước Chân-lạp đều sang triều cống, cho nên việc bang-giao thời bấy giờ đều yên-trị.

Ở trong nước cũng có đôi ba nơi nổi lên làm loạn, như ở Diễn-châu (thuộc Nghệ-an) và ở mạn Thượng-du hay có sự phản-ngịch, nhà vua phải thân chinh đi đánh-dẹp mới yên được.

Thời bấy giờ các hoàng-tử đều phong tước vương và phải cầm quân đi đánh giặc, bởi vậy ai cũng giỏi nghề dùng binh.

Thái-tổ lưu tâm về việc sửa-sang trong nước: dời phép cũ của nhà Tiền-Lê; chia nước ra làm 24 lộ, gọi Hoan-châu và Ái-châu là trại. Lại định ra 6 hạng thuế là: thuế ruộng, đầm, ao; thuế đất trồng dâu và bãi phù-sa; thuế sản-vật ở núi; thuế mắm-muối đi qua Ái-quan; thuế sừng tê, ngà voi và hương ở trên mạn núi xuống; thuế tre gỗ hoa quả. Vua cho những bậc công-chúa coi việc trưng-thu các thứ thuế ấy.

Thái-tổ trị-vị được 19 năm thì mất, thọ 55 tuổi.

II. LÝ THÁI-TÔNG (1028-1054)

Niên-hiệu: Thiên-thành 天成 (1028-1033) — Thông-thụy 通瑞 (1034-1038) — Cần-phù-hữu-đạo 乾符有道 (1039-1041). Minh-đạo 明道 (1042-1043) — Thiên-cầm-thánh-võ 天威聖武 (1044-1048) — Sùng-hưng-dại-bào 崇興大寶 (1049-1054).

1. LÊ PHỤNG HIỆU ĐỊNH LOẠN. Thái-tổ vừa mất chưa tế-táng xong, thì các hoàng-tử là bọn Võ-đức-vương 武德王, Dực-thánh-vương 翊聖王 và Đông-chính-vương 東征王 đã đem quân đến vây thành để tranh ngôi của Thái-tử 太子.

Bấy giờ các quan là bọn Lý nhân Nghĩa 李仁義 xin Thái-tử cho đem quân ra thành quyết được thua một trận. Khi quân của Thái-tử và quân các vương đối trận, thì quan Võ-vệ tướng-quân là Lê phụng Hiếu 黎奉曉 rút gươm ra chỉ vào Võ-đức-vương mà bảo rằng: « Các người dòm-ngó ngôi cao, khinh-dễ tự-quân, trên quên ơn Tiên-đế, dưới trái nghĩa tôi con, vậy Phụng Hiếu xin dâng nhất gươm này ! » Nói xong chạy xông vào chém Võ-đức-vương ở trận tiền. Quân các vương trông thấy sợ-hãi bỏ chạy cả. Dực-thánh-vương và Đông-chính-vương cũng phải chạy trốn.

Thái-tử Phật Mã lên ngôi, tức là vua Thái-tông 太宗.

Dực-thánh-vương và Đông-chính-vương xin về chịu tội.

Thái-tông nghĩ tình cốt-nhục bèn tha tội cho, và lại phục chức cũ cho cả hai người.

Cũng vì sự phản-ngịch ấy cho nên vua Thái-tông mới lập lệ : cứ hằng năm, các quan phải đến đền Đồng-cổ 銅鼓神廟 (ở làng Yên-thái, Hà-nội) làm lễ đọc lời thề rằng : « Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung, ai bất hiếu bất trung, xin quí-thần làm tội ». Các quan ai trốn không đến thề, phải phạt 50 trượng.

2. SỰ ĐÁNH-DEP. Thái-tông là người có thiên-tư dĩnh-ngộ, thông lục-nghe, tinh thao-lược, gặp lúc trong nước có nhiều giặc-giã, nhưng ngài đã quen việc dùng binh, cho nên ngài thường thân chinh đi đánh đồng dẹp bắc.

Thời bấy giờ nhà vua không đặt quan tiết trấn ; phạm việc binh việc dân ở các châu, là đều giao cả cho người châu-mục. Còn ở mạn thượng-du thì có người tù-trưởng quản lĩnh. Cũng vì quyền những người ấy to quá, cho nên thường hay có sự phản-ngịch. Lại có những nước lân bang như Chiêm-thành và Ai-lao thường hay sang quấy nhiễu, bởi vậy cho nên sự đánh-dẹp về đời vua Thái-tông rất nhiều.

3. GIẶC NÙNG. Lúc ấy châu Quảng-nguyên 廣源州 (Lạng-son) có những người Nùng cứ hay làm loạn. Năm mậu-dần (1038) có Nùng tôn Phúc 僕存福 làm phản, tự xưng là Chiêu-thánh Hoàng-đế 昭聖皇帝, lập A-nùng làm Ninh-đức Hoàng-hậu, đặt quốc-hiệu là Tráng-sinh-quốc rồi đem quân đi đánh-phá các nơi.

Năm kỷ-mão (1039) Thái-tông thân chinh đi đánh, bắt được Nùng tôn Phúc và con là Nùng trí Thông đem về kinh làm tội. Còn A-nùng và con là Nùng trí Cao chạy thoát được.

Năm tân-tị (1041) Nùng trí Cao 僕智高 cùng với mẹ là A-nùng về lấy châu Đẳng-do 儋稽州 (gần châu Quảng-nguyên) lập ra một nước gọi là Đại-lịch-quốc 大曆國. Thái-tông sai tướng lên đánh bắt được đem về Thăng-long. Nhưng vua nghĩ trước đã giết cha và anh, nay thương tình không giết, tha cho về và lại phong cho làm Quảng-nguyên mục. Sau lại gia phong cho tước Thái-bảo.

Năm mậu-ti (1048) Nùng trí Cao lại phản, xưng là Nhân-huệ Hoàng-đế 仁惠皇帝 quốc-hiệu là Đại-nam 大南. Thái-

tòng sai quan thái-úy Quách thịnh Đạt 郭威溫 lên đánh không được. Bấy giờ Trí Cao xin phụ-thuộc vào nước Tàu, vua nhà Tống không cho. Trí Cao bèn đem quân sang đánh lấy Ung-châu 兗州, rồi chiếm cả thấy được 8 châu ở đất Quảng-đông và Quảng-tây. Những châu ấy là châu Hoành 橫, châu Quý 青, châu Cung 淸, châu Tầm 潭, châu Đằng 藤, châu Ngô 梧, châu Khang 康, châu Đoan 端.

Vua nhà Tống đã toan nhờ quân nhà Lý sang đánh giúp nhưng tướng nhà Tống là Địch Thanh 狄青 can rằng: Có một Nùng trí Cao mà đất Lưỡng Quảng không chế được, lại phải nhờ quân ngoại-quốc vào đánh giúp. Nếu có ai nhân đó mà nổi loạn, thì làm thế nào? Vua nhà Tống nghe lời ấy bèn sai bọn Dư Tĩnh 余靖 và Tôn Miện 孫沔 đi đánh-dẹp giặc Trí Cao. Bọn Dư Tĩnh đánh mãi không được, nhà Tống lấy làm lo, nhân khi Trí Cao dâng biểu xin lĩnh chức Tiết-dộ-sứ châu Ung và châu Quý, vua nhà Tống đã toan thuận cho, Địch Thanh can đi, và xin đem quân đi đánh.

Địch Thanh ra hợp quân với bọn Dư Tĩnh và Tôn Miện đóng ở Tân-châu 賓州 (Liễu-châu tỉnh Quảng-tây) rồi hội các tướng lại cấm không cho ra đánh nhau với giặc. Bấy giờ có quan Kiềm-hạt 鈐轄 tỉnh Quảng-tây tên là Trần-Thự 陳曙 trái tướng lệnh đem quân đi đánh bị thua, Địch Thanh đem chém đi, rồi truyền lệnh cho quân nghỉ 10 ngày. Quân đi thám biết chuyện ấy về báo Trí Cao biết. Trí Cao tưởng là quân nhà Tống không dám đánh, bèn không phòng-giữ. Địch Thanh đem quân đến cửa Côn-lôn (gần phủ Nam-ninh) đánh Nùng trí Cao. Lúc đang đánh nhau, Địch Thanh đem quân kỵ đánh hai bên tả hữu, quân của Trí Cao tan vỡ, tướng là bọn Hoàng sư Mật 黃師密 đều tử trận.

Trí Cao chạy thoát trốn sang nước Đại-lý 大理. Sau người Đại-lý bắt Nùng trí Cao chém lấy đầu đem nộp nhà Tống. Giặc Nùng từ đó mới yên.

4. ĐÁNH CHIÊM-THÀNH. Thái-Tông lên làm vua đã hơn 15 năm, mà nước Chiêm-thành không chịu thông sứ và lại cứ quấy nhiễu ở mặt bể. Thái-tông bèn sắp-sửa binh-thuyền sang đánh Chiêm-thành.

Năm giáp-thân (1044) vua Thái-tông ngự giá đi đánh Chiêm-thành. Quân Chiêm-thành dàn trận ở phía nam sông Ngũ-bồ (?) Thái-tông truyền thúc quân đánh trận sang, quân Chiêm-thành thua chạy. Quân ta bắt được hơn 5.000 người và 30 con voi.

Tướng Chiêm-thành là Quách gia Gi 郭加奔 chém quốc-vương là Sạ Đầu 𣐤 𣐤 đem đầu sang xin hàng.

Bấy giờ quan quân chém giết người bản xứ rất nhiều, máu chảy thành suối. Thái-tông trông thấy động lòng thương, xuống lệnh cấm không được giết người Chiêm-thành, hễ ai trái lệnh thì theo phép quân mà trị tội.

Thái-tông tiến binh đến quốc đô là Phật-thệ (nay ở làng Nguyệt-bậu, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên), vào thành bắt được Vương-phi là Mị Ê 𣐤 𣐤 và các cung-nữ đem về. Khi xa-giã về đến sông Lý-nhân, Thái-tông cho đòi Mị Ê sang châu bên thuyền ngự. Mị Ê giữ tiết không chín, quần chiến lẫn xuống sông mà tự tử. Nay ở phủ Lý-nhân còn có đền thờ.

Thái-tông bắt về hơn 5.000 người Chiêm-thành ban cho ruộng đất lập thành phường ấp mà làm ăn.

VIỆC CHÍNH-TRỊ. Thái-tông tuy phải đánh-dẹp luôn, nhưng cũng không bỏ việc chính-trị trong nước, bao giờ cũng đề lòng thương dân. Hễ năm nào đói kém hay là đi đánh giặc về, thì lại giảm thuế cho hàng hai ba năm. Ngai sửa lại luật-phép, định các bậc hình-phạt, các cách tra-hỏi, và đặt lệ cho những người già, người trẻ, trừ khi phạm tội thập-ác, thì được lấy tiền mà chuộc tội. Nhân khi đổi luật mới, nhà vua đổi niên-hiệu là Minh-đạo (1042).

Năm quý-mùi (1043) Thái-tông hạ chiếu cấm không cho ai được mua hoàng-nam (1) để làm nô. Vua lại chia đường quan-lộ ra từng cung, đặt nhà trạm để chạy giấy công-văn.

(1) Hoàng nam 黃男 là người từ 18 tuổi trở lên.

Ở trong cung thì Thái-tôn định số hậu-phi và cung-nữ như sau này: hậu và phi 13 người, ngự-nữ 18 người, nhạc kỹ 100 người. Những cung-nữ phải học nghề thêu-dệt vóc-gấm.

Thái-tông trị-vi được 27 năm, đến năm giáp-ngọ (1054) thì mất, thọ 55 tuổi.

III. LÝ THÁNH-TÔNG (1054-1072)

Niên-hiệu: Long-thụy thái-bình 龍瑞太平 (1054-1058).

Chương-thánh gia-khánh 彰聖嘉慶 (1059-1065) — Long-chương

thiên tự 龍彰天嗣 (1066-1067). Thiên-huống bảo-tượng 天既

寶象 (1060) — Thần-vô 神武 (1069-1072).

1. VIỆC CHÍNH-TRỊ. Thái-tử là Nhật Tôn 日尊 lên ngôi, tức là vua Thánh-tông 聖宗, ngài đổi quốc-hiệu là Đại-Việt 大越 (2).

Thánh-tông là một ông vua nhân-tử, có lòng thương dân; một năm trời làm rét lắm. Thánh-tông bảo những quan hầu gần rằng: «Trẫm ở trong cung ăn-mặc như thế này còn rét, nghĩ những tù-phạm giam trong ngục, phải trời buộc, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc; vả lại có người xét hỏi chưa xong, gian ngay chưa rõ, nhỡ rét quá mà chết thì thật là thương lắm». Nói rồi truyền lấy chăn chiếu cho tù nầm, và mỗi ngày cho hai bữa ăn. Lại có một hôm Thánh-tông ra ngự ở điện Thiên-khánh xét án, có Động-thiên công-chúa đứng hầu bên cạnh. Thánh-tông chỉ vào công-chúa mà bảo các quan rằng: «Lòng trẫm yêu dân cũng như yêu con trẫm vậy, hiềm vì trăm-họ ngu dại, làm còn phải tội, trẫm lấy làm thương lắm. Từ rày về-sau tội gì cũng giảm nhẹ bớt đi».

Vua Thánh-tông có nhân như thế, cho nên trăm họ mến-phục, trong đời Ngài làm vua ít có giặc-giã. Ngài lại có ý muốn khai-hóa sự văn-học, lập văn-miếu, làm tượng Chu-công 周公 Khổng-tử 孔子 và 72 tiên-hiền đề-thờ. Nước ta có văn-miếu thờ Khổng-tử và chư hiền khởi đầu từ đây.

(2) Từ nhà Đinh đến bây giờ, nước ta vẫn gọi là Đại-cổ-việt, nay mới đổi là Đại-Việt.

Việc binh-chính thì ngài định quân-hiệu và chia ra làm tả hữu tiền hậu 4 bộ, hợp lại là 100 đội, mỗi đội có lính kỵ và lính bắn đá. Còn những phiên-binh thì lập ra thành đội riêng không cho lẫn với nhau. Binh-pháp nhà Lý bấy giờ có tiếng là giỏi, nhà Tống bên Tàu đã phải bắt chước. Ấy là một sự vẻ-vang cho nước mình bao nhiêu ?

2. LẤY ĐẤT CHIÊM-THÀNH. Vua Thánh-tông đã nhân mà lại dùng : nước Chiêm-thành hay sang quấy-nhiều, ngài thân chinh đi đánh. Đánh lần đầu không thành công, đem quân trở về. Đi đến châu Cư-liên (?) nghe thấy người khen bà Nguyên-phi ở nhà giám quốc, trong nước được yên-trị, Thánh-tông nghĩ bụng rằng : « Người đàn-bà trị nước còn được như thế, mà mình đi đánh Chiêm-thành không thành công, thế ra đàn-ông hèn lắm à ! » Lại đem quân trở lại đánh bắt được vua Chiêm-thành là Chế Củ 制矩. Năm ấy là năm kỷ-dậu (1069). Thánh-tông về triều, đổi niên-hiệu là Thần-vô.

Chế Củ xin dâng đất ba châu để chuộc tội, là châu Địa-ly 地厘, châu Ma-linh 麻令 và châu Bố-chính 布政. Thánh-tông lấy ba châu ấy và cho Chế Củ về nước.

Những châu ấy nay ở địa-hạt tỉnh Quảng-bình và tỉnh Quảng-trị.

Năm nhâm-tí (1072) Thánh-tông mất, trị-vị được 17 năm, thọ 50 tuổi.

IV. LÝ NHÂN-TÔNG (1072-1127)

Niên-hiệu : Thái-ninh 太寧 (1072-1075) — Anh-vô chiêu-thắng 英武昭勝 (1076-1084) — Quảng-hữu 廣祐 (1085-1091). Hội-phong 會豐 (1092-1100) — Long-phù 龍符 (1101-1109). Hội-trường đại-khánh 會祥大慶 (1110-1119) — Thiên-phù duệ-vô 天符睿武 (1120-1126) — Thiên-phù khánh-thọ 天符慶壽 (1127).

1. Ý-LAN THÁI-PHI. Vua Nhân-tông 仁宗 là con bà Ý-lan Thái-phi 倚蘭太妃, người ở Siêu-loại (Bắc-ninh). Khi trước vua Thánh-tông đã 40 tuổi mà không có con, đi cầu tự qua làng Thổ-lợi (sau đổi là Siêu-loại rồi lại đổi là Thuận-quang), người đi xem đứng đầy đường, có một người con

gái đi hái dâu, thấy xe nhà vua đi cứ đứng tựa vào cây lan chứ không ra xem. Vua thấy thế lấy làm lạ, truyền gọi đem vào cung, phong là Ý-lan phu-nhân. Được ít lâu có thai đẻ ra hoàng-tử là Càn Đức 乾德, được phong là Nguyên-phi.

Càn Đức làm thái-tử rồi lên nối ngôi, tức là vua Nhân-tổng 仁宗, phong cho mẹ làm Ý-lan thái-phi.

Thái-phi tính hay ghen-ghét, thấy bà Dương-thái-hậu giữ quyền, trong bụng không yên, bèn xui vua bắt Thái-hậu và 72 người thị-nữ bỏ ngục tối, rồi đem giết cả.

2. LÝ ĐẠO THÀNH. Lúc Nhân-tổng lên làm vua mới có 7 tuổi, có quan Thái-sur là Lý đạo Thành làm phụ-chính.

Ông Lý đạo Thành là người họ nhà vua, tính rất đoan-chính, hết lòng lo việc nước. Thường những lúc số tấu cứ hay nói đến việc lợi-hại của dân. Những quan-thuộc thì chọn lấy người hiền-lương mà cất-nhắc lên để làm mọi việc. Bởi vậy thời bấy giờ trong thì sửa-sang được việc chính-trị, ngoài thì đánh nhà Tống, phá quân Chiêm. Ấy cũng nhờ có tôi hiền tướng giỏi cho nên mới thành được công-nghiệp như vậy.

3. VIỆC SỬA-SANG TRONG NƯỚC. Việc đánh-dẹp về đời vua Nhân-tổng thì nhiều, song những công-việc ở trong nước cũng không bỏ trễ. Đời bấy giờ mới khởi đầu đắp cái đê Co-xá để giữ đất kinh-thành cho khỏi lụt ngập. Việc đắp đê khởi đầu từ đó.

Năm ất-mão (1075) mở khoa thi tam-trường để lấy người văn-học vào làm quan. Kỳ thi ấy là kỳ đầu tiên ở nước ta, chọn được hơn 10 người. Thủ-khoa là Lê văn Thịnh 黎文盛. Ông thủ-khoa ấy ngày sau làm đến chức thái-sur, nhưng vì làm sự phản-nghịch, cho nên phải đày lên ở Thao-giang (huyện Tam-nông, Phú-thọ).

Năm bình-thìn (1076) lập Quốc-tử-giám để bổ những người văn-học vào dạy. Đến năm bình-dần (1086) mở khoa thi chọn người văn-học vào Hàn-lâm-viện 翰林院, có Mạc hiền Tích 莫顯積 đỗ đầu, được bổ Hàn-lâm-học-sĩ.

Sự nho-học nước ta khởi đầu thịnh lên từ thời bấy giờ.

Năm kỷ-tị (1089) định quan-chế, chia văn võ ra làm 9

phẩm. Quan đại-thần thì có Thái-sư, Thái-phó, Thái-úy và Thiếu-sư, Thiếu-phó, Thiếu-úy. Ở dưới những bậc ấy, đảng văn-ban thì có Thượng-thư, tả hữu Tham-tri, tả hữu Giám-ngự đại-phu, Trung-thư Thị-lang, Bộ Thị-lang v. v.. Đảng võ-ban thì có Đô-thống Nguyên-sứ, Tổng-quân khu-mật sứ, Khu-mật tả hữu sứ, Kim-ngô thượng-tướng, đại-tướng, đô-tướng, Chư-vệ tướng-quân v. v.

Ở ngoài các châu-quận, văn thì có Tri-phủ, Phán-phủ, Tri-châu, võ thì có Chư-lộ trấn trại-quan.

4. VIỆC ĐÁNH NHÀ TỐNG. Từ nhà Đinh, nhà Lê trở đi, tuy Tàu không sang cai-trị nước ta nữa, nhưng vẫn cứ lăm-le có ý muốn xâm-lược. Đến khi vua Thần-tông nhà Tống 宋神宗 (1068-1078) có quan Tể-tướng là Vương an Thạch 王安石 đặt ra phép mới để cải-tổ việc chính-trị nước Tàu.

Nguyên nhà Tống bấy giờ bị nước Bắc-liêu 北遼 và nước Tây-hạ 西夏 ức hiếp, hằng năm phải đem vàng bạc và lụa vải sang cống hai nước ấy. Mà trong nước thì không có đủ tiền để chi dụng. Vua Thần-tông mới dùng ông Vương an Thạch làm Tể-tướng để sửa-sang mọi việc.

Wương an Thạch (3) đặt ra ba phép về việc tài-chính và 2 phép về việc binh-chính.

Việc tài-chính: 1. *Phép thanh miếu* 青苗法 là khi lúa còn xanh thì nhà nước cho dân vay tiền, đến khi lúa chín thì dân lại phải trả tiền lại, tính theo lệ nhà nước đã định mà trả tiền lãi.

2. *Phép miễn dịch* 免役法 là cho những người dân đinh mà ai phải sưu-dịch thì được nộp tiền, để nhà nước lấy tiền ấy thuê người làm.

3. *Phép thị dịch* 市易法 là đặt ra một sở buôn-bán ở chốn kinh-sư, để có những thứ hàng-hóa gì mà dân-sự bán không được, thì nhà nước mua thu cả lấy mà bán. Những người con-buôn mà ai cần phải vay tiền thì cho vay, rồi cứ tính theo lệ nhà nước mà trả tiền lãi.

(3) Xin xem Vương an Thạch của Đào trinh Nhất — Tân Việt xuất-bản.

Việc binh-chính : 1. *Phép bảo giáp* 保甲法 là lấy dân làm lính. Chia ra 10 nhà làm một *bảo*, 500 nhà làm một *đó bảo*. Mỗi *bảo* có đặt hai người chánh phó để dạy dân luyện-tập võ-nghe.

2. *Phép bảo mã* 保馬法 là nhà nước giao ngựa cho các *bảo* phải nuôi, có con nào chết thì dân phải theo giá đã định mà thường lại.

Khi năm phép ấy thi-hành ra thì dân nước Tàu đều lấy làm oán-giận, vì là trái với chế-độ và phong-tục cũ.

Vương an Thạch lại có ý muốn lập công ở ngoài biên, đề tỏ cái công-hiệu việc cải-tổ của mình. Bấy giờ ở Ung-châu 兗州 có quan tri-châu là Tiêu Chú 蕭注 biết ý Vương an Thạch, mới làm sớ tâu về rằng : nếu không đánh lấy đất Giao-châu thì về sau thành ra một điều lo cho nước Tàu.

Vua nhà Tống nghe lời tâu ấy, sai Tiêu Chú kinh-lý việc đánh Giao-châu. Nhưng Tiêu Chú từ chối, lấy việc ấy làm khó, đang không nổi. Nhân lúc ấy lại có Thẩm Khởi 沈起 tâu bày mọi lẽ nên đánh Giao-châu. Vua nhà Tống bèn sai Thẩm Khởi làm Tri-châu châu Quế. Thẩm Khởi ra thu-xếp mọi việc theo ý Vương an Thạch, nhưng sau không biết tại lẽ gì phải bãi về. Tống-triều cho Lưu Gi 劉彝 ra thay.

Lưu Gi sai người đi biên các khe ngòi, các đồn-lũy, sửa binh-khí, làm thuyền-bè và lại cấm không cho người ở châu huyện gần đấy đi lại buôn bán với người Giao-châu.

Bên Lý-triều ta thấy sự tình như thế mới viết thư sang hỏi Tống-triều, thì Lưu Gi lại giữ lại không đệ về Kinh. Lý-triều tức giận, bèn sai Lý thường Kiệt 李常傑 và Tôn Đản 孫奭 đem 10 vạn binh chia ra làm 2 đạo, thủy bộ cùng tiến sang đánh nhà Tống, lấy cớ rằng nhà Tống đặt ra phép mới làm khổ trăm họ. Vậy quân Đại-Việt sang đánh để cứu-vớt nhân-dân, vân vân...

Năm ất-mão (1075) Lý thường Kiệt đem quân sang vây đánh Khâm-châu 欽州 và Liêm-châu 廉州 (thuộc tỉnh Quảng-đông) giết hại hơn 8.000 người. Đạo quân của Tôn Đản sang đánh Ung-châu 兗州 (tức là thành Nam-ninh

thuộc tỉnh Quảng-tây), quan Đô-giám Quảng-tây là Trương thủ Tiết 張守節 đem binh lại cứu Ung-châu, bị Lý thường Kiệt đón đánh ở Côn-lôn quan 崑崙關 (gần Nam-ninh) chém Trương thủ Tiết ở trận tiền.

Tôn Đản vây thành Ung-châu hơn 40 ngày, quan tri-châu là Tô Dam 蘇咸 kiên cố giữ mãi. Đến khi quân nhà Lý hạ được thành, thì Tô Dam bắt người nhà tất cả là 36 người chết trước, rồi tự đốt mà chết. Người trong thành cũng bắt-chức quan tri-châu, không ai chịu hàng cả. Quân nhà Lý vào thành giết hại gần đến 58.000 (?) người.

Lý thường Kiệt và Tôn Đản sang đánh nhà Tống giết hại cả thảy đến 10 vạn người, rồi lại bắt người lấy của đem về nước.

5. NHÀ TỐNG LẤY ĐẤT QUẢNG-NGUYÊN. Tống-triều được tin quân nhà Lý sang đánh-phá ở châu Khâm, châu Liêm và châu Ung, lấy làm tức-giận lắm, bèn sai Quách Qui 郭達 làm Chiêu-thảo-sứ, Triệu Tiết 趙鼎 làm phó, đem 9 tướng quân cùng hội với nước Chiêm-thành và Chân-lạp chia đường sang đánh nước Nam ta.

Tháng chạp năm bình-thin (1076) quân nhà Tống vào địa-hạt nước ta. Lý-triều sai Lý thường Kiệt đem binh đi cự địch. Thường Kiệt đánh chặn quân nhà Tống ở sông Như-nguyệt (làng Như-nguyệt ở Bắc-ninh, tức là sông Cầu bây giờ). Quân nhà Tống đánh trận ấy chết hơn 1.000 người, Quách Qui tiến quân về phía tây, đến đóng ở bờ sông Phú-lương (4).

Lý thường Kiệt đem binh-thuyền lên đón đánh không cho quân Tống sang sông. Quân Tống mới chặt gỗ làm máy

(4) Sách « Khâm-định Việt-sử » có chép rằng sông Phú-lương là con sông đi từ Bạch-hạc qua Nam-định rồi chảy ra bể, tức là sông Hồng-hà. Nhưng xem trận thế bấy giờ và xét ở trong địa-lý thì sông Phú-lương chép ở đây chính là sông Cầu, chứ không phải sông Hồng-hà.

bắn đá sang như mưa, thuyền của ta thùng nát mất nhiều, quân-sĩ chết hàng mấy nghìn người. Lúc bấy giờ quân nhà Tống đánh hăng lắm, Lý thường Kiệt hết sức chống giữ, nhưng sợ quân mình có ngã lòng chẳng, bèn đặt ra một chuyện nói rằng có thần cho bốn câu thơ :

*Nam-quốc sơn-hà Nam đế cư
Tiệt nhiên-định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm-phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư*

Quân-linh nghe đọc mấy câu thơ ấy, ai nấy đều nức lòng đánh giặc, quân nhà Tống không tiến lên được. Hai bên cứ chống giữ nhau mãi. Lý-triều sợ đánh lâu không lợi, bèn sai sứ sang Tống xin hoãn binh.

Vua Tống thấy quân mình không tiến lên được, mà lại đóng ở chỗ chương-địa, quân-sĩ trước sang hơn 8 vạn, sau chết đến quá nửa, cho nên cũng thuận hoãn binh lui về, chiếm-giữ châu Quảng-nguyên (bây giờ là châu Quảng-uyên, tỉnh Cao-bằng), châu Tư-lang (bây giờ là châu Thượng-lang và Hạ-lang, tỉnh Cao-bằng), châu Tô, châu Mậu (ở giáp-giới tỉnh Cao-bằng và tỉnh Lạng-sơn) và huyện Quảng-lang (Ôn-châu, tỉnh Lạng-sơn).

Đến năm mậu-ngọ (1078) Lý Nhân tông sai Đào tôn Nguyên 陶尊元 đưa voi sang cống nhà Tống và đòi lại những châu huyện ở mạn Quảng-nguyên. Vua Tống bắt phải trả những người châu Khâm, châu Liêm và châu Ung mà quân nhà Lý bắt về ngày trước, rồi mới trả châu huyện cho nhà Ly. Sang năm kỷ-mùi (1079) Nhân-tông cho những

Nếu lúc bấy giờ Lý thường Kiệt đã phá quân nhà Tống ở sông Như-nguyệt tức là khúc dưới sông Cầu, thì tất nhà Lý còn đóng ở mạn sông Cầu. Quân Quách Qui làm thế nào mà tiến lên đến sông Hồng-hà được? Và lại ở Thái-nguyên hiện bây giờ có huyện Phú-lương, huyện ấy về đời nhà Lý, nhà Trần là Phú-lương phủ, mà chính con sông Cầu chảy qua địa-bạt ấy.

Có lẽ là những nhà chép sử đời trước thường không thuộc địa-lý cho nên chép lầm sông Phú-lương là sông Nhị-hà, vậy ta nên cải lại.

người Tàu về nước, tất cả chỉ có 221 người. Con trai thì thích ba chữ vào trán, từ 15 tuổi trở lên thì thích : *Thiên-tử-bình* ; 20 tuổi trở lên thì thích : *Đầu Nam-triều* ; Còn con gái thì thích vào tay trái hai chữ : *Quan-khách*.

Đất Quảng-nguyên từ khi bọn Quách Qui lấy được, cải tên là Thuận-châu và có 3.000 quân Tống ở lại giữ, nhưng vì đất lam-chướng, mười phần chết đến năm sáu.

Đến khi nhà Lý cho những người châu Khâm, châu Liêm và châu Ung về Tàu, vua nhà Tống trả lại châu Quảng-nguyên. Nhưng vì có người nói rằng châu ấy có nhiều vàng, người Tống tiếc của, làm hai câu thơ rằng :

Nhân tham Giao-chỉ tượng,

Khước thất Quảng-nguyên kim.

Đến mùa hạ năm giáp-ti (1084) Nhân - tông sai quan binh-bộ Thị-lang là Lê văn Thịnh 黎文威 sang nhà Tống bàn việc chia địa-giới. Lê văn Thịnh phân-giải mọi lẽ, nhà Tống trả nốt cả mấy huyện mà trước còn giữ lại. Từ đó nước ta và nước Tàu lại thông sứ như cũ.

Năm đinh mão (1087) vua nhà Tống phong cho Nhân-tông là Nam-bình-vương.

Nhà Tống bấy giờ đã suy-nhược, đến năm binh - ngọ (1126) nước Kim 金 (Mãn-châu) sang lấy mất cả phía bắc nước Tàu, nhà Tống dời đô về đóng ở Hàng-châu 杭州 (thuộc Chiết-giang) gọi là Nam-tống.

6. ĐÁNH CHIÊM - THÀNH. Nước Chiêm-thành thịnh-thoảng cứ hay sang quấy-nhiều, đánh thế nào cũng không được. Năm ất-mão (1075) trước khi đi đánh nhà Tống, Lý thường Kiệt đã sang đánh Chiêm-thành, vẽ được địa-đồ ba châu của Chế Củ đã nhường ngày trước, rồi cho người sang ở.

Năm quí-mùi (1103) ở Diễn-châu (thuộc Nghệ-an) có Lý Giác 李覺 làm phản. Lý thường Kiệt vào đánh, Lý Giác thua chạy sang Chiêm-thành đem quốc-vương là Chế ma Na 制麻 耶 sang đánh lấy lại ba châu Ma-linh, Bố - chính, v.v... Sang

năm sau là năm giáp - thân (1104) vua Nhân - tông sai Lý thường Kiệt vào đánh Chiêm-thành. Chế ma Na thua chạy xin trả lại ba châu như cũ.

Lý thường Kiệt bấy giờ đã ngoài 70 tuổi đi đánh Chiêm-thành về được một năm thì mất. Ông là người ở phường Thái-hòa, huyện Thọ-xương (thành phố Hà-nội), có tướng tài, tinh thao-lược, bắc đánh Tống, nam bình Chiêm, thật là một người danh-tướng nước ta vậy.

Từ khi bình-phục được nước Chiêm-thành rồi, các nước ở phía nam đều về triều cống. Nhân-tông làm vua đến năm đinh-vị (1127) thì mất, trị-vị được 56 năm, thọ 63 tuổi.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG V
NHÀ LÝ (tiếp theo)

李氏
(1010-1225)

V. LÝ THẦN-TÔNG

VI. LÝ ANH-TÔNG

- 1. Đò anh Vũ
- 2. Tô hiến Thành
- 3. Giặc Thân Lợi
- 4. Việc chính-trị

VII. LÝ CAO-TÔNG

- 1. Tô hiến Thành làm phụ-chính
- 2. Sự nội-loạn

VIII. LÝ HUỆ-TÔNG

- 1. Trần thị
- 2. Quyền về họ Trần

XI. LÝ CHIÊU-HOÀNG

V. LÝ THẦN-TÔNG (1128 - 1138)

Niên-hiệu : Thiên-thuận 天順 (1128-1132)

Thiên-chương bảo-tự 天章寶嗣 (1133-1137)

Nhân-tông không có con, lập con của hoàng-đệ là Sùng-hiền-hậu 崇賢侯 lên làm Thái-tử, nay lên nối ngôi, tức là vua Thần-tông 神宗 (1).

Bấy giờ có các quan đại-thần là bọn ông Trương bá Ngọc 張伯玉, Lưu khánh Đàm 劉慶覃, Dương anh Nhi 楊英珥 giúp Thần-tông trị nước. Ngài vừa lên ngôi thì đại xá

(1) Tục truyền rằng Thần-tông là con cầu tự được, mà Ngài chính là ông Từ đạo Hạnh hóa xác sinh ra. Ở Bắc-Việt ai đi đến Chùa Thầy (thuộc Sơn-tây) cũng nghe nói sự tích ông Từ đạo Hạnh và ông Nguyễn minh Không. Chuyện hoang-đường, không thể tin là sự thật được.

cho các tù-phạm, và trả lại những ruộng đất tịch-thu của quan dân ngày trước. Quân lính thì cho đổi phiên, cứ lần lượt 6 tháng một, được về làm ruộng. Như thế việc binh không làm ngăn-trở việc canh-nông.

Giặc-giã thời bấy giờ cũng ít. Một hai khi có người Chân-lạp và người Chiêm-thành sang quấy-nhiều ở mạn Nghệ-an, nhưng đó là những đám cướp-phá vật-vãnh không mấy nổi mà quan quân đánh đuổi đi được.

Thần-tông làm vua được 10 năm thì mất, thọ 23 tuổi.

VI. LÝ ANH-TÔNG (1138 - 1175)

Niên-hiệu: Thiệu-Minh 紹明 (1138 - 1139) — Đại-dịnh 大定 (1140 - 1162) — Chính-long bảo-ứng 政龍寶應 (1163 - 1173) — Thiên-cầm chí-bảo 天威至寶 (1174 - 1175)

1. ĐỖ ANH-VŨ. Thần-tông mất, triều-đình tôn Thái-tử là Thiên Tộ 天祚 lên làm vua, tức là vua Anh-tông 英宗.

Anh-tông bấy giờ mới có 3 tuổi, Thái-hậu là Lê-thị 黎氏 cầm quyền nhiếp chính. Lê Thái-hậu lại tư thông với Đỗ anh Vũ 杜英武, cho nên phạm việc gì bất cứ lớn nhỏ đều ở tay Đỗ anh Vũ quyết đoán cả. Đỗ anh Vũ được thề ra vào chỗ cung cấm, kiêu-ngạo và khinh-dễ đình-thần. Các quan như bọn Vũ Đái 武臺, Nguyễn Dương 阮楊, Nguyễn Quốc 阮國 và Dương tự Minh 楊嗣明 thấy Đỗ anh Vũ lộng quyền quá độ, đều lo mưu trừ đi, nhưng sự không thành lại bị giết-hại cả.

May nhờ thời bấy giờ có nhiều tài giỏi như Tô hiến Thành 蘇憲城, Hoàng nghĩa Hiền 黃義賢, Lý công Tín 李公信 làm quan tại triều cho nên Đỗ anh Vũ không dám có ý khác.

2. TÔ HIẾN THÀNH. Ông Tô hiến Thành giúp vua Anh-tông đi đánh-dẹp, lập được nhiều công to, như là bắt được giặc Thân Lợi 申利, phá được giặc Ngưu Hồng 牛吼 và dẹp yên giặc Lão, được phong làm chức Thái-uy 太尉

coi giữ việc binh. Ông luyện-tập quân-lính, kén-chọn những người tài giỏi để làm tướng hiệu. Bởi vậy binh-thế nhà Lý lúc bấy giờ lại phấn-chấn lên. Ông giỏi việc võ mà lại chăm việc văn. Ông xin vua khai-hóa sự học-hành, và làm đền thờ đức Khổng-tử ở cửa nam thành Thăng-long, để tỏ lòng mộ Nho-học.

3. GIẶC THÂN LỢI. Vua Anh-tông vừa mới lên làm vua được 2 năm, thì ở mạn Thái-nguyên có giặc Thân Lợi 𠵿 𠵿 làm loạn. Thân Lợi xưng là con riêng vua Nhân-tông, trước đã xuất gia đi tu, rồi chiêu-tập những đồ vong mạng hơn 1.000 người, chiếm giữ mạn Thái-nguyên, xưng vương phong tước, đem quân đi đánh phá các nơi. Quan quân đánh mãi không được.

Năm tân-dậu (1141) Thân Lợi về vây phủ Phù-lương, Đỗ anh Vũ đem quân lên đánh, Thân Lợi chạy lên Lạng-châu, tức là Lạng-sơn bị ông Tô hiến Thành đuổi bắt được, đem về kinh làm tội.

4. VIỆC CHÍNH-TRỊ. Năm giáp-thân (1164) vua nhà Tống đổi Giao-chỉ quận làm An-nam quốc 安南國, và phong cho Anh-tông là An-nam quốc-vương.

Nguyên khi trước Tàu gọi ta là Giao-chỉ-quận, rồi sau đổi là Giao-châu, đến đời nhà Đường đặt An-nam đô-hộ-phủ. Nhà Đinh lên đặt là Đại-cổ-việt, vua Lý Thánh-tông đổi là Đại-việt. Nhưng Tàu vẫn phong cho vua ta là Giao-chỉ quận-vương, đến bấy giờ mới đổi là An-nam quốc-vương. Nước ta thành tên là nước An-nam khởi đầu từ đây.

Năm tân-mão và năm nhâm-thìn (1171-1172) Anh-tông đi chơi xem sơn-xuyên hiểm-trở, đường-sá xa gần và sự sinh-hoạt của dân-gian, rồi sai quan làm quyền địa-đồ nước An-nam (2).

Năm ất-mùi (1175), Anh-tông phong cho Tô hiến Thành làm Thái-phó Bình-chương-quân-quốc trọng-sự 太傅平章

(2) Quyền địa-đồ ấy bây giờ không thấy còn di-tích ở đâu cả.

軍國重事 và gia phong vương tước. Anh-tông đau, ủy thác Thái-tử là Long Cán 龍幹 cho Tô hiến Thành. Anh-tông mất, trị vì được 37 năm, thọ 40 tuổi.

VII. LÝ CAO-TÔNG (1176-1210)

Niên-hiệu: Trinh-phù 貞符 (1176-1185) — Thiên-tư gia-thụy 天資嘉瑞 (1186-1201) — Thiên-gia bảo-hữu 天嘉寶祐 (1202-1204) — Trị-bình-long-ứng 治平龍應 (1205-1210).

1. TÔ HIẾN THÀNH LÀM PHỤ-CHÁNH. Khi vua Anh-tông mất, Thái-tử Long Cán chưa đầy 3 tuổi, bà Chiêu-linh Thái-hậu muốn lập người con trưởng là con mình tên là Long Xưởng (3) lên làm vua, đem vàng bạc đút lót cho vợ Tô hiến Thành, nhưng ông nhất thiết không chịu, bèn cứ theo di-chiều mà lập Long Cán, tức là vua Cao-tông 高宗.

Tô hiến Thành giúp vua Cao-tông trị nước, đến năm kỷ-hợi (1179) thì mất. Sử chép rằng khi ông đau có quan Tham-tri chính-sự là Vũ tán Đường 武贊唐, ngày đêm hầu-hạ. Đến khi bà Đỗ Thái-hậu (4) ra thăm hỏi ngày sau ai thay được ông, ông tâu rằng: có quan Gián-nghị đại-phu Trần trung Tá 陳忠佐. Thái-hậu ngạc-nhiên nói rằng sao không cử Vũ tán Đường? Ông đáp: «Nếu bề-hạ hỏi người hầu-hạ, thì xin cử người Tán Đường, hỏi người giúp nước thì tôi xin cử người Trung Tá».

Tô hiến Thành không những là một người có tài thao-lược, dẹp giặc yên dân mà thôi, cách thờ vua thật là trung-thành cho nên người đời sau thường vi ông với Gia cát Lượng đời Tam-quốc bên Tàu.

Tô hiến Thành mất rồi, Triều-đình không theo lời ông ấy dặn, cử Đỗ yên Di 杜安頤 làm phụ-chính và Lý kính Tu 李敬修 làm đề-sư. Đình-thần bấy giờ có nhiều người đứng-dẫn, cho nên bà Chiêu-linh Thái-hậu không dám mưu sự phế-lập.

(3) Long Xưởng trước đã lập làm Thái-tử, sau vì có tội phải giáng xuống làm thứ dân.

(4) Đỗ Thái-hậu là mẹ đẻ ra Cao-tông.

Đến khi Cao-tông lớn lên cầm quyền trị nước, thì cứ hay đi săn bắn chơi bời, làm cung xây điện, bắt trăm họ phải phục-dịch khổ-sở. Ngoài biên thì quân mừng thổ ở bên Tàu sang quấy nhiễu ở phía bắc, người Chiêm-thành sang đánh ở phía nam; trong nước thì trộm cướp nổi lên như ong đầy. Vua tôi không ai lo nghĩ gì đến việc chính-trị, chỉ làm những việc nhùng-lạm, mua quan bán chức, hà-hiếp nhân-dân, lấy tiền để làm những việc xa-xỉ.

2. SỰ NỘI-LOẠN. Năm bình-thin (1208) ở Nghệ-an có Phạm Du 范叡, chiêu nạp những đồ vong mệnh, cho đi cướp các thôn dân, có bụng làm phản. Cao-tông sai quan Phụng-ngự là Phạm bình Di 范秉彝 đi đánh Phạm Du. Bình Di đem quân vào đến nơi đánh đuổi Phạm Du đi và tịch-biên cả của-cải, đốt phá cả nhà cửa.

Phạm Du cho người về kinh, lấy vàng bạc đút lót với các quan trong triều, đề vu cho Bình Di ra làm việc hung-bạo, giết hại những kẻ không có tội, và Phạm Du lại xin về triều để kêu oan.

Cao-tông nghe lời, cho vời Phạm Du vào chầu và triệu Phạm bình Di về.

Bình Di về kinh vào chầu, Cao-tông truyền bắt giam, lại toan đem làm tội. Bấy giờ có bộ tướng của Bình Di là Quách Bốc 郭卜 đem quân phá cửa thành vào cứu Bình Di.

Cao-tông thấy biến, bèn đem giết Phạm bình Di đi, rồi cùng với Thái-tử chạy lên mạn sông Qui-hóa (sông Thao-giang ở phía bắc huyện Tam-nông, Phú-thọ). Thái-tử Sam 嵒 thì chạy về Hải-ấp, làng Lưu-gia (bấy giờ là làng Lưu-xá, huyện Hưng-nhân).

Bọn Quách Bốc đưa xác Bình Di ra mai táng xong rồi, lại vào điện tôn Hoàng-tử Thầm 昀 lên làm vua.

Khi Thái-tử Sam chạy về Hải-ấp vào ở nhà Trần Lý 陳季. Nguyên Trần Lý là người làng Tức-mạc (huyện Mỹ-lộc, phủ Xuân-trường, tỉnh Nam-dịnh) làm nghề đánh cá, nhà

giàu, có nhiều người theo phục, sau nhân buổi loạn cũng đem chúng đi cướp phá. Đến khi Thái-tử Sam chạy về đấy, thấy con gái Trần Lý có nhan sắc, lấy làm vợ, rồi phong cho Trần Lý tước Minh-tự và phong cho người cậu Trần-thị là Tô trung Từ 蘇志祠, người ở làng Lưu-gia làm Điện-tiền Chỉ-huy-sứ.

Anh em họ Trần mộ quân về kinh dẹp loạn, rồi lên Qui-hóa rước Cao-tông về cung. Cao-tông cho quân về làng Lưu-gia đón Thái-tử, còn Trần-thị thì về ở nhà Trần Lý.

Cao-tông về kinh được một năm thì phải bệnh, đến tháng 10 năm canh-ngọ (1210) thì mất, trị-vị được 35 năm, thọ 38 tuổi.

VIII. LÝ HUỆ-TÔNG (1211-1225)

Niên-hiệu: Kiến-gia 建嘉 (1211-1224)

1. TRẦN-THỊ. Thái-tử Sam 晟 lên ngôi, tức là vua Huệ-tông 惠宗, rồi sai quan đi rước Trần-thị về phong làm Nguyên-phi.

Bấy giờ Trần Lý đã bị quân cướp giết, chúng theo về người con thứ là Trần tự Khánh 陳利慶. Huệ-tông bèn phong cho Tự Khánh làm Chương-tín-hầu và cho người cậu Trần-thị là Tô trung Từ làm Thái-úy Thuận-lưu-bá.

Năm quý-dậu (1213) Thái-hậu làm khổ Trần-thị ở trong cung, anh Trần-thị là Tự Khánh đem quân đến chốn kinh sư, nói rằng xin rước vua đi. Huệ-tông không biết tình-ý gì, nghĩ Tự Khánh có ý phản-nghịch bèn giáng Trần-thị xuống làm Ngự-nữ. Tự Khánh nghe tin ấy, thân đến quân môn xin lỗi và rước vua đi. Huệ-tông càng nghi lắm, bèn cùng với Thái-hậu đi lên Lạng-châu (Lạng-sơn).

Tự Khánh lại phát binh xin rước vua như trước, Huệ-tông sợ lại rước Thái-hậu về huyện Bình-hợp (?).

Khi bấy giờ bà Thái-hậu cho Tự Khánh là phản-trắc, thường chỉ mặt Trần-thị mà xỉ mắng và xui Huệ-tông bỏ đi. Huệ-tông không nghe. Thái-hậu định bỏ thuốc độc cho Trần-thị, nhưng Huệ-tông biết ý, đến bữa ăn thì ăn một nửa, còn

một nửa cho Trần-thị ăn và ngày đêm không cho đi đâu. Sau vì Thái-hậu làm ngặt quá, Huệ-tông và Trần-thị đêm lên ra đi đến nhà tướng-quân Lê Mịch 黎 覿 ở huyện Yên-duyên rồi lại đến châu Cửu-liên (?), cho đòi Tự Khánh đến châu.

2. QUYỀN VỀ HỌ TRẦN. Trần tự Khánh đem quân đến hộ giá. Huệ-tông phong Trần-thị làm Hoàng-hậu. Tự Khánh làm Phụ-chính và người anh Tự Khánh là Trần Thừa 陳 承 làm Nội-thị Phán-thủ. Trần tự Khánh cùng với Thượng-trương-quân là Phan Lân 潘 鄱 sửa-sang quán-ngũ, làm đồ chiến-khí, luyện-tập việc võ. Từ đấy quân-thế lại nổi dần dần lên.

Huệ-tông phải bệnh, thỉnh-thoảng có cơn điên, rồi cứ uống rượu say ngủ cả ngày, còn việc chính-trị đều ở tay Tự Khánh quyết đoán cả.

Đến tháng chạp năm quý-mùi (1228) Tự Khánh mất, Huệ-tông cho Trần Thừa làm Phụ-quốc Thái-úy, sang năm sau lại cho người em họ Hoàng-hậu là Trần thủ Độ 陳 守 度 làm Điện-tiền chỉ-huy-sứ. Từ đó việc gì ở trong triều cũng quyền ở Thủ Độ cả.

Huệ-tông có bệnh mãi không khỏi, mà Thái-tử thì chưa có, Trần-thị chỉ sinh được hai người con-gái, người chị là Thuận-thiên công-chúa 順 天 公 主 thì đã gả cho Trần Liễu 陳 柳 là con trưởng của Trần Thừa; còn người em là Chiêu thánh công-chúa 昭 聖 公 主 tên là Phát-kim 佛 金 thì mới lên 7 tuổi, Huệ-tông yêu-mến lắm, cho nên mới lập làm Thái-tử. Tháng 10 năm giáp-thân (1224) Huệ-tông truyền ngôi cho Chiêu-thánh công-chúa, rồi vào ở chùa Chân-giáo.

Huệ-tông trị-vi được 14 năm.

IX. LÝ CHIÊU-HOÀNG (1225)

Niên-hiệu: Thiên-chương-hữu-dạo 天 彰 有 道 (1224-1225)

Chiêu-thánh công-chúa lên ngôi, tức là vua Chiêu-hoàng 昭 皇. Bấy giờ quyền-chính ở cả Trần thủ Độ. Thủ Độ lại

tư thông với Trần Thái hậu, đêm ngày tìm mưu lấy cơ-nghiệp nhà Lý, bèn đòi con các quan vào trong cung để hầu Chiêu-hoàng, và lại cho cháu là Trần Cảnh 陳 曩 vào làm chức Chính-thủ 正 首. Đến tháng chạp thì Chiêu-hoàng lấy Trần Cảnh và truyền ngôi cho chồng.

Nhà Lý đến đây là hết, cả thảy làm vua được 216 năm, truyền ngôi được 9 đời.

Nhà Lý có công làm cho nước Nam ta nên được một nước cường-thịnh : ngoài thì đánh nước Tàu, bình nước Chiêm, trong thì chỉnh-đốn việc võ-bị, sửa-sang pháp-luật, xây vững cái nền tự-chủ. Vì vua Cao-tông hoang chơi, làm mất lòng người, cho nên giặc-giã nổi lên, loạn thần nhiều sự. Vua Huệ-tông lại nhu-nhược bỏ việc chính-trị, đem giang-sơn phó-thác cho người con gái còn đang thơ-dại, khiến cho kẻ gian-hùng được nhân dịp mà lấy giang-sơn nhà Lý và lập ra cơ-nghiệp nhà Trần vậy.

TIMSACH.COM.VN

LY-TRIỆU THẾ-PHỐ 李朝世譜

1. Thái-tử Lý công Uẩn 太祖李公蘊

2. Thái-tông Phát Mã. Dực-thánh vương. Khai-quốc-vương Bồ. Đổng-chính-vương Lực. Vô-đức-vương Hồng
太宗 偉瑪 聖王 國王 征王 力 武德王 冕

3. Thành-tông Nhật Tôn 聖宗 日 基

4. Nhân-tông Cản Đức仁宗乾德

5. Thần-tông Dương-Hoàn 神宗陽煥

Thiên Lộc 天祿 6. Anh-tông Thiên-Tò 英宗天祚

Long Xǔng 龍祀

8. Huệ-tông Sam 惠宗 三

9. Chiêu Hoàng: (Chiêu Thánh công chúa Phật Kim)
昭皇 (昭聖公主佛金)

CHƯƠNG VI

NHÀ TRẦN

陳氏

(1225-1400)

Thời kỳ thứ nhất (1225-1293)

I. TRẦN THÁI-TÔNG

1. Trần thủ Độ
2. Việc đánh-dẹp giặc-giã
3. Việc cai-trị
4. Việc thuế-má
5. Việc đắp-dê
6. Việc học-hành
7. Pháp-luật
8. Quan-chế
9. Binh-chế
10. Việc đánh Chiêm-thành
11. Quân Mông-cổ xâm-phạm đất An-nam

II. TRẦN THANH-TÔNG

1. Việc chính-trị
2. Sự giao-thiệp với Mông-cổ

III. TRẦN NHÂN-TÔNG

1. Việc chiến-tranh
2. Việc văn-học

I. TRẦN THÁI-TÔNG (1225-1258)

Niên-hiệu : Kiến-trung 建中 (1225-1237). Thiên-ứng chính-bình 天應政平 (1238-1350). Nguyên-phong 元豐 (1251-1258).

1. TRẦN THỦ ĐỘ. Tháng chạp năm ất-dậu (1225) Trần Cảnh 陳煚 lên làm vua, tức là Trần Thái-Tông 陳太宗 phong cho Trần thủ Độ 陳守度 làm Thái-sư Thống-quốc hành-quân chinh-thảo-sự 太師統國行軍征討事.

Bấy giờ vua Thái-tông mới có 8 tuổi, việc gì cũng do ở Trần thủ Độ cả. Thủ Độ tuy là một người không có học-vấn nhưng thật là một tay gian-hùng, chủ ý cốt gây dựng cơ-nghiệp nhà Trần cho bền-chặt, cho nên dầu việc tàn-bạo đến đâu, cũng làm cho được. Lý Huệ-tông tuy đã xuất gia đi ở chùa rồi nhưng Thủ Độ vẫn định bụng giết đi, cho khỏi sự lo về sau.

Một hôm Huệ-tông ngồi nhõ cở ở sân chùa Chân-giáo, Thủ Độ đi qua trông thấy, mới nói rằng: « Nhõ cở thì phải nhõ cả rế cái nó đi ! » Huệ-tông nghe thế, phui tay đứng dậy nói rằng: « Nhà người nói ta hiểu rồi ». Được mấy hôm, Thủ Độ cho người đến mời Huệ-tông, Huệ-tông biết ý, vào nhà sau thất cở tự-tận. Thủ Độ đưa bách quan đến tế khóc xong rồi hỏa táng, chôn ở tháp Bảo-quang.

Còn Thái-hậu là Trần-thị giảng xuống làm Thiên-cực công-chúa để gả cho Trần thủ Độ (Trần thủ Độ và Thiên-cực công-chúa là hai chị em họ). Bao nhiêu những cung-nhân nhà Lý thì đưa gả cho những Tù-trưởng các mừng.

Thủ Độ đã hại Huệ-tông rồi, lại muốn trừ nốt các tôn-thất nhà Lý. Đến năm nhâm-thìn (1232) nhân làm lễ Tiên-hậu 先后 nhà Lý ở thôn Thái-đường, làng Hoa-lâm (huyện Đông-ngạn, tỉnh Bắc-ninh), Thủ Độ sai đào hầm, làm nhà lá ở trên, đề đến khi các tôn-thất nhà Lý vào đấy tế-lễ, thì sụt cả xuống hố rồi đổ đất chôn sống cả.

Thủ Độ chỉ lo làm thế nào cho ngôi nhà Trần được vững-bền, cho nên không những là tàn-ác với nhà Lý mà thôi, đến luân-thường ở trong nhà, cũng làm loạn cả. Chiêu-thánh Hoàng-hậu lấy Thái-tông đã được 12 năm mà vẫn chưa có con (1), Thủ Độ bắt Thái-tông bỏ đi và giảng xuống làm công-chúa, rồi đem người chị bà Chiêu-thánh tức là vợ Trần Liễu 陳 季 vào làm Hoàng-hậu, bởi vì người chị đã có thai được ba tháng.

(1) Chiêu-thánh Hoàng-hậu bấy giờ mới có 19 tuổi.

Làm loạn nhân-luân như thế, thì tự thượng-cổ mới có là một. Trần Liễu tức giận, đem quân làm loạn. Vua Thái-tông bị Thủ Độ hiếp chế như thế, trong bụng cũng không yên, đến đêm trốn ra, lên ở chùa Phù-vân, trên núi Yên-tử (huyện Yên-hung, tỉnh Quảng-yên). Trần thủ Độ biết tin ấy, đem quân-thần đi đón Thái-tông về. Thái-tông không chịu về, nói rằng: « Trẫm còn nhỏ-dại, không kham nổi việc to lớn, các quan nên chọn người khác để cho khỏi nhục xã-tắc ». Thủ Độ nói mãi không nghe, ngảnh lại bảo bách quan rằng: « Hoàng-thượng ở đâu là Triều-dinh ở đấy! ». Nói đoạn, truyền sắp sửa xây cung-diện ở chùa Phù-vân. Quốc-sư ở chùa ấy thấy thế, vào van lạy Thái-tông về Triều, Thái-tông bất-đắc-dĩ truyền xa-giá về Kinh.

Được ít lâu Trần Liễu biết sức mình không làm gì nổi, bèn nhân lúc Thái-tông ngự thuyền đi chơi, giả làm người đánh cá lên xuống thuyền ngự, xin hàng. Hai anh em ôm nhau mà khóc. Thủ Độ nghe tin, đến rút gươm toan giết Trần Liễu, Thái-tông can mãi mới thôi. Sau Thái-tông lấy đất Yên-phu, Yên-dương, Yên-sinh và Yên-bang (ở huyện Đông-triều và phủ Kinh-môn, Hải-dương) cho Trần Liễu làm thái-ấp và phong cho làm An-sinh-vương 安生王.

Thủ Độ đã hại hết cả dòng dõi họ Lý, lại muốn cho hậu thế không ai nhớ đến họ Lý nữa, mới nhân vì tổ nhà Trần tên là Lý, bắt trong nước ai là họ Lý đều phải cải là họ Nguyễn.

Thủ Độ thật là người rất gian-ác đối với nhà Lý, nhưng lại là một người đại công-thần của nhà Trần. Một tay cang-đáng bao nhiêu trọng-sự, giúp Thái-tông bình-phục được giặc-giã trong nước và chinh-đốn lại mọi việc, làm cho nước Nam ta bấy giờ được cường-thịnh, ngày sau có thể chống-cự với Mông-cổ, khỏi phải làm nô-lệ những kẻ hùng-cường.

2. VIỆC ĐÁNH-ĐẸP GIẶC-GIÃ. Nước An-nam từ khi vua Cao-tông nhà Lý thất chính, trong nước chỗ nào cũng có giặc-giã. Ở mạn Quốc-ocai thì có giặc Mường làm loạn, ở

Hồng-châu thì có Đoàn Thượng 段 上 chiếm giữ đất Đường-hào, tự xưng làm vua, ở Bắc-giang thì có Nguyễn Nộn 阮 侖 độc-lập xưng vương ở làng Phù-đồng. Ấy là một nước mà chia ra làm mấy giang-son.

Khi Trần thủ Độ đã thu-xếp xong việc cướp ngôi nhà Lý rồi, mới đem quân đi đánh-dẹp. Trước lên binh giặc Mường ở Quốc-oai, sau về đánh bọn Đoàn Thượng và Nguyễn Nộn. Nhưng thế-lực hai người ấy mạnh lắm, Trần thủ Độ đánh không lại, bèn chia đất phong cho hai người làm vương để giảng-hòa.

Năm mậu-tí (1228) Nguyễn Nộn đem quân đánh Đoàn Thượng, chiếm giữ lấy đất Đường-hào, thanh-thế lừng-lẫy. Trần thủ Độ đã lấy làm lo. Nhưng chỉ được mấy tháng, thì Nguyễn Nộn chết. Từ đó các châu huyện trong nước lại thống-hợp làm một.

3. VIỆC CAI-TRỊ. Cứ theo phép nhà Lý thì làng nào có bao nhiêu người đi làm quan văn, quan võ, thơ-lai, quân-lính, hoàng-nam, lung-lão, tàn-tật, và những người đến ở ngụ-cư, hay là những người xiêu-lạc đến ở trong làng, thì xã-quan phải khai vào cả quyển sổ gọi là trường-tịch 帳 籍. Ai có quan-tước mà có con được thừa ấm thì con lại được vào làm quan, còn những người giàu-có, mà không có quan-tước thì đời đời cứ phải đi lính. Thái-tông lên làm vua phải theo phép ấy, cho nên đến năm mậu-tí (1288) lại sai quan vào Thanh-hóa làm lại trường-tịch theo như lệ nhà Lý ngày trước.

Năm nhâm-dần (1242) Thái-tông chia nước Nam ra làm 12 lộ. Mỗi lộ đặt quan cai-trị là An-phủ-sứ 安 撫 使, chánh-phó 2 viên. Dưới An-phủ-sứ có quan Đại-tư-xã 大 司 社 và Tiểu-tư-xã 小 司 社. Từ ngũ phẩm trở lên thì làm Đại-tư-xã, lục phẩm trở xuống thì làm Tiểu-tư-xã, mỗi viên cai-trị, hoặc hai xã, hoặc ba bốn xã. Mỗi xã lại có một viên xã-quan là Chánh-sử-giám 正 文 監.

Lộ nào cũng có quyền dân-tịch riêng của lộ ấy.

4. VIỆC THUẾ-MÁ. Người trong nước phân ra từng hạng: con trai từ 18 tuổi thì vào hạng tiểu-hoàng-nam, từ 20 tuổi vào hạng đại-hoàng-nam. Còn từ 60 tuổi trở lên thì vào lão hạng.

Thuế thân: Thuế thân thời bấy giờ tùy theo số ruộng mà đánh, ai có một hai mẫu ruộng thì phải đóng một năm một quan tiền thuế thân; ai có ba bốn mẫu, thì đóng hai quan; ai có năm mẫu trở lên, thì đóng ba quan. Ai không có mẫu nào, thì không phải đóng thuế.

Thuế ruộng: Thuế ruộng thì đóng bằng thóc: cứ mỗi một mẫu thì chủ điền phải đóng 100 thăng thóc.

Còn như ruộng công, thì có sách chép rằng đời nhà Trần có hai thứ ruộng công, mỗi thứ phân ra làm ba hạng.

1. Một thứ gọi là ruộng quốc-khố: hạng nhất mỗi mẫu đánh thuế 6 thạch 80 thăng thóc; hạng nhì mỗi mẫu 4 thạch; hạng 3 mỗi mẫu 3 thạch.

2. Một thứ gọi là thác-diền (2): hạng nhất mỗi mẫu đánh thuế một thạch thóc; hạng nhì ba mẫu lấy một thạch, hạng ba, bốn mẫu lấy một thạch.

Còn ruộng ao của công-dân thì mỗi mẫu lấy ba thăng thóc thuế.

Ruộng muối phải đóng bằng tiền.

Các thứ thuế: Có sách chép rằng nhà Trần đánh cả thuế trâu cau, thuế hương yên-tức, và tôm, cá, rau, quả, gì cũng đánh thuế cả.

Còn như vàng bạc tiêu-dụng trong nước thì tiêu bằng phân, lượng đã đúc sẵn, có hiệu nhà nước. Khi nào đóng nộp

(2) Sử chép rằng ông Lê Phụng Hiền đời vua Lý Thái-tông đi đánh giặc lập được nhiều công. Sau vua định phong tước cho ông, ông từ chối, xin lên núi ném con dao, hễ rơi đến đâu xin lấy đất làm tư nghiệp.

Vua thuận cho. Lê phụng Hiền mới lên núi Bãng-sơn ném con dao xuống xa được 10 dặm. Vua bèn lấy ruộng ở chung-quanh núi Bãng-sơn cho ông Lê phụng Hiền, gọi là thác-dao-diền. Sau thành ra tên thác-diền là ruộng để thưởng công cho các quan.

cho vua quan, thì một tiền là 70 đồng, mà thường tiêu với nhau thì một tiền chỉ có 69 đồng mà thôi.

5. VIỆC ĐẮP ĐÊ. Nước Nam ta ở mạn đường ngược thì lắm núi, mà ở mạn trung châu thì nhiều sông ngòi, cho nên đến mùa lụt nước ngàn, nước lũ chảy về ngập mất cả đồng-điền. Vì vậy năm mậu-thân (1244) Thái-tông sai quan ở các lộ đắp đê ở hai bên bờ sông cái (Hồng-hà), gọi là Đĩnh-nhĩ-dê. Lại đặt quan để coi việc đê, gọi là Hà-đê chánh phó-sứ hai viên. Hễ chỗ nào mà đê đắp vào ruộng của dân, thì nhà nước cứ chiếu theo giá ruộng mà bồi thường cho chủ ruộng.

6. VIỆC HỌC-HÀNH. Năm nhâm-thìn (1232) mở khoa thi Thái-học-sinh (thi Tiến-sĩ). Từ đời nhà Lý cũng đã có thi nho sĩ, nhưng chỉ thi Tam-trường mà thôi, đến bây giờ mới có khoa thi Thái-học-sinh, chia ra thứ bậc, làm ba giáp để định cao thấp. Đến khoa thi năm đinh-vị (1247) lại đặt ra tam khối: trảng-nguyên, bằng-nhân, thám-hoa. Khoa thi năm đinh-vị này có Lê văn Hưu, là người làm sử nước Nam trước hết cả, đỗ bằng-nhân. Năm ấy lại có mở khoa thi Tam-giáo: Nho, Thích, Lão, ai hơn thì đỗ khoa giáp, ai kém thì đỗ khoa ất.

Xem như thế thì sự học-vấn đời nhà Trần cũng rộng: Nho, Thích, Lão cũng trọng cả. Nhưng không rõ cách học-hành và phép thi-cử bấy giờ ra thế nào, bởi vì chỗ này sử chỉ nói lược qua mà thôi.

Năm quý-sửu (1253) lập Quốc-học-viện để giảng tứ-thư ngũ-kinh, và lập giảng-võ-đường để luyện-tập võ-nghe.

7. PHÁP-LUẬT. Sử chép rằng năm giáp-thìn (1244) vua Thái-tông có định lại các luật-pháp, nhưng không nói rõ định ra thế nào. Xét trong sách «*Lịch-triều hiến-chương* 歷朝憲章» của ông Phan huy Chú 潘輝注 thì phép nhà Trần đặt ra là hễ những người phạm tội trộm-cắp đền phải chặt tay, chặt chân, hay là cho voi giày.

Xem như thế thì hình-luật thời bấy giờ nặng lắm.

8. QUAN-CHẾ. Quan-chế đời nhà Trần cũng sửa-sang lại cả. Bấy giờ có Tam-công, Tam-thiếu, Thái-uy, Tư-mã, Tư-đồ,

Tư-không, làm văn võ đại-thần. Tể-tướng thì có Tả hữu Tướng-quốc, Thủ-tướng, Tham-tri.

Văn-giai nội chức, thì có các bộ Thượng-thư, Thị-lang, Lang-trung, Viên-ngoại, Ngự-sử, v. v... Ngoại chức, thì có An phủ-sứ, Tri-phủ, Thông-phán, Thiêm-phán v. v...

Còn võ-giai nội chức, thì có Phiêu-ky thượng-tướng-quân, Cầm-vệ thượng-tướng-quân, Kim-ngô đại-tướng-quân, Võ-vệ đại-tướng-quân, Phó đô-tướng-quân v. v... Ngoại chức thì có Kinh-lược-sứ, Phòng-ngự-sứ, Thủ-ngự-sứ, Quan-sát-sứ, Đô-hộ, Đô-thống, Tổng-quân, v. v...

Quan-lại đời bấy giờ, cứ 10 năm, thì được thăng lên một hàm, và 15 năm mới được lên một chức.

Đời nhà Trần, tuy quan-lại thì nhiều, nhưng vua quan có ý thân-cận với nhau lắm. Hễ khi nào vua đãi yến, các quan uống rượu xong rồi, thì ra dắt tay nhau mà múa hát, không có giữ lễ-phép nghiêm-khắc như những đời sau.

9. BÌNH-CHẾ. Từ khi Thái-tông lên ngôi làm vua thì việc binh-linh một ngày một chỉnh-đốn thêm. Bao nhiêu những người dân-tráng trong nước đều phải đi lính cả. Các thân vương ai cũng được quyền mộ-tập quân-linh. Vì có ấy cho nên đến sau người Mông-cổ sang đánh, nước Nam ta có hơn 20 vạn quân để chống với quân-ngịch.

Trừ những giặc-giã nhỏ-mọn ở trong nước không kể chi, nước Nam ta bấy giờ ở phía nam có Chiêm-thành, phía bắc có quân Mông-cổ sang quấy-nhiều cho nên phải đánh-dẹp luôn.

10. VIỆC ĐÁNH CHIÊM-THÀNH. Từ khi Thái-tông lên làm vua, nước Chiêm-thành đã sang cống-tiến, nhưng thường vẫn cứ sang cướp phá, và cứ đòi lại đất cũ. Thái-tông lấy làm tức giận, bèn sửa-soạn sự đi đánh Chiêm-thành. Năm nhâm-tí (1252) ngài ngự-giã đi đánh, bắt được vương-phi nước Chiêm tên là Bố-gia-la 不耶羅 và quân dân nước ấy rất nhiều.

11. QUÂN MÔNG-CỔ XÂM-PHẠM ĐẤT AN-NAM.

Trong khi nhà Lý mất ngôi, nhà Trần lên làm vua ở An-nam, thì nhà Tống bên Tàu bị người Mông-cổ đánh phá.

Nguyên ở phía bắc nước Tàu có một dân-tộc gọi là Mông-cổ 蒙 古, ở vào khoảng thượng-lưu sông Hắc-long-giang (Amour). Người Mông-cổ hung-tợn, mà lại có tính hiếu chiến, người nào cưỡi ngựa cũng giỏi, và bắn tên không ai bằng. Binh-linh thường là quân kị, mà xếp-dặt thành cơ nào đội ấy, thật là có thứ-tự, và người nào cũng tinh nghề chiến-dấu.

Bởi tính-chất và binh-pháp của người Mông-cổ như thế, cho nên Thiết-mộc-chân (Témoudjine) tức là Thành-cát-tư-hãn (Gengis khan), miếu-hiệu là Nguyên Thái-tổ, mới chiếm giữ được cả vùng Trung-Á, cùng đất Ba-tư, sang đến phía đông-bắc Âu-la-ba. Sau quân Mông-cổ lại lấy được nước Tây-hạ, phía tây-bắc nước Tàu, dứt được nước Kim và tràn sang đến nước Triều-tiên (Cao-ly).

Thành-cát-tư-hãn mất, người con thứ ba là A-loa-dải (Agotai) lên làm vua tức là Nguyên Thái-tông. A-loa-dải truyền cho con là Quý-do (Gouyouk) tức là Nguyên Định-tông.

Quý-do làm vua được non ba năm thì mất, ngôi vua Mông-cổ về chi khác. Người em con nhà chú là Mông-kha (Mong-ké) lên làm vua, tức là Nguyên Hiến-tông.

Mông-kha sai hai em là Hột-lỗ (Houlagen) sang kinh-lý việc nước Ba-tư, và Hốt-tất-liệt (Koubilai) sang đánh nhà Tống bên Tàu. Trong khi quân Mông-cổ đang đánh nhà Tống, thì Mông-kha mất, Hốt-tất-liệt phải rút binh về lên ngôi vua, tức là Nguyên Thế-tổ. Hốt-tất-liệt lên làm vua rồi đổi quốc hiệu là Nguyên.

Hốt-tất-liệt lại sang đánh nhà Tống. Từ đó cả nước Tàu thuộc về Mông-cổ cai-trị.

Khi Mông-kha hãy còn, Hốt-tất-liệt đem quân sang đánh nhà Tống, có sai một đạo quân đi đánh lấy nước Đại-lý 大理 (thuộc tỉnh Vân-nam bây giờ) tướng Mông-cổ là Ngột-lương-hợp-thai 兀 良 合 台 (Wouleangotai) sai sứ sang báo vua Trần Thái-tông về thần-phục Mông-cổ.

Thái-tông không những là không chịu, lại bắt giam sứ Mông-cổ, rồi sai Trần quốc Tuấn 陳國峻 đem binh lên giữ ở phía Bắc. Bấy giờ là năm đinh-tị (1257).

Ngột-lương-hợp-thai 兀良合台 bèn từ Vân-nam đem quân sang địa-phận An-nam, đi đường sông Thao-giang, tỉnh Hưng-hóa, xuống đánh Thăng-long.

Trần quốc Tuấn ít quân đánh không nổi, lùi về đóng ở Sơn-tây. Quân Mông-cổ kéo tràn xuống đến sông Thao. Thái-tông phải ngự giá thân chinh, nhưng đánh không được, chạy về đóng ở sông Hồng-hà (3). Quân Mông-cổ tiến lên đánh đuổi quân nhà Trần đến Đông-bộ-dầu (phía đông sông Nhị-hà ở hạt huyện Thượng-phúc). Thái-tông phải bỏ kinh-đô, chạy về đóng ở sông Thiên-mạc (về hạt huyện Đông-an, tỉnh Hưng-yên).

Quân Mông-cổ vào thành Thăng-long, thấy ba người sứ Mông-cổ còn phải trời, giam ở trong ngục, đến khi cởi trời ra thì một người chết. Ngột-lương-hợp-thai thấy thế tức giận quá, cho quân ra cướp phá giết cả nam phụ lão ấu ở trong thành.

Bấy giờ thế nguy, Thái-tông ngự thuyền đến hỏi Thái-úy là Trần nhật Hiệu 陳日效. Nhật Hiệu không nói gì cả, cầm sào viết xuống nước hai chữ « Nhập Tống 入宋 ». Thái-tông lại đi đến hỏi Thái-sư Trần thủ Độ. Thủ Độ nói rằng: « Đầu tôi chưa rơi xuống đất, thì xin Bệ-hạ đừng lo ! ».

Thái-tông nghe thấy Thủ-độ nói cứng-cỏi như thế, trong bụng mới yên.

Được ít lâu quân Mông-cổ ở nước Nam không quen thủy-thổ xem ra bộ mỗi-một. Thái-tông mới tiến binh lên đánh ở Đông-bộ-dầu. Quân Mông-cổ thua chạy về đến trại Qui-hóa, lại bị chủ trại ở đấy chiêu-tập thổ dân ra đón đánh. Quân Mông-cổ thua to, rút về Vân-nam, đi đường mỗi-một, đến đâu cũng không cướp-phá gì cả, cho nên người ta gọi là giặc Phật.

(3) Sử ta chép là sông Phú-lương. Xem lời chú-thích ở trang 104.

Quân Mông-cổ tuy thua phải rút về, nhưng chẳng bao lâu vua Mông-cổ dứt được nhà Tống, lấy được nước Tàu, rồi có ý muốn bắt vua nước Nam ta sang châu ở Bắc-kinh, bởi vậy lại sai sứ sang đòi lệ cống. Vua Thái-tông sai Lê phụ Trần 參輔陳 sang sứ xin cứ ba năm sang cống một lần.

Mùa xuân năm mậu-ngọ (1258), Thái-tông nhường ngôi cho Thái-tử là Trần Hoảng 陳晃, để dạy-bảo mọi việc về cách trị nước, và để phòng ngày sau anh em không tranh nhau.

Triều-định tôn Thái-tông lên làm Thái-thượng-hoàng 太上皇 để cùng coi việc nước.

Thái-tông trị-vị được 33 năm, làm Thái-thượng-hoàng được 19 năm thì mất, thọ 60 tuổi.

II. TRẦN THÁNH-TÔNG (1258 - 1278)

Niên-hiệu: Thiệu-long 紹隆 (1258-1272)

Bảo-phù 寶符 (1273 - 1278)

1. VIỆC CHÍNH-TRỊ. Thái tử Hoảng 晃 lên ngôi, tức là vua Thánh-tông 聖宗, đổi niên-hiệu là Thiệu-long 紹隆.

Thánh-tông là ông vua nhân-tử trung-hậu ở với anh em họ hàng rất là tử-tế. Thường hay nói rằng: «Thiên-hạ là của ông cha để lại, nên để cho anh em cùng hưởng phú-quí chung». Rồi cho các hoàng-thân vào nội điện, cùng ăn một mâm, nằm một giường, thật là thân-ái, chỉ có lúc nào ra việc công, hoặc buổi chầu, thì mới phân thứ-tự theo lễ-phép mà thôi.

Còn việc nước thì thật ngài có lòng lo giữ cho dân được yên trị. Trong 21 năm, ngài làm vua không có giặc-giã gì cả. Việc học-hành cũng mở-mang thêm: cho Hoàng-đệ Trần ích Tắc 陳益稷 là một người hay chữ trong nước lúc ấy, mở học-đường để những người văn-sĩ học-tập. Danh nho Mạc đình Chi 莫挺之 cũng học ở trường ấy ra.

Đời bấy giờ Lê văn Hưu 黎文休 làm xong bộ Đại-Việt sử 大越史 thành 30 quyển, chép từ Triệu Võ-vương đến Lý

Chiêu-hoàng, Bộ sử này khởi đầu làm từ đời Trần Thái - tông đến năm nhâm - thân (1272) đời Thánh - tông mới xong. Nước Nam ta có quốc-sử khởi đầu từ đây.

Thánh-tông lại bắt các vương-hầu, phò-mã phải chiêu-tập những người nghèo-đói lưu-lạc để khai-khẩn hoang điền làm trang hộ. Trang-diền có từ đây.

2. SỰ GIAO-THIỆP VỚI MÔNG-CỔ. Nước tuy được yên, song việc giao-thiệp với Tàu một ngày một khó thêm. Đời bấy giờ Mông-cổ đã đánh được nhà Tống rồi, chỉ chực lấy nước An-nam, nhưng vì trước tướng Mông-cổ đã đánh thua một trận, vả trong nước Tàu cũng chưa được yên, cho nên vua Mông cổ muốn dụng kế dụ vua An-nam sang hàng-phục, để khỏi dùng can-qua. Vậy cứ vài năm lại cho sứ sang sách-nhiều điều nọ điều kia, và dụ vua An-nam sang châu, nhưng vua ta cứ nay lần mai lửa, không chịu đi. Sau nhân dịp Thái-tông nhường ngôi cho Thánh-tông, vua Mông-cổ sai sứ sang phong vương cho Thánh-tông, và tuy không bắt nước Nam phải đổi phục-sắc và chính-trị, nhưng định cho ba năm phải một lần cống. Mà lệ cống thì phải cho nho-sĩ, thầy thuốc, thầy bói, thầy toán-số và thợ-thuyền mỗi hạng ba người, cùng với các đồ sản-vật như là sừng tê, ngà voi, đồi-mồi, châu-báu và các vật lạ. Vua Mông-cổ lại đặt quan Đạt-lỗ-hoa-xích (tiếng Mông-cổ tức là quan Chưởng-ấn), để đi lại giám-trị các châu-quận nước Nam.

Ý Mông-cổ muốn biết nhân-vật tài-sản nước Nam ta có những gì, và học-vấn xảo-kỹ ra làm sao, để liệu đường mà đánh lấy cho tiện. Vả tuy rằng quyền chính-trị vẫn để cho vua nước Nam, nhưng đặt quan giám-trị để dần dần lập thành Bảo-hộ.

Thánh-tông bề ngoài tuy vẫn chịu thần-phục, nhưng trong bụng cũng biết rằng Mông-cổ có ý đánh lấy nước mình, cho nên cứ tu binh dụng võ để phòng có ngày tranh chiến. Vậy tuyên định-trang các lộ làm lính, phân quân-ngũ ra làm quân và đó: mỗi quân 30 đớ, mỗi đớ có 30 người, bắt phải luyện tập luôn.

Năm bình-dẫn (1266) nhân sứ Mông-cổ sang, Thánh-tông sai quan sang Tàu đáp lễ và xin đừng bắt nho-sĩ, thầy bói và các thợ-thuyền sang cống. Vua Mông-cổ ưng cho, nhưng bắt chịu 6 điều khác:

1. Vua phải thân vào châu
2. Vua phải cho con hay là em sang làm tin
3. Biên sổ dân sang nộp
4. Phải chịu việc binh-dịch
5. Phải nộp thuế-mã
6. Vẫn cứ đặt quan giám-trị

Vua An-nam cứ lần-lữa không chịu. Đến năm tân-mùi (1271) vua Mông-cổ là Hốt-tất-liệt 忽必烈 cải quốc-hiệu là Đại-nguyên 大元, rồi cho sứ sang dụ Thánh-tông sang châu nhưng Thánh-tông cáo bệnh không đi.

Năm sau Nguyên-chủ cho sứ sang tìm cột đồng-trụ của Mã Viện trồng ngày trước, nhưng Thánh-tông sai quan sang nói rằng: cột ấy lâu ngày mất đi rồi, không biết đâu mà tìm nữa. Việc ấy cũng thôi.

Đến năm ất-hợi (1275) Thánh-tông sai sứ sang Tàu nói rằng: nước Nam không phải là nước Mường-mán mà đặt quan giám-trị, xin đổi quan Đại-lỗ-hoa-xích làm quan Dẫn-tiến-sứ 引進使. Vua nhà Nguyên không cho, lại bắt theo 6 điều đã định trước. Thánh-tông cũng không chịu. Tự đấy vua nhà Nguyên thấy dụng mưu không được, quyết ý cử binh sang đánh nước Nam, sai quan ở biên-giới do-thăm địa-thể nước ta. Bên An-nam cũng đặt quan phòng-bị.

Năm đinh-sử (1277) Thái-thượng-hoàng mất ở Thiên-trường-phủ (tức là làng Tức-mạc). Năm sau (1278), Thánh-tông nhường ngôi cho Thái-tử Khâm, rồi về ở Thiên-trường làm Thái-thượng-hoàng.

Thánh-tông trị-vi được 21 năm, làm Thái-thượng-hoàng được 13 năm, thọ 51 tuổi.

III. TRẦN NHÂN-TÔNG (1279-1293)

Niên hiệu: Thiệu-bảo 紹寶 (1279-1284)

Trùng-hưng 重興 (1285-1293)

1. VIỆC CHÍNH-TRỊ. Thái-tử Trần Khâm 陳 昉 lên làm vua, tức là vua Nhân-tông 仁宗.

Lúc bấy giờ sứ nhà Nguyên 元 đi lại hạch điều này, trách điều nọ, triều-đình cũng có lăm việc bối-rối. Nhưng nhờ có Thánh-tông thượng-hoàng còn coi mọi việc và các quan triều-đình nhiều người có tài-trí, vua Nhân-tông lại là ông vua thông-minh, quả-quyết, mà người trong nước thì từ vua quan cho chí dân-sự đều một lòng cả, cho nên từ năm giáp-thân (1284) đến năm mậu-tí (1288) hai lần quân Mông-cổ sang đánh phá mà rồi không làm gì được.

Trừ việc chiến-tranh với Mông-cổ ra, để sau sẽ nói, trong đời vua Nhân-tông lại còn có giặc Lào, thường hay sang quấy-nhiều ở cửa biển-thùy, bởi vậy năm canh-dần (1290) vua Nhân-tông lại phải ngự giá đi đánh Lào.

2. VIỆC VĂN-HỌC. Đời vua Nhân-tông có nhiều giặc-giã, tuy vậy việc văn-học cũng hưng-thịnh lắm. Xem bài hịch của Hưng-đạo-vương 興道王, thơ của ông Trần quang Khải 陳光啟 và của ông Phạm ngũ Lão 范五老 thì biết là văn-chương đời bấy giờ có khi-lực mạnh-mẽ lắm.

Lại có quan Hình-bộ Thượng-thư là ông Nguyễn Thuyên 阮 瑑 khởi đầu dùng chữ Nôm mà làm thơ-phú. Ông Nguyễn Thuyên là người Thanh-lâm 靑林 (4), tỉnh Hải-đương, có tiếng tài làm văn như ông Hàn Dũ 韓愈 bên Tàu ngày xưa, bởi vậy vua cho đổi họ là Hàn 韓. Về sau người mình theo lối ấy mà làm thơ, gọi là Hàn-luật.

Năm quí-tị (1293) Nhân-tông truyền ngôi cho Thái-tử tên là Thuyên 瑑, rồi về Thiên-trường làm Thái-thượng-hoàng. Nhân-tông trị-vi được 14 năm, nhường ngôi được 13 năm, thọ 51 tuổi.

(4) Làng Lai-hạ, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, nay thuộc huyện Lang-tài, tỉnh Bắc-ninh.

CHƯƠNG VII

GIẶC NHÀ NGUYỄN

(1284-1288)

I

1. Sài Thung sang sứ An-nam
2. Trần di Ái theo nhà Nguyễn
3. Thoát Hoan sang đánh lần thứ nhất
4. Trần Hưng-đạo-vương quân thua về Vạn-kiếp
5. Thành Thăng-long thất thủ
6. Toa Đô đánh Nghệ-an
7. Hưng-đạo-vương đem vua về Thanh-hóa
8. Trần Hàm-lữ-quan : Trần nhật Duật phá quân Toa Đô
9. Trần Chương-duyên-dộ : Trần quang Khải khôi-phục Thăng-long
10. Trần Tây-kết : tướng nhà Trần chém Toa Đô
11. Trần Vạn-kiếp : Thoát Hoan trốn chạy về Tàu

1. SÀI THUNG SANG SỨ AN-NAM. Nhà Nguyễn nghe tin Trần Thái-tông mới mất và Thành-tông nhường vị, liền sai Lễ-bộ thượng-thư là Sài-Thung 蔡椿 sang sứ, đi tự Giang-lăng (Hồ-bắc), qua Ung-châu (Quảng-tây) rồi sang nước Nam, chứ không đi qua tỉnh Vân-nam như các sứ-thần trước.

Sài Thung đến kinh-thành, lên mặt kiêu-ngạo, cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương-minh, rồi cho người đưa thư vào trách Nhân-tông rằng : «Sao không xin phép triều-đình nhà Nguyễn, mà dám tự lập, vậy phải sang châu Thiên-triều Hoàng-đế mới xong». Nhân-tông sai quan đại-thần ra tiếp. Thung không thèm đáp lễ; vua bầy yến mời, Thung không

thèm đến. Đinh-thần An-nam ai cũng lấy làm tức giận nhưng không dám nói ra.

Sau vua phải dọn yến ở điện Tập-hiến, mời mãi Sài Thung mời đến. Đương khi uống rượu, Nhân-tông bảo Sài Thung rằng : « Quả-nhân xưa nay sinh-trưởng ở trong cung không quen phong-thô, không thể nào đi được ».

Được mấy hôm Sài Thung về nước. Nhân-tông sai sứ mang thư sang Tàu nói không thể sang châu được. Nguyên-triều thấy vua An-nam không chịu sang châu, và cứ đưa thư sang nói thoái-thác ra việc nọ việc kia, ý muốn cầm quân sang đánh, nhưng còn chưa quyết.

2. TRẦN DI ÁI THEO NHÀ NGUYỄN. Năm nhâm-ngọ (1282) Nguyên-chủ lại cho sứ sang dụ rằng : « Nếu vua nước Nam không sang châu được thì phải đưa vàng ngọc sang thay, và phải nộp hiền-sĩ, thầy âm-dương bói-toán, thợ khéo mỗi hạng 2 người ».

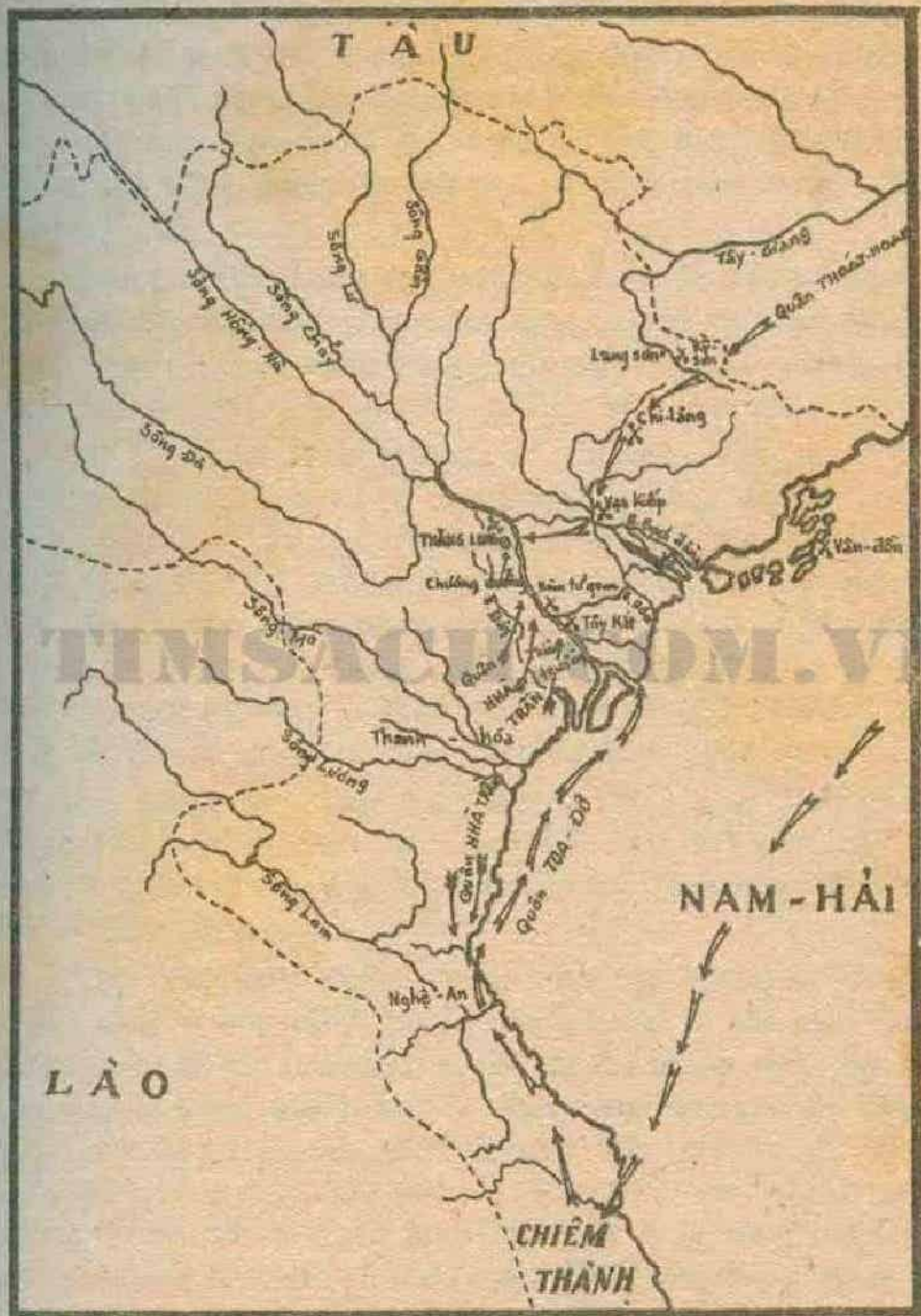
Nhân-tông sai người chủ họ là Trần di Ái 陳遺愛 và Lê Tuấn 黎筭, Lê Mục 黎目 sang thay cho mình. Nhưng Nguyên-chủ không bằng lòng, quyết ý chiếm giữ quyền cai-trị nước Nam, bèn xuống chỉ lập tòa Tuyên-phủ-ti 宣撫司, đặt quan liêu-thuộc đề sang giám-trị các châu huyện. Quan nhà Nguyễn sang đến nơi, Nhân-tông không nhận, đuổi về Tàu.

Nguyên-chủ thấy vậy giận lắm, bèn lập Trần di Ái làm An-nam quốc-vương, phong cho Lê Mục làm Hàn-lâm học-sĩ, Lê Tuấn làm Thượng-thư-lệnh, và sai Sài Thung dẫn 1.000 quân đưa bọn ấy về nước.

Trần di Ái thấy Nguyên-chủ phong cho cũng nhận, đưa về cũng về ; chắc trong bụng đồ là chuyến này nhờ sức Mông-cổ, may việc xong, thì được làm vua, nhược bằng không xong, thì đồ cho là Nguyên-chủ bắt ép ; vì thế mới theo Sài Thung về.

Sài Thung đưa bọn Trần di Ái đến gần ải Nam-quan, có tin phi-háo về Kinh-đô. Nhân-tông liền sai tướng dẫn một đội quân lên đón đường đánh lũ nghịch-thần. Sài Thung

BÀN-ĐỒ NƯỚC NAM KHI NHÀ TRẦN CHỐNG VỚI MÔNG-CỔ



bị tên bắn mù mắt một mắt, trốn chạy về Tàu, còn lũ Trần đi Ái bị bắt, phải tội đồ làm lính.

4. THOÁT HOAN SANG ĐÁNH LẦN THỨ NHẤT.

Nguyên-chủ thấy Sài Thung bị thương chạy về tức giận lắm, bèn sai con là Thoát Hoan 脫歡 làm Trấn-nam-vương 鎮南王, cùng với bọn Toa Đô 唆都, Ô mã Nhi 烏馬兒 dẫn 50 vạn quân, giả tiếng mượn đường đi qua nước Nam sang đánh Chiêm-thành.

Quan trấn-thủ Lạng-sơn do-thám được tin ấy, sai người về Kinh-đô phi báo. Nhân-tổng ngự thuyền ra sông Bình-than 平津 (1) chỗ sông Đuống nối với sông Thái-bình, đề hội các vương-hầu bách quan lại bàn kế chống giữ.

Các quan, người thì nói nên đề cho quân Nguyên mượn đường, người thì bảo nên đưa đồ sang cống đề xin hoãn binh. Duy có Trần quốc Tuấn 陳國峻 và Trần khánh Dư 陳慶餘 quyết xin đem quân đi phòng-giữ các nơi hiểm-yếu, không cho quân Mông-cổ sang nước Nam. Nhân-tổng ưng nghe lời ấy. Đến tháng mười năm quí-mùi (1283) phong cho Hưng-đạo-vương là Trần quốc Tuấn làm Tiết-chế thống-lĩnh mọi quân đi chống giữ với quân nhà Nguyên.

Qua tháng tám năm giáp-thân (1284) ông Trần quốc Tuấn truyền hịch cho các vương-hầu hội hết quân-sĩ tại bến Đông-bộ-đầu 東步頭 để diêm-duyet. Quân thủy và quân bộ cả thảy 20 vạn.

Ông Trần quốc Tuấn truyền cho các tướng-sĩ rằng : « Bản-chức phụng-mệnh thống đốc quân-sĩ ra phá giặc. Các vương-hầu và các tướng-sĩ, ai nấy phải cần giữ phép-tắc, đi đâu không được nhiều dân và phải đồng lòng hết sức đánh giặc, chớ thấy thua mà ngã lòng, chớ thấy được mà tự kiêu, việc quân có luật, phép nước không thân, các người phải giữ ». Xong rồi sai Trần bình Trọng 陳平仲 đem quân đi đóng đồn ở trên sông Bình-than, Trần khánh Dư 陳慶餘 đem quân ra giữ mặt Vân-đồn (thuộc Vân-hải ở Quảng-yên),

(1) Làng Bình-than, tổng Vạn-ti, huyện Gia-bình, tỉnh Bắc-ninh.

còn các tướng thì chia ra đóng các nơi hiểm-yếu. Trần quốc Tuấn tự dẫn đại quân đóng ở Vạn-kiếp 萬劫 (tức là làng Kiếp-bạc thuộc Hải-dương) để tiếp-ứng cho các nơi.

Được ít lâu, Nhân-tông nghe tin về báo rằng quân nhà Nguyên hội tại Hồ-quảng sắp sửa kéo sang mặt Lạng-son. Vua có ý lo quân ta không địch nổi, bèn sai sứ mang đồ lễ sang Tàu, xin vua nhà Nguyên hoãn binh, để thương-nghị lại.

Vua nhà Nguyên không nghe, sai Thoát Hoan cử việc tiến binh sang.

Nhân-tông thấy vậy, lập tức cho triệu cả các bô-lão dân-gian. hội tại điện Diên-hồng 延洪殿 để bàn xem nên hòa hay nên đánh. Các bô-lão đều đồng thanh xin đánh. Vua thấy dân-gian một lòng như vậy, cũng quyết ý kháng-cự.

Quân Nguyên chia ra làm hai đạo: một đạo do tướng Mông-cổ là Toa Đô 唆都 đem 10 vạn quân từ Quảng-châu đi hải-đạo sang đánh Chiêm-thành; còn Thoát Hoan 脫歡 thì kéo đại binh đến ải-quan, sai người đưa thư sang nói cho mượn đường đi đánh Chiêm-thành.

Nhân-tông tiếp được thư của Thoát Hoan, trả lời lại rằng: «Tự bản-quốc sang Chiêm-thành, thủy lục không có đường nào tiện». Sứ-giã về nói với Thoát Hoan, Thoát Hoan nổi giận, thúc quân kéo sang mạn Lạng-son, rồi sai quan Bả-tổng tên là A Lý 阿剌 đến dụ rằng: «Bản-sứ chỉ nhờ đường Nam-quốc sang đánh Chiêm-thành, chứ không có bụng gì đâu mà ngại. Nên mở cửa ải cho quân bản-sứ đi, và đi đến đâu, nhờ giúp ít nhiều lương-thảo, rồi khi nào phá xong Chiêm-thành thì sẽ có trọng tạ về sau. Nhược bằng kháng-cự thiên binh, thì bản-sứ sẽ không dong tình, phá tan bờ-cõi, bấy giờ dù hối lại cũng không kịp».

Hưng-đạo-vương Trần quốc Tuấn 興道王陳國峻 nổi giận, đuổi A Lý về, rồi phân binh giữ ải Khả-li và Lộc-châu (thuộc Lạng-son) còn mình thì tự dẫn đại quân đóng giữ núi Kì-cấp. Những chiến thuyền thì đóng ở Bái-tân (2) giữ mặt thủy.

(2) Ở thượng-lưu sông Lục-nam, có lẽ là bến Chũ.

4. TRẦN HUNG-ĐẠO-VƯƠNG QUÂN THUA VỀ VẠN-KIỆP. Thoát Hoan thấy Hưng-đạo-vương giữ cả các nơi, liền tiến binh lên đánh núi Kì-cấp, ải Khả-li và ải Lộc-châu. Quân hai bên đánh nhau ở núi Kì-cấp hai ba trận không phân thắng bại. Nhưng sau vì Khả-li và Lộc-châu thất thủ, quân An-nam phải rút về ải Chi-lăng 支陵 (3). Thoát Hoan dẫn đại binh đến đánh Chi-lăng, Hưng-đạo-vương kém thế, thua chạy ra bến Bái-tân, xuống thuyền cùng với bốn gia-tướng, là Dã Tượng 野象 và Yết Kiêu 歇船 về Vạn-kiếp. Các tướng thu nhặt tàn quân dần dần cũng kéo về đây cả.

Nhân-tông nghe Hưng-đạo-vương thua chạy về Vạn-kiếp, liền ngự một chiếc thuyền nhỏ xuống Hải-dông (tức là Hải-dương) rồi cho vời Hưng-đạo-vương đến bàn việc, nhân thấy quân mình thua, trong bụng lo sợ, mới bảo Hưng-đạo-vương rằng: «Thế giặc to như vậy, mà chống với nó thì dân-sự tàn-hại, hay là trăm hãy chịu hàng đi để cứu muôn dân»

Hưng-đạo-vương tâu rằng: «Bệ-hạ nói câu ấy thì thật là lời nhân-đức, nhưng mà Tôn-miếu Xã-tắc thì sao? Nếu bệ-hạ muốn hàng, xin trước hãy chém đầu tôi đi đã, rồi sau sẽ hàng!». Vua nghe lời nói trung-liệt như vậy, trong bụng mới yên.

Hưng-đạo-vương chiêu-tập quân các đạo, hội tại Vạn-kiếp được hơn 20 vạn quân, thế lại nổi to. Bấy giờ Hưng-đạo-vương có soạn ra một quyển *Bình-thư yếu-lược* 兵書要略 rồi truyền hịch khuyên-răn các tướng-sĩ. Tờ hịch ấy làm bằng Hán-văn, nay dịch ra quốc âm như sau này:

«Ta thường nghe chuyện: Kỷ Tín 紀信 liều thân chịu chết thay cho vua Cao-đế; Do Vu 由余 lấy mình đỡ ngọn giáo cho vua Chiêu-vương; Dự Nhượng 豫讓 nuốt than để

(3) Cửa Chi-lăng, tục gọi là bầu Chi-lăng ở tổng Chi-lăng, gần ga Tuần-muội, thuộc về địa-hạt châu Ôn, tỉnh Lạng-sơn. Chỗ ấy là một nơi hiểm-địa nước Nam ta. Trần Hưng-đạo-vương sau lại phá quân Nguyên ở chỗ ấy, và đến đầu đời Lê, vua Thái-tổ giết tướng nhà Minh là Liễu Thăng cũng ở chỗ ấy.

« bảo thù cho chủ; Thân Khoái 申 崑 chặt tay để cứu nạn cho
 « nước; Kính Đức 敬 德 là một chức quan còn nhỏ, mà liều
 « thân cứu vua Thái-tông được thoát vòng vây; Kiều Khanh
 « 焦 衡 là một bề tôi ở xa, mà kẻ tội mạng thẳng Lộc Sơn
 « 祿 山 là quân nghịch-tặc. Các bậc trung-thần nghĩa-sĩ ngày
 « xưa, bỏ mình vì nước, đời nào không có? Giả-sử mấy
 « người ấy cũng cứ bo bo theo lối thường tình, chết già ở
 « xó nhà, thì sao cho lưu danh sử-sách đến nghìn muôn đời
 « như thế được?

« Nay các người vốn dòng vũ-tướng, không hiểu văn-
 « nghĩa, nghe những chuyện cổ-tích ấy, nửa tin nửa ngờ, ta
 « không nói làm gì nữa; ta hãy đem chuyện đời Tống, Nguyên
 « mới rồi mà nói: Vương công Kiên 王 公 堅 là người thế
 « nào? Tỳ-tướng của Vương công Kiên là Nguyễn văn Lập
 « 阮 文 立 lại là người thế nào, mà giữ một thành Điều-ngư
 « (4) nhỏ mọn, chống với quân Mông-kha (5) kẻ hàng trăm
 « vạn, khiến cho dân sự nhà Tống, đến nay còn đời ơn sâu.
 « Đường ngọt Ngại là người thế nào? Tỳ-tướng của
 « Đường ngọt Ngại là Xích tu Tư lại là người thế nào, mà
 « xông vào chỗ lam-chướng xa xôi, đánh được quân Nam-
 « chiếu trong vài ba tuần, khiến cho quân-trưởng đời Nguyên
 « đến nay còn lưu tiếng tốt. Huống chi ta cùng các người
 « sinh ở đời nhiều-nhương, gặp phải buổi gian-nan này,
 « trông thấy những nguy-sử đi lại rầm-rập ngoài đường, uốn
 « lưỡi cú diều mà xỉ-măng triều-dinh, đem thân dè chó
 « mà bắt-nạt tổ-phụ, lại cậy thế Hốt tất Liệt 忽 必 烈 mà đòi
 « ngọc lụa, ý thế Văn-nam-vương (6) để vét bạc vàng; của
 « kho có hạn, lòng tham không cùng, khác nào như đem thịt
 « mà nuôi hổ đói, giữ sao cho khỏi tai-vạ về sau!

« Ta đây, ngày thì quên ăn, đêm thì quên ngủ, ruột đau
 « như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm-tức rằng chưa được

(4) Điều-ngư là tên núi, thuộc phủ Trùng-khánh tỉnh Từ xuyên.

(5) Mông-kha (Mungke) là vua Mông-cô, anh Hốt tất Liệt.

(6) Khi quân Mông-cô lấy được đất Văn nam rồi, Hốt tất Liệt
 phong cho con là Hốt kha Kịch làm Văn-nam-vương.

« sả thịt lột da của quán giặc, dầu thân này phơi ngoài nội cỏ.
 « xác này gói trong da ngựa, thì cũng đành lòng. Các người
 « ở cùng ta coi giữ binh-quyền, cũng đã lâu ngày, không có
 « áo thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho ăn, quan còn nhỏ
 « thì ta thăng thưởng, lương có ít thì ta tăng cấp, đi thủy thì
 « ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa, lúc hoạn-nạn thì cùng
 « nhau sống chết, lúc nhàn-hạ thì cùng nhau vui cười, những
 « cách cư-xử so với Vương công Kiên, Đường ngọt Ngại ngày
 « xưa cũng chẳng kém gì.

« Nay các người trông thấy chủ nhục mà không biết lo,
 « trông thấy quốc-sĩ mà không biết thẹn, thân làm tướng
 « phải hầu giặc, mà không biết tức, tai nghe nhạc để hiển nguy
 « sứ, mà không biết căm; hoặc lấy việc chơi gà làm vui-
 « đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu-khiển, hoặc vui thú về
 « vườn ruộng, hoặc quyến-luyến về vợ con, hoặc nghĩ về lợi
 « riêng mà quên việc nước, hoặc ham về sẵn-bắn mà quên
 « việc binh, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có
 « giặc đến, thì چرا gà trống sao cho đâm thủng được áo-giáp;
 « mẹo cờ-bạc sao cho dùng nổi được quân-mưu; dầu
 « rằng ruộng lắm vườn nhiều, thân ấy nghìn vàng khôn chuộc;
 « vả lại vợ blu con diu, nước này trăm sự nghĩ sao; tiền-của
 « đâu mà mua cho được dầu giặc; chó săn ấy thì địch sao nổi
 « quân thù; chén rượu ngon không làm được cho giặc say
 « chết, tiếng hát hay không làm được cho giặc điếc tai; khi
 « bấy giờ chẳng những là thái-áp của ta không còn, mà bổng-
 « lộc của các người cũng hết; chẳng những là gia-quyển của
 « ta bị đuổi, mà vợ con của các người cũng nguy; chẳng
 « những là ta chịu nhục bấy giờ, mà trăm năm về sau, tiếng xấu
 « hãy còn mãi mãi; mà gia-thanh của các người cũng chẳng
 « khỏi mang tiếng nhục, đến lúc bấy giờ các người dầu muốn
 « vui-vẻ, phỏng có được hay không?

« Nay ta bảo thật các người: nên cẩn-thận như nơi củi
 « lửa, nên giữ-gìn như kẻ húp canh, dạy-bảo quân-sĩ, luyện-
 « tập cung tên, khiến cho người nào cũng có sức khỏe như
 « Bàng Mông và Hậu Nghệ, thì mới có thể dẹp tan được

« quân giặc, mà lập nên được công-danh. Chẳng những là
 « thái-áp của ta được vững bền, mà các người cũng đều
 « được hưởng bổng-lộc; chẳng những là gia-quyển của ta
 « được yên-ôn, mà các người cũng đều được vui với vợ con,
 « chẳng những là tiên-nhân ta được vẻ-vang, mà các người
 « cũng được phụng-thờ tổ-phụ, trăm năm vinh-hiến; chẳng
 « những là một mình ta được sung-sướng, mà các người cũng
 « được lưu-truyền sử-sách, nghìn đời thơm-tho; đến bấy giờ
 « các người đâu không vui-vẻ, cũng tự khắc được vui-vẻ.

« Nay ta soạn hết các binh-pháp của các nhà danh - gia
 « hợp lại làm một quyển gọi là « *Binh-thư yếu-lược* ». Nếu
 « các người biết chuyên-tập sách này, theo lời dạy-bảo, thì mới
 « phải đạo thần-tử; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời
 « dạy-bảo, thì tức là kẻ nghịch-thù.

« Bởi cớ sao? Bởi giặc Nguyên cùng ta, là kẻ thù không
 « đội trời chung, thế mà các người cứ diềm-nhiên không nghĩ
 « đến việc báo thù, lại không biết dạy quân-sĩ, khác nào như
 « quay ngọn giáo mà đi theo kẻ thù, giơ tay không mà chịu
 « thua quân giặc, khiến cho sau trận Bình-lỗ (7) mà ta phải
 « chịu tiếng xấu muôn đời, thì còn mặt-mũi nào đứng trong
 « trời đất nữa. Vậy nên ta phải làm ra bài hịch này để cho
 « các người biết bụng ta ».

5. THÀNH THĂNG - LONG THẮT THÙ. Các tướng-sĩ
 được lời khuyên-răn ấy, ai nấy hết lòng luyện-tập, quyết chí
 đánh giặc, cho nên người nào cũng lấy mực thich vào cánh
 tay hai chữ « Sát Đát 殺鞑 » nghĩa là giết quân Mông-cò. Khi
 Thoát Hoan lấy xong các ải ở Lạng-sơn rồi, thừa thắng kéo
 xuống đánh Vạn-kiếp, quân An-nam non thế, địch không nổi,

(7) Bình-lỗ là tên thành, nhưng sử cũ không chép rõ ở đâu và ai
 xây lên. Sách « *Khâm-dịnh Việt-sử* » chép rằng theo bộ « *Địa-dư-chỉ* »
 của ông Nguyễn Trãi, thì đời nhà Lý có đào con sông Bình-lỗ để đi
 lên Thái-nguyên cho tiện. Vậy thành Bình-lỗ có lẽ ở vào hạt Thái-
 nguyên. Xem lời dặn của Trần Hưng-đạo-vương thì thành Bình-lỗ này
 xây vào đời Đinh hay đời Tiền-Lê, rồi Lý thường Kiệt đời Lý đã
 đánh quân Tống ở đó.

thua chạy, bao nhiêu chiến thuyền mất cả. Quân Mông-cổ bắt được quân An-nam thấy người nào cũng có hai chữ « Sát Đát » ở cánh tay, giận lắm, đem giết sạch cả, rồi kéo tràn sang mặt Kinh-bắc. Thoát Hoan thả quân cho cướp phá vùng Võ-ninh, Gia-lâm, Đông-ngạn rồi kéo về đóng tại bến Đông-bộ-đầu. Hưng-đạo-vương lập trại mé nam ngạn để phòng giữ.

Thoát Hoan thấy phía nam ngạn sông Hồng-hà (8) có trại quân An-nam đóng giữ, mới sai quân lấy súng đại-bác bắn sang, phá tan cả các trại, quân-sĩ khiếp-sợ bỏ chạy hết sạch. Quân Mông-cổ bấy giờ làm cầu phao qua sông, kéo đến tận chân thành Thăng-long hạ trại.

Hưng-đạo-vương rước xa-giá Thượng-hoàng và vua ra ngoài Thăng-long, để các tướng ở lại giữ thành. Đến khi Thoát Hoan vây đánh, hạ được thành, biết rằng Hưng-đạo-vương đã rước xa-giá xuống mặt nam rồi, liền sai tướng dẫn quân đi đuổi đánh.

6. TOA ĐÔ ĐÁNH NGHỆ-AN. Toa Đô là tướng đạo thứ hai quân Nguyên, đi đường bể sang đánh Chiêm-thành, nhưng mà quân nước Chiêm giữ được các đường hiểm-yếu, đánh mãi không được. Nguyên chúa hạ chiếu sai Toa Đô theo đường bộ kéo ra mặt Nghệ-an, hợp với quân Thoát Hoan để đánh An-nam.

Thoát Hoan được tin ấy, liền sai tướng Ô mã Nhi dẫn quân đi đường bể vào tiếp-ứng cho Toa Đô dễ đánh tự mặt trong đánh ra, còn ở mặt ngoài thì chiến thuyền của nhà Nguyên chia ra giữ các bến đóng ở sông Hồng-hà (9) từ Thăng-long xuống đến khúc sông Đại-hoàng (thuộc huyện Nam-xang, Hà-nam).

7. HUNG-ĐẠO-VƯƠNG ĐEM VUA VỀ THANH-HÓA. Bấy giờ Hưng-đạo-vương dẫn các tướng hộ-vệ xa-giá xuống Thiên-trường, nghe Toa Đô từ vùng trong kéo ra, Hưng-đạo-vương tâu vua xin sai Thượng-tướng Trần quang Khải 上 相

(8-9) Sử chép là Phú-lương giang. Xem lời chú-thích ở trang 104.

陳光武 đưa binh vào đóng mặt Nghệ-an, giữ chặn đường hẻm, không cho Toa Đô ra, và sai Trần bình Trọng 陳平仲 ở lại giữ Thiên-trường cự nhau với quân Thoát Hoan, rồi rước xa-giã ra Hải-dương.

Trần quang Khải vào đến Nghệ-an, chia quân phòng giữ, nhưng mà quân nhà Nguyên thế mạnh, đi đến đâu đánh tan đến đấy, lại có Ô mã Nhi ở mặt bể đánh vào. Quang Khải đương không nổi, phải lui quân ra mặt ngoài. Còn quan trấn thủ Nghệ-an là Trần Kiện 陳健 đem cả nhà ra hàng với Toa Đô. Toa Đô cho đưa bọn Trần Kiện về Yên-kinh.

Hưng-đạo-vương nghe tin, sai tướng đem quân đi lên đường tắt đuổi theo. Khi quân Nguyên đưa Trần Kiện đến địa-phận Lạng-sơn, qua trại Ma-lục (?), thì có người thổ-hào ở đấy tên là Nguyễn thế Lộc 阮世祿 và Nguyễn Lĩnh 阮領 đem dân binh ra đánh. Lại có quan quân đuổi đến nơi, quân Nguyên bỏ chạy. Trần Kiện bị tên bắn chết, nhưng có người nhà là Lê Tắc 黎惕 cướp được thây chạy thoát, đưa đến gò Ôn-khâu (Lạng-sơn) mai-táng xong rồi trốn sang Tàu. Lê Tắc là dòng-dõi Nguyễn Phu làm Thứ-sử Giao-châu về đời Đông-Tấn (317-419) ngày trước. Tự lúc trốn sang Tàu rồi, Lê Tắc có làm bộ sử «An-nam chi-lược». Bộ sử ấy hiện bây giờ còn có ở bên Tàu và bên Nhật-bản.

Ở Thiên-trường, Trần bình Trọng thấy quân nhà Nguyên đã đến bãi Đà-mạc (ở khúc sông Thiên-mạc, huyện Đông-an, Hưng-yên) liền đem binh ra đánh, nhưng chẳng may bị vây, phải bắt. Quân Nguyên đưa Bình Trọng về nộp cho Thoát Hoan. Thoát Hoan biết Bình Trọng là tướng khỏe-mạnh, muốn khuyên-dỗ về hàng, thiết-dãi cho ăn-uống, nhưng Bình Trọng không ăn, đồ-dành hỏi dò việc nước, Bình Trọng cũng không nói. Sau Thoát Hoan hỏi rằng: «Có muốn làm vương đất Bắc không?» Bình Trọng quát lên rằng: Ta thà rằng làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc. Ta đã bị bắt thì có một chết mà thôi, can gì mà phải hỏi lời-thôi!» Thoát Hoan thấy dỗ không được, sai quân đem chém.

Thánh-tổng thượng-hoàng cùng Nhân-tổng và Hưng-đạo-vương nghe tin Trần bình Trọng từ-tiết, ai nấy động lòng thương-xót.

Hưng-đạo-vương thấy thế nguy-cấp lắm, bèn rước xa-già ra Quảng-yên. Thuyền đi về đường sông Tam-chỉ (thuộc châu Tiên-yên), sai một tướng dẫn chiếc thuyền rồng ra cửa bể Ngọc-sơn (thuộc châu Vạn-ninh, tỉnh Quảng-yên) làm cho nghi binh quân giặc. Tướng nhà Nguyễn là Lý Hằng 李恆 và Khoan Triệt 寬徹 sai người do-thám biết thuyền ra Ngọc-sơn là giả, mới dẫn quân đuổi theo đến sông Tam-chỉ, Hưng-đạo-vương rước xa già lên bộ đi đến làng Thủy-chù rồi lại xuống thuyền ra sông Nam-triều (tức Bạch-đăng-giang, thuộc Hải-dương) rồi vào tỉnh Thanh-hóa.

Bấy giờ quân Nguyễn to thế lắm, đóng khắp các nơi, từ vùng Bắc-ninh, Thăng-long, Thiên-trường, chỗ nào cũng có quân đóng. Ở vùng Nghệ-an lại có Toa Đô, Đường ngọt Ngải, Ô mã Nhi đánh ra. Nhân-tổng kinh-hãi, Thượng-hoàng đêm ngày lo sợ. Nhà nước ngất-ngưỡng nguy như trứng chồng. Bốn hoàng-tộc là Trần ích Tắc 陳益授 Trần tú Viên 陳秀峯 đều ra hàng Thoát Hoan cả. Chỉ có Hưng-đạo-vương phụng xa-già đi, trèo non vượt bể, trải gió dầm mưa, thế lực tuy cùng, nhưng vẫn bền vững một lòng, tìm kế đánh giặc, lo liệu việc nước không rời sợ lúc nào. Thật là một người có tài đại-tướng, có thể cứu dân giúp nước, tiếng đề muôn đời.

8. TRẦN HÀM-TỬ QUAN: Trần nhật Duật phá quân Toa Đô. Đạo quân của Toa Đô ở Chiêm-thành kéo ra đánh lấy đất Nghệ-an. Trần quang Khải đem quân lui ra mặt ngoài giữ các đường hiểm-yếu. Toa Đô đánh mãi không được, mà lương-thảo thì một ngày một cạn, bèn cùng với Ô mã Nhi dẫn quân xuống thuyền vượt bể ra ngoài Bắc để hợp binh với Thoát Hoan.

Trần quang Khải được tin ấy, cho người về Thanh-hóa phi báo. Nhân-tổng hội quần-thần lại hỏi kế, Hưng-đạo-vương tâu rằng: «Toa Đô tự Chiêm-thành trở ra, qua vùng Ô-lý

(Thuận-hóa), Hoan (Nghệ-an), Ái (Thanh-hóa), đường sá gập ghềnh, quân-sĩ vất-vả, nay lại vượt bể ra ngoài Bắc, thì sức-lực cũng đã mỏi-mệt. Vậy nay nên sai một tướng đem quân ra đón đường mà đánh thì chắc phá được ».

Nhân-tông nghe lời, sai Chiêu-văn-vương Trần nhật Duật 陳文王 陳日端 làm tướng và Trần quốc Toản 陳國瓚 (10) làm phó-tướng cùng với tướng-quân là Nguyễn Khoái 阮 蒯 đem 5 vạn quân ra đón đường đánh Toa Đô ở mặt Hải-dương. Tháng tư năm ất-dậu (1285) Trần nhật Duật ra đến bến Hàm-tử 咸子 (thuộc huyện Đông-an, Hưng-yên) thì gặp chiến-thuyền của Toa Đô, Nhật Duật liền phân binh ra đánh. Quân Nhật Duật bấy giờ có bọn Triệu Trung 趙忠 là tướng nhà Tống sang xin tòng chinh, mặc áo đeo cung như quân nhà Tống. Đến khi giáp trận, quân Nguyên trông thấy bọn Triệu Trung, tưởng là nhà Tống đã khôi-phục được nước Tàu, rồi cho quân sang cứu An-nam, dứa nào cũng sợ-hãi bỏ chạy. Quân ta đuổi đánh; quân giặc thua to chết hại rất nhiều. Toa Đô phải lùi ra ở cửa Thiên-trường.

Trần nhật Duật thắng trận, cho Quốc Toản đưa tin về Thanh-hóa. Hưng-đạo-vương được tin mừng ấy, vào tâu với vua rằng: « Quân ta mới thắng, khí-lực đang hăng, mà quân Nguyên mới thua, tất cũng chột dạ. Vậy nên nhân dịp này tiến quân đánh Thoát Hoan để khôi phục Kinh-thành ».

Vua nghe lời truyền sắp sửa tiến binh. Sực có Thượng-tướng Trần quang Khải ở trong Nghệ-an ra, xin đi đánh Thoát

(10) Sử chép rằng khi vua Nhân-tông hội các vương hầu ở Bình-than để bàn việc chống với giặc, Trần quốc Toản bấy giờ mới có 15, 16 tuổi cũng theo ra hội. Vì còn nhỏ tuổi cho nên không được dự bàn, Quốc Toản cảm-tức vô cùng, trong tay cầm quả cam bóp vỡ nát ra lúc nào không biết.

Khi tan hội, ai nấy về lo sửa-soạn binh-thuyền. Quốc Toản về nhà cũng tụ-hợp những người thân-thuộc, sắm đồ khí giới, may là cờ đề sáu chữ: « Phá cường địch, báo hoàng ân 破強敵報皇恩 » rồi đem quân đi đánh giặc. Đánh chỗ nào quân giặc cũng phải lùi.

Hoan. Vua liền sai Quang Khải thu-xếp quân-sĩ để ra đánh Thăng long và truyền hịch sai Trần nhật Duật đóng quân giữ chặn đường không cho bọn Toa Đô kéo lên hợp với Thoát Hoan.

9. TRẦN CHƯƠNG-DƯƠNG-ĐỘ: *Trần quang Khải khôi phục Thăng-long*. Khi bấy giờ đại binh của Thoát Hoan đóng tại Thăng-long, còn chiến-thuyền thì đóng ở bến Chương-dương 章揚渡, địa phận huyện Thượng-phúc.

Trần quang Khải 陳光啟 với Trần quốc Toản 陳國瓚 và Phạm ngũ Lão 范五老 đem quân tự Thanh-hóa đi thuyền vòng đường bẻ ra đến bến Chương-dương, sẵn vào đánh chiến-thuyền của quân Nguyên. Quan quân đánh bằng quả, quân Nguyên địch không nổi phải bỏ chạy. Quan quân lên bộ đuổi đánh về đến chân thành Thăng-long hạ trại. Thoát Hoan đem đại quân ra cự địch, bị phục binh của Trần quang Khải đánh úp lại, quân Nguyên phải bỏ thành Thăng-long chạy qua sông Hồng-hà (11) sang giữ mặt Kinh-bắc (Bắc-ninh).

Trần quang Khải đem quân vào thành mở tiệc khao quân. Đến khi uống rượu vui-vẻ, Quang Khải ngâm bài thơ rằng:

Đoạt sào Chương-dương-độ (12)

Cầm Hồ Hàm-tử quan

Thái-bình nghị nỗ lực

Vạn cổ thử giang-san

Dịch nôm:

Chương-dương cướp giáo-giặc

Hàm-tử bắt quân thù

(11) Sử chép là Phú-lương. Xem lời chú-thích ở trang 104.

(12) Chữ nhỏ là:

奪 槩 章 揚 渡

擒 胡 賊 子 關

太 平 宜 努 力

萬 古 此 江 山

Hai câu cuối có sách chép là:

太 平 宜 致 力

萬 古 舊 江 山

Thái-bình nên gắng sức

Non nước ấy nghìn thu

Trần quang Khải sai người về Thanh-hóa dâng biểu báo tin thắng trận. Vua Nhân-tông thấy quân-thế đã mạnh, trong hai tháng đánh được hai trận, quân-sĩ ai nấy đều nức lòng đánh giặc, bèn rước Thượng-hoàng và cất binh-mã ra đóng ở Trảng-an (Ninh-bình).

10. TRẬN TÂY-KẾT: *Tướng nhà Trần chém được Toa Đô*. Toa Đô đóng quân ở Thiên-trường xa cách Thoát Hoan hơn 200 dặm, cho nên chưa biết Thoát Hoan đã thua chạy về Bắc-giang rồi, bèn tiến binh vào đóng ở sông Thiên-mạc (13) định đề hợp sức với Thoát Hoan làm thế *ỷ-giốc*. Được mấy hôm Toa Đô biết đạo tiền quân của mình đã bại trận, mà các bến thì chỗ nào cũng có quân nhà Trần án ngữ, mới lui về đóng ở Tây-kết 西結 (14) rồi cho người đi dò xem quân Thoát Hoan đóng ở đâu.

Quân An-nam từ khi đánh được trận Hàm-tử và trận Chương-dương rồi, quân-thế phấn-chấn lắm. Hưng-đạo-vương mừng rỡ, vào tâu với Nhân-tông xin một mặt sai Chiêu-văn-vương Trần nhật Duật, hợp với Thượng-tướng Trần quang Khải dẫn quân chặn các đường, không cho Thoát Hoan, Toa Đô đi lại thông tin với nhau, và một mặt xin tự tiến binh ra đánh Toa Đô, rồi đánh Thoát Hoan.

Nhân-tông nghe lời ấy, cho Hưng-đạo-vương tùy ý mà sai khiến. Khi quân ra đến Tây-kết, Hưng-đạo-vương chia quân ra đánh trại quân Nguyên, và đặt phục binh để bắt Toa Đô.

Quân ta đánh bằng quá, quân Nguyên địch không nổi, Toa Đô và Ô mã Nhi đem binh lên bộ chạy ra mặt bể, nhưng khi chạy đến mé sau một dãy núi, thì bị quân An-nam vây

(13) Thiên-mạc là một khúc sông Hồng-hà ở vào địa-hạt huyện Đông-an, tỉnh Hưng-yên.

(14) Hiện nay thuộc phủ Khoái-châu (Hưng-yên) có làng Đông-kết ở vào trong cách xa bờ sông Hồng-hà. Hoặc ở phía tây gần bờ sông, ngày xưa có làng Tây-kết mà nay đã lở mất đi chăng?

đánh, Toa Đô trúng tên chết, còn Ô mã Nhi thì tìm đường chạy vào Thanh-hóa, nhưng bị quân ta đánh đuổi ngặt quá, phải một mình lên xuống chiếc thuyền con chạy ra bờ, trốn về Tàu được.

Khi các tướng thắng trận, đưa đầu Toa Đô về nộp, Nhân-tông thấy người dũng-kiến mà lại hết lòng với chúa, mới than rằng: « *Làm bầy tôi nên như người này!* » rồi cởi áo ngự-hào đắp vào đầu Toa Đô, sai quan dùng lễ mai-tàng cho tử-tế.

Trận Tây-kết đánh vào tháng năm, năm ất-dậu (1285) quan quân bắt được quân Nguyên hơn 3 vạn người, và chiến-thuyền khi-giới không biết bao nhiêu mà kể.

Hưng-đạo-vương được trận toàn thắng, mở tiệc khao thưởng ba quân, rồi lên đánh mặt bắc, đề tiêu-trừ Thoát Hoan.

11. TRẦN VĂN-KIỆP: Thoát Hoan trốn chạy về Tàu. Bấy giờ Thoát Hoan đóng quân ở Bắc-giang, nghe tin Toa Đô tử trận, Ô mã Nhi đã trốn về Tàu, quân-binh tướng-sĩ ai nấy đều ngã lòng cả. Và lại trời đang mùa hè nóng-nực khó chịu, sơn-lam chường-khi bốc lên, quân-sĩ bị dịch-tễ chết hại cũng nhiều. Bởi thế có bụng muốn rút quân về Tàu.

Hưng-đạo-vương cũng biết cơ Thoát Hoan tất phải chạy, liền sai Nguyễn Khoái 阮 帥, Phạm ngũ Lão 范 五 老 dẫn 3 vạn quân đi lên đường núi, phục sẵn hai bên rừng sậy ở bên sông Vạn-kiếp, để chờ lúc quân Nguyên chạy đến thì đổ ra đánh; sai hai con là Hưng-võ-vương Nghiễn và Hưng-hiếu-vương Úy dẫn 3 vạn quân đi đường Hải-dương ra mặt Quảng-yên, giữ chặn đường về châu Tư-minh; Hưng-đạo-vương tự dẫn đại quân lên Bắc-giang đánh quân Nguyên. Quân Nguyên thua chạy, Thoát Hoan dẫn đại binh chạy đến bến Vạn-kiếp, gặp bọn Nguyễn Khoái ra đánh, quân Nguyên mười phần tổn-hại mất năm. Tướng nhà Nguyên là Lý Hằng 李 恆 bị tên bắn chết. Còn Thoát Hoan 脫 驍 Phàn Tiếp 樊 楫, A bát Xích 阿 八 赤, Lý Quán 李 權 cố sức đánh lấy đường mà chạy. Sau thấy quân An-nam đuổi kịp quá, Thoát Hoan

phải chui vào cái ống đồng để lên xe bắt quân kéo chạy. Về gần đến châu Tư-minh lại gặp bọn Hưng-võ-vương Nghiễn và Hưng-hiếu-vương Ủy đánh đuổi một trận nữa. Lý Quán tráng tên bắn chết Thoát Hoan, A bát Xích và Phàn Tiếp chạy thoát về Tàu được.

Thế là Đại-quân của Thoát Hoan lúc đầu mới sang lưng-lấy bao nhiêu, bây giờ tan nát mất cả. Trong sáu tháng trời, từ tháng chạp năm giáp-thân (1284) đến tháng sáu năm ất-dậu (1285), quân An-nam đuổi 50 vạn quân Mông-cổ ra ngoài bờ-cõi, chinh-đốn giang-sơn lại như cũ. Ấy cũng nhờ có tay Hưng-đạo-vương có tài đại-tướng, cầm quân vững-chãi, gan bền tựa sắt, và lại khéo dùng lời khuyên-dỗ, khiến cho bụng người cảm-động, sinh lòng trung-nghĩa, cho nên tướng-sĩ ai nấy đều hết lòng giúp nước.

Vả nước An-nam thời bấy giờ vua tôi hòa-hợp, lòng người như một, nhân-tài lũ-lược kéo ra; mà quân Nguyên sang An-nam thì đường xa muôn dặm, núi sông cách-trở, đến mùa nông-nực, khí-hậu lại lam-chướng, cho nên chỉ hùng-mạnh được lúc đầu mà thôi, sau thành ra bệnh-tật yếu-dau. Như thế mà lại gặp phải tay Hưng-đạo-vương Trần quốc Tuấn dụng binh biết đợi thời, biết thừa thế tiến thoái, cho nên sự quân nhà Nguyên thua nát là sự tất-nhiên vậy.

CHƯƠNG VIII

GIẶC NHÀ NGUYỄN

(1284-1288)

II

1. Nguyên-chủ định khởi binh phục thù
2. Thoát Hoan sang đánh lần thứ hai
3. Trần Văn-đồn Trần Khánh Dư cướp lương của quân Nguyên
4. Trần Bạch-dằng-giang Ô mã Nhi phát bắt
5. Hưng-đạo-vương đại phá Nguyên-binh
6. Sứ An-nam sang Tàu xin hòa
7. Định công, phạt tội
8. Định cuộc hòa-hiếu

1. NGUYỄN-CHỦ ĐỊNH KHỞI BINH PHỤC THÙ. Hưng-đạo-vương Trần Quốc Tuấn phá được quân Nguyên rồi kéo quân về Trảng-an, rước Thượng-hoàng và Nhân-tông ra Thăng-long. Giang-sơn nhà Trần lại khởi-phục đầu vào đẫy cả. Bọn Thoát Hoan bại trận chạy về Tàu, nghĩ khi đi thì thanh-thể lưng-lẫy bao nhiêu, khi về thì hao binh tổn tướng, lấy làm xấu-hổ lắm. Định xin Nguyên-chủ cho thêm binh-mã sang đánh báo thù.

Nguyên-chủ thấy bọn Thoát Hoan bại trận về, giận lắm, muốn bắt chém cả, nhưng quần-thần can-ngăn mãi mới thôi.

Bấy giờ nhà Nguyên đang sắp sửa cất quân sang đánh Nhật-bản, bèn lập tức đình việc đi đánh Nhật-bản lại và sai đóng thêm 300 chiếc thuyền, truyền hịch cho ba tỉnh Giang-hoài, Hồ-quảng, Giang-tây tụ tập quân-sĩ, định đến tháng

tám thì cất quân noi đường châu Khâm, châu Liêm sang đánh nước Nam để báo thù.

Quan tỉnh Hồ-nam là Tuyền Kha 陳 考 dâng sớ về can rằng: « Quân ta bại trận mới về, kẻ mang dấu-vết chưa khỏi, người đau-yếu chưa dậy, xin hãy cho quân-sĩ nghỉ-ngơi dưỡng sức ít lâu, rồi sẽ định kế xuất chinh ».

Vua nhà Nguyên nghe lời, cho quân-sĩ nghỉ vài tháng. Còn Trần Ích Tắc 陳 益 復 đã theo Thoát Hoan về Tàu, thì cho ra ở Ngạc-châu 鄂 州.

Nhân-tổng nghe tin Nguyên-triều sắp sửa cất quân sang đánh An-nam, bèn vời Hưng-đạo-vương vào hỏi rằng: « Thoát Hoan bại trận trở về, chuyển này cảm-tức định sang đánh báo thù, quân-thế hẳn to hơn trước, ta nên dùng kế gì mà chống lại được? » Hưng-đạo-vương tâu rằng: « Nước ta xưa kia, quân-dân hưởng thái-bình đã lâu, không tập đến việc chiến-trận, cho nên năm trước quân Nguyên vào cướp còn có kẻ trốn-tránh theo hàng giặc. May nhờ có oai-linh Tô-tổng, và thần-võ của Bệ-hạ, đi đến đâu đánh được đến đấy, cho nên mới quét sạch được bờ-cõi. Còn như bây giờ quân ta quen việc chinh-chiến, mà quân nghịch thì đi xa mỗi mệt. Và lại thấy Toa Đô, Lý Hắc, Lý Quán tử trận, tất cũng chột dạ, quân-tình đã sinh nghi-sợ, hẳn không dám hết sức mà đánh. Cứ như ý tôi, thì chuyển này dù có quân Nguyên sang đây, ta phá cũng dễ hơn phen trước, xin bệ-hạ đừng lo ».

Nhân-tổng mừng rỡ, sai Hưng-đạo-vương đốc-suất các vương-hầu, mộ thêm quân-sĩ, sửa-sang khi-giới để phòng việc công thủ.

2. THOÁT HOAN SANG ĐÁNH LẦN THỨ HAI. Sang mùa xuân tháng hai năm đinh-hợi (1287) Nguyên-chủ kén lấy 7 vạn quân, 5 trăm chiếc thuyền, 6 nghìn quân Vân-nam và 1 vạn 5 nghìn quân ở bốn châu ngoài bể, sai Thoát Hoan 脫 哈 麻 làm Đại-nguyên-sứ, A bát Xích 阿 八 赤 làm Hành-tĩnh-tả-thừa, Áo lỗ Xích 奧 魯 赤 làm Bình-chương-chính-sự, Ô mã Nhi 烏 馬 兒, Phàn Tiếp 樊 楫 làm Tham-trì chính-

sự, đem tất cả hơn 30 vạn quân sang đánh nước Nam, giả danh đưa Trần Ích Tắc về nước, lập làm An-nam quốc vương (1). Lại sai Vạn-hộ Trương văn Hồ 張文虎 theo đường bể tải hơn 17 (2) vạn thạch lương sang cấp cho quân-sĩ.

Qua tháng mười một, Thoát Hoan dẫn quân noi đường châu Khâm, châu Liêm đến châu Tư-minh; sai bọn Trương Ngọc 張玉 lĩnh 2.000 quân coi việc chở lương-thực, khi-giới lại sai Trình bằng Phi, Áo lỗ Xích, mỗi người dẫn 1 vạn quân đi đường bộ; Ô mã Nhi, Phàn Tiếp suất lĩnh thủy-quân đi đường bể, đều tiến sang An-nam.

Quan Trấn-thủ ở biên-thùy phi báo về Thăng-long. Các quan xin tuyển thêm binh. Hưng-đạo-vương nói rằng: « Binh cốt giỏi, chứ không cốt nhiều, nếu nhiều mà không giỏi, thí-dụ như Bồ Kiên 朴堅 có trăm vạn quân cũng không ích gì! »

Nhân-tổng sai Hưng-đạo-vương thống-lĩnh các vương-hầu, chia quân phòng-giữ các nơi.

Hưng-đạo-vương sai Trần nhật Duật 陳日燾 Nguyễn Khoái 阮崑 dẫn 3 vạn quân lên giữ mặt Lạng-son; sai Trần quốc Toàn 陳國瓚, Lê phu Trần 黎輔陳 dẫn 3 vạn quân vào giữ mặt Nghệ-an; tự mình thống đại quân ra giữ mặt Quảng-yên. Một mặt sai tiền quân lên gần châu Tư-minh chia ra đóng làm ba đồn: Sa, Từ, Trúc, để chống-giữ quân

(1) Có sách chép rằng: Thoát Hoan sang đánh An-nam lần thứ hai này có đem một tên hương-đạo là Nguyễn Nhan 阮顏 tên chữ là Nguyễn bá Linh 阮伯令, phạm tội trăm quyết, tình nguyện đi đánh để lập công chuộc tội. Cha tên Nguyễn Nhan là người Quảng-dông sang buôn bán ở nước Nam, lấy vợ ở làng An-bái, huyện Đông-triều để ra Bá Linh, cho về Tàu học, thi đỗ tiến-sĩ, lại cao tay phù-thủy. Khi sang An-nam, nó dùng phép để giúp quân Nguyễn. Sau Hưng-đạo-vương bắt được, đưa về chém ở làng An-bái, là quê mẹ nó. Tục truyền rằng khi tên Nguyễn Nhan chết rồi hồn nó bay hiện lên trên-gheo đàn bà con gái, mà hễ ai phạm đến nó thì chết, cho nên gọi là Phạm Nhan.

(2) Sử cũ chép là 70 vạn thạch.

Nguyên; một mặt sai tướng đem quân ra giữ chặt cửa sông Đại-than (3) (thuộc Hải-dương) còn đại-quân của Hưng-đạo-vương thì đóng tại núi Phù-son.

Quan quân tuy đóng giữ như vậy, nhưng quân Nguyên thế to lắm, chống không nổi, phải rút về Vạn-Kiếp; Thoát Hoan tiến lên chiếm giữ núi Phả-lại và núi Chí-linh, lập trại chống nhau với quân ta, rồi sai tướng là Trình bằng Phi 程鵬飛 đem hai vạn binh đánh lấy đồn Vạn-kiếp, lại sai Ô mã Nhi 烏馬兒 và A bát Xích 阿八赤 dẫn quân từ sông Lục-đầu đánh xuống sông Hồng-hà.

Hưng-đạo-vương rút quân về giữ Thăng-long và sai tướng rước xa-giá tạm lánh về Hàm-nam 咸南 (?)

Nhưng sau bị bọn Ô mã Nhi đuổi ngặt quá, Thượng-hoàng và Nhân-tông phải xuống thuyền ra bể đi vào Thanh-hóa.

Ô mã Nhi đuổi không kịp, đem quân trở về qua Long-hung (phủ Tiên-hung, Thái-bình) biết ở đấy có Thiên-lăng, là lăng tổ nhà Trần, bèn sai quân đến phá nát cả đi.

Thoát Hoan đem binh-mã tiến lên vây đánh Thăng-long không được, phải rút về giữ Vạn-kiếp, Chí-linh và Phả-lại. Hưng-đạo-vương cũng tiến quân lên lập trại để chống với giặc.

Nhân-tông thấy quân Nguyên đã lùi rồi bèn rước Thượng-hoàng ra Bắc.

3. TRẦN VĂN-ĐỒN: Trần khánh Dư cướp lương của quân Nguyên. Quân Nguyên đóng mãi ở Vạn-kiếp lương thực sắp cạn, Thoát Hoan bèn sai Ô mã Nhi dẫn thủy-quân ra cửa bể Đại-bàng (huyện Nghi-dương, Hải-dương) (4) đón thuyền lương của Trương văn Hồ. Ô mã Nhi đem thuyền đi đến ải Văn-đồn (Văn-hải, Quảng-yên) gặp quân của Nhân-huệ-vương Trần khánh Dư 仁惠王陳慶餘 chặn đường

(3) Huyện Nghi-dương nay thuộc về tỉnh Kiến An.

(4) Bấy giờ thuộc huyện Gia-bình, tỉnh Bắc-ninh, liền với Đình-than.

không cho đi. Ô mã Nhi thúc quân đánh rất một trận, quân Khánh Dư thua bỏ chạy cả. Quân Nguyên kéo thẳng ra bờ đi đón thuyền lương.

Thượng-hoàng nghe tin thủy-quân ở Vân-dồn bại trận, cho sứ ra bắt Khánh Dư về hỏi tội.

Khánh Dư từ khi thất trận, đang nghĩ kế phục thù, bỗng thấy sứ ra bắt, Khánh Dư tiếp sứ rồi nói rằng: « Tôi sai tướng-lệnh đánh xin chịu tội, nhưng xin khoan cho tôi một vài hôm, may mà tôi lập được công khác để chuộc tội chăng? »

Được mấy hôm Ô mã Nhi ra bờ gặp thuyền lương của Trương văn Hồ, lại đem quân trở vào đi trước dẹp đường. Trương văn Hồ đem thuyền lương theo vào sau.

Khánh Dư đồ rằng Ô mã Nhi đã phá được quân ta, trong bụng hẳn chắc rằng không còn ai ngăn-trở gì nữa, cho nên mới khinh thường đem binh thuyền đi trước. Khánh Dư bèn nhất-nhanh thuyền-bè phục quân sẵn đợi thuyền lương của Trương văn Hồ đến thì kéo ra đánh.

Quả-nhiên Trương văn Hồ tải các thuyền lương vào cửa bể Lục-thủy-dương (phía đông-nam huyện Hoàn-hồ tức là vịnh cửa Lục bây giờ). Khánh Dư đồ quân ra đánh. Văn Hồ địch không nổi, bao nhiêu thuyền lương bị quân của Khánh Dư phá cướp mất cả, và bắt được khi-giới rất nhiều. Còn Trương văn Hồ thì chạy xuống chiếc thuyền nhỏ trốn về Quỳnh-châu.

Khánh Dư thắng trận đưa thư về báo tiếp. Thượng-hoàng mừng rỡ, xá tội trước không hỏi, và bảo Hưng-đạo-vương rằng: « Quân Nguyên cốt trông cậy có lương-thảo khi-giới, nay đã bị ta cướp được cả rồi, thì thế nó không trâng-cửu được nữa. Nhưng nó chưa biết tất còn dắc chí, vậy ta nên tha những quân bị bắt cho về báo tin với Thoát Hoan, thì quân-sĩ của nó tất ngã lòng, bấy giờ phá mới dễ ».

Hưng-đạo-vương tuân lệnh, cho lũ quân Nguyên về. Từ đấy quân của Thoát Hoan xôn-xao, có bụng muốn về Tàu, mà lương-thực một ngày một cạn.

Ô mã Nhi từ khi ở ải Văn-đồn trở về, chờ mãi không thấy thuyền lương đến, bèn đem quân đến phá trại An-hung (thuộc Quảng-yên) rồi rút về Vạn-kiếp.

4. TRẬN BẠCH-ĐẰNG-GIANG : Ô mã Nhi phải bắt. Quân Nguyên từ khi thua trận Văn-đồn, lương-thảo một ngày một cạn đi, Thoát Hoan muốn cho người về Tàu cầu viện và lấy thêm lương, Hưng-đạo-vương biết ý, sai tướng lên giữ núi Ki-cấp và ải Nữ-nhi ở mặt Lạng-sơn không cho người Tàu đi lại.

Các tướng thấy vậy bèn vào bàn với Thoát Hoan rằng: «Quân ta đóng ở đây, thành-trị đã không có, kho-tàng lại cạn cả; và bây giờ là đang lúc hết xuân sang hạ, khí trời nóng-nực, mà lại những chỗ hiểm-yếu đều mất cả, chi bằng hãy rút quân về, rồi sau sẽ liệu kế khác».

Thoát Hoan thấy quân-thế của Hưng-đạo-vương mạnh lắm, chưa có thể phá được, bèn nghe lời các tướng, sai Ô mã Nhi, Phàn Tiếp dẫn thủy-quân theo đường sông Bạch-đăng (5) về trước. Còn mặt bộ thì sai Trình bằng Phi, Trương Quân dẫn binh đi chặn hậu. Sửa-soạn định vài hôm nữa thì rút về.

Hưng-đạo-vương biết mưu ấy, bèn sai Nguyễn Khoái dẫn binh lên qua đường tắt lên mé sông thượng-lưu sông Bạch-đăng, kiếm gỗ đẽo nhọn bịt sắt đóng khắp giữa giòng sông, rồi phục binh chờ đến lúc nào nước thủy-triều lên thì đem binh ra khiêu-chiến, nhử cho thuyền giặc qua chỗ đóng cọc. Hễ lúc nào nước thủy-triều xuống thì quay binh lại hết sức mà đánh. Lại sai Phạm ngũ Lão, Nguyễn chế Nghĩa dẫn quân lên phục ở ải Nội-bàng (thuộc Lạng-sơn) chờ quân Nguyên chạy lên đến đấy thì đỡ ra mà đánh.

Các tướng đi đầu đẩy cả rồi. Hưng-đạo-vương tiến quân lên đánh giặc, sực nghe tin báo rằng Ô mã Nhi đã kéo quân về đến Bạch-đăng, Hưng-đạo-vương mới hó quân sĩ, trở sông

(5) Sông Bạch-đăng bây giờ thuộc huyện Thụy-nguyên, tỉnh Kiến-an.

Hóa-giang (6) mà thề rằng: «Trận này không phá xong giặc Nguyễn, thì không về đến sông này nữa!» Quân-sĩ ai nấy đều xin quyết chiến, kéo một mạch đến sông Bạch-đăng.

Những chiến-thuyền của Ô mã Nhi, Phan Tiếp theo giòng sông Bạch-đăng, bỗng chốc thấy tướng nhà Trần là Nguyễn Khoái dẫn chiến thuyền đến khiêu-chiến. Ô mã Nhi tức giận thúc quân xông vào đánh, Nguyễn Khoái liền quay thuyền chạy. Bấy giờ đang lúc thủy-triều lên, mặt nước mênh-mông, Ô mã Nhi vô tình, thấy địch quân chạy, cứ việc thúc thuyền đuổi theo.

Nguyễn Khoái như quân Nguyễn đi khỏi xa chỗ đóng cọc, rồi mới quay thuyền đánh vật lại. Hai bên đánh đang hăng, thì đại quân của Hưng-đạo-vương tiếp đến. Ô mã Nhi, Phan Tiếp thấy quan quân to thế lắm, mới quay thuyền chạy trở lại. Khi chạy đến khúc sông có cọc đóng thì nước thủy-triều đã rút xuống, thuyền của quân Nguyễn vướng mắc phải cọc, đổ nghiêng đổ ngửa, đắm vỡ mất nhiều. Quan quân thừa thắng đánh cực hăng, quân Nguyễn chết như rạ, máu loang đỏ cả khúc sông. Tướng Nguyễn là Ô mã Nhi, Phan Tiếp, Tích Lệ, Cơ Ngọc đều bị bắt cả.

Trận Bạch-đăng-giang đánh vào tháng ba năm mậu-ti (1238) lấy được chiến - thuyền của quân Nguyễn hơn 400 chiếc và bắt được quân-sĩ rất nhiều.

5. HUNG - ĐẠO - VƯƠNG ĐẠI PHÁ NGUYỄN - BINH .

Thoát Hoan nghe tin quân thủy vỡ tan rồi, dẫn bọn Trình bằng Phi, A bát Xích, Áo lô Xích, Trương Quân, Trương Ngọc, đi đường bộ chạy về đến ải Nội-bàng, bỗng gặp quân phục của Phạm ngũ Lão đổ ra đánh. Các tướng hết sức giữ gìn Thoát Hoan, vừa đánh vừa chạy. Trương Quân dẫn 3.000 quân đi đoạn hậu cố sức đánh lấy đường chạy, bị Phạm ngũ Lão chém chết.

(6) Hóa-giang là một ngọn sông thuộc về Sông Thái-bình, ở giáp-giới tỉnh Kiến-an và tỉnh Thái-bình. Nay ở đây dân sở tại còn nhớ chỗ con voi của Hưng-đạo-vương qua sông Hóa sa lầy mà chết.

Thoát Hoan chạy thoát ra được cửa ải, quân-sĩ mười phần, tổn hại mất 5, 6 phần.

Bọn Thoát Hoan đang đi, bỗng lại có tin báo rằng từ cửa ải Nữ-nhi đến mãi núi Kì-cấp hơn 100 dặm, chỗ nào cũng có đồn ải. Nghe tin ấy quân-sĩ đều xôn-xao sợ-hãi, và mé sau lại nghe tiếng ầm-ầm quan quân đuổi theo đã sắp kéo đến. Thoát Hoan vội-vàng sai A bát Xích, Trương Ngọc dẫn quân đi trước mở đường, Áo lỗ Xích đi đoạn hậu.

A bát Xích, Trương Ngọc gặp phải quan quân chặn đường phục ở hai bên sườn núi bắn tên thuốc độc xuống như mưa. Hai tướng đều tử trận, và quân - sĩ chết thây nằm ngổn-ngang từng đống. Còn Trình bằng Phi hết sức giữ - gìn Thoát Hoan chạy ra Đan-kỹ, qua Lộc-châu rồi đi lên con đường tắt về châu Tư-minh.

Áo lỗ Xích đi sau, chạy thoát được, mới nhật-nhanh tâu quân theo cả Thoát Hoan về Yên-kinh.

Hưng-dạo-vương chuyển này thực là trừ hết quân Mông-cổ mới hội cả các tướng, dẫn quân rước xa-giá Thương-hoàng và Nhân-tổng về kinh-sư. Khi về đến Long-hưng, Nhân-tổng đem bọn tướng Nguyên bị bắt là Ô mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ, Cơ Ngọc vào làm lễ hiến-phù ở trước Chiêu-lăng.

Nhân thấy giàng-sơn lại được như cũ, Thánh-tổng Thương-hoàng có làm hai câu thơ để làm kỷ-niệm:

*Xã-tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn-hả thiên cồ điện kim âu.*

Dịch nôm:

*Xã-tắc hai phen bon ngựa đá,
Non sông thiên cồ điện kim âu.*

Về đến Thăng-long vua sai mở tiệc khao thưởng tướng-sĩ, cho dân-sự mở hội vui-về ba ngày, gọi là *Thái-bình diên-yên*.

6. SỬ AN-NAM SANG TÀU XỊN HÒA. Quân nhà Nguyên sang đánh An-nam tuy thua hai ba phen thật, nhưng thế nhà

Nguyên vẫn mạnh lắm, mà nước Nam ta sánh với nước Tàu lại là một nước nhỏ-mọn, cô-lập một mình, không nương tựa vào đâu được; nếu cứ tranh chiến mãi thì sự thắng-bại chưa biết ra thế nào, mà muôn dân lại phải lâm-than, khổ-sở. Vì những lẽ ấy, cho nên đến tháng mười năm mậu-ti (1288) vua Nhân-tông sai quan là Đỗ thiên Thứ 杜天旻 sang sứ nhà Nguyên, xin theo lệ cống hiến như xưa.

Nguyên-chủ thấy quân mình thua mấy lần rồi, trong bụng cũng nản, cho nên cũng thuận cho thông hòa.

Tháng hai năm kỷ-sửu (1289) Nhân-tông sai quan đưa bốn tướng Nguyên bị bắt là Tích Lệ, Cơ Ngọc về Tàu. Còn Phan Tiếp vì lo mà thành bệnh chết, vua sai hỏa táng, rồi cấp người ngựa cho vợ con đem hài-cốt về nước. Các đầu mục cũng tha cho về cả. Duy có Ô mã Nhi giết hại nhiều người, vua căm-tức vô cùng, không muốn tha về, nhưng lại ngại đường hòa-hiếu, bèn dùng mưu của Hưng-đạo-vương sai người đưa đi đến giữa bể, đánh đắm thuyền, cho chết đuối, mà Nguyên-triều cũng không trách vào đầu được. Về sau vua Dục-lông bản triều nhà Nguyễn xem đến chỗ này, có phê bốn chữ: *«bất nhân phi nghĩa»*. Tưởng lời phê ấy cũng là chính-đáng.

7. ĐỊNH CÔNG, PHẠT TỘI. Tháng tư năm kỷ-sửu (1289) mới định công, phạt tội. Bao nhiêu những vương hầu đi đánh giặc Nguyên có công đều được thăng trật cả, còn các tướng-sĩ khác họ mà ai có công to thì cho quốc-tính. Nguyễn Khoái được phong tước hầu, cho ăn lộc một làng Khoái-lộ (tức là phủ Khoái bây giờ); Phạm ngũ Lão được thăng làm Quản Thánh-dục quán.

Các chúa Mường mà có công đem dân binh ra cự giặc cũng được phong hầu.

Vua lại sai văn-thần ghi-chép công-trạng của các tướng họp biên làm quyển sách gọi là *Trung hưng thực lục* 中興實錄 và lại sai thợ vẽ tranh các tướng để treo ở gác công thần.

Định công xong rồi mới xét đến tội những người hàng giặc. Khi quân Nguyên đang cường-thịnh, triều-thần lắm kẻ hai lòng, có giặc-mà đi lại với giặc. Sau giặc thua chạy về bắc, triều-định bắt được tráp biếu hàng của các quan. Định-thần muốn lục ra để trị tội, nhưng Thượng-hoàng nghĩ rằng làm tội những đồ tiểu-nhân cũng vô ích, bèn sai đem đốt cả tráp đi, cho yên lòng mọi người. Duy những người nào quả thực là hàng với giặc, thì mới trị tội; hoặc đem đày, hoặc xử-tử. Vì thế bọn Trần Kiện, Trần văn Lộng tuy đã chết rồi, nhưng con cháu phải tước họ tôn-thất đổi ra là họ Mai. Còn Trần Ích Tắc, thì vua nghĩ tình cân-thần không nỡ bỏ họ, nhưng phải gọi là á Trần, nghĩa là bảo nhút-nhát như đàn-bà vậy.

Những quân-dân thì được thứ tội cả, duy có hai làng Bàng-bà 旁巴, Ba-diêm 巴戣 trước hết theo giặc, cả làng phải đồ làm binh-lính, không khi nào được làm quan.

Thường công, phạt tội xong rồi, Thượng-hoàng về phủ Thiên-trường, đến tháng năm, năm canh-dần (1290) thì mất.

Nhân-tông sai sứ sang cáo tang và xin phong.

8. ĐỊNH CUỘC HÒA - HIẾU. Từ lúc Thoát Hoan thua về, vua nhà Nguyên tuy đã thuận cho hòa-hiếu, nhưng trong bụng vẫn chưa nguôi giận, ý lại muốn cất binh sang đánh báo thù. Định-thần can, xin để cho sứ sang dụ vua An-nam sang châu xem đã, nếu không sang rồi hãy liệu. Nguyên-chủ nghe lời, sai Thượng-thư Trương lập Đạo 張立道 sang sứ An-nam. Nhưng vua Nhân-tông lấy cớ có tang không đi. Sai quan là Nguyễn đại Pháp 阮代乏 đi thay.

Nguyễn đại Pháp sang Tàu nói năm sau vua An-nam sẽ sang châu.

Qua năm sau Nguyên-triều không thấy vua An-nam sang, lại sai Lại-bộ thượng-thư là Lương Tăng 梁曾 và Lễ-bộ thượng-thư là Trần Phu 陳孚 sang giục Nhân-tông sang châu.

Nhân-tông không đi, sai sứ là Đào tử Kỳ 陶子奇 đưa đồ vật sang cống Tàu.

Nguyên-triều thấy vua An-nam không sang định khởi binh sang đánh, bèn bắt giam Tử Kỳ ở Giang-lăng, rồi sai Lưu quốc Kiệt 劉國傑 và các tướng sửa-soạn binh-lương, chọn ngày phát binh. Lại sai Trần ích Tắc đi theo, về hội ở Trảng-sa. Nhưng lúc đang sửa soạn, thì Nguyên Thế-tổ là Hốt-tất-Liệt mất, Nguyên Thành-tông lên ngôi, mới bãi việc binh và cho sứ An-nam là Đào tử Kỳ về nước.

Từ đó nhà Nguyễn với nước Nam thông hòa, không có sự tranh chiến nữa.

CHƯƠNG IX NHÀ TRẦN

Thời-kỳ thứ hai (1293 - 1341)

- | | | |
|---------------------|---|----------------------------------|
| I. TRẦN ANH-TÔNG | { | 1. Đức-dộ vua Anh-tông |
| II. TRẦN MINH-TÔNG | | 2. Trần Hưng-đạo-vương mất |
| | | 3. Việc đánh Ai-lao |
| III. TRẦN HIẾN-TÔNG | | 4. Sự giao-thiệp với Chiêm-thành |
| | { | 1. Giặc Ngưu-hống |
| | | 2. Giặc Ai-lao |

I. TRẦN ANH-TÔNG (1293 - 1341)

Niên-hiệu : Hưng-long 興隆

1. ĐỨC-ĐỘ VUA ANH-TÔNG. Thái-tử Trần Thuyên 陳煥 lên ngôi, tức là vua Anh-tông 英宗.

Anh-tông lúc đầu hay uống rượu và đêm thường hay lên ra ngoài đi chơi, có khi bị đồ vô-lại phạm đến.

Một hôm uống rượu say đến nỗi Nhân-tông Thượng-hoàng ở Thiên-trường về kinh, các quan đều ra đón rước cả, mà vua vẫn nằm ngủ. Thượng-hoàng giận lắm, truyền xa-giá lập tức về Thiên-trường và hạ chiếu cho bách quan phải về đấy hội-ngi. Khi Anh-tông tỉnh rượu, biết thượng-hoàng về kinh, sợ hãi quá, vội-vàng chạy ra ngoài cung gặp một người học-trò tên là Đoàn nhữ Hải 段汝海 mượn thảo bài biểu để dâng lên tạ tội, rồi cùng với Nhữ Hải xuống thuyền đi suốt đêm đến phủ Thiên-trường. Thượng-hoàng xem biểu rồi quả-mắc một lúc, và tha lỗi cho Anh-tông. Về đến kinh-sư, Anh-tông cho Đoàn nhữ Hải làm ngự-sử trung-tán, và từ đấy không uống rượu nữa.

Từ xưa đến nay vua An-nam vẫn có tục lấy chàm vẽ rồng vào đùi, nhưng Anh-tông không muốn theo tục ấy. Một hôm Thượng-hoàng bảo Anh-tông rằng: « Dòng-dõi nhà mình vẫn vẽ mình để nhớ gốc ngày xưa, nay nhà vua phải theo tục ấy mới được ». Anh-tông tuy vâng mệnh nhưng lờ khi Thượng-hoàng bận việc khác, lần đi không cho vẽ. Từ đấy vua An-nam mới không vẽ mình nữa.

Tính vua Anh-tông hay vẽ: thường có làm một tập *Thủy-vân tùy-bút*, nhưng đến lúc sắp mất đem đốt đi không cho để lại. Sứ có chép rằng khi Anh-tông đau nặng, hoàng-hậu cho đi gọi thầy tăng về để làm lễ xem sự sinh-tử, Anh-tông gạt đi mà bảo rằng: « Thầy tăng đã chết đau mà biết được sự chết ». Xem thế thì biết Anh-tông là một ông vua hiếu-thảo và lại thông-minh, cho nên việc triều-chính thời bấy giờ có cương-kỷ lắm.

Trong triều lại có những người tài giỏi hết lòng giúp việc nước. Văn như bọn ông Trương hán Siêu 張漢超, võ như ông Phạm ngũ Lão đều là người có tài-trí cả.

Phạm ngũ Lão là người làng Phù-Ứng, huyện Mỹ-hào, tỉnh Hải-dương (1), trước theo Trần Hưng-đạo-vương đánh giặc Nguyên, lập được công to, Triều-đình trọng dụng cho làm đại-tướng. Ngũ Lão trị quân có kỷ-luật, dãi tướng-hiệu như người nhà, ở với sĩ-tốt cùng chịu cam-khổ, cho nên vẫn gọi quân của ông ấy là *phụ tử chí binh*, đánh đâu được đấy, thành một người danh tướng nước Nam ta.

Ông Phạm ngũ Lão đã giỏi nghề võ, lại hay nghề văn, thường ngâm bài thơ thuật-hoài sau này:

Hoành sáo giang-sơn cấp kỷ thu (2)

Tam quân lý hồ khí thôn ngư

Nam nhi vị liễu công danh trái

Tu thỉnh nhân-gian thuyết Vũ-hầu.

(1) Bấy giờ thuộc tỉnh Hưng-yên.

(2) Bài này có người dịch ra nôm như sau:

Ngọn giáo non sông trải mấy thu,

Ba quân hùng-hồ khí thôn ngư.

Công-danh nếu để còn vương nợ,

Luống then tại nghe trộm Vũ-hầu.

Thời bấy giờ vua hiền, tôi trung, phép-tắc nghiêm-trang, thưởng phạt phân-minh, chính-trị không có điều gì hồ-dồ. Việc học-hành mở-mang rộng-rãi, cho nên những người có tài văn-học như bọn ông Mạc đĩnh Chi 莫挺之, ông Nguyễn trung Ngạn 阮忠彥 đều được thi đỗ, ra làm quan giúp việc Triều-đình. Thật là một thời rất thịnh về đời nhà Trần vậy.

2. TRẦN HUNG-ĐẠO-VƯƠNG MẤT. Trong đời vua Anh-tông có mấy người danh tướng như là : Thượng-tướng Trần quang Khải 上相陳光啟, thắng trận Chương-dương ngày trước, mất năm giáp-ngọ (1294), và Hưng-đạo-vương Trần quốc Tuấn 興道王陳國峻 mất ngày 20 tháng tám năm canh-ti (1300).

Hưng-đạo-vương là một người danh tướng đệ-nhất nước Nam, đánh giặc Nguyên có công to với nước, được phong làm Thái-sư, Thượng-phụ, Thượng-quốc-công, Bình bắc đại nguyên-sứ, Hưng-đạo đại-vương 太師, 尚父, 上國公, 平北大元帥, 興道大王. Vua lại sai người về Vạn-kiếp làm sinh-tử để thờ ngài ở chỗ đình cũ của ngài đóng ngày trước.

Hưng-đạo-vương làm quan đến đời vua Anh-tông thì xin về tri-sĩ ở Vạn-kiếp. Khi ngài sắp mất, vua Anh-tông có ngự giá đến thăm, nhận thấy ngài bệnh nặng, mới hỏi rằng : « Thượng-phụ một mai khuất núi, phỏng có quân bắc lại sang thì làm thế nào ? »

Hưng-đạo-vương tâu rằng : « Nước ta thừa xưa, Triệu Võ-vương dựng nghiệp, Hán-đế đem binh đến đánh, Võ-vương sai dân đốt sạch đồng-àng, không để lương-thảo cho giặc chiếm được, rồi đem đại quân sang châu Khâm, châu Liêm đánh quận Tráng-sa (3), dùng đoản binh mà đánh được, đó là một thời. Đến đời Đinh, Lê, nhiều người hiền-

(3) Chỗ này Hưng-đạo-vương nói lầm : Triệu Võ-vương đóng đô ở Phiên-ngung tức là ở gần thành Quảng-châu bây giờ, mà châu Khâm, châu Liêm thì ở giáp-giới nước ta. Lẽ nào đi đánh Tráng-sa ở tỉnh Hồ-nam mà lại quay trở lại châu Khâm, châu Liêm. Chắc hẳn người mình ngày trước không thuộc địa-đồ và có lẽ rằng Hưng-đạo-vương lúc nói chuyện đó cũng tưởng là kinh-đô của Triệu Võ-vương ở đâu bên nước ta bây giờ, cho nên mới nói như thế chăng ?

« lương giúp-đỡ, bấy giờ nước Nam đang cường, vua tôi
 « đồng lòng, bụng dân phấn chấn ; mà bên Tàu đang lúc suy-
 « nhược, cho nên ta đắp thành Bình-lỗ (thuộc Thái-nguyên)
 « phá được quân nhà Tống, đó là một thời. Đến đời nhà Lý,
 « quân Tống sang xâm, Lý-đế sai Lý thường Kiệt đánh mặt
 « Khâm, Liêm, dồn đến Mai-lĩnh, quân hùng, tướng dũng,
 « đó là có thể đánh được. Kế đến bản-triều, giặc Nguyên
 « kéo đến vây-học bốn mặt, may được vua tôi đồng lòng,
 « anh em hòa-mục, cả nước dẫu sức lại mà đánh, mới bắt
 « được tướng kia, cũng là lòng trời giúp ta mới được thế.

« Đại-đề, kẻ kia cậy có tráng trận, mà ta thì cậy có đoàn
 « binh ; lấy đoàn chống nhau với tráng, phép dùng binh
 « thường vẫn phải thế. Còn như khi nào quân giặc kéo đến
 « ầm ầm, như gió, như lửa, thế ấy lại dễ chống. Nếu nó
 « dùng cách dần dà, như tầm ăn lá, thông-thả mà không ham
 « của dân, không cần lấy mau việc, thế ấy mới khó trị ; thì
 « ta nên kén dùng tướng giỏi, liệu xem quyền biến, ví như
 « đánh cờ, phải tùy cơ mà ứng biến, dùng binh phải đồng
 « lòng như cha con một nhà, thì mới có thể đánh được. Cách
 « ấy cốt phải từ lúc bình thì khoan sức cho dân, để làm kế
 « sâu rễ bền gốc, đó là cái thuật giữ nước hay hơn cả ».

Anh-tông chịu lời ấy là rất phải.

Được mấy hôm thì ngài mất, vua cùng các quan ai nấy
 đều cảm-thương lắm.

Hưng-đạo-vương thực là hết lòng với vua, với nước,
 tuy rằng uy-quyền lừng-lẫy, mà vẫn giữ chức-phận làm tôi,
 không dám điều gì kiêu-ngạo. Đang khi quân Nguyên quấy
 nhiễu, ngài cầm binh-quyền, Thánh-tông, Nhân-tông cho ngài
 được chuyên quyền phong tước : trừ ra tự tước hầu trở
 xuống, cho ngài được phong tước rồi mới tâu sau. Thế mà
 ngài không dám tự tiện phong thưởng cho ai cả ; phàm
 những nhà giàu mà ngài có quyền tiền gạo để cấp cho quân
 ăn, ngài chỉ phong cho làm giả-lang-tướng mà thôi, nghĩa
 là tướng cho vay lương. Ngài cẩn-thận như thế và ở với ai
 cũng thật là công-chính cho nên đến khi ngài mất, tự vua

cho chỉ bách tính ai cũng thương-tiếc. Nhân-dân nhiều nơi lập đền thờ-phụng để ghi-nhớ cái công-đức của ngài.

3. VIỆC ĐÁNH AI-LAO. Từ khi quân nhà Nguyên thua chạy về Tàu rồi, phía bắc được yên, nhưng ở phía tây-nam có quân Ai-lao thường hay sang quấy-nhiều ở mạn Thanh-hóa, Nghệ-an. Trước vua Nhân-tông đã thân chinh đi đánh mấy lần. Quân Lào tuy thua, nhưng hễ quan quân rút về, giặc lại sang cướp phá. Sau Anh-tông sai tướng-quân là Phạm ngũ Lão đi đánh ba bốn phen nữa. Đánh trận nào quân Lào cũng bị giết-hại rất nhiều, cho nên từ đó phía Thanh, Nghệ, mới được yên.

4. SỰ GIAO-THIỆP VỚI CHIÊM-THÀNH. Nước Chiêm-thành đối với An-nam từ ngày nhà Trần lên làm vua, hai nước không có điều gì lời-thời. Đến khi Nhân-tông đi đánh Lào trở về, thì bỏ đi tu, trước ở chùa Vô-lâm (làng Vô-lâm phủ Yên-khánh, tỉnh Ninh-bình), sau về ở An-tử-sơn (huyện Yên-hưng, Quảng-yên). Năm tân-sửu (1301) Thượng-hoàng đi sang Chiêm-thành xem phong-cảnh, có ước gả Huyền Trân công-chúa 玄珍公主 cho vua Chiêm là Chế Mân 制旻. Được ít lâu Chế Mân cho người đưa vàng bạc và các sản-vật sang cống và xin cưới. Triều-thần có nhiều người không thuận. Chế Mân lại xin dâng châu Ô và châu Ri để làm lễ cưới, bấy giờ Anh-tông mới quyết ý thuận gả. Đến tháng sáu năm bính-ngọ (1306) cho công-chúa về Chiêm-thành.

Sang năm sau (1307) vua Anh-tông thu nhận hai châu Ô và Ri, đổi tên là Thuận-châu và Hóa-châu, rồi sai quan là Đoàn nhữ Hai vào kinh-lý và đặt quan cai-trị.

Huyền Trân công-chúa lấy Chế Mân chưa được một năm thì Chế Mân mất, mà theo tục Chiêm-thành, hễ khi vua đã chết, thì các hậu phải bỏa thiêu chết theo.

Anh-tông được tin ấy, sai Trần khắc Chung 陳克終 giả mượn tiếng vào thăm để tìm kế đưa công-chúa về.

Từ khi Chế Mân mất rồi, Chế Chi 制至 lên làm vua Chiêm-thành. Nhưng Chế Chi hay phản-trắc, không giữ những điều giao-ước trước, cho nên năm tân-hợi (1311)

Anh-tông cùng với Huệ-võ-vương Trần quốc Chân 惠武王 陳國琛, Nhân-huệ-vương Trần khánh Dư phân binh làm ba đạo sang đánh Chiêm-thành, bắt được Chế Chí đem về An-nam và phong cho người em là Chế-đà-a Bà làm vua Chiêm-thành.

Chế Chí về An-nam được phong là Hiệu-thuận-vương, nhưng chẳng được bao lâu thì mất ở huyện Gia-lâm. Vua sai đưa hỏa táng. Từ đó về sau nước Chiêm và nước Nam thành ra có điều thù-oán mãi.

Năm mậu-thân (1308) Nhân-tông thượng-hoàng mất ở chùa Yên-tử-sơn. Năm giáp-dần (1314) Anh-tông nhường ngôi cho thái tử Mạnh 昶, rồi về làm Thái-thượng-hoàng ở phủ Thiên-trường đến năm canh-thân (1320) thì mất.

Anh-tông trị-vi được 21 năm, nhường ngôi được 6 năm, thọ 54 tuổi.

II. TRẦN MINH-TÔNG (1314-1329)

Niên hiệu: Đại-khánh 大慶 (1314-1323)

Khai-thái 開泰 (1324-1329)

Năm giáp-dần (1314) Thái-tử Mạnh lên ngôi làm vua, tức là vua Minh-tông 明宗.

Thời bấy giờ làm quan tại triều có Đoàn nhữ Hải 阮汝諧, Phạm ngũ Lão 范五老, Trương hán Siêu 張漢超, Mạc đĩnh Chi 莫挺之, Nguyễn trung Ngạn 阮忠彥, Chu văn An 朱文安 v.v... đều là những người có tài-cán trí-lự cả.

Trong nước được yên-trị; giao-hiệp với nước Tàu thì tuy rằng có lời-thôi về đường phân địa-giới, nhưng đại khái vẫn được hòa-hảo. Duy chỉ có nước Chiêm-thành tự khi Chế Chí chết rồi, thì người Chiêm cứ hay sang quấy-nhiều ở phía nam, cho nên phải dùng đến can-qua. Năm mậu-ngọ (1318) Minh-tông sai Huệ-võ-vương Trần quốc Chân và tướng-quân Phạm ngũ Lão đem binh đi đánh, vua Chiêm là Chế Năng phải bỏ thành mà chạy.

Còn những việc chính-trị ở trong nước, thì năm ất-mão (1315) lập lệ cấm người trong họ không được đi thừa kiện nhau; năm bính-thìn (1316) duyệt định văn võ quan cấp;

năm quí-hợi (1323) mở khoa thi Thái-học-sinh; năm ấy lại cấm quân-sĩ không được vẽ mình như trước. Nước ta bỏ thôi vẽ mình từ đây.

Minh-tông vốn là ông vua có lòng nhân hậu, hay thương-yêu nhân dân, nhưng chỉ vì nghe nịnh-thần cho nên giết oan Huệ-võ-vương Trần quốc Chân, là người làm quan có công với nước.

Trần quốc Chân là thân-sinh ra Hoàng-hậu và lại có công đi đánh Chiêm-thành thắng trận mấy lần. Nhưng vì Hoàng-hậu chưa có hoàng-tử, triều-thần phân ra làm hai đảng, một đảng thì có Văn-hiến-hầu và Trần khắc Chung, xin lập hoàng-tử Vượng là con bà thứ, làm thái-tử. Một đảng thì có Trần quốc Chân xin chờ cho Hoàng-hậu có con trai rồi sẽ lập Thái-tử.

Sau Văn-hiến-hầu cho tên Trần Nhạc là đầy-tớ của Trần quốc Chân một trăm lạng vàng xúi nó vu-cáo cho Quốc Chân làm mưu phản. Minh-tông bắt Quốc Chân đem giam ở chùa Tư-phúc.

Trần khắc Chung xin vua trừ Quốc Chân đi, lấy lẽ rằng bắt hổ thì dễ, thả hổ thì khó. Minh-tông nghe lời ấy, cấm không cho Quốc Chân ăn uống gì cả, đến nỗi khát nước quá, Hoàng-hậu phải lấy áo nhúng xuống nước rồi mặc vào vắt ra cho uống. Uống xong thì chết. Sau có người vợ lẽ tên Trần Nhạc ghen nhau với vợ cả, đi tố cáo ra sự Trần Nhạc lấy vàng và sự vu cáo cho Trần Quốc Chân. Bấy giờ mới rõ cái tình oan của một người trung-thần.

Minh-tông làm vua đến năm ất-tị (1329), thì nhường ngôi cho Thái-tử Vượng 卐, rồi về làm Thái-thượng hoàng.

III. TRẦN HIẾN-TÔNG (1329 - 1341)

Niên-hiệu: Khai-hữu 開祐

Thái-tử Vượng 卐 mới có 10 tuổi, lên làm vua, tức là vua Hiến-tông 憲宗.

Hiến-tông chỉ làm vua lấy vì mà thôi, quyền-chính ở cả tay Minh-tông Thượng-hoàng, cho nên tuy ngài có làm vua được non 13 năm, nhưng không được tự chủ việc gì.

1. GIẶC NGƯU-HỔNG. Minh-tông Thượng-hoàng vừa nhường ngôi xong, thì ở mạn Đà-giang có Mường Ngưu-hống 牛吼 làm loạn. Thượng-hoàng phải thân chinh đi đánh. Người Ngưu-hống ở trại Chiêm-chiêu đưa thư đến giả xin hàng. Nhưng khi đạo quân ở Thanh-hóa đi đến nơi, thì bị người ở trại ấy đồ ra đánh, phải thua chạy. Thượng-hoàng đem đại binh tiến lên, thanh-thế lừng-lẫy, quân Ngưu-hống bỏ chạy cả vào rừng. Quân giặc tuy thua nhưng không trừ hết được, mãi đến năm đinh-sử (1337) tướng nhà Trần là Hưng-hiếu-vương 興孝王 chém được thủ-dãng Ngưu-hống ở trại Trịnh-kỳ, thì giặc ấy mới yên.

2. GIẶC AI-LAO. Trong khi giặc Ngưu-hống còn đang khuấy-nhiều, giặc Ai-lao lại sang đánh phá. Năm giáp-tuất (1384) Minh-tông Thượng-hoàng lại phải thân chinh đi đánh. Sai ông Nguyễn trung Ngạn 阮忠彥 vào Thanh-hóa sung chức Phát-vận-sứ 發運使 để vận lương đi trước, Thượng-hoàng đem đại quân vào sau. Khi đại quân vào đến Kiềm-châu 黔州 (thuộc huyện Tương-dương, Nghệ-an), quân Ai-lao nghe tiếng đều bỏ chạy cả.

Thượng-hoàng bèn sai ông Nguyễn trung Ngạn làm bài bia khắc trên núi để ghi công. Bài bia ấy chữ to bằng bàn tay, khắc vào đá sâu một tấc, đến nay hãy còn.

Văn bài bia ấy dịch ra chữ nôm như sau này :

« Chương-nghiêu Văn-triết Thái-thượng-hoàng là vua
 « thứ sáu đời nhà Trần, nước Hoàng-Việt, chịu mệnh trời
 « nhất thống cõi trung hạ, trong đất ngoài bể đều cũng thần
 « phục. Nước Ai-lao nhỏ-mọn kia dám ngạnh vương-hóa;
 « cuối mùa thu năm ất-hợi vua thân đem sáu quân đi tuần
 « cõi tây, Thế-tử nước Chiêm-thành, nước Chân-lạp, nước
 « Tiêm-la và tù-trưởng các đạo mạn là Qui, Cầm, Xa, Lạc,
 « tù-trưởng rợ Bồ-man mới phụ và các bộ Mán Thanh-xa
 « đều mang phương vật tranh nhau đến đón rước. Chỉ có
 « tên nghịch Bồng cứ giữ mê-tối, sợ phải tội chưa lại châu
 « ngay. Cuối mùa đông vua đóng quân ở cánh đồng Cự,
 « thuộc châu Mật, sai các tướng và quân rợ-mọi vào tận

« nước, nghịch Bồng theo gió chạy trốn. Vua mới xuống chiếu đem quân về. Lúc bấy giờ là ngày tháng chạp nhuận năm ất-hợi, niên-hiệu Khai-hữu thứ 7, khắc vào đá ».

Xem văn-từ thì hình như việc Minh-tông thượng-hoàng đi đánh Ai-lao thật là hống-hách lắm, nhưng cứ sự thực thì quân ta bấy giờ chưa ra khỏi cõi, mà giặc Ai-lao vẫn chưa trừ được. Còn như việc thế-tử nước Chân-lạp và nước Tiêm-la v. v... sang châu, thì thiết-tướng đấy là một lối làm văn của nhà làm bia nói cho trân-trọng đó mà thôi, chứ chưa chắc đã hợp với sự thực.

Năm sau quân Ai-lao lại sang cướp ở ấp Nam-nhung 南戎 (thuộc huyện Tương-dương, tỉnh Nghệ-an). Minh-tông thượng-hoàng lại ngự giả đi đánh lần nữa. Ngài sai quan Kinh-lược-dại-sứ tỉnh Nghệ-an là Đoàn nhữ Hải 段汝海 làm Đô-đốc chư quân. Đoàn nhữ Hải khinh quân Lào hèn-yếu, chắc đánh là tất được. Đến khi đem quân đến ấp Nam-nhung qua sông Tiết-la 屑邏 chẳng may phải hóm có sương mù, bị phục binh của Lào đổ ra đánh, quan quân thua chạy cả xuống sông, chết đuối nhiều lắm. Đoàn nhữ Hải cũng chết đuối.

Xét ra nước Ai-lao đã sang quấy-nhiều đất An-nam từ đời vua Nhân-tông và vua Anh-tông. Quan quân đã phải đi đánh nhiều lần, nhưng lần nào đánh xong thì cũng chỉ yên được độ vài ba năm, rồi giặc lại sang phá. Mà quan quân có đi đánh thì cũng đánh cho nó dừng sang ăn-cướp ở đất mình nữa mà thôi, chứ không có lúc nào định chiếm-giữ đất Lào cả. Có lẽ là tại đất Lào nhiều rừng lắm núi, phải sơn lam thủy chướng, đường-sá xa-xôi, vận-tải khó nhọc, cho nên quân ta không ở được lâu. Còn người Lào thì họ thuộc đường-sá, quen phong-thổ, tiến thoái tùy tiện: thắng trận thì họ tiến lên đánh, bại trận thì họ rút quân đi, mình không biết đâu mà đuổi. Bởi thế cho nên quân ta vẫn đánh được giặc mà giặc vẫn còn, thành ra cứ phải đi đánh mãi.

Hiển-tông làm vua đến năm tân-tị (1341) thì mất, trị-vị được 13 năm, thọ 23 tuổi.

CHƯƠNG X

NHÀ TRẦN

Thời-kỳ thứ ba (1341-1400)

- | | |
|------------------------------------|--|
| I. TRẦN DỤ-TÔNG | { 1. Việc chính-trị
2. Việc giao-thiệp với nước Tàn
3. Việc giao-thiệp với Chiêm-thành
4. Dương nhật Lễ |
| II. TRẦN NGHỆ-TÔNG | { 1. Việc chính-trị |
| III. TRẦN DUỆ-TÔNG | { 2. Sự thi-cử
3. Việc đánh Chiêm-thành |
| IV. TRẦN PHẾ-ĐẾ | { 1. Chiêm-thành sang phá Thăng-long
2. Tình-thế nước Nam
3. Nhà Minh sách-nhiều
4. Nghệ-tông thất chinh
5. Lê quý Ly giết Đế Hiến |
| V. TRẦN THUẬN-TÔNG | { 1. Phạm sự Ôn khởi loạn
2. Chế bồng Nga tử trận
3. Lê quý Ly chuyển quyền
4. Nghệ-tông mất |
| VI. LÊ QUÍ LY MƯU SỰ
THOẢN-ĐOẠT | { 1. Việc tài-chánh
2. Việc học-hành
3. Việc cai-trị
4. Lập Tây-dô
5. Sự phế-lập : Trần Thiếu-đế |

I. TRẦN DỤ-TÔNG (1341-1369)

Niên hiệu : Thiệu-phong 紹豐 (1341-1357)

Đại-trị 大治 (1358-1369)

1. VIỆC CHÍNH-TRỊ. Hiến-tông không có con, Minh-tông thượng-hoàng lập người em tên là Hạo 昞 lên làm vua, tức là vua Dụ-tông 裕宗.

Trong những năm Thiệu-phong, là mười mấy năm đầu, tuy Du-tông làm vua, nhưng quyền chính-trị ở Minh-tông thượng-hoàng quyết-đoán cả, cho nên đầu có phải mấy năm tai biến mất mùa đói-khổ, nhưng việc chính-trị còn có thứ-tự. Từ năm Đại-trị nguyên-miên (1358) trở đi, Thượng-hoàng mất rồi, bọn cựu-thần như ông Trương hán Siêu, ông Nguyễn trung Ngạn cũng mất cả, từ đó việc chính-trị bỏ trễ-nải. Kẻ gian-thần mỗi ngày một đắc chí. Ông Chu văn An 朱文安 là một nhà danh-nho thời bấy giờ và đang làm quan tại triều, thấy chính-trị bại-hoại, làm sớ dâng lên xin chém bảy người quyền thần. Vua không nghe, ông ấy bỏ quan về ở núi Chí-linh.

Vua Du-tông về sau cứ rượu-chè chơi-bời, xây cung điện, đào hồ đắp núi, rồi lại cho gọi những người nhà giàu vào trong điện để đánh bạc. Bắt vương-hầu công-chúa phải đặt chuyện hát-tuồng (1) và bắt các quan thi nhau uống rượu, ai uống rượu được một trăm thăng thì thưởng cho hai trật.

Chính-sự như thế, cho nên giặc cướp nổi lên như ong đầy: ở mạn Hải-dương thì có giặc Ngô Bệ 吳陛 làm loạn ở núi Yên phụ; ở các nơi thì chỗ nào cũng có giặc nổi lên cướp phá. Dân-tình khổ-sở, năm nào cũng phải đói-kém. Cơ-nghiệp nhà Trần bắt đầu suy từ đấy.

2. VIỆC GIAO-THIỆP VỚI NƯỚC TÀU. Bấy giờ ở bên Tàu, nhà Nguyên đã suy, trong nước rối loạn, có bọn Trần hữu Lượng 陳友諒 Trương sĩ Thành 張士誠, Chu nguyên Chương 朱元璋 khởi binh đánh-phá.

Chu nguyên Chương dấy binh ở đất Từ-châu (tỉnh An-huy), chiếm-giữ thành Kim-lăng, rồi trong 15 năm dứt được nhà Nguyên dẹp yên thiên-hạ, dựng nên cơ-nghiệp nhà Minh.

(1) Khi quân nhà Trần đánh được quân nhà Nguyên, có bắt được một tên hát-bội là Lý nguyên Cát 李元吉 sau nó ở lại nước ta lấy cớ truyền mà đặt thành bài tuồng, rồi dạy người mình hát. Khi con hát ra làm trò thì mặc áo gấm, áo vóc, theo nhịp đàn nhịp trống mà hát. Sự hát tuồng của Việt-nam bắt đầu từ đấy.

Năm mậu-thân (1368) Minh Thái-tổ sai sứ đưa thư sang dụ nước ta, Dụ-tông sai quan Lễ-bộ Thị-lang là Đào văn Địch 陶文弼 sang cống.

Nước Nam ta bấy giờ tuy đã suy-nhược, nhưng mà nhà Minh mới định xong thiên-hạ, còn phải sửa-sang việc nước, chưa dòm đến nước mình, cho nên cũng chưa có việc gì quan-trọng lắm.

3. VIỆC GIAO-THIỆP VỚI CHIÊM-THÀNH. Từ khi vua nước Chiêm-thành là Chế-a-Nan¹ mất rồi, con là Chế Mọ và rể là Bồ Đề tranh nhau làm vua. Người Chiêm-thành bỏ Chế Mọ mà theo Bồ Đề; qua năm nhâm-thìn (1352) Chế Mọ chạy sang An-nam cầu cứu.

Đến năm quý-tị (1353) Dụ-tông cho quân đưa Chế Mọ về nước, nhưng quan quân đi đến đất Cồ-luy (thuộc Quảng-nghĩa) bị quân Chiêm đánh thua, phải chạy trở về. Chế Mọ cũng buồn-rầu chẳng bao lâu thì chết.

Người Chiêm-thành từ đấy được thể cứ sang cướp-phù ở đất An-nam.

Năm đinh-vị (1367), Dụ-tông sai Trần thế Hưng 陳世興 và Đỗ tử Bình 杜子平 đi đánh Chiêm-thành. Quan quân đi đến Chiêm-dộng (thuộc phủ Thăng bình, tỉnh Quảng-nam) bị phục quân của Chiêm-thành đánh bắt mất Trần thế Hưng, Đỗ tử Bình đem quân chạy trở về.

Người Chiêm thấy binh-thế nước Nam suy-nhược, có ý khinh-dễ, cho nên qua năm mậu-thân (1368) vua nước Chiêm cho sứ sang đòi đất Hóa-châu. Việc đòi Hóa-châu này thì sứ chỉ chép qua đi mà thôi. Và bấy giờ ở nước Nam ta, vua Dụ-tông chỉ lo việc hoang-chơi, không tưởng gì đến việc Võ-bị; mà ở bên Chiêm thành thì có Chế bằng Nga 制蓬萊 là một ông vua anh-hùng, có ý đánh An-nam để rửa những thù trước. Vậy cho nên hết sức tập trận, luyện binh; bắt quân lính phải chịu khó-nhọc cho quen, dân trận voi cho tiện đường lui tới: thắng thì cho voi đi trước để xông-đột, bại thì cho voi đi sau để ngăn giữ quân nghịch. Nhờ cách xếp đặt có thứ-tự, dụng binh có kỷ-luật như thế, cho

nên quân Chiêm-thành từ đó mạnh lắm, sau đánh phá thành Thăng-long mấy lần, làm cho vua tôi nhà Trần phải kinh-sợ mấy phen.

4. DƯƠNG NHẬT-LỄ (1369-1370). Năm kỷ-dậu (1369), vua Dụ-tông mất, không có con. Triều-định định lập Cung-định-vương 恭定王 là anh Dụ-tông lên làm vua, nhưng mà bà Hoàng-thái-hậu nhất định lập người con nuôi của Cung-túc-vương 恭肅王 là Dương nhật Lễ 楊日禮.

Nguyên mẹ Nhật Lễ là người con hát, lấy người hát-bội tên là Dương Khương 楊某, có thai rồi mới bỏ Dương Khương mà lấy Cung-túc-vương, sinh ra Nhật Lễ. Nay lên làm vua, Nhật Lễ muốn cải họ là Dương để dứt ngôi nhà Trần, rồi giết bà Hoàng-thái-hậu và Cung-định-vương.

Bấy giờ Cung-tĩnh-vương Phủ ở chỗ Kinh-sư cũng sợ bị hại, và lại tính-khí cũng nhu-nhược, không có ý tranh cạnh, mới bỏ trốn lên mạn Đà-giang. Các quan tôn-thất nhà Trần mới hội nhau đem binh về bắt Nhật Lễ giết đi, rồi rước Cung-tĩnh-vương về làm vua. Tức là vua Nghệ-tông 藝宗.

II. TRẦN NGHỆ-TÔNG (1370-1372)

Niên hiệu: Thiệu-khánh 紹慶

Khi Nghệ-tông giết Nhật Lễ rồi, mẹ Nhật Lễ chạy sang Chiêm-thành, xin vua nước ấy là Chế bồng Nga đem quân sang đánh An-nam. Quân Chiêm vượt bể vào cửa Đại-an, kéo lên đánh Thăng-long. Quan quân đánh không nổi. Nghệ-tông phải lánh mình chạy sang Đông-ngạn (ở Cổ-pháp làng Đình-bảng). Quân Chiêm vào thành, đốt sạch cung điện, bắt đàn-bà con-gái, lấy hết các đồ báu ngọc, rồi rút quân về.

Nghệ-tông là một ông vua nhu-nhược, việc gì cũng để cho người ngoại-thích là Lê quý Ly 黎季犛 quyết đoán cả.

Quý Ly là dòng-dõi người ở Chiết-giang bên Tàu, tổ là Hồ hưng Dật 胡興逸 từ đời Ngũ-Quý sang ở nước ta, làng Bào-đột, huyện Quỳnh-lưu. Sau ông tổ tứ-đại là Hồ Liêm đời ra ở Thanh-hóa, làm con nuôi nhà Lê Huấn 黎訓, cho

nên mới đổi họ là Lê. Lê quý Ly có hai người cô lấy vua Minh-tông. Một người sinh ra vua Nghệ-tông, một người sinh ra vua Duệ-tông. Vì thế cho nên Nghệ-tông càng tin dùng lắm, phong cho làm Khu-mật đại-sứ 樞密大使, lại gia tước Trung-tuyên-hầu 忠宣侯.

Năm nhâm-tí (1372) Nghệ-tông truyền ngôi cho em là Kính 敬, rồi về ở phủ Thiên-trường làm Thái-thượng-hoàng.

III. TRẦN DUỆ-TÔNG (1372-1377)

Niên-hiệu: Long-khánh 隆慶

1. VIỆC CHÍNH-TRỊ. Thái-tử Kính lên ngôi, tức là vua Duệ-tông 睿宗, lập Lê-thị làm hoàng-hậu (Lê-thị là em họ Quý Ly).

Duệ-tông có tính quyết đoán hơn Nghệ-tông, nhưng mà quyền-bính vẫn ở tay Nghệ-tông thượng-hoàng cả.

Bấy giờ quân Chiêm-thành cứ sang quấy-nhiều mãi, vua Duệ Tông quyết ý đi đánh báo thù, bèn hạ chiếu luyện-tập quân-linh, làm chiến-thuyền, và tích lương-thảo để phòng việc chinh-chiến, rồi đặt thêm quân-hiệu, cho Quý Ly làm Tham-mur-quân sự; đổi đất Hoan-châu làm Nghệ-an, Diễn-châu làm Diễn-châu-lộ, Lâm-binh-phủ làm Tân-binh phủ, rồi sai quan bắt dân sửa-sang đường-sá từ Cửu-chân (Thanh-hóa) cho đến huyện Hà-hoa (tức là huyện Kỳ-anh bây giờ).

2. SỰ THI-CỬ. Tuy bấy giờ lo việc võ-bị nhiều, nhưng cũng không quên việc văn-học; năm giáp-dần (1374) mở khoa thi tiến-sĩ, lấy hơn 50 người cho áo mũ vinh qui. Trước vẫn có thi thái-học-sinh, đến bấy giờ mới đổi ra là thi tiến-sĩ.

3. VIỆC ĐÁNH CHIÊM-THÀNH. Năm bính-thìn (1376) quân Chiêm lại sang phá ở Hóa-châu. Duệ-tông định thân chinh đi đánh. Đình-thần can không được. Sai quan dân Thanh-hóa, Nghệ-an, vận-tải 5 vạn thạch-lương vào Hóa-châu, rồi rước Thượng-hoàng lên duyệt binh ở Bạch-hạc. Nhân năm ấy vua Chiêm-thành là Chế bồng Nga đem sang cống 15 mâm vàng, quan trấn-thủ Hóa-châu tên là Đỗ tử Bình 杜子平 lấy đi, rồi dâng sớ về nói dối rằng Chế bồng Nga ngạo

mạn vô lễ, xin vua cử binh sang đánh. Được tin ấy, Duệ-tông quyết ý đi đánh; sai Quí Ly đốc vận lương-thực đến cửa bể Di-luân (thuộc huyện Bình-chính, Quảng-bình) và tự lĩnh 12 vạn quân, cả thủy bộ cùng tiến; đi đến cửa bể Nhật lệ (ở làng Đồng-hới, huyện Phong-lộc, Quảng-bình) đóng lại một tháng để luyện-tập sĩ-tốt.

Qua tháng giêng năm đinh-tị (1377) mới tiến quân vào cửa Thị-nại (tức là cửa Qui-nhơn) đánh lấy đồn Thạch-kiều và động Kỳ-mang, rồi kéo quân đến đánh thành Đồ-bàn 陶 蠻 là Kinh-đô Chiêm-thành (2).

Chế bồng Nga lập đồn giữ ở ngoài thành, rồi cho người sang giả hàng nói rằng Chế bồng Nga đã bỏ thành chạy trốn rồi, chỉ còn có thành không mà thôi, xin tiến binh sang ngay. Duệ-tông lấy điều ấy làm thật, hạ lệnh truyền tiến binh vào thành. Đại-tướng là Đỗ Lễ 杜 禮 can mãi vua không nghe. Khi quân gần đến thành Đồ-bàn, quả-nhiên bị quân Chiêm đồ ra vây đánh. Quan quân thua to; Duệ-tông chết ở trận, tướng-sĩ quân lính chết mười phần đến bảy tám.

Bấy giờ Đỗ tử Bình lĩnh hậu quân không đem binh lên cứu, Lê quí Ly cũng bỏ chạy về. Thế mà hai người về kinh. Nghệ-tông thượng-hoàng chỉ giáng Đỗ tử Bình xuống làm lính mà thôi.

IV. TRẦN PHẾ - ĐẾ (1377 - 1388)

Niên-hiệu: Xương-phù 昌 符

Thượng-hoàng được tin Duệ-tông chết trận rồi, bèn lập con Duệ-tông là Hiến 現 lên nối ngôi, tức là vua Phế-đế.

1. CHIÊM-THÀNH SANG PHÁ THĂNG-LONG. Quân Chiêm-thành đã phá được quân An-nam và giết được Duệ-tông rồi, qua tháng sau đem quân sang đánh Thăng-Long. Thượng-hoàng nghe tin giặc đến, sai tướng ra giữ Đại-an hải-khẩu. Giặc biết chỗ ấy có phòng-bị, đi vào cửa Thần-

(2) Thành Đồ-Bàn bây giờ hãy còn di-tích ở huyện Tuy-viên, tỉnh Khánh-hóa

phủ (sông Chính-đại, thuộc huyện Yên-mô, Ninh-bình) rồi lên cướp phá thành Thăng-long, không ai chống giữ được.

Tháng năm năm mậu-ngọ (1378) quân Chiêm-thành lại sang đánh đất Nghệ-an, rồi lại vào sông Đại-hoàng lên đánh Thăng-long lần nữa.

Quân Chiêm-thành biết nước Nam suy-nhược, cứ sang cướp phá. Năm canh-thân (1380) lại sang phá ở đất Thanh-hóa, Nghệ-an. Vua sai Lê qui Ly lĩnh thủy-binh, Đỗ tử Bình lĩnh bộ-binh vào giữ ở Ngu-giang, huyện Hoảng-hóa (Thanh-hóa). Lê qui Ly đánh đuổi được quân Chiêm về. Đến năm nhâm-tuất (1382) quân Chiêm lại sang đánh ở đất Thanh-hóa. Lê qui Ly cùng với tướng-quân Nguyễn đa Phương 阮多方 giữ ở bến Thần-đầu (Ninh-bình). Nguyễn đa Phương phá được quân Chiêm, đuổi đánh đến đất Nghệ-an mới thôi.

Từ khi đánh được trận Ngu-giang và trận Thần-đầu, quân thế An-nam đã hơi nổi, cho nên sang tháng giêng năm quý-hợi (1383) Thượng-hoàng sai Qui Ly vào đến Lai-bộ Nương-loan (tức là cửa Nương-loan bây giờ, ở huyện Kỳ-anh, Hà-tĩnh) phải bão đánh nát mất nhiều thuyền, lại phải rút quân về.

Qua tháng sáu năm ấy, Chế bồng Nga cùng với tướng là La Khải 羅啓 đem quân đi đường sơn-lộ ra đóng ở Khổng-mục (?) đất Quảng-oai. Ở kinh-sư nghe tin giặc Chiêm lại sang, Thượng-hoàng sai tướng là Mật Ôn 密溫 ra giữ ở châu Tam-kỳ ở địa-hạt Quốc-oai, nhưng Mật Ôn bị quân Chiêm đánh bắt mất. Thượng-hoàng sợ hãi, sai Nguyễn đa Phương ở lại kinh-sư làm đồn giữ thành, rồi cùng với vua chạy sang Đông-ngạn. Bấy giờ có người núp thuyền lại xin Thượng-hoàng cứ ở lại kinh-sư mà chống giữ với giặc, Thượng-hoàng không nghe.

Quân Chiêm-thành bấy giờ ra vào nước Nam ta như đi vào chỗ không người, cho nên trong mấy năm mà vào phá kinh-thành ba lần; ba lần Thượng-hoàng cùng Đế Hiên phải bỏ thành mà chạy. Thế mà đến khi giặc về rồi, cũng không sửa-sang gì để phòng-bị về sau, thật là làm nhục cái tiếng con cháu Trần Hưng-đạo-vương.

2. **TÌNH-THỂ NƯỚC NAM**. Trong nước bấy giờ dân tình đói khổ, nhà vua thì sợ giặc phải đưa cửa đi chôn ở trên núi Thiên-kiến, tức là núi Kiện-khê, huyện Thanh-liêm. Ở ngoài bờ cõi thì người Chiêm nay vào đánh chỗ này, mai vào phá chỗ khác, nhà nước mỗi ngày một hèn yếu, đến nỗi phải nhờ đến lũ tăng-nhân là bọn Đại-nạn thiền-sư đi đánh giặc Chiêm.

Thuế-má thì càng ngày càng nặng. Trước dân An-nam cứ phải định ngạch chịu thuế, sống không kể, chết không trừ, ai đã làm lính, thì cả đời chỉ phải làm lính, chứ không bao giờ được làm quan. Còn những người có điền - thổ thì phải đóng tiền, ai không có gì thì thôi. Khi nào có binh sự, thì những người có ruộng, có đồng dâu, hay là có đầm cá phải chịu thóc, tiền và vải, để cho quân dùng. Đến nay giặc-giã luôn, kho-tàng trống-học, Đỗ tử Bình (3) xin với vua bắt mỗi suất đinh mỗi năm phải đóng 3 quan tiền thuế. Thuế thân sinh ra từ đây.

3. **NHÀ MINH SÁCH-NHIỀU**. Ở bên Tàu thì bấy giờ nhà Minh đã dứt được nhà Nguyên, lại có ý dòm dất An-nam. Thường thường cho sứ đi lại sách cái nọ, đòi cái kia; năm giáp-ti (1384) Minh Thái-tổ cho sứ sang bắt An-nam phải cấp 5.000 thạch lương cho quân nhà Minh đóng ở Vân-nam. Năm sau (1385) lại cho sứ sang đem 20 tăng-nhân An-nam về Kim-lăng, rồi lại đòi phải cống cây quý, phải nộp lương, chủ ý là xem tình-thể nước Nam ra thế nào.

4. **NGHỆ-TÔNG THẤT CHÍNH**. Vua Nghệ-tông tuy giữ quyền chính-trị, nhưng việc gì cũng do ở Lê quý Ly. Triều-thần thì chỉ có mặt xu-nịnh, người nào cũng chỉ lo lấy thân mà thôi, việc nước an-nguy thế nào không ai lo nghĩ đến. Những người tôn-thất như Trần nguyên Đán 陳元旦 (4) thấy quốc chính rã-rời, xin về trí-sĩ. Một hôm

— (3) Đỗ tử Bình trước đi đánh Chiêm-thành có tội phải đầy đi làm lính. Nay không biết làm thế nào đã được phục-chức.

— (4) Trần nguyên Đán là cháu tăng tôn Trần quang Khải.

Thượng-hoàng đến thăm bàn đến hậu sự, Nguyên Đán tâu rằng : « Xin bệ-hạ thờ nhà Minh như cha, yêu nước Chiêm-thành như con, thì quốc-gia sẽ không việc gì, mà lão-thần chết cũng không hảm ! » Ấy là chỉ bàn những chuyện làm tôi-tờ mà thôi, chứ không có chi muốn cho nước mình cường-thịnh. Nguyên Đán biết rằng Quí Ly sau này tất cướp ngôi nhà Trần, bèn kết làm thông-gia, vì thế cho nên sau dòng-dõi nhà Trần chết cả, duy chỉ có con-cái nhà Nguyên Đán được phú-quí mà thôi.

Nghệ-tông Thượng-hoàng thì cứ mờ-mịt không biết ai trung ai nịnh, vẫn tưởng là Lê quí Ly hết lòng với nhà vua, bèn cho Lê quí Ly gươm và cờ có chữ đề rằng : « Văn võ toàn tài, quân thần đồng đức ». Lê quí Ly làm thơ nôm dâng tạ.

5. LÊ QUÍ LY MƯU GIẾT ĐẾ HIỂN. Bấy giờ Đế Hiễn thấy Thượng-hoàng yêu dùng Quí Ly, mới bàn với các quan rằng nếu không trừ đi rồi sau tất thành ra vạ to. Quí Ly biết mưu ấy, đến kêu van với Thượng-hoàng rằng : « Cớ lại chỉ bỏ cháu nuôi con, chứ chưa thấy ai bỏ con nuôi cháu bao giờ ». Thượng-hoàng nghe lời, xuống chiếu trách Đế Hiễn còn tính trẻ-con và lại có ý hại kẻ công-thần, làm nguy xã-tắc ; vậy phải giáng xuống làm Minh-đức đại-vương, và lập Chiêu-định-vương là con Nghệ-tông lên nối ngôi.

Khi tờ chiếu ấy bố cáo ra ngoài, có mấy người tướng-quân đã toan đưa quân vào điện cứu Đế Hiễn ra, nhưng vua viết hai chữ « giải giáp 解甲 » và không cho được trái mệnh của Thượng-hoàng. Sau Đế Hiễn bị thất cớ chết, còn những tướng-sĩ đồng mưu giết Quí Ly đều bị hại cả.

V. TRẦN THUẬN-TÔNG (1388 - 1398)

Niên-hiệu : Quang-thái 光泰

1. PHẠM SƯ ÔN KHỞI LOẠN. Nghệ-tông Thượng-hoàng đã nghe Quí Ly mà giết Đế Hiễn rồi lập người con út của mình là Chiêu-định-vương 昭定王 lên làm vua, tức là vua Thuận-tông 順宗.

Bấy giờ trong triều thì Lê quý Ly chuyên quyền, chọn những chân tay cho cai-quản các đội quân để làm vây cánh, ngoài các trấn thì giặc-giã nổi lên nhiều lắm. Ở Thanh-hóa có tên Nguyễn Thanh 阮清 tự xưng là Linh-đức-vương 靈德王 làm loạn ở Lương-giang; tên Nguyễn Kị 阮忌 tự xưng là Lỗ-vương 魯王 làm loạn ở Nông-cống. Ở Quốc-oai thì có người sư tên là Phạm sư Ôn 范師溫 nổi lên đem quân về đánh Kinh-sư. Thượng-hoàng, Thuận-tổng và Triều-định phải bỏ chạy lên Bắc-giang. Phạm sư Ôn lấy được Kinh-sư, ở ba ngày rồi rút về Quốc-oai. Bấy giờ có tướng-quân là Hoàng phụng Thế 黃奉世 đóng ở Hoàng-giang (5) để phòng giữ quân Chiêm-thành, nghe tin Sư Ôn phạm đất Kinh-sư mới đem quân về đánh lên bắt được Sư Ôn và phá tan giặc ấy.

2. CHẾ BÔNG NGA TỬ TRẬN. Năm kỷ-tị (1389) Chế bông Nga lại đem quân ra đánh Thanh-hóa. Vua sai Lê quý Ly đem binh vào chống giữ ở làng Cỏ-vô. Quan quân đóng cọc ngăn sông ra giữ nhau với giặc hơn 20 ngày. Giặc bèn phục binh, rồi giả tảng rút quân về. Lê quý Ly đem quân thủy-bộ đuổi đánh, bị phục binh của giặc đồ ra đánh, giết hại mất nhiều. Quý Ly trốn chạy về Kinh, để người ti-tướng là Phạm khả Vĩnh 范可永 và tướng-quân là Nguyễn đa Phương 阮多方 chống nhau với giặc ở Ngu-giang 虞江. Bọn Nguyễn đa Phương thấy quân mình yếu thế, giả tảng bày cờ giàn thuyền ra, rồi đến đêm rút quân về.

Qua tháng mười một, quân Chiêm lại vào sông Hoàng-giang, Thượng-hoàng sai quan Đô-tướng là Trần khát Chân 陳渴真 (6) đem binh đi chống giữ với giặc. Trần khát Chân khóc và lạy rồi ra đi, Thượng-hoàng cũng khóc. Xem thế thì biết vua tôi nhà Trần bấy giờ lấy quân Chiêm-thành làm khiếp-sợ lắm.

Trần khát Chân đem quân đến Hoàng-giang xem không có chỗ nào đóng quân được tiện-lợi, bèn rút về đóng ở sông

(5) Hoàng-giang là khúc sông Hồng-hà ở về huyện Nam-xang, Hà-nam.

(6) Trần khát Chân là dòng-dõi Trần bình Trọng.

Hải-triều (ở vào địa-phận Huyện Hưng-nhân, tỉnh Thái-bình và huyện Tiên-lữ, tỉnh Hưng-yên, tức là ở sông Luộc).

Đến tháng giêng năm canh-ngọ (1390) Chế bằng Nga đi thuyền đến xem hình-thế quân của Trần khát Chân. Bấy giờ có thuyền đầy-tờ của Chế Bằng Nga có tội, sợ phải giết, chạy sang hàng với Trần khát Chân. Nhân khi Chế bằng Nga đem hơn 100 chiếc thuyền đến gần trại của quân nhà Trần đóng, tên đầy-tờ ấy chỉ cái thuyền của Chế bằng Nga cho Khát Chân. Khát Chân mới truyền lấy súng bắn vào thuyền ấy, Chế bằng Nga trúng phải đạn chết.

Quan quân đồ ra đánh, quân Chiêm thấy quốc-vương chết đều bỏ chạy cả. Quan quân đánh đuổi rồi cắt lấy đầu Chế bằng Nga đem về dâng triều-đình. Thượng-hoàng thấy đầu Chế bằng Nga, tự ví mình như Hán Cao-tổ thấy đầu Hạng Vũ, rất là vui-vẻ. Đoạn rồi định công thưởng tước cho các tướng-sĩ.

Tướng Chiêm-thành là La Khải 羅啓 đem xác Chế bằng Nga hỏa táng xong rồi, đem quân trở về nước, chiếm lấy ngôi vua Chiêm-thành. Hai người con Chế bằng Nga phải chạy sang hàng An-nam, đều được phong tước hầu cả.

3. LÊ QUÍ LY CHUYỀN QUYỀN. Từ khi giặc Chiêm đã yên, Lê quý Ly càng ngày càng kiêu-hãnh. Bao nhiêu những người mà không tông-phục mình, thì xui Thượng-hoàng giết đi; hoàng-tử, thân-vương đều bị giết-hại. Mà Thượng-hoàng thì cứ tin Quý Ly một cách lạ lùng. Sĩ-phu có người dâng sớ tâu với Thượng-hoàng rằng Quý Ly có ý muốn dòm cơ-nghiệp nhà Trần, thì Thượng-hoàng lại đưa sớ cho Quý Ly xem, cho nên những người trung-thần không ai nói-năng gì nữa.

Uy-quyền của Quý Ly một ngày một to, vây cánh một ngày một nhiều, Thượng-hoàng sau tỉnh dần dần lại biết lấy làm sợ, nhưng đã chậm lắm rồi, thế không sao được nữa; mới bắt người vẽ cái tranh tứ-phụ cho Quý Ly. Trong tranh ấy vẽ ông Chu-công giúp vua Thành-vương, ông Hoắc Quang giúp vua Chiêu-đế, ông Gia-cát Lượng giúp vua Hậu-

chủ, ông Tô hiến Thành giúp vua Lý Cao-tông, rồi bảo Quí Ly rằng nhà ngươi giúp con trăm cũng nên như thế. Một hôm Thượng-hoàng gọi Quí Ly vào trong điện mà bảo rằng: « Nhà ngươi là thân-tộc, cho nên bao nhiêu việc nước, trăm « đều ủy-thác cho cả; nay quốc-thể suy-nhược, trăm thì già « rồi; ngày sau con trăm có nên giúp thì giúp, không thì « nhà ngươi tự làm lấy ». Thượng-hoàng bắt-chước câu ấy của ông Lưu Bị nói với ông Khổng Minh ngày trước, tưởng để mua-chuộc được lòng Quí Ly.

Quí Ly cười mỉa, khấu đầu khóc-lóc mà thề rằng: « Nếu « hạ thần không hết lòng, hết sức giúp nhà vua, thì trời tru « đất diệt. Và ngày trước Linh-đức-vương (tức là Phế-đế) « có lòng làm hại, nếu không có uy-linh của Bệ-hạ, thì nay « đã ngấm cười dưới đất, còn đâu ngày nay nữa mà mãi « thân nghiên cốt để báo đền vạn nhất! Vậy hạ thần đâu có « ý gì khác, xin bệ-hạ tỏ lòng ấy cho và đừng lo gì ».

4. NGHỆ-TÔNG MẤT. Đến tháng chạp năm giáp-tuất (1394) thì Thượng-hoàng mất. Trị-vi được 3 năm, làm Thái-thượng-hoàng 27 năm, thọ 74 tuổi.

Nghệ-tông là ông vua rất tâm-thường: chí-khi đã không có, trí-lự cũng kém-hèn, để cho kẻ gian-thần lừa-dao, giết hại cả con cháu họ hàng, xa bỏ những kẻ trung-thần nghĩa-sĩ; cứ yêu dùng một Quí Ly, cho được quyền thế, đến nỗi làm xiêu-đổ cơ-nghiệp nhà Trần.

Dẫu rằng đến khi vận nước đã suy, không có điều này cũng có điều nọ, tựa hồ người đã già không phải bệnh nọ thì cũng mắc bệnh kia, nhưng cứ sự thực mà xét, thì cũng vì vua Nghệ-tông cho nên cơ-nghiệp nhà Trần mới mất về tay Quí Ly; mà cũng vì sự rối-loạn ấy, cho nên giặc nhà Minh mới có cơ mà sang cướp-phá nước Nam trong 20 năm trời.

VI. LÊ QUÝ LY MƯU SỰ THOÁN - ĐOẠT

Nghệ-tông mất rồi, Quí Ly lên làm Phụ-chính thái-sư, vào ở trong điện, dịch thiên Vô-dật ra chữ nôm để dạy vua

và bắt người ta gọi là Phụ-chính cai-giao hoàng-đế 輔政 皇帝.

Từ đấy Quí Ly cứ chuyên làm mọi việc đề chực đường thoán-đoạt. Việc trong nước, Quí Ly xếp-đặt lại cả, hoặc đề mua-chuộc lấy những người vầy-cánh.

1. VIỆC TÀI-CHÍNH. Quí Ly đặt ra một cách làm tiền giấy để thu tiền của dân: Tờ giấy ăn 10 đồng, thì vẽ cây rêu bẻ; ăn 30 đồng, thì vẽ cái sóng; ăn một tiền, thì vẽ đám mây; hai tiền thì vẽ con rùa; ba tiền thì vẽ con lân; năm tiền thì vẽ con phượng; một quan thì vẽ con rồng. Hễ ai làm giấy giả thì phải tội chém. Khi đã có dấu đóng rồi thì phát ra bắt dân phải tiêu, còn bao nhiêu tiền đồng thì thu nộp nhà vua; ai mà giấu-giếm thì phải tội như là tội làm giấy giả vậy.

Việc ruộng đất thì khi trước những nhà tôn-thất cứ sai đầy-tớ ra chỗ đất bồi ở ngoài bể, đắp đê để một vài năm cho hết nước mặn, rồi khai-khẩn thành ruộng, để tư trang. Nay Quí Ly lập lệ rằng trừ những bậc đại-vương, công-chúa ra, thì những người thứ-dân không được có hơn 10 mẫu, ai có thừa ra thì phải đưa nộp quan, và ai có tội thì được phép lấy ruộng mà chuộc tội.

2. VIỆC HỌC-HÀNH. Từ trước thì phép thi không có định văn-thể; bây giờ định lại làm tứ trường văn-thể và bỏ thi ám-tả; nhất trường làm bài kinh-nghĩa; nhị trường làm bài thi-phú; tam trường làm chiếu, chế, biểu; tứ trường làm bài văn-sách. Còn như kỳ thi, thì năm trước thi Hương, năm sau thi Hội, ai đã trúng Hội thì vào thi một bài văn-sách nữa để định cao thấp.

Những quan làm giáo-chức ở các lộ, phủ, châu, thì được cấp ruộng; như ở các lộ thì có quan đốc-học; ở phủ và châu lớn thì quan giáo-thụ được ruộng 15 mẫu, ở phủ và châu vừa thì được 12 mẫu, ở phủ và châu nhỏ thì được 10 mẫu.

3. VIỆC CẢI-TRỊ. Ở trong triều thì Quí Ly định lại phẩm-phục của các quan; nhất phẩm mặc áo sắc tía; nhị phẩm sắc đỏ; tam phẩm sắc hồng; tứ phẩm sắc lục; ngũ,

lục, thất phẩm sắc biếc; bát, cửu phẩm sắc xanh; vô phẩm và hoàng-nô (7) sắc trắng.

Ở ngoài thì cải các lộ làm trấn, và đặt thêm quan chức ở lộ, phủ, v. v... Thanh-hóa đổi ra Thanh-đô-trấn; Quốc-oai là Quảng-oai-trấn; Đà-giang-lộ là Thiên-hưng-trấn; Nghệ-an-lộ là Lâm-an-trấn; Trảng-an-lộ là Thiên-quan-trấn; Diên-châu-lộ là Vọng-giang-trấn; Lạng-son-phủ là Lạng-son-trấn; Tân-bình-phủ là Tây-bình-trấn. Và bỏ các ti-xã, chỉ để quân-giáp như cũ mà thôi.

Ở các lộ, phủ, châu, huyện thì đặt lại quan chức. Lộ thì đặt chánh phó An-phủ-sứ; phủ thì đặt chánh phó Trấn-phủ-sứ; châu thì đặt Thông-phán, Thiêm-phán; huyện thì đặt Linh-úy, Chủ-bạ. Lộ coi phủ coi châu, châu coi huyện. Lộ nào cũng phải có một tập sổ sách về những việc đình, diên, kiện-tụng, đến cuối năm thì đệ về Kinh để kê-cứu.

Quý Ly lại phân nước ra từng hạt một, đặt chức đô-đốc, đô-hộ, đô-thống, tổng-quản, thái-thủ, để phong cho những người vẫy-cánh của mình.

4. LẬP TÂY-ĐÔ. Quý Ly định dời Kinh-đô vào Thanh-hóa cho dễ đường thoán-đoạt, bèn sai quan vào xây thành Tây-đô ở động Yên-tôn (nay còn di-tích ở xã Yên-tôn, huyện Vĩnh-lộc, tục gọi là Tây-giai). Đến năm bính-tí (1396) Quý Ly bắt Thuận-tổng phải dời kinh về Tây-đô. Qua tháng ba năm sau, Quý Ly lập mưu cho người đạo-sĩ vào trong cung xui Thuận-tổng nhường ngôi mà đi tu tiên. Thuận-tổng phải nhường ngôi cho con, rồi đi tu tiên ở cung Bảo-thanh tại núi Đại-lại 大 夷 (thuộc huyện Vĩnh-lộc, Thanh-hóa).

5. SỰ PHẾ-LẬP: TRẦN THIẾU-ĐẾ (1398-1400). Quý Ly bắt Thuận-tổng nhường ngôi rồi, lập Thái-tử là Ấn 瑛 lên làm vua. Thái-tử bấy giờ mới có 3 tuổi, tức là Thiếu-đế 少 帝, niên-hiệu là Kiến-tân 建 新.

(7) Hoàng-nô là đầy-tớ nhà quan.

Lê quý Ly làm phụ-chính tự xưng làm Khâm-đức hưng-liệt đại-vương 欽德興烈大王, rồi sai người giết Thuận-tông đi.

Bấy giờ triều-đình có những người như là Thái-bảo Trần nguyên Hảng 陳元沆, Thượng-tướng-quân là Trần khát Chân 陳渴真 lập hội để mưu trừ Quý Ly, chẳng may sự lộ ra, bị giết đến hơn 370 người (8).

Lê quý Ly lại xưng là Quốc-tổ-chương-hoàng 國祖章皇, ở cung Nhân-thọ, ra vào dùng nghi-vệ của Thiên-tử. Đến tháng hai năm canh-thìn (1400) Quý Ly bỏ Thiếu-đế rồi tự xưng làm vua thay ngôi nhà Trần.

Nhà Trần làm vua nước Nam ta kể từ Trần Thái-tông đến Trần Thiếu-đế, với 12 ông vua, được 175 năm, công việc trong nước sửa sang được nhiều, chính-trị luật-lệ đều chỉnh-đốn lại, học-hành thi-cử thi mở-mang rộng thêm ra. Lại chống với nhà Nguyên giữ được giang-sơn, lấy đất Chiêm-thành mở thêm bờ-cõi, thật là có công với nước Nam. Nhưng chỉ có điều luân-thường trong nhà thì bầy : có cháu, anh em, trong họ cứ lấy lẫn nhau, thật là trái với thể-tục.

Còn như cơ-nghiệp nhà Trần xiêu-đổ là tại vua Dụ-tông và vua Nghệ-tông. Dụ-tông thì hoang chơi, không chịu lo gì đến việc nước và lại làm loạn cả cương-kỷ để đến nỗi dân nghèo nước yếu. Nghệ-tông thì không biết phân-biệt hiền gian để kẻ quyền-thần được thể làm loạn, thành ra tự mình nổi giặc cho giặc, tự mình làm hại nhà mình vậy.

(8) Nay ở Thanh-hóa có nhiều nơi làm đền thờ Trần khát Chân.

CHƯƠNG XI

NHÀ HỒ

胡氏

(1400-1407)

I. HỒ QUI-LY

II. HỒ HÂN-THƯƠNG

1. Việc võ-bị
2. Việc sửa-thuế
3. Việc học-hành
4. Việc giao-thiệp với Chiêm-thành
5. Việc giao-thiệp với nhà Minh
6. Nhà Minh đánh họ Hồ
7. Thành Đa-bang thất-thủ
8. Trận Mộc-phàm-giang
9. Trận Hàm-tử-quan
10. Họ Hồ phải bắt

I. HỒ QUI-LY (1400)

Niên-hiệu: Thánh-nguyên 聖元

Qui Ly bỏ Thiếu-đế, nhưng vì tình châu ngoại cho nên không giết, chỉ giáng xuống làm Bảo-ninh đại-vương 保寧大王, rồi tự xưng làm đế, đổi họ là Hồ 胡. Nguyên họ Hồ là dòng-dõi nhà Ngu bên Tàu, cho nên Qui Ly đặt quốc-hiệu là Đại-ngu 大虞.

Bấy giờ vua Chiêm-thành là La Khải mới mất, con là Ba đích Lại mới nối nghiệp, Qui Ly nhân dịp ấy sai tướng là Đỗ Mãn 杜滿 làm thủy-quân đô-tướng, Trần Tùng 陳松 làm bộ-quân đô-tướng lĩnh 15 vạn quân đi đánh Chiêm-thành. Nhưng

Trần Tùng đem quân đi đường núi sang gần đất Chiêm-thành, cách thủy-quân xa, hai bên không tiếp-ứng được nhau, thành ra bộ-quân thiếu lương phải rút về. Trần Tùng về phải tội, đày ra làm lính.

Quý Ly làm vua chưa được một năm, muốn bắt-chước tục nhà Trần, nhường ngôi cho con là Hồ Hán-Thương 胡漢蒼 rồi làm Thái-thượng-hoàng để cùng coi việc nước.

II. HỒ HÁN-THƯƠNG (1401-1407)

Niên-hiệu: Thiệu-thành 紹成 (1401-1402)

Khai-dại 開大 (1403-1407)

1. VIỆC VỠ-BỊ. Hồ quý Ly đã nhường ngôi rồi, nhưng việc gì cũng quyết đoán ở mình cả. Hồ Hán Thương chỉ làm vua lấy vì mà thôi.

Nhà Hồ không làm vua được bao lâu, nhưng mà công việc sửa-sang cũng nhiều. Trước hết Hồ quý Ly chỉnh-đốn việc vỡ-bị: bề ngoài tuy lấy lễ mà đối-đãi với nhà Minh, nhưng vẫn biết nhà Minh có ý muốn dòm đất An-nam, cho nên thường cứ hỏi các quan rằng: «Ta làm thế nào cho có 100 vạn quân để đánh giặc Bắc?» Bèn lập ra hộ-tịch bắt người trong nước cứ hai tuổi trở lên thì phải biên vào sổ, ai mà ăn-lậu thì phải phạt. Đến lúc hộ-tịch làm xong rồi, số người từ 15 tuổi đến 60 tuổi hơn gấp mấy phần lúc trước. Từ đó số quân lại thêm ra được nhiều.

Còn như thủy-bình để giữ mặt sông, mặt bể thì Quý Ly bắt làm những thuyền lớn ở trên có sàn đi, ở dưới thì để cho người chèo-chống, thật tiện cho sự chiến-đấu.

Quý Ly lại đặt ra bốn kho để chứa đồ quân-khí và bắt những người xảo nghệ vào làm những đồ khí-giới.

Ở các cửa bể và những chỗ hiểm-yếu ở trong sông lớn đều bắt lấy gỗ đóng cọc để ngự-bị quân giặc.

Việc quân-chế thì nam bắc phân ra làm 12 vệ, đông tây phân ra 8 vệ. Mỗi vệ có 18 đội, mỗi đội có 18 người. Đại quân thì có 30 đội, trung quân thì có 20 đội. Mỗi doanh có 15 đội,

mỗi đoàn có 10 đội. Còn những cấm vệ, thì chỉ có 5 đội, có một người đại-tướng thống-lĩnh cả.

2. VIỆC SƯU - THUẾ. Những thuyền đi buôn-bán đều phải chịu thuế cả. Những thuyền hạng nhất mỗi chiếc phải 5 quan, hạng nhì 4 quan, hạng ba 3 quan.

Thuế điền thì ngày trước nhà Trần đánh thuế ruộng tư mỗi mẫu ba thăng thóc, ruộng dâu mỗi mẫu hoặc 9 quan, hoặc 7 quan. Thuế đinh thì mỗi người phải đóng 3 quan. Nay nhà Hồ định lại: ruộng tư điền thì phải đóng 5 thăng; còn ruộng dâu thì chia ra làm ba hạng: hạng nhất 5 quan, hạng nhì 4 quan, hạng ba 3 quan. Thuế đinh thì lấy ruộng làm ngạch: ai có 2 mẫu 6 sào trở lên thì phải đóng 3 quan, ai có kém số ấy được giảm bớt, ai không có ruộng, và những người cô-nhi quả-phụ thì được tha thuế.

3. VIỆC HỌC-HÀNH. Việc học-hành, thi-cử đều sửa-sang lại, lấy toán-học đặt thêm ra một trường nữa, nghĩa là trong những khoa thi, có đặt thêm ra một kỳ thi toán-pháp. Còn những cách thi, thì những người đã đỗ hương thí, sang năm sau phải vào bộ Lễ thi lại, ai đỗ thì mới được tuyển bổ, rồi qua năm sau nữa thì lại thi hội, bấy giờ có đỗ, thì mới được là Thái-học-sinh.

Nhà Hồ lại sửa hình-luật, và đặt ra y-tý để coi việc thuốc-thang.

4. VIỆC GIAO-THIỆP VỚI CHIÊM-THÀNH. Năm nhâm-ngọ (1402) tướng nhà Hồ là Đỗ Mãn đem quân sang đánh Chiêm-thành. Vua nước ấy là Ba đích Lại sai cậu là Bồ Điền sang dâng đất Chiêm-động (phủ Thăng-bình, tỉnh Quảng-nam) để xin bãi binh. Quí Ly lại bắt phải dâng đất Cồ-lự (Quảng-ngĩa) rồi phân đất ra làm châu Thăng 升, châu Hoa 花, châu Tư 思, châu Nghĩa 義, và đặt quan An-phủ-sứ để cai-trị bốn châu ấy. Lại bắt những dân có của mà không có ruộng ở các bộ khác đem vợ con vào ở để khai-khẩn đất những châu ấy, bởi vì khi vua Chiêm nhường đất Chiêm-động và Cồ-lự, người Chiêm đều bỏ đất mà đi cả.

Năm qui-mùi (1403) nhà Hồ lại muốn lấy những đất Bạt-gia, Hắc-bạch, và Sa-ly-nha về phía nam những đất đã nhường năm trước, bèn sai Phạm nguyên Khởi 范元規 và Đỗ Mãn 杜滿 đem thủy-bộ cả thảy 20 vạn quân sang đánh Chiêm-thành. Quân nhà Hồ vào vây thành Đồ-bàn hơn một tháng trời mà đánh không đổ, lương-thực hết cả, phải rút quân về. Lần này hao binh tổn tướng mà không có công-trang gì.

5. VIỆC GIAO-THIỆP VỚI NHÀ MINH. Khi Hồ Hán Thương mới lên ngôi, thì cho sứ sang nhà Minh nói dối rằng : vì chúng đông-dối nhà Trần không còn người nào nữa, cho nên cháu ngoại lên thay để quyền-lý việc nước.

Đến khi vua Thái-tổ nhà Minh mất, Hoàng-thái-tôn lên ngôi tức là vua Huệ-đế. Bấy giờ hoàng-thúc là Yên-vương Lê 燕王棣, đóng ở Yên-kinh, quyền to thế mạnh, có ý tranh ngôi của cháu, bèn khởi binh đánh lấy Kim-lăng, rồi lên làm vua, tức là vua Thành-tổ 成祖, đóng đô ở Yên-kinh (Bắc-kinh).

Khi Thành-tổ dẹp xong dư-đảng nhà Nguyên ở phía bắc rồi, có ý muốn sang lấy nước An-nam, cho nên nhân khi Hồ Hán Thương sai sứ sang xin phong, vua Thành-tổ sai quan là Dương Bội sang xem hư thực thế nào. Hồ quý Ly bèn bắt những quan viên phụ lão làm tờ khai nói y như lời sứ An-nam đã sang nói. Vì thế cho nên Thành-tổ không có cơ gì mà từ-chối, phải phong cho Hồ Hán Thương làm An-nam quốc-vương 安南國王.

Đến năm giáp-thân (1404) có Trần Khang 陳康 ở mạn Lão-quá đi đường Vân-nam sang Yên-kinh, đổi tên là Trần thiêm Bình 陳添平, xưng là con vua Nghệ-tông rồi kể rõ sự tình Hồ quý Ly tiếp nghịch. Vua Thành-tổ nhà Minh sai quan ngự-sử Lý Ý 李穡 sang tra-xét việc ấy. Lý Ý về tâu quả thật là họ Hồ làm điều thoán-đạo.

Từ đây nhà Minh muốn mượn tiếng đánh Hồ để lấy đất An-nam. Ở bên này cha con họ Hồ cũng biết ý ấy, hết sức tìm cách chống-giữ.

Nămất-dậu (1405) nhà Minh sai sứ sang đòi đất Lộc-châu. Trước Hồ qui Ly đã không chịu, sau phải cắt ra 59 thôn ở Cổ-lâu nhường cho Tàu.

Tuy vậy nhà Minh vẫn cứ trách nhà Hồ làm điều tiếm nghịch. Sứ nhà Hồ sang Tàu thì nhà Minh giữ lại, không cho ai về, lại cho người sang An-nam dò xem sơn xuyên đạo lộ hiểm-trở thế nào, để liệu đường tiến binh.

Họ Hồ biết thế nào rồi quân Minh cũng sang đánh, bèn sai đắp thành Đa-bang 多邦城 (bây giờ ở xã Cổ-pháp, huyện Tiên-phong, tỉnh Sơn-tây), bắt lấy gỗ đóng cọc ở sông Bạch-hạc để chặn đường quân Minh sang, và chia các vệ quân ở Đông-đô ra giữ mọi đường hiểm-yếu. Đoạn rồi hội cả nội ngoại bách quan văn võ lại bàn việc nên đánh hay là nên hòa. Người thì bàn đánh, người thì bàn hòa, nhưng Qui Ly nhất định đánh.

Từ khi Lý Ý trở về Tàu, nhà Hồ cho sứ sang dâng biểu tạ tội, và xin rước Trần thiêm Bình về. Và bấy giờ Thiêm Bình cứ kêu van với vua nhà Minh, xin cho đem binh sang đánh báo thù, vì vậy năm binh-tuất (1406) Minh Thành-tổ sai đốc-tướng là Hàn Quan 韓觀 và bọn Hoàng Trung 黃中 dẫn 5000 quân đưa Thiêm Bình về nước.

Khi Hồ qui Ly được tin ấy, liền sai tướng lên đón ở cửa Chi-lăng 支陵 đánh quân Minh, bắt được Thiêm Bình đem về giết đi. Đoạn rồi biết quân Minh tất lại sang, một mặt cho sứ sang biện-bạch việc Thiêm Bình nói dối, và xin theo lệ tiến cống như cũ, một mặt cho những công-hầu được quyền mộ những người đào vong làm lính, đặt thiên-hộ, bách-hộ để làm quản những lính mộ ấy. Và ở các cửa sông thì đóng cừ lại, để giữ quân giặc ở mặt bờ vào. Về phía nam ngạn sông Nhị-hà (tức là sông Hồng-hà) thì đóng cừ dài hơn 700 dặm. Lại sai dân ở Bắc-giang và Tam-đái sang làm nhà sấn ở phía nam sông lớn để phòng khi giặc đến, thì bỏ sang bên này mà ở.

6. NHÀ MINH ĐÁNH HỌ HỒ. Vua nhà Minh trước đã cho Hoạn-quan là Nguyễn Toán sang An-nam do-thăm,

biết nước ta phú-thịnh, đã có ý đánh lấy, cho nên thường cứ tìm chuyện để lấy cớ dấy binh. Nay nhân việc Hồ Hán Thương giết Thiêm Bình, vua Thành-tổ mới sai Thành-quốc-công là Chu Năng 成國公朱能 làm đại-tướng, Tân-thành-hầu là Trương Phụ 新成侯張輔, Tây bình-hầu là Mộc-Thanh 西平侯沐晟 làm tả-hữu phó-tướng, Phong-thành-hầu là Lý Bân 豐成侯李彬, Vân-dương-bá là Trần Húc 雲陽伯陳旭 làm tả-hữu tham-tướng, chia binh ra làm hai đạo sang đánh An-nam.

Khi quân nhà Minh đến Long-châu thì đại-tướng Chu Năng chết, phó-tướng Trương Phụ lên thay.

Đạo quân của Trương Phụ ở Quảng-tây đi từ đất Bằng-tướng sang đánh lấy cửa Ba-luy, tức Nam-quan bây giờ, rồi tiến sang phía tây-bắc về mé sông Cái (1). Còn đạo quân của Mộc Thanh ở Vân-nam theo đường Mông-tự sang đánh lấy cửa Phú-lĩnh (thuộc tỉnh Tuyên-quang) rồi tiến sang đến sông Thao. Cả hai đạo hội ở Bạch-hạc, đóng đồn ở bờ sông phía bắc.

Tuy rằng nhà Hồ trước đã phòng-bị, nhưng mà tướng nhà Minh biết rằng người An-nam không phục họ Hồ, bèn làm hịch kể tội họ Hồ, và nói rằng quân Tàu sang là để lập dòng-dõi nhà Trần lên, cứu cho dân khỏi sự khổ-sở. Trương Phụ sai viết hịch ấy vào những mảnh ván nhỏ bỏ xuống sông, trôi đến đâu, quân-sĩ An-nam bắt được, nhiều người không đánh và theo hàng quân Minh; vì thế cho nên quân Minh đi đến đâu đánh được đến đấy. Quân Hồ phải lui về giữ thành Đa-bang.

Ở chỗ thành Đa-bang, quân Hồ lập đồn-ài liên-tiếp ở phía nam sông Thao và sông Cái, tức là ở dọc sông Hồng-hà, rồi đóng cọc cắm ở giữa sông, thuyền-bè không đi lại được, có ý để cho quân Minh mỏi-mệt rồi sẽ đánh.

7. THÀNH ĐA-BANG THẮT THỦ. Quân Minh tiến lên mắc có thành Đa-bang ngăn-trở. Mộc Thanh mới bàn với Trương Phụ rằng: « Mọi nơi đồn An-nam đóng gần bờ sông,

(1) Sử chép là Phú-lương. Xem lời chú-thích ở trang 104.

quân sang không được, còn thành Đa-bang thì lũy cao hào sâu, nhưng mà ở đằng trước có bãi cát, quân có thể sang đấy được, và ta có đủ đồ chiến-cụ, nếu đánh thì tất thành ấy phải đổ». Trương Phụ bèn hạ lệnh rằng: « Quân kia trông cậy có thành này, mà ta lập công cũng ở đó; hễ quân-sĩ ai lên được trước thì sẽ có thưởng to!» Rồi ngay đêm hôm ấy đốt lửa thối tù-và làm hiệu, Trương Phụ, Hoàng Trung đánh mặt tây-bắc, Mộc Thạnh, Trần Tuấn đánh mặt đông-nam, dùng thang ván-thé đề lên thành; quân Hồ đánh không được phải lui vào thành, đến sáng hôm sau đào thành cho voi ra đánh. Quân Minh vẽ sư-tử trườn lên ngựa rồi xông vào và dùng súng bắn hăng lắm, voi sợ chạy trở vào, quân Minh theo sau voi chạy ò vào thành, quân Hồ thua to, phải bỏ chạy về Hoàng-giang (2). Quân Minh thừa thế đánh tràn xuống sông Cái, đốt sạch cả các đồn-ải, rồi tiến lên đánh lấy Đông-đô (tức là Thăng-long), bắt dân-bà con-gái, cướp lấy của cải, Bọn Trương Phụ tịch-trữ lương-thực, đặt quân làm việc, định kể ở lâu dài.

8. TRẬN MỘC-PHẨM GIANG. Qua tháng ba năm dinh-hội (1407) Mộc Thạnh biết rằng con trưởng Hồ quý Ly là Hồ nguyên Trưng 胡元澄 đóng ở Hoàng-giang, bèn đem thủy-lục cùng tiến lên đến hạ trại ở sông Mộc-phẩm (ở làng Mộc-phẩm, huyện Phú-xuyên tiếp với Hoàng-giang).

Hồ nguyên Trưng đem 300 chiếc thuyền ra đánh bị quân Mộc Thạnh ở hai bên bờ sông đánh ụp lại. Nguyên Trưng thua chạy về cửa Muộn-hải (ở Giao-thủy, Nam-định). Bấy giờ tướng nhà Hồ là Hồ Đổ 胡杜 và Hồ Xạ 胡射 cũng bỏ bến Bình-than (3) (ở làng Trần-xá, huyện Chí-linh, Hải-dương) chạy về cửa Muộn-hải để cùng với Nguyên Trưng tìm kế phá giặc; nhưng quân Minh sức đến, lại bỏ chạy ra giữ cửa Đại-an (thuộc phủ Nghĩa-hưng bây giờ).

(2) Hoàng-giang tức là khúc sông Hồng-hà thuộc Về huyện Nam-xang tỉnh Hà-nam bây giờ.

(3) Bến Bình-than là bến đò ngang từ làng Bình-than, Gia-bình, Bắc-ninh qua sông Thái-bình sang làng Trần-xá ở hữu-ngạn sông Kinh-thầy, thuộc phủ Nam-sách, Hải-dương.

Quân Minh ở Muộn-hải phải bệnh, lui về đóng ở bến Hàm-tử, để đợi quân Hồ lên sẽ đánh.

Bọn Hồ nguyên Trưng rước Quí Ly và Hán Thương ở Tây-dô ra, rồi đem quân lên Hoàng-giang để chống giữ với giặc.

9. TRẬN HÀM-TỬ-QUAN. Quân Hồ bấy giờ cả thủy và bộ được 7 vạn, giả xưng là 21 vạn, rồi phân quân bộ ra làm hai đạo đi men hai bên sông, quân thủy đi giữa, tiến lên Hàm-tử-quan. Vừa đi đến nơi bị quân Minh hai mặt xông lại đánh, quân bộ của nhà Hồ đương không nổi, bỏ chạy cả, phần thì hàng giặc, phần thì chạy xuống sông chết đuối. Còn thủy-quân thì chạy thoát được, nhưng bao nhiêu thuyền lương thì đắm mất cả.

Bấy giờ có quan An-phủ-sứ Bắc-giang tên là Nguyễn hy Chu 阮希周 bị quân Minh bắt được, không chịu hàng phải giết.

Hồ quí Ly và Hồ Hán Thương đưa bọn liều-thuộc chạy ra bờ, rồi về Thanh-hóa, vào đến Lôi-giang (tức là Mã-giang) gặp quân Minh đuổi đến, quân Hồ không đánh mà tan. Tướng nhà Hồ là Ngụy Thức 魏執 thấy thế nguy-cấp lắm, bảo Quí Ly rằng: «Nước đã mất, làm ông vua không nên để cho người ta bắt được, xin Bệ-hạ tự đốt mà chết đi còn hơn!» Quí Ly giận lắm, bắt Ngụy Thức chém, rồi chạy vào Nghệ-an.

10. HỌ HỒ PHẢI BẮT. Trương Phụ, Mộc Thạnh biết là Quí Ly chạy vào Nghệ-an, bèn đem binh đi đường bộ đuổi theo, lại sai Liễu Thăng 柳升 đem thủy-sư đi đuổi mặt thủy. Quí Ly vào đến cửa Kỳ-la (thuộc huyện Kỳ-anh, Hà-tĩnh) bị quân nhà Minh bắt được. Hán Thương và những con cháu họ Hồ đều bị giặc bắt được cả ở núi Cao-vọng. Những quan nhà Hồ, người thì ra hàng, người thì bị bắt, người thì không chịu nhục nhầy xuống sông tự-tử.

Nhà Hồ chỉ làm vua được từ năm canh-thìn (1400) đến năm đinh-hợi (1407), kể vừa 7 năm thì mất.

Xem công-việc của Hồ quý Ly làm thì không phải là một người tầm-thường, nhưng tiếc thay một người có tài kinh-tế như thế, mà giả sử cứ giúp nhà Trần cho có thi-chung, thì dẫu giặc Minh có thể mạnh đến đâu đi nữa, cũng chưa hầu dễ đã cướp được nước Nam, mà mình lại được cái tiếng thơm để lại nghìn thu. Nhưng vì cái lòng tham xui-khiến, hễ đã có thể-lực là sinh ra bụng muốn tranh quyền cướp nước. Bởi thế Hồ quý Ly mới làm sự thoán-đoạt, và nhà Minh mới có cái cớ mà sang đánh lấy nước An-nam. Cũng vì cái cớ ấy, cho nên lòng người mới bỏ họ Hồ mà theo giặc, để đến nỗi cha con họ Hồ thua chạy, bị bắt, phải đem thân đi chịu nhục ở đất nước người!

Nhưng đây là cái tội làm hại riêng cho một họ Hồ mà thôi, còn cái tội làm mất nước Nam, thì ai gánh-vác cho Quý Ly? May mà sau có một tay đại anh-hùng là vua Lê Thái-tổ hết sức ra tay trong hơn mười năm trời, cứu-vớt được người mình ra khỏi tay quân Tàu, chứ không thì cái khổ làm nô-lệ nước Tàu lại biết mấy mươi đời nữa mới giải-thoát được.

Hồ-Triều Thế-Phổ 胡朝世譜

1. Hồ quý Ly

胡季犛

Hồ nguyên Trừng

胡元澄

2. Hồ Hán Thương

胡漢蒼

CHƯƠNG XII
NHÀ HẬU TRẦN
陳 後
(1407-1413)

1. Nhà Minh chiếm-giữ đất An-nam
2. Giản-dịnh-đế
3. Trần Bồ-cô
4. Trần quý Khoách
5. Trương Phụ trở sang An-nam
6. Hóa-chấn thất thủ

1. NHÀ MINH CHIẾM - GIỮ ĐẤT AN-NAM. Nhà Minh không phải có yêu gì nhà Trần mà sang đánh nhà Hồ, chẳng qua là nhân lấy cái cơ nhà Trần mất ngôi mà đem binh sang lấy nước Nam. Lại nhân vì người An-nam ta hay có tính ỷ-lại, có việc gì thì chỉ muốn nhờ người, chứ tự mình không biết kiên-nhẫn, không có cố-găng mà làm lấy. Một ngày gì nữa mà còn lạ cái lòng hùm-beo của người Tàu, thế mà hễ khi nào trong nước có biến-loạn, lại chạy sang van lạy đề rước chúng sang. Khác nào đi rước voi về giày mò vậy.

Dẫu người Tàu có lòng vị nghĩa mà sang giúp mình nữa thì nghĩ cũng chẳng vơ-vang gì cái việc đi nhờ người ta, huống chi kỹ-thực thì lúc nào chúng cũng chực đánh lừa mình, như đánh lừa trẻ-con, để bóp cổ mình, thế mà người mình vẫn không biết cái đại, là tại làm sao ?

Tại là cái nghĩa dân với nước ta không có mấy người hiểu rõ. Nhà nào làm vua, cho cả nước là của riêng của nhà ấy; hễ ai lấy mất thì đi tìm cách lấy lại, lấy không được

thì lại đi nhờ người khác lấy lại cho, chứ không nghĩ đến cái lợi chung trước cái lợi riêng, cái quyền nước trước cái quyền nhà, thế cho nên mình cứ đại mãi, mà vẫn không biết là đại.

Xem như lúc còn nhà Trần, nhà Minh đã có ý lấy đất An-nam, sau nhà Trần mất rồi lại dùng lời nói khéo, và lấy tiếng *điều phạt* đem binh sang đánh họ Hồ. Đến khi bắt được cha con Hồ quý Ly rồi, lại bày kế để chiếm giữ đất An-nam : giả treo bằng gọi con cháu họ Trần, rồi bắt quan-lại và kỳ-lão làm tờ khai rằng : *Họ Trần không còn ai nữa và đất An-nam vốn là đất Giao-châu ngày trước, nay xin đặt quận huyện như cũ.*

Nhà Minh lấy cái cơ giả-dối ấy để chiếm-giữ lấy nước Nam, rồi chia đất ra làm 17 phủ là : Giao-châu, Bắc-giang, Lạng-giang, Lạng-sơn, Tân-an, Kiến-xương, Phong-hóa, Kiến-bình, Trấn-man, Tam-giang, Tuyên-hóa, Thái-nguyên, Thanh-hóa, Nghệ-an, Tân-bình, Thuận-hóa, Thăng-hoa, và 5 châu là : Quảng-oi, Tuyên-hóa, Qui-hóa, Gia-bình, Diên-châu.

Còn những nơi yếu-hại thì đặt ra 12 vệ để phòng giữ. Lại đặt ra ba ti là : *Bổ-chính-ti, Án-sát-ti, Chương-đô-ti*, và cả thầy ở trong nước lập ra 472 nha-môn để cai-trị, sai quan thượng-thư là Hoàng Phúc 黃福 coi cả *Bổ-chính-ti* và *Án-sát-ti*; Lữ Nghi 呂毅 chỉ *Chương-đô-ti*, Hoàng Trung 黃中 làm phó.

Vua quan nhà Hồ thì đều phải đem cả về Kim-lăng. Quý Ly về bên Tàu phải giam, rồi sau đây ra làm lính ở Quảng-tây, còn con-cháu và các tướng-sĩ thì được tha cả không phải tội.

Vua nhà Minh lại truyền cho Trương Phụ tìm kiếm những người ẩn-dật ở sơn-lâm, những kẻ có tài có đức, hay văn-học rộng, quen việc, hiểu toán-pháp, nói-năng hoạt-bát cùng những người hiểu-đề, những người lực-diễn mà mặt mũi khôi ngô, hoặc có gân-sức khỏe-mạnh, những người

thầy đồ, thầy bói, thầy thuốc v. v. để đưa sang Kim-lăng, ban thưởng cho phẩm-hàm, rồi cho về làm quan phủ, quan châu, hay là quan huyện. Bấy giờ những đồ bốn cạnh tranh nhau mà ra, duy chỉ có vài người như ông Bùi ứng Đầu 裴應頭, ông Lý tử Cầu 李子樵 biết liêm-si, không chịu ra làm quan với nhà Minh.

Công-việc xếp-đặt đầu vào đấy rồi, Lữ Nghi và Hoàng Phúc ở lại trấn đất Giao-chỉ, còn Trương Phụ và Mộc Thạnh đem quân về Tàu, đưa địa-đồ An-nam về dâng vua nhà Minh.

Bấy giờ tuy rằng nhà Minh đã chiếm-giữ đất An-nam, nhưng con cháu nhà Trần còn có người muốn khôi-phục nghiệp cũ, và nước ta còn có nhiều người không muốn làm nô-lệ nước Tàu, cho nên nhà Hậu Trần 後陳 lại hưng-khởi lên được mấy năm nữa.

2. GIẢN-ĐỊNH-ĐẾ (1407-1409). Khi trước Trương Phụ treo bảng gọi con-cháu nhà Trần là ý giả-dối để chực giết hại, cho nên không ai dám ra. Bấy giờ có Giản-định-vương 簡定王 tên là Quĩ 麒 con thứ vua Nghệ-tông chạy đến Mô-dô (thuộc làng Yên-mô, huyện Yên-mô, Ninh-bình) gặp Trần triệu Cơ 陳葵基 đem chúng đi theo, bèn xưng là Giản-định hoàng-đế, đề nối nghiệp nhà Trần, đặt niên-hiệu là Hưng-khánh 興慶.

Giản-định khởi nghĩa chống với quân Minh, nhưng vì quân mình là quân mới góp nhặt được, đánh không nổi, phải thua chạy vào Nghệ-an; bấy giờ có Đặng Tất 鄧悉 là quan nhà Trần, trước đã ra hàng Minh được làm đại tri-châu ở Hóa-châu, nay thấy Giản-định-đế khởi nghĩa, liền giết quan nhà Minh đi, rồi đem quân ra Nghệ-an để giúp việc khôi-phục. Lại ở đất Đông-triều có Trần nguyệt Hồ 陳月湖 cũng khởi binh đánh quân nhà Minh, nhưng chẳng được bao lâu mà phải bắt, còn dư đảng chạy vào Nghệ-an theo vua Giản-định. Vì vậy cho nên quân-thế của Giản-định mới mạnh lên. Ông Đặng Tất lại giết được hàng tướng nhà Minh là Phạm thế Cầm 范世幹 ở cửa Nhật-lệ. Lúc bấy giờ đất An-nam từ Nghệ-an trở vào lại thuộc về nhà Trần.

3. TRẦN BÔ-CÔ. Tháng chạp năm mậu-tý (1408) Giản-định-đế hội tất cả quân Thuận-hóa, Tân-bình, Nghệ-an, Diễn-châu, Thanh-hóa, rồi tiến ra đánh Đông-dô. Quân ra đến Trường sơn (Ninh-bình) thì các quan-thuộc và những kẻ hào-kiệt ở các nơi ra theo nhiều lắm.

Quan nhà Minh đem tin ấy về báo cho Minh-đế biết. Minh-đế sai Mộc Thạnh đem 4 vạn quân ở Vân-nam sang đánh dẹp. Mộc Thạnh cùng với quan đô-chưởng là Lữ Nghị vào đến bến Bô-cô 通姑 (thuộc xã Hiếu-cổ, huyện Phong-doanh) thì gặp quân Trần. Hai bên giao-chiến, vua Giản-định tự cầm trống thúc quân, tướng sĩ ai nấy hết sức xung đột, phá tan được quân nhà Minh, chém được Lữ Nghị ở trận tiền và đuổi Mộc Thạnh về đến thành Cổ-lộng (thành nhà Minh xây, bây giờ ở làng Bình-cách, huyện Ý-yên).

Bấy giờ vua Giản-định muốn thừa thắng đánh tràn ra để lấy lại Đông-quan (tức Đông-dô). Nhưng ông Đặng Tất ngăn lại muốn để đợi quân các lộ về đã, rồi sẽ ra đánh. Từ đó vua tôi không được hòa-thuận, vua Giản-định lại nghe người nói gièm, bắt Đặng Tất và quan tham-mưu là Nguyễn cảnh Chân đem giết đi, thành ra lòng người ai cũng chán-gán cả, không có lòng giúp rập nữa.

4. TRẦN QUI-KHOÁCH (1403-1413). Giặc nước hấy còn, mà vua tôi đã nghi-hoặc nhau, rồi đem giết hại những người có lòng vì nước, thật là tự mình gây nên cái vạ cho mình.

Bấy giờ con ông Đặng Tất là Đặng Dung 鄧容 và con ông Nguyễn cảnh Chân là Nguyễn cảnh Di 阮景異 thấy thân-phụ bị giết, đều bỏ vua Giản-định, đem quân bản bộ về Thanh-hóa rước vua Qui Khoách 李擴 vào huyện Chi-la 支羅 (tức là huyện La-sơn, Hà-tĩnh) rồi tôn lên làm vua, đặt niên-hiệu là Trùng-quang 重光.

Lúc ấy vua Giản-định đương chống nhau với quân nhà Minh ở thành Ngự-thiên (thuộc huyện Hưng-nhân). Qui-Khoách sai tướng là Nguyễn Sứ 阮師 ra đánh lên bắt đem về

Nghệ-an. Quý Khoách tôn Giản-định lên làm Thái-thượng-hoàng để cùng lo việc khôi-phục.

5. TRƯƠNG PHỤ TRỞ SANG AN-NAM. Vua nhà Minh thấy Mộc Thạnh bại binh, lại sai Trương Phụ làm thống-binh. Vương Hữu 王友 làm phó đem binh sang cứu viện.

Quân nhà Trần bấy giờ chia ra làm mấy đạo đi đánh dẹp các châu huyện ở mạn Hải-đương. Giản-định đóng quân ở Hạ-hồng (Ninh-giang), Quý Khoách đóng ở Bình-than.

Khi Trương Phụ sang đến nơi, tiến binh đánh đuổi, Giản-định đem binh thuyền chạy về đến huyện Mỹ-lương (giáp Sơn-tây và phủ Nho-quan) gặp quân Trương Phụ đuổi đến bắt được giải về Kim-lăng.

Giản-định bị bắt rồi, Quý Khoách ở Bình-than sai Đặng Dung đến giữ Hàm-tử-quan (huyện Đông-an, Hưng-yên). Nhưng quân của Đặng Dung thiếu lương, phải bỏ chạy. Quý Khoách thấy quân của Đặng Dung đã thua, liệu thế giữ không nổi, bèn bỏ Bình-than chạy về Nghệ-an.

Trương Phụ thắng trận, đi đến đâu giết hại quân dân, và làm những điều tàn-bạo gớm-ghe như là : xếp người thành núi, hoặc rút ruột người treo lên cây, hoặc nấu thịt người để lấy dầu. Còn những người An-nam ai tòng-phục nhà Minh mà giết được nhiều người bản-quốc thì được thưởng cho làm quan. Thật bấy giờ tha hồ cho bọn hung-ác đắc chí !

Năm canh-dần (1410) Trần quý Khoách cùng với bọn Nguyễn cánh Dị lại đem quân ra đánh quân Minh ở Hồng-châu, được thắng trận, rồi lại ra đóng ở Bình-than. Ở các nơi lại nổi lên đánh giết quân nhà Minh ; nhưng chỉ vì quân không có thống nhiếp, hiệu-lệnh bất nhất, cho nên đến khi quân giặc đến đánh, quân nhà Trần lại thua, phải chạy về Nghệ-an.

Trương Phụ một mặt đưa chiếu của vua Minh lấy lời giả nhân-nghĩa mà dụ quan-lại quân-dân, một mặt thì tiến quân vào đánh Trần quý Khoách.

Tháng tư năm quý-tị (1413) Trương Phụ đưa quân đánh Nghệ-an, quân Quý Khoách bấy giờ mười phần chỉ còn ba bốn, lương-thực lại không có, phải bỏ chạy vào Hóa-châu.

Trước Quý-Khoách đã mấy lần cho người sang Tàu cầu phong, Minh-đế không cho, đem giết sứ-thần đi. Nay Quý Khoách lại sai Nguyễn Biều 阮 表 ra cầu phong với Trương Phụ. Trương Phụ bắt giữ không cho về. Nguyễn Biều giận mắng Trương Phụ rằng: «Chúng bay trong bụng thì chỉ lo đường chiếm giữ, ngoài mặt lại giương tiếng đem quân nhân-nghĩa đi đánh-dẹp; trước thì nói sang lập họ Trần, sau lại đặt quận huyện để cai trị, rồi tìm kế để vơ-vét của-cải, ức-hiếp sinh-dân; chúng bay thật là đồ ăn cướp hung-ngược!» Trương Phụ tức giận đem giết đi.

6. HÓA-CHÂU THẮT THỦ. Đến tháng sáu năm quý-tị (1413) quân Trương Phụ vào đến Nghệ-an, quan Thái-phó nhà Hậu Trần là Phan qui Hữu 潘 季 祐 ra hàng, nhưng được mấy hôm thì mất. Trương Phụ cho con Quý Hữu là Liêu 僚 làm tri-phủ Nghệ-an. Phan Liêu muốn tâng công, Quý Khoách có bao nhiêu tướng tá người nào giỏi, người nào dở, quân-số nhiều ít, sơn-xuyên chỗ hiểm, chỗ không thể nào, khai cả cho Trương Phụ biết. Trương Phụ bèn quyết ý vào Hóa-châu, và hội chư tướng lại để bàn kế tiến binh.

Mộc Thanh nói rằng: «Hóa-châu núi cao bề rộng khó lấy lắm.»

Trương Phụ nhất định vào đánh cho được, nói rằng: «Ta sống cũng ở đất Hóa-châu này, mà chết cũng ở đất Hóa-châu này. Hóa-châu mà không lấy được thì không mặt mũi nào về trông thấy chúa-thượng!» Lập tức truyền cho quân thủy-bộ tiến vào đánh Hóa-châu.

Đến tháng chín, quân Trương Phụ vào đến Thuận-hóa, Nguyễn Súy và Đặng Dung nửa đêm đem quân đến đánh trại Trương Phụ. Đặng Dung đã vào được thuyền của Trương Phụ định dễ bắt sống lấy nhưng không biết mặt, vì thế Trương Phụ mới nhảy xuống sông lấy cái thuyền con mà chạy thoát được.

Bấy giờ quân nhà Trần ít lắm, Trương Phụ thấy vậy đem binh đánh úp lại, bọn Đặng Dung địch không nổi phải bỏ chạy.

Từ khi thua trận ấy rồi, Trần qui Khoách thế yếu quá không thể chống với quân giặc được nữa, phải vào ẩn-núp ở trong rừng núi. Chẳng được bao lâu Trần qui Khoách, Nguyễn cảnh Di, Đặng Dung, Nguyễn Sứ đều bị bắt, và phải giải về Yên-kinh cả. Đi đến giữa đường, Qui Khoách nhảy xuống bể tự-tử, bọn ông Đặng Dung cũng tử tiết cả.

Cha con ông Đặng Dung đều hết lòng giúp nước phò vua, tuy không thành công được, nhưng cái lòng trung-liệt của nhà họ Đặng cũng đủ làm cho người đời sau tưởng nhớ đến, bởi vậy hiện nay còn có đền thờ ở huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh.

Ông Đặng Dung có làm bài thơ thuật hoài như sau này, mà ngày nay còn có nhiều người vẫn truyền tụng:

世事悠悠奈老何

Thế sự du du nại lão hà!

無窮天地入酣歌

Vô cùng thiên địa nhập hăm ca.

時來屠釣成功易

Thời lai đồ điếu thành công dị,

事去英雄飲恨多

Sự khứ anh-hùng ồm hận đa.

致主有懷扶地軸

Trị chủ hữu hoài phù địa trục,

洗兵無路挽天河

Tây binh vô lộ vãn thiên hà.

國憐未復頭先白

Quốc thương vị phục đầu tiên bạch.

幾度龍泉帶月磨

Kỷ độ long tuyền đới nguyệt ma!

Dịch:

Việc đời bối-rối tuổi già vay,

Trời đất vô-cùng một cuộc say.

Bàn-tiền gập thời lên cũng dễ,

Anh-hùng lỗ bước ngấm càng cay.
Vai khiêng trái dẫu mong phò chúa,
Giáp gột sông trời khó vạch mây.
Thù trả chưa xong đầu đã bạc,
Gươm mài bóng nguyệt biết bao rày.

Nhà Hậu-Trần nổi lên toan đường khôi-phục, nhưng
hiềm vì nổi lòng người còn ly-tán, thế lực lại hèn-yếu, cho
nên chỉ được 7 năm thì mất.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG XIII

THUỘC NHÀ MINH

(1414 - 1427)

1. Việc chính-trị nhà Minh
2. Việc lễ-lự
3. Cách ăn-mặc
4. Sự học-hành
5. Việc trạm-dịch
6. Việc binh-linh
7. Phép hộ-thiệp và hoàng-sách
8. Việc thuế-mã
9. Việc sưu-dịch
10. Quan-lại

1. VIỆC CHÍNH-TRỊ NHÀ MINH. Trương Phụ lấy được châu Thuận-hóa và châu Tân-bình rồi, làm sổ biên số dân đinh ở hai châu ấy, đặt quan cai-trị và để quân-binh ở lại phòng giữ chỗ giáp-giới nước Chiêm-thành. Đến tháng 8 năm giáp-ngọ (1414) Trương Phụ và Mộc Thạnh về Tàu, đem những dân-bà con-gái về rất nhiều.

Bọn Hoàng Phúc 黃福 ở lại sửa-sang các việc trong nước để khiến cho người An-nam đồng-hóa với người Tàu. Lập ra đền-miếu, bắt người minh cúng-lễ theo tục bên Tàu, rồi từ cách ăn-mặc cho chí sự học-hành, việc gì cũng bắt theo như người Tàu cả. Còn cái gì là di-tích của nước mình như là sách-vở, thì thu-nhặt đem về Tàu hết sạch. Lại đặt ra thuế-lệ, bổ thêm sưu-dịch để lấy tiền-của, làm cho dân ta bấy giờ phải nhiều điều khổ-nhục.

2. VIỆC TẾ-TỰ. Hoàng phúc bắt các phủ, châu, huyện phải lập văn-miếu và lập bàn thờ bách thần, xã-tắc, sơn thần, phong-văn đề bốn mùa tế-tự.

3. CÁCH ĂN-MẶC. Bắt con-traí con-gái không được cắt tóc, đàn-bà con-gái thì phải mặc áo ngắn quần dài theo như người Tàu cả.

4. SỰ HỌC-HÀNH. Quan nhà Minh bắt mở nhà học ở các phủ, châu, huyện, rồi chọn những thầy Âm-dương, thầy thuốc, thầy chùa, đạo-sĩ, ai giỏi nghề gì thì làm cho quan để dạy nghề ấy.

Vua nhà Minh lại xuống chỉ truyền lấy Ngũ Kinh, Tứ Thư và bộ Tính-lý đại-toàn, sai quan đưa sang ban cấp cho người An-nam học ở các châu huyện, rồi lại sai thầy tăng và đạo-sĩ ở Tăng-đạo-ti (1) đi truyền giảng đạo Phật và đạo Lão. Còn bao nhiêu những sách-vở của nước Nam, từ nhà Trần về trước thì thu lấy cả rồi đem về Kim-lăng.

Cứ theo sách *Lịch-triều-hiến-chương văn-tịch-chi* 歷朝文藝志 của ông Phan huy Chú 潘輝注 thì những sách của nước Nam mà Tàu lấy về là những sách này :

Hình thư 刑書 của vua Thái-tông nhà Lý...	3 quyển
Quốc-triều thông lễ 國朝通禮 của vua	
Thái-tông nhà Trần	10 »
Hình-luật 刑律 của vua Thái-tông nhà Trần	1 »
Thường-lễ 常禮 niên-hiệu Kiến-trung	10 »
Khóa-hư tập 課虛集	1 »
Ngự-thi 御詩	1 »
Di-hậu lục 船後錄 của vua Thái-tông nhà	
Trần	2 »
Cơ-cửu lục 其義錄	1 »
Thi-tập 詩集	1 »
Trung-hưng thực-lục 中興實錄, Trần Nhân-tông	2 »
Thi-tập 詩集	1 »

(1) Nhà Minh bấy giờ không những là mở-mang Nho-học mà thôi, lại lập ra Tăng-cương-ti và Đạo-ký-ti để coi những việc thuộc về đạo Phật và đạo Lão.

Thủy-vân tùy-bút 水雲隨筆, Trần Anh-tông	2	»
Thi-tập 詩集, Trần Minh-tông	1	»
Trần-triều đại-diên 陳朝大典, Trần Dụ-tông	2	»
Bảo-hòa-diện dư-bút 葆和殿餘筆 Trần Nghe-tông	8 quyển	
Thi tập 詩集	1	»
Binh-gia yếu-lược 兵家要略 Trần Hưng-đạo	1	bộ
Vạn-kiếp bí-truyền 萬劫秘傳 Trần Hưng-đạo	1	»
Tứ-thư thuyết-ước 四書說約 Chu văn Trinh 朱文貞	1	»
Tiểu-ân thi 樵隱詩	1 tập	
Sâm-lâu tập 岑樓集, Uy-văn-vương Trần quốc Toại 陳國遼	1 quyển	
Lạc-đạo tập 樂道集 Chiêu-minh-vương Trần quang- Khải 陳光啟	1	»
Băng-hồ-ngọc-hác tập 冰壺玉壑集, Trần nguyên Đán 陳元旦	1	»
Giới-hiên thi-tập 介軒詩集, Nguyễn trung Ngạn 阮忠彥	1	»
Giáp-thạch-tập 峽石集, Phạm sư Mạnh 范師孟	1	»
Cúc-đường di-thảo 菊堂遺草 Trần nguyên Đào 陳元璫	2	»
Thảo-nhân-hiệu-tần 討閩效顰, Hồ tôn Vư 胡尊鶯	1	»
Việt-nam thế-chi 越南世志	1	bộ
Việt-sử cương-mục 越史綱目	1	»
Đại-việt sử-ký 大越史紀, Lê văn Hưu 黎文休	30 quyển	
Nhi-khe thi-tập 荃溪詩集, Nguyễn phi Khanh 阮飛卿	1	»
Phi-sa tập 披砂集, Hàn Thuyên 韓詮	1	»
Việt-diện-u-linh tập 越甸幽靈集, Lý tế Xuyên 李濟川	1	»

Những sách ấy bây giờ không biết mất đâu cả, không thấy quyền nào nữa, thật là một cái thiệt hại cho người nước mình.

Còn những người đi học, ở các phủ, châu, huyện, trước thi ở phủ mỗi năm 2 người, ở châu 2 năm 3 người, ở huyện mỗi năm 1 người, sau cải lại ở phủ mỗi năm 1 người, ở châu 3 năm 2 người, ở huyện 2 năm 1 người, được làm học trò tuế-cống cho vào học Quốc-tử-giám, rồi bỏ đi làm quan.

5. VIỆC TRẠM-DỊCH. Từ thành Đông-quan (tức là Hà-nội) cho đến huyện Gia-lâm, phủ Từ-sơn, thì đặt trạm để chạy giấy bằng ngựa; từ huyện Chi-linh, huyện Đông-triều cho đến phủ Vạn-ninh là nơi giáp đất Khâm-châu nước Tàu thì đặt trạm chạy giấy bằng thuyền.

6. VIỆC BÌNH-LÍNH. Việc bắt lính thì cứ theo sổ bộ mà bắt. Ở những nơi gọi là vệ-sở thì mỗi một hộ phải ba suất đinh đi lính, nhưng từ Thanh-hóa về nam người ở ít, thì mỗi hộ chỉ phải hai suất đinh đi lính mà thôi. Những chỗ nào mà không có vệ-sở thì lập đồn ở chỗ hiểm-yếu rồi lấy dân binh ra giữ.

7. PHÉP HỘ-THIỆP VÀ HOÀNG-SÁCH. Việc điền hộ ở An-nam bây giờ phải theo như lệ bên Tàu. Những dân đinh trong nước, thì ai cũng phải có một cái giấy biên tên tuổi và hương-quán để lúc nào có khám hỏi thì phải đưa ra. Cái giấy ấy biên theo như ở trong quyền sổ của quan giữ. Hễ giấy của ai mà không hợp như ở trong sổ thì người ấy phải bắt đi lính.

Việc cai-trị ở trong nước, thì chia ra làm *lý* 里 và *giáp* 甲. Ở chỗ thành-phố thì gọi là *phường* 坊; ở chung-quanh thành-phố thì gọi là *tương* 厢; ở nhà quê thì gọi là *lý*. *Lý* lại chia ra *giáp*.

Cứ 110 hộ làm một *lý* và 10 hộ làm một *giáp*. *Lý* thì có *lý-trưởng*, *giáp* thì có *giáp-thủ*.

Mỗi một năm có người làm *lý-trưởng* coi việc trong *lý*.

Mỗi một *lý*, một *phường* hay là một *tương* có một quyền sách để biên tất cả số đinh số điền vào đấy. Còn những người tàn-tật có-quả thì biên riêng ra ở sau, gọi là *kỳ-linh* 畸零. Ở đầu quyền sách lại có cái địa-đồ.

Khi nào quyền sở ấy xong rồi, thì biên ra làm 4 bản, một bản có bìa vàng, cho nên gọi là hoàng-sách 黃冊 để gửi về bộ Hộ, còn 3 bản bìa xanh, thì để ở bộ-chính-ti, ở phủ và huyện, mỗi nơi một bản.

Cứ mười năm lại tùy số đinh-diễn hơn lên hay là kém đi thế nào, phải làm lại cái mẫu sổ khác, gửi đi cho các lý, phường và tương để cứ theo mẫu ấy mà làm.

Bấy giờ lý-trưởng và giáp-thủ phải đập-dánh cực khổ lắm.

8. VIỆC THUẾ-MÁ. Phép nhà Minh đánh thuế cứ mỗi mẫu ruộng phải nộp năm thăng thóc, mỗi một mẫu bãi để trồng dâu phải nộp một lạng tơ, và mỗi cân tơ phải nộp một tấm lụa.

Lại đặt ra thuế muối. Dân mà nấu muối mỗi một tháng được bao nhiêu phải đưa vào để ở tòa Đề-cử, đợi khi nào tòa Bộ-chính khám rồi mới được bán. Ai mà nấu lậu hay là bán lậu thì cũng phải phạt như nhau.

Ở châu, huyện nào cũng có một tòa Thuế-khoá để thu thuế.

9. VIỆC SƯU-DỊCH. Phàm những chỗ nào có mỏ vàng mỏ bạc thì đặt quan ra để đốc dân phu đi khai mỏ. Những chỗ rừng núi, thì bắt dân đi tìm ngà voi, sừng tê; ở chỗ gần bể, thì bắt dân phải đi mò ngọc trai. Còn những thổ-sản như: hồ-tiêu, hương-liệu cũng bắt cống nộp. Đến những hươu, voi, rùa, chim, vượn, rắn, cái gì cũng vơ-vét đem về Tàu.

Từ khi bọn Lý Bân 李彬, Mã Kỳ 馬騏 sang thay Trương Phụ, dân ta bị bọn ấy sách-nhiều thật là khổ-sở.

10. QUAN-LẠI. Trừ những quan-lại ở bên Tàu sang cai-trị ra không kể, những người An-nam như những tên Nguyễn Huân 阮勳, Lương nhữ Hốt 梁汝芴, Đỗ duy Trung 杜維忠 theo hàng nhà Minh, khéo đường xu-nịnh, được làm quan to, lại càng ỷ thế của giặc, làm những điều tàn-bạo

hung-ác hơn người Tàu. Và, trong những lúc biến-loạn như thế, thì những đồ tham-tàn gian-ác, không có nghĩa-khí, không biết liêm-sĩ, lại càng đặc chí lắm, cho nên dân-tính cực-khổ, lòng người sầu-oán. Cũng vì lẽ ấy, có nhiều kẻ tức giận nổi lên đánh phá, làm cho trong nước không lúc nào được yên-ổn.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG XIV

MƯỜI NĂM ĐÁNH QUÂN TÀU

(1418-1427)

1. Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam-sơn
2. Về Chi-linh lần thứ nhất
3. Về Chi-linh lần thứ hai
4. Bình-định-vương về đóng Lư-sơn
5. Bình-định-vương về đóng Lỗ-giang
6. Nguyễn Trãi
7. Bình-định-vương phá quân Trần Tri
8. Về Chi-linh lần thứ ba
9. Bình-định-vương hết lương phải hòa với giặc
10. Bình-định-vương lấy đất Nghệ-an
11. Vây thành Tây-dô
12. Lấy Tân-bình và Thuận-hòa
13. Quân Bình-định-vương tiến ra Đông-dô
14. Trận Tây-dông: Vương Thông thất thế
15. Vây thành Đông-dô
16. Vương Thông ước hòa lần thứ nhất
17. Bình-định-vương đóng quân ở Bồ-dề
18. Bình-định-vương đặt pháp-luật để trị quân dân
19. Trận Chi-lăng: Liễu Thăng tử trận
20. Vương Thông xin hòa lần thứ hai
21. Trần Cao đẳng biểu xin phong
22. Tờ bình Ngô đại cáo

1. LÊ LỢI KHỞI NGHĨA Ở LAM-SƠN. Từ khi nhà Minh sang cai-trị An-nam, dân ta phải khổ-nhọc trăm đường, tiếng oan không kêu ra được, lòng tức giận ngấm-nghĩa ở trong tâm-can, chỉ mong-mỏi ra cho khỏi đồng than lửa. May lúc ấy có một đấng anh-hùng nổi lên, kéo cờ nghĩa

để chống với giặc Minh, trong 10 năm lấy lại được giang-sơn cũ, và xây-đắp lại nền độc-lập cho Nước Nam.

Đấng anh-hùng ấy, người ở làng Lam-sơn, huyện Thụy-nguyên, phủ Thiệu-hóa, tỉnh Thanh-hóa, họ Lê 黎, tên là Lợi 利. Đã mấy đời làm nghề canh-nông, nhà vẫn giàu có, lại hay giúp-đỡ cho kẻ nghèo-khó, cho nên mọi người đều phục, và những tòi-tở ước có hàng nghìn người. Ông Lê Lợi 黎利 khảng-khải, có chí lớn, quan nhà Minh nghe tiếng, đã dỗ cho làm quan, nhưng ông không chịu khuất, thường nói rằng: *« Làm trai sinh ở trên đời, nên giúp nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn đời, chứ sao lại chịu bo bo làm đầy-tớ người! »*. Bèn giấu tiếng ở chỗ sơn-lâm, đón mời những kẻ hào-kiệt, chiêu-tập những kẻ lưu-vong.

Đến mùa xuân năm mậu-tuất (1418) đời vua Thành-tô nhà Minh, niên-hiệu Vĩnh-lạc thứ 16, ông Lê Lợi cùng với tướng là Lê Thạch 黎石 và Lê Liễu 黎柳 khởi binh ở núi Lam-sơn 藍山, tự xưng là Bình-định-vương 平定王, rồi truyền hịch đi gần xa kể tội nhà Minh để rõ cái mục-đích của mình khởi nghĩa đánh kẻ thù của nước.

Việc đánh giặc Minh tuy là thuận lòng người và hợp lẽ công-bằng, nhưng mà thế-lực của Bình-định-vương lúc đầu còn kém lắm, tướng-sĩ thì ít, lương-thực không đủ. Dầu có dùng kế đánh được đôi ba trận, nhưng vẫn không có đủ sức mà chống-giữ với quân nghịch, cho nên phải về núi Chí-linh 至靈山 (1) ba lần, và phải nguy-cấp mấy phen, thật là gian-

(1) Sách « Khâm-định thông-giám » chép là núi Chí-linh này ở phủ Trấn-định, tỉnh Nghệ-an, tức là ở vào đất Cam-môn, Cam-cát giáp tỉnh Hà-tĩnh. Nhưng xem kỹ địa-đồ thì vua Thái-tổ khởi binh ở Lam-sơn, thuộc huyện Thụy-nguyên, phủ Thiệu-hóa, và lúc ấy vẫn lui tới ở vùng Lạc-thủy, tức là Cẩm-thủy và ở vùng Nga-sơn. Vậy thì núi Chí-linh này không phải ở miền Trấn-định, mà chắc là chỉ ở trong vùng Thanh-hóa mà thôi. Xem như khi ngài thua ở Chí-linh thì chạy về Lu-sơn ở châu Quan-hóa, thuộc phủ Quảng-hóa thì biết. Và lại ngài khởi nghĩa từ năm mậu-tuất (1418) mà mãi đến năm giáp-thìn (1424) thì ngài mới

truân vất-vả. Sau nhờ hồng-phúc nước Nam, Bình-định-vương lấy được đất Nghệ-an, rồi từ đó mới có thể vẫy-vùng, đánh ra mặt Bắc, lấy lại được giang-sơn nước nhà.

2. VỀ CHÍ-LINH LẦN THỨ NHẤT. Khi quan nhà Minh là Mã-kỳ 馬騏 ở Tây-dô, nghe tin Bình-định-vương nổi lên ở núi Lam-sơn, liền đem quân đến đánh. Vương sang đóng ở núi Lạc-thủy (Cầm-thủy, phủ Quảng-hóa) để đợi quân Minh. Đến khi quân Mã Kỳ đến, phục binh của vương đổ ra đánh, đuổi được quân nghịch, nhưng vì thế yếu lắm chống giữ không nổi, vương phải bỏ vợ con để giặc bắt được, đem bại binh chạy về đóng ở núi Chí-linh.

3. VỀ CHÍ-LINH LẦN THỨ HAI. Tháng tư năm kỷ-hợi (1419) Bình-định-vương lại ra đánh lấy đồn Nga-lạc (thuộc huyện Nga-sơn, Thanh-hóa) giết được tướng nhà Minh là Nguyễn Sao 阮抄, nhưng quân của vương bấy giờ hãy còn ít, đánh lâu không được, lại phải rút về Chí-linh.

Quan nhà Minh biết rằng Chí-linh là chỗ Bình-định-vương lui tới, bèn đem binh đến vây đánh. Vương bị vây nguy-cấp lắm, mới hỏi các tướng rằng: có ai làm được như người Kỷ Tín 紀信 ngày trước chịu chết thay cho vua Hán Cao không? Bấy giờ có ông Lê Lai 黎來 liều mình vì nước, xin mặc thay áo ngự bào cưỡi voi ra trận đánh nhau với giặc. Quân nhà Minh tưởng là Bình-định-vương thật, xúm nhau lại vây đánh, bắt được giết đi rồi rút quân về Tây-dô.

4. BÌNH-ĐỊNH-VƯƠNG VỀ ĐÓNG LƯ-SƠN. Vương nhờ có ông Lê Lai chịu bỏ mình cứu chúa, mới trốn thoát được nạn lớn, rồi một mặt cho người sang Ai-lao cầu-cứu, một mặt thu-nhặt những tàn quân về đóng ở Lư-sơn 麓山 (ở phía tây châu Quan-hóa).

Ngay năm ấy, ở Nghệ-an có quan Tri-phủ là Phan Liêu 潘僚 làm phản nhà Minh; ở Hạ hồng có Trịnh công Chứng 鄭公證, Lê Hành 黎行; ở Khoái-châu có Nguyễn Đặc 阮特;

bản sự đi đánh mạn Nghệ-an, như thế mà nói rằng núi Chí-linh ở phủ Trấn-dịnh, tức là xứ Ngọc-ma ngày trước, ở phía nam tỉnh Nghệ-an bấy giờ, thì chắc là lầm.

ở Hoàng-giang, có Nguyễn đa Cầu 阮多橋 Trần Nhuế 陳蒨; ở Thủy-dương, có Lê Ngã 黎銀, nổi lên làm loạn, quân nhà Minh phải đi đánh dẹp các nơi cho nên Bình-định-vương ở vùng Thanh-hóa cũng được nhân dịp mà dưỡng uy sức nhuệ.

5. BÌNH-ĐỊNH-VƯƠNG VỀ ĐÓNG LỖI-GIANG. Năm canh-ti (1420) Bình-định-vương đem quân ra đóng ở làng Thôi, định xuống đánh Tây-đô, tướng nhà Minh là Lý Bân được tin ấy, đem quân đến đánh, đi đến chỗ Thi-lang, bị phục binh của vương đánh phá một trận, quân Minh bỏ chạy. Vương lại đem quân lên đóng ở Lỗi-giang 嘉江 (2) và ở đồn Ba-lâm. Quân Minh phải lùi về đóng ở Nga-lạc và Quan-du để phòng giữ Tây-đô.

6. NGUYỄN TRÃI. Khi Bình-định-vương về đánh ở Lỗi-giang, thì có ông Nguyễn Trãi 阮薦 (3) vào yết-kiến, dâng bài sách bình Ngô, vua xem lấy làm hay, dùng ông ấy làm tham-mưu.

Ông Nguyễn Trãi là con ông Bổng-nhân Nguyễn phi Khanh 阮飛卿. Đời nhà Hồ, ông đã thi đỗ tiến-sĩ (1400). Khi ông Nguyễn phi Khanh bị nhà Minh bắt về Kim-lăng, ông theo khóc, lên đến cửa Nam-quan không chịu trở lại. Ông Phi Khanh bảo rằng: « Con phải trở về mà lo trả thù cho cha, rửa thẹn cho nước, chứ đi theo khóc-lóc mà làm gì? » Từ đó ông trở lại, ngày đêm lo việc phục thù. Nay ra giúp Bình-định-vương bày, mưu định kế để lo sự bình-định.

7. BÌNH-ĐỊNH-VƯƠNG PHÁ QUÂN TRẦN TRÍ. Đến tháng 11 năm tân-sửu (1421) tướng nhà Minh là Trần Trí 陳智 đem mấy vạn quân đến đánh Bình-định-vương ở đồn Ba-lâm, lại ước với người Lào sang cùng đánh hai mặt. Vương mới hội các tướng lại bàn rằng: Quân kia tuy nhiều,

(2) Lỗi-giang là tên một khúc sông Mã-giang ở vùng trên huyện Cẩm-thủy.

(3) Ông Nguyễn Trãi là cháu ngoại ông Trần nguyên Hãn, bởi vậy ông cùng với Trần nguyên Hãn có tình thân.

Ông Nguyễn Trãi và ông Trần nguyên Hãn là người đại công-thần nhà Lê, sau đều bị giết hại cả.

nhưng ở xa đến, còn đang nhọc-mệt, ta nên đưa quân ra đón đánh tất là phải được. Bàn xong, đến đêm đem quân vào cướp trại Minh, giết được hơn 1.000 người, Trần Trí thấy vậy giận lắm, sáng hôm sau truyền lệnh kéo toàn quân đến đánh. Quân An-nam đã phục sẵn trước rồi, thấy quân Minh đến, liền đổ ra đánh hăng quá, quân Minh lại phải lui về.

Đang khi hai bên còn đối địch, có ba vạn người Lào giả xưng sang làm viện binh cho Bình-định-vương. Vương không biết là dối, quân Lào nửa đêm kéo đến đánh, tướng của vương là Lê Thạch 黎石 bị tên bắn chết. Nhưng mà quân ta giữ vững đồn trại, quân Lào phải lui về.

8. VỀ CHÍ-LINH LẦN THỨ BA. Sang năm sau là năm nhâm-dần (1422) Bình-định-vương tự dẫn Ba-lâm tiến lên đánh đồn Quan-gia, bị quân Minh và quân Lào hai mặt đánh lại, phải thua chạy về giữ đồn Khởi-sách. Quân Minh và quân Lào thừa thế đổ đến vây kín bốn mặt. Vương thấy thế nguy quá, mới bảo các tướng rằng : « Quân giặc vây kín rồi, nếu không liều sống chết đánh tháo lấy đường chạy ra, thì chết cả ! » Quân-sĩ ai nấy đều cố sức đánh phá, quân giặc phải lui. Vương lại đem quân về núi Chí-linh.

Từ khi Bình-định-vương đem binh về Chí-linh, lương-thực một ngày một kém, trong hai tháng trời quân-sĩ phải ăn rau ăn cỏ, có bao nhiêu voi ngựa làm thịt ăn hết cả. Tướng-sĩ mỏi-mệt, đều muốn nghỉ-ngoi, xin vương hãy tạm hòa với giặc. Vương bất-đắc-dĩ sai Lê Trần 黎陳 đi xin hòa. Quan nhà Minh bấy giờ thấy đánh không lợi, cũng thuận cho hòa.

9. BÌNH-ĐỊNH-VƯƠNG HẾT LƯƠNG PHẢI HÒA VỚI GIẶC. Năm quý-mão (1423) Bình-định-vương đem quân về Lam-sơn. Bấy giờ tướng nhà Minh là bọn Trần Trí 陳智, Sơn Thọ 山壽 thường hay cho vương trâu, ngựa, cá mắm và thóc lúa ; vương cũng cho Lê Trần đưa vàng bạc ra tạ. Nhưng sau bọn Trần Trí ngờ có bụng giả-dối, bắt giữ Lê Trần lại, không cho về, vì vậy vương mới tuyệt giao không đi lại nữa, rồi đem quân về đóng ở núi Lư-sơn 麓山.

10. BÌNH-ĐỊNH-VƯƠNG LẤY ĐẤT NGHỆ-AN. Năm giáp-thìn (1424) Bình-định-vương hội các tướng bàn kế tiến thủ. Quan thiếu-úy là Lê Chích 黎 隻 nói rằng: «Nghệ-an là đất hiểm-yếu, đất rộng người nhiều, nay ta hãy vào lấy Trà-long 茶 隆 (phủ Trương-duy) rồi hạ thành Nghệ-an, để làm chỗ trú chân đã, nhiên-hậu sẽ quay trở ra đánh lấy Đông-dò, như thế thiên-hạ có thể bình được.»

Vương cho kế ấy là phải, bèn đem quân về nam, đánh đồn Đa-căng 多 耕, tướng nhà Minh là Lương nhữ Hốt 梁 汝 紇 bỏ chạy.

Lấy được đồn Đa-căng rồi, vương tiến quân vào đánh Trà-long, đi đến núi Bồ-liệp, ở phủ Qui-châu, gặp bọn Trần Trí 陳 智, Phương Chính 方 政 đem binh đến đánh, vương bèn tìm chỗ hiểm phục sẵn; khi quân Minh vừa đến, quân ta đổ ra đánh, chém được tướng nhà Minh là Trần Trung 陳 忠, giết được sĩ-tốt hơn 2.000 người, bắt được hơn 100 con ngựa. Quân Minh bỏ chạy, vương đem binh đến vây đánh Trà-long. Quan Tri-phủ là Cầm Bành 琴 彭 chờ cứu binh mãi không được, phải mở cửa thành ra hàng.

Từ khi Bình-định-vương khởi nghĩa cho đến giờ, đánh với quân nhà Minh đã nhiều phen, được thua đã trải qua mấy trận, nhưng quan nhà Minh vẫn lấy làm khinh-thường, cho nên không tâu về cho Minh-triều biết. Bấy giờ Hoàng Phúc 黃 福 về Tàu rồi, vua nhà Minh sai Binh-bộ Thượng-thư là Trần Hiệp 陳 洽 sang thay.

Trần Hiệp thấy Bình-định-vương lấy được châu Trà-long, thanh-thế lừng-lẫy, bèn vội vàng làm sớ tâu cho vua nhà Minh biết. Minh-đế mới xuống chiếu trách mắng bọn Trần Trí, Phương Chính, bắt phải dẹp ngay cho yên giấc ấy. Bọn Trần Trí sợ-hải đem cả thủy bộ, cùng tiến lên đánh Bình-định-vương.

Vương sai Đinh Liệt 丁 列 đem 1.000 quân đi đường tắt ra giữ Đồ-gia (4), còn vương thì đem cả tướng-sĩ đến ở mạn

(4) Vào quãng gần đồn Linh-cảm, huyện Hương-sơn, Hà-tĩnh.

thượng-du đất Khả-lưu 可流 ở bắc ngạn sông Lam-giang (thuộc huyện Lương-sơn), rồi tìm chỗ hiểm-yếu phục binh để đợi quân Minh.

Khi quân Minh đã đến Khả-lưu, vương bèn sai người, ban ngày thì kéo cờ đánh trống, ban đêm thì bắt đốt lửa để làm nghi binh, rồi cho binh sang bên kia sông phục sẵn. Sáng hôm sau quân Minh tiến lên bị phục binh bốn mặt đổ ra đánh, tướng nhà Minh là Chu Kiệt 朱傑 phải bắt, Hoàng Thành 黃城 phải chém, còn quân-sĩ bỏ chạy cả. Trần Trí phải thu quân về giữ thành Nghệ-an.

Tháng giêng năm Ất-tị (1425) vương đem binh về đánh thành Nghệ-an, đi đến làng Đa-lôi ở huyện Thổ-du (bây giờ là huyện Thanh-chương) dân sự đưa trâu đưa rượu ra đón rước, già trẻ đều nói rằng: không ngờ ngày nay lại thấy uy-nghi nước cũ. Bấy giờ lại có quan tri-phủ Ngọc-ma (phủ Trấn-định) là Cầm Qui 琴奇 đem binh-mã về giúp.

Wương bèn xuống lệnh rằng: «Dân ta lâu nay đã phải khổ-sở về chính-trị bạo-ngược của người Tàu, quân ta đi đến đâu cấm không được xâm-phạm đến chút gì của ai. Những gạo thóc trâu bò mà không phải là của người nhà Minh thì không được lấy». Đoạn rồi, phân binh đi đánh lấy các nơi, đi đến đâu các quan châu huyện ra hàng cả, đều tình-nguyện đi đánh thành Nghệ-an. Vương bèn đem quân về vây thành; quân Minh hết sức giữ-gìn không dám ra đánh.

Đương khi vây đánh ở Nghệ-an, tướng nhà Minh là Lý An 李安 ở Đông-quan đem quân đi đường bẻ vào cứu. Quân của Trần Trí ở trong thành cũng đổ ra đánh, vương nhử quân Minh đến cửa sông Độ-gia, rồi dùng phục binh đánh tan quân giặc. Trần Trí bỏ chạy về Đông-quan, còn Lý An vào giữ thành, vương lại đem quân về vây thành.

11. VÂY THÀNH TÂY-ĐỒ. Đến tháng năm, vương sai quan Tư - không là Đinh Lễ 丁禮 đem binh đi đánh Diễn-châu, Đinh Lễ đi vừa đến nơi, thì gặp tướng nhà Minh là Trương Hùng 張雄 đem 300 chiếc thuyền lương ở Đông-quan mới vào, quân ở trong thành ra tiếp, bị phục binh của Đinh Lễ đánh đuổi. Bao nhiêu thuyền lương Đinh Lễ cướp

lấy được cả, rồi đuổi Trương Hùng ra đến Tây-dô. Bình-định-vương được tin ấy liền sai Lê Sát 黎察 và Lưu nhân Chú đem binh ra tiếp ứng Đinh Lễ. Đinh Lễ nhân dịp tiến lên vây thành Tây-dô.

12. LẤY TÂN-BÌNH VÀ THUẬN-HÓA. Qua tháng bảy, vương sai quân Tư-dồ Trần nguyên Hãn 陳元幹 (5) Thượng-tướng Lê Nỗ 黎努 đem hơn một nghìn quân vào lấy châu Tân-bình và châu Thuận-hóa. Đi đến Bồ-chinh thì gặp tướng nhà Minh là Nhâm Năng 壬能, hai bên đánh nhau, quân nhà Minh bị phục binh đánh chạy tan cả. Bấy giờ lại có đạo thủy-quân của Lê Ngân 黎銀 đem hơn 70 chiếc thuyền đi đường bể vào, Trần nguyên Hãn liền đem cả thủy-bộ tiến lên đánh hạ được hai thành ấy, mộ thêm mấy vạn tinh-binh đưa ra đánh mặt bắc.

Từ đây binh-thế của Bình-định-vương một ngày một mạnh, các tướng tôn ngài lên làm « Đại thiên hành-hóa 代天行化 », nghĩa là thay trời làm mọi việc.

13. QUÂN BÌNH-ĐỊNH-VƯƠNG TIẾN RA ĐÔNG-ĐÔ. Năm bính ngọ (1426) vương thấy tinh-binh của nhà Minh ở cả Nghệ-an, ở ngoài Đông-dô không có bao nhiêu người, bèn sai Lý Triện 李篆, Phạm văn Xảo 范文巧, Trịnh Khả, Đỗ Bí ra đánh Quốc-oai, Quảng-oai, Gia-hưng, Qui-hóa, Đà-giang, Tam-dải (Bạch-hạc), Tuyên-quang để chặn đường viện binh ở Vân-nam sang. Sai Lưu nhân Chú và Bùi Bị 裴備 ra đánh Thiên-trường, Kiến-xương, Tân-hưng, Thương-hồng (Bình-giang), Hạ-hồng (Ninh-giang), Bắc-giang, Lạng-giang, để chặn đường viện binh ở Lưỡng-Quảng sang. Lại sai Đinh Lễ 丁禮, Nguyễn Xi 阮熾 đem binh đi thẳng ra đánh Đông-quan.

Quân của Bình-định-vương đi đến đâu giữ kỷ-luật rất nghiêm, không xâm-phạm đến của ai chút gì, cho nên ai ai cũng vui lòng theo phục. Bọn Lý Triện lấy được Quốc-oai và Tam-dải rồi đem quân về đánh Đông-quan.

(5) Trần nguyên Hãn, có nơi chép là Trần Hãn, là cháu Trần nguyên Đán, đồng-đối Trần quang Khải.

Quan tham-tướng nhà Minh là Trần Trí đem binh ra đóng ở Ninh-kiều (6) (phía tây phủ Giao châu) và ở Ứng-thiên (?) để chống giữ; quân Lý Triện đến đánh, Trần Trí thua chạy về đóng ở phía tây sông Ninh-giang (khúc trên sông Đáy.) Chợt có tin báo rằng có hơn một vạn quân Văn-nam sang cứu, Lý Triện sợ đề hai đạo quân của Minh hợp lại thì khó đánh, bèn bảo Phạm văn Xảo đem hơn một nghìn người đi đón chặn đường quân Văn-nam; còn mình cùng với Đỗ Bí đem quân đến đánh Trần Trí. Trần Trí thua chạy; bọn Lý Triện đuổi đến làng Nhân-mục bắt được tướng nhà Minh là Vi Lang 韋亮 chém được hơn 1.000, rồi lại quay trở về Ninh-giang hợp binh với Văn Xảo để đánh quân Văn-Nam.

Phạm văn Xảo đến cầu Xa-lộc (?) thì gặp quân Văn-nam sang, đánh một trận, quân nghịch thua chạy về giữ thành Tam-giang.

Trần Trí thấy thế ở Đông-quan yếu lắm bèn viết thư vào Nghệ-an gọi Phương Chính đem binh ra cứu, đề giữ lấy chỗ căn bản. Phương Chính được thư bèn sai Thái Phúc 泰福 ở lại giữ thành Nghệ-an, rồi đem quân xuống thuyền đi đường bể ra Đông-quan.

Bình-định-vương nghe tin ấy, liền sai Lê Ngân 黎銀, Lê văn an 黎文安, Lê Bồi 黎孟, Lê Thận 黎慎, Lê văn Linh 黎文靈 ở lại vây thành Nghệ-an; vương tự đem đại quân cả thủy bộ đuổi theo Phương Chính ra bắc. Ra đến Thanh-hóa vương đem binh vào đánh thành Tây-dô, nhưng quân Minh giữ vững thành-trì đánh không được, vương đem quân đến đóng ở Lỗi-giang.

14. TRẦN TỤY-ĐỘNG: *Vương Thông thất thế.* Từ khi Bình-định-vương ở Lư-sơn vào đánh Nghệ-an đến giờ đánh đâu được đấy, thanh-thế lừng-lẫy, quân Minh khiếp sợ,

(6) Những tên Ninh-kiều, Ninh-giang, Ứng-thiên chắc là ở vùng huyện Từ-liêm, huyện Thanh-oai, về quãng sông Nhuệ-giang và sông Đáy. Mà Ninh-giang có lẽ là khúc sông Đáy ở vào quãng Từ-liêm hay Thanh-oai gì đó.

đem tin ấy về cho Minh-triều biết. Minh-đế liền sai Chinh-di tướng-quân là Vương-Thông 征夷將軍王通 và Tham-tướng là Mã Anh 馬瑛 đem 5 vạn quân sang cứu Đông-quan. Trần Trí và Phương Chính thì phải cách hết cả quan-tước bắt phải theo quân đi đánh giặc, còn Trần Hiệp thì cứ giữ chức Tham-tán-quân-vụ.

Vương Thông sang đến đất Đông-quan hội tất cả quân-sĩ lại được mười vạn, cùng với bọn Trần Hiệp chia làm ba đạo đi đánh Bình-định-vương.

Vương Thông đem quân đến đóng ở bến Cổ-sở 古所 (thuộc huyện Thạch-thất, phủ Quốc-oai, Sơn-tây), Phương Chính đóng ở Sa-thôi (thuộc huyện Từ-liêm), Mã Kỳ đóng ở Thanh-oai, đồn-lũy liên-tiếp nhau một dãy dài hơn mấy mươi dặm.

Bọn Lý Triện, Đỗ Bi ở Ninh-kiều đem quân và voi đến phục ở Cổ-lãm, rồi cho quân đến đánh như Mã Kỳ. Mã Kỳ đem tất cả quân đuổi đến cầu Tam-la (ở giáp giới huyện Thanh-oai và huyện Từ-liêm) quân phục binh của Lý Triện đổ ra đánh, quân Minh thua chạy, nhiều người xuống đồng lầy, chạy không được, bị chém hơn 1.000 người. Lý Triện đuổi quân Minh đến Nhân-mục, bắt được hơn 500 người, Mã Kỳ một mình một ngựa chạy thoát được.

Bọn Lý Triện thừa thắng tiến lên đánh đạo quân Phương Chính. Nhưng Phương Chính thấy Mã Kỳ đã thua cũng rút quân lui, rồi cùng Mã Kỳ về hội với Vương Thông ở bến Cổ-sở.

Vương Thông liệu tất thế nào quân An-nam cũng đến đánh, bèn phục binh và phòng-bị trước cả. Chợt có quân của Lý Triện đến. Quân Minh giả ra đánh rồi bỏ chạy, như quân ta vào chỗ hiểm có chông sắt. Đi đến đấy, voi xéo phải chông đi không được, rồi lại có phục binh đổ ra đánh, Lý Triện thua chạy về giữ Cao-bộ (ở vùng Chương-đức, Mỹ-lương) và cho người về Thanh-đàm (tức là huyện Thanh-tri bây giờ) gọi bọn Đinh Lê và Nguyễn Xi đến cứu.

Đinh Lễ và Nguyễn Xi đem 3.000 quân và hai con voi lập tức đêm hôm ấy đến Cao-bộ, rồi phân binh ra phục sẵn ở Tuy-dộng 荊洞 (thuộc huyện Mỹ-lương) và ở Chúc-dộng (thuộc huyện Chương-đức) (7). Chợt bắt được tên thám-tử của quân Minh, tra ra thì biết rằng quân Vương Thông đóng ở Ninh-kiều, có một đạo quân đi lên ra đường sau quân Lý Triệu để đánh tập hậu, đại quân sang đó chỉ chờ lúc nào nghe súng thì hai mặt đổ lại cùng đánh.

Biết mưu ấy rồi, đến canh năm đêm hôm ấy, Đinh Lễ sai người bắn súng làm hiệu để đánh lừa quân giặc. Quả nhiên quân giặc nghe, tiếng súng đều kéo ủa đến đánh. Bấy giờ phải độ trời mưa, đường lầy, quân Minh vừa đến Tuy-dộng 荊洞 thì bị quân ta bốn mặt đổ ra đánh, chém được quan Thượng-thư là Trần Hiệp 陳洽 và Nội-quan là Lý Lượng 李亮. Còn những quan-sĩ nhà Minh thì chết hại nhiều lắm: phần thì giầy xéo lẫn nhau mà chết, phần thì ngã xuống sông chết đuối, cả thảy đến hơn năm vạn người; còn bị bắt sống hơn một vạn người, các đồ đạc khi-giới thì lấy được không biết bao nhiêu mà kể. Trận Tuy-dộng đánh vào tháng mười năm binh-ngọ (1426).

Phương Chính và Mã Kỳ chạy thoát được, rồi cùng với Vương Thông về giữ thành Đông-quan.

Bọn Đinh Lễ thừa thắng đem binh về vây thành và cho người về Lôi-giang báo tin thắng trận cho Bình-định-vương biết.

Vương liền tiến binh ra Thanh-đàm, rồi một mặt sai Trần nguyên Hãn đem 100 chiếc thuyền đi theo sông Lung-giang (?) (8) ra cửa Hát-giang (cửa sông Đáy thông với sông Cái) rồi thuận dòng sông Nhị-hà xuống đóng ở bến Đông-bộ-dầu; một mặt sai bọn Bùi Bị đem hơn 1 vạn quân đi lên ra đóng ở Tây-dương-kiều (?), vương tự dẫn đại quân đến

(7) Tuy-dộng và Chúc-dộng ở vào quãng huyện Chương-mỹ, phía đông cô sông Đáy, phía tây có con sông con gọi là sông Bùi, chảy vào sông Đáy, chỗ Ngã-ba-thá.

(8) Chắc là một khúc sông Đáy thuộc hạt tỉnh Hà-dòng bây giờ.

hạ trại ở gần thành Đông-quan. Quân Minh giữ ở trong thành không ra đánh, bao nhiêu chiến-thuyền thì vương lấy được cả.

Kể từ ngày Bình-định-vương đem binh vào đánh Nghệ-an đến giờ, tuy rằng đánh đâu được đấy, nhưng chưa có trận nào quan-hệ bằng trận Tuy-động này. Bởi vì việc thắng bại trong 10 phần, đánh xong trận này, thì đã chắc được 7, 8 phần rồi. Quân-thể nhà Minh chỉ còn ở trong mấy thành bị vây nữa mà thôi, mặt ngoài thì viện binh lại chưa có, mà dầu cho có sang nữa, thì thể của Bình-định-vương cũng đã vững lắm rồi.

Nhưng cứ trong Việt-sử, thì quân của Lý Triện và Đinh Lễ chẳng qua chỉ có mấy nghìn người mà thôi, làm thế nào mà phá được hơn 10 vạn quân tinh-binh của Vương Thông? Và lại sử chép rằng đánh trận Tuy-động quân An-nam giết được hơn 5 vạn quân Minh, lại bắt được hơn 1 vạn người, như thế chẳng hóa ra quân Minh hèn lắm ru! E rằng nhà làm sử có ý thiên-vị, cho nên sự thực không được rõ lắm. Nhưng dầu thực hư thế nào mặc lòng, đại khái trận Tuy-động là một trận đánh nhau to, mà Vương Thông thì thua, phải rút quân về giữ thành Đông-quan rồi bị vây, còn Bình-định-vương thì ra bắc thu-phục các châu huyện. Việc ấy chắc là thật có.

15. VÂY THÀNH ĐÔNG-ĐÔ. Từ khi Bình-định-vương ra Đông-đô, những kẻ hào-kiệt ở các nơi đều nô-nức về theo, xin hết sức đi đánh giặc. Vương dùng lời úy dụ, và lấy cái nghĩa lui tới mà giảng-giải cho mọi người nghe, rồi cứ tùy tài mà thu dùng.

Vương chia đất Đông-đô ra làm bốn đạo, đặt quan văn-võ để coi việc chính-trị.

Cứ theo sách « *Lịch-triều-hiến-chương địa-dư-chí* » của ông Phan huy Chú thì những trấn Tam-giang, Tuyên-quang, Hưng-hóa, Gia-hưng thuộc về Tây-đạo; những trấn Thượng-hồng, Hạ-hồng, Thượng-sách, Hạ-sách cùng với lộ An-bang thuộc về Đông-đạo; những trấn Bắc-giang, Thái-nguyên

thuộc về Bắc-đạo; những lộ Khoái-châu, Lý-nhân, Tân-hưng, Kiến-xương, Thiên-trường thuộc về Nam-đạo.

16. VƯƠNG THÔNG XIN HÒA LẦN THỨ NHẤT. Vương Thông ở Đông-quan cứ bị thua mãi, liệu thế đánh không được nữa, muốn bãi binh về Tàu, nhưng sợ mang tiếng, bèn lưc tờ chiếu của vua nhà Minh, niên-hiệu Vĩnh-lạc (1407) nói về việc tìm con cháu họ Trần, rồi cho người ra nói với Bình-định-vương tìm người dòng-dõi họ Trần lập lên, để xin bãi binh.

Vương nghĩ đánh nhau mãi, trong nước tàn-hại, dân-tình khổ-sở, bèn y theo lời Vương Thông. Nhân bấy giờ có người tên là Hồ Ông 胡翁 trốn ở Ngọc-ma, xưng là cháu ba đời vua Nghệ-tông, vương bèn cho người đi đón Hồ Ông về đổi tên là Trần Cao 陳高 lập lên làm vua, mà vương thì xưng làm Vệ-quốc-công để cầu phong với nhà Minh, cho chóng xong việc.

Vương Thông cho người đưa thư ra xin hòa, và xin cho đem-toàn quân về nước. Bình-định-vương thuận cho, định ngày để Vương Thông gọi quân ở các nơi về hội tại Đông-đô, rồi về Tàu. Việc đã định như thế, nhưng mà bấy giờ có mấy người An-nam theo nhà Minh, như những tên Trần Phong 陳封, Lương như Hốt 梁汝芴 sợ rằng quân Minh về thì mình phải giết, bèn lấy chuyện Ô mã Nhi ngày trước can Vương Thông đừng rút quân về. Vương Thông nghe lời, bề ngoài tuy nói hòa, nhưng bề trong sai người đào hào, rắc chông, rồi cho người đi lên đem thư về Tàu cầu cứu.

Bình-định-vương bắt được người đưa thư, giận lắm, không giao-thông với quân Minh nữa, rồi sai Lê quốc Hưng 黎國興 đánh thành Điều-diêu (huyện Gia-lâm, Bắc-ninh) và thành Thị-kiều (tức là Thị-cầu thuộc huyện Võ-giang, Bắc-ninh); Trịnh Khả 鄭可 và Lê Khuyển 黎大 đánh thành Tam-giang (tức là Tam-dải, nay là huyện Bạch-hạc); Lê Sát 黎察 và Lê Thụ 黎受 đánh thành Xương-giang (tức là Phủ-lạng-thương bấy giờ); Trần Lự 陳擧, Lê Bôi đánh thành Kỳ-ôn. Chẳng bao lâu những thành ấy đều lấy được cả.

17. BÌNH-ĐỊNH-VƯƠNG ĐÓNG QUÂN Ở BỒ-ĐỀ. Tháng giêng năm đinh-vị (1427) Bình-định-vương tiến quân lên đóng ở chỗ Bồ-đề, ở phía bắc sông Nhị-hà, rồi sai tướng đánh thành Đông-quan : Trịnh Khả đánh cửa Đông, Đinh Lễ đánh cửa Nam, Lê Cự đánh cửa Tây, Lý Triện đánh cửa Bắc.

Quân nhà Minh một ngày một kém, tướng nhà Minh giữ thành Nghệ-an và thành Diễn-châu là bọn Thái Phúc 泰福 và Tiết Tụ 帖聚 đều ra hàng cả. Bình-định-vương lại sai Lại-bộ Thượng-thư là ông Nguyễn Trãi, làm hịch đi khuyến tướng-sĩ các nơi về hàng.

Nhưng cũng vì thấy quân Minh đã yếu thế, có ý khinh địch cho nên quân ta mất hai viên đại-tướng. Trước thì Lý Triện đóng ở Từ-liêm, không cẩn-thận, bị quân của Phương Chính đến đánh lên giết mất ; sau Vương Thông ở Đông-quan đem binh ra đánh Lê Nguyễn 黎阮 ở Tây-phù-liệt (thuộc huyện Thanh-tri), vương sai Đinh Lễ và Nguyễn Xi đem 500 quân đi cứu. Đi đến Mỹ-dộng (thuộc Hoàng-mai, huyện Thanh-tri) gặp quân Minh, hai bên đánh nhau. Vương Thông thấy quân của Đinh Lễ có ít, bèn vây lại đánh bắt được Đinh Lễ và Nguyễn Xi. Nguyễn Xi trốn đi được, còn Đinh Lễ bị giết.

18. BÌNH-ĐỊNH-VƯƠNG ĐẶT PHÁP-LUẬT ĐỀ TRI QUÂN DÂN. Bình-định-vương cử một mặt vây đánh thành Đông-quan và các thành khác, một mặt lo việc cai-trị, đặt ra các điều-lệ để cho việc binh có kỷ-luật và cho lòng dân được yên.

Trước hết vương dụ cấm tà đạo : ai mà dùng những phép tà-ma giả-đối để đánh lừa người ta thì phải tội. Còn những dân-sự bị loạn phải lưu-tán đi chỗ khác cho về nguyên quán, cử việc làm ăn như cũ.

Những vợ con gia-quyền của những người ra làm quan với giặc, thì được phép theo lệ, lấy tiền mã chuộc (9) ; còn

(9) Vợ con của quan Bổ-chính thì phải 70 quan ; vợ con những sinh-viên và thổ-quan thì 10 quan ; còn những con-trai con-gái đầy-tớ, đũa-ở thì 5 quan.

những quân-lính nhà Minh đã hàng thì đưa về Thiên-trường, Kiến-xương, Lý-nhân, Tân-hưng để nuôi-nấng tử-tế.

Vương đặt ra ba điều để răn các quan :

1. Không được vô tình
2. Không được khi mạn
3. Không được gian dâm

Và lại dụ rằng những quân-lính ngày thường có tội không được giết cần, trừ lúc nào ra trận mà trái quân-lệnh thì mới theo phép mà thi-hành.

Vương lại đặt ra 10 điều để làm kỷ-luật cho các tướng-sĩ :

1. Trong quân ồn-ào không nghiêm
2. Không có việc gì mà đặt chuyện ra để làm cho mọi người sợ-hãi
3. Lúc lâm trận nghe trống đánh, thấy cờ phất, mà chùng-chình không tiến
4. Thấy kéo cờ dừng quân mà không dừng
5. Nghe tiếng chiêng lùi quân, mà không lùi
6. Phòng giữ không cẩn-thận, để mất thứ ngũ
7. Lo riêng việc vợ con, mà bỏ việc quân
8. Tha binh đình về để lấy tiền, và làm sổ-sách mập-mờ
9. Theo bụng yêu-ghét của mình mà làm lòa mắt công quả của người ta
10. Gian dâm, trộm-cắp

Hễ tướng-sĩ ai mà phạm vào 10 điều ấy thì phải tội chém.

Còn quân-lính, thì hễ nghe một tiếng súng mà không có tiếng chiêng, thì các tướng-hiệu phải đến dinh nghe lệnh ; hễ nghe hai ba tiếng súng và hai ba tiếng chiêng ấy là có việc cảnh cấp, quan chấp-lệnh phải sắp hàng ngũ, còn quan thiếu-úy thì đến dinh mà nghe lệnh ; hễ đến lúc lâm trận mà lùi hoặc là bỏ những người sau không cứu, thì phải tội chém, nhưng gián hoặc đã có ai không may chết trận mà mình hết sức mang được xác ra thì khỏi tội.

Đại-khai kỷ-luật ở trong quân của Bình-định-vương như thế, cho nên đi đâu, dân-gian kính-phục lắm.

19. TRẦN CHI-LĂNG : Liễu Thăng tử trận . Từ khi quân Minh thua trận Tuy-dộng, Trần Hiệp bị giết, Vương Thông 王通 cho người về tâu với Minh-đế để xin thêm binh. Minh-đế thất kinh, liền sai Chinh-lỗ phó-tướng-quân An-viên-hầu là Liễu Thăng 柳升, Tham-tướng Bảo-định-bá là Lương Minh 梁銘, Đô-đốc là Thôi Tu 崔聚, Binh-bộ Thượng-thư là Lý Khánh 李慶, Công-bộ Thượng-thư là Hoàng Phúc 黃福, Hữu-bố-chính-sứ là Nguyễn đức Huân 阮德勳, đem 10 vạn quân, hai vạn ngựa, đi đường Quảng-tây sang đánh cửa Ba-luy, bấy giờ là tháng chạp năm binh-ngọ (1427). Lại sai Chinh-nam đại-tướng-quân Kiểm-quốc-công là Mộc Thạnh 沐晟, Tham-tướng An-hưng-bá là Từ Hanh 徐亨, Tây-ninh-bá là Đàm Trung 譚忠 đi đường Vân-nam sang đánh cửa Lê-hoa.

Khi các tướng nghe viện binh của quân Minh sắp đến, nhiều người khuyên vương đánh ngay lấy thành Đông-quan để tuyệt đường nội ứng, nhưng vương không nghe, bảo rằng: «Việc đánh thành là hạ sách, nay ta hãy cứ dưỡng binh sức nhuệ để đợi quân địch đến thì ra đánh. Hễ viện quân mà thua, thì quân trong thành tất phải ra hàng. Thế có phải làm một việc mà thành được hai không?» Đoạn rồi bắt phải giữ-giā mọi nơi cho nghiêm-nhật, lại bắt người ở Lạng-giang, Bắc-giang, Tam-dải, Tuyên-quang, Qui hóa đi ở chỗ khác, bỏ đồng không để tránh quân Minh.

Đến tháng mười (1427) Bình định-vương nghe tin quân của bọn Liễu Thăng đã sắp sang đất An-nam, liền hội các tướng lại bàn rằng: «Quân kia cậy khỏe khinh yếu, lấy nhiều bắt nạt ít, chỉ cốt đánh cho được, chứ không tưởng đến điều khác. Nay đường xa nghìn dặm, mà đi có mấy ngày, nếu ta nhân lúc người ngựa của chúng đang mỏi-mệt, ta «dĩ dật dĩ lao», đánh là tất được.» Bèn sai Lê Sát 黎察, Lưu nhân Chú, Lê Linh 黎冷, Đinh Liệt 丁列, Lê Thụ 黎受, đem 1 vạn quân

và 5 con voi lên phục sẵn ở cửa Chi-lăng 支陵, để đợi quân Minh. Lại sai Lê Lý 黎理, Lê văn An 黎文安, đem 3 vạn quân cứ lục tục kéo lên đánh giặc.

Bấy giờ Trần Lưu 陳留 đang giữ cửa Ba-luy (Nam-quan) thấy quân Minh đến, lui về giữ Ai-lưu; đến khi quân giặc đến đánh Ai lưu, Trần Lưu lại lui về giữ Chi-lăng, cứ cách từng đoạn, chỗ nào cũng có đồn, quân Minh đi đến đâu không ai dám chống giữ, phá luôn một lúc được những mấy cái đồn. Liễu Thăng đắc ý đuổi tràn đi. Bình-định-vương lại làm ra bộ khiếp-sợ, cho người đưa thư sang nói với Liễu Thăng xin lập Trần Cao lên làm vua để xin bãi binh. Liễu Thăng tiếp thư không mở ra xem cho người đưa về Bắc-kinh, rồi cứ tiến lên đánh.

Ngày 18 tháng 9, quân Liễu Thăng đến gần cửa Chi-lăng. Lê Sát sai Trần Lưu ra đánh rồi bỏ chạy. Liễu Thăng mừng lắm, chỉ đem 100 lính kị đuổi theo, bỏ đại đội ở lại sau. Đuổi được một đoạn, phải chỗ bùn lầy đi không được, phục binh ta đổ ra đánh, chém Liễu Thăng ở núi Đảo-mã-pha 倒馬坡 (bây giờ là Mã-yên-sơn, ở làng Mai-sao, thuộc Ôn-châu). Việc ấy vào ngày 20 tháng 9 năm đinh-vị.

Bọn Lê Sát, Trần Lưu thừa thắng đuổi đánh quân Minh giết hơn 1 vạn người. Lúc bấy giờ đạo quân của Lê Lý cũng vừa đến, hội lại tiến lên đánh quân Minh, chém được Lương Minh ở giữa trận (ngày 25). Lý Khánh thì tự tử (ngày 28). Còn bọn Hoàng Phúc và Thôi Tu đem bại binh chạy về thành Xương-giang (thành của nhà Minh xây ở xã Thọ-xương, phủ Lạng-giang), đi đến nửa đường bị quân của Lê Sát đuổi đến đánh phá một trận; Thôi Tu cố đánh lấy đường chạy về Xương-giang, không ngờ thành ấy đã bị bọn Trần nguyên Hãn lấy mất rồi, quân Minh sợ-hãi quá bèn lập trại đắp lũy ở giữa đồng để chống giữ.

Bình-định-vương sai quân thủy-bộ vây đánh, sai Trần nguyên Hãn chặn đường tải lương của quân Minh, lại sai Phạm Văn 范聞, Lê Khôi 黎魁, Nguyễn Xi 阮熾, đem quân thiết đội vào đánh chém quân Minh được hơn 5 vạn, bắt

sống được Hoàng Phúc, Thôi Tu và 3 vạn quân. Thôi Tu không chịu hàng phải giết.

Bấy giờ Mộc Thạnh với bọn Phạm Văn Xảo và Trịnh Khả đang giữ nhau ở cửa Lê-hoa. Trước vương cũng đã liệu rằng Mộc Thạnh là người lão luyện tất chờ xem quân Liễu Thăng thắng bại thế nào rồi mới tiến, bèn sai đưa thư dặn bọn Văn Xảo cứ giữ vững chứ đừng ra đánh. Đến khi quân Liễu Thăng thua rồi, vương cho những tên ti-tướng đã bắt được, đem những giấy mà ẩn tin lên cho Mộc Thạnh biết.

Mộc Thạnh được tin ấy, sợ quá, đem quân chạy, bị quân Trịnh Khả đuổi theo chém được hơn 1 vạn người và bắt được cả người lẫn ngựa mỗi thứ hơn một nghìn.

20. VƯƠNG THÔNG XIN HÒA LẦN THỨ HAI. Bình-định-vương sai đưa bọn Hoàng Phúc và hai cái hồ-phù, hai dấu dài-ngân của quan Chính-lỗ phó-tướng-quân về Đông-quan cho Vương Thông ^{biết}.

Vương Thông biết rằng viện binh sang đã bị thua rồi, sợ-hãi quá, viết thư xin hòa. Vương thuận cho, rồi cùng với Vương Thông lập đàn thề ở phía nam thành Đông-quan, hẹn đến tháng chạp thì đem quân về Tàu.

21. TRẦN CAO DẰNG BIỂU XIN PHONG. Bình-định-vương đã hòa với Vương Thông rồi, quân Minh ở Tây-dò và ở các nơi đều giải binh cả. Vương sai Lê thiếu Dĩnh 黎少新 Lê quang Cảnh 黎光景 và Lê đức Huy 黎德輝 đem tờ biểu và phương-vật sang sứ nhà Minh.

Những đồ phương-vật là :

1. Hai người bằng vàng để thay mình
2. Một lư hương bằng bạc
3. Một đôi bình hoa bằng bạc
4. Ba mươi tám lượt
5. Mười bốn đôi ngà voi
6. Mười hai bình hương trầm
7. Hai vạn nén hương duyên
8. Hai mươi bốn cây hương trầm

Và lại đem hai cái dấu đai-ngân, đôi hồ-phủ của Chính-lỗ phó-tướng-quân cùng với sổ kê những người quan quân nhân-mã đã bị bắt đem trả lại Minh-triều.

Còn tờ biểu thì đứng tên Trần Cao, đại-lược như sau này:

« Khi vua Thái-tổ-cai-hoàng-đế mới lên ngôi, tổ-tiên tôi
« là Nhật Khuê vào triều-cống trước nhất, bấy giờ ngài có
« ban thưởng, phong cho tước vương. Từ đó nhà tôi vẫn
« nối đời giữ bờ cõi, không bỏ thiếu lễ triều-cống bao giờ.

« Mới rồi nhân họ Hồ thoán-nghịch, vua Thái-tông Văn-
« hoàng-đế đem quân sang hỏi tội. Sau khi đã dẹp yên rồi,
« ngài có hạ chiếu tìm con-cháu họ Trần để giữ lấy dòng
« dõi cúng tế. Bấy giờ quan tổng-binh Trương Phụ tìm chưa
« được khắp, đã xin đặt làm quận huyện.

« Nguyên tôi lúc trước vì trong nước có loạn, chạy trốn
« vào xứ Lão-quá, cũng là muốn để tìm chốn yên thân mà
« thôi, không ngờ người trong nước, vẫn quen thói mọi, nhờ
« đến ân-trạch nhà tôi thừa trước, lại cố ý ép tôi phải về, bắt
« đày-dĩ tôi cũng phải theo.

« Dẫu rằng trong khi vội-vàng, bị người trong nước cố
« ép, nhưng cũng là cái tội tôi không biết liệu xử. Mới đây
« tôi đã có xin lỗi trước hàng quân, nhưng không ai chịu
« nghe, bấy giờ người nước tôi sợ phải tai-va, liền đem
« nhau ra phòng bị các cửa ải, cũng là một kế giữ mình.

« Ngờ đâu quan quân xa xôi mới đến thấy voi sợ-hãi,
« tức khắc vỡ tan. Việc đã xảy ra như vậy, dẫu bởi sự bất-
« đắc-dĩ của người trong nước cũng là lỗi của tôi. Nhưng
« bao nhiêu những quân và ngựa bắt được đều phải thu
« dưỡng tử-tế, không dám xâm-phạm một tí gì.

« Dám xin Hoàng-thượng ngày nay lại theo như lời
« chiếu của vua Thái-tông Văn-hoàng-đế, tìm lấy con cháu
« họ Trần, nghĩ đến cái lòng thành vào triều-cống trước
« nhất của tổ-tiên tôi ngày xưa, mà xá cái tội to như gò núi
« ấy, không bắt phải cái phạt nặng bằng búa rìu, khiến cho
« tôi được nối nghiệp ở xứ nam, để giữ chức triều-cống.

« Tôi đã sai người thân-tín mang tờ biểu tạ và đưa trả
 « những ấn-tín nhân-mã tới chốn kinh-sur, nay lại xin đệ tâu
 « những danh số ấy. »

Vua nhà Minh bấy giờ là Tuyên-tông 宣宗 xem biểu biết
 rằng giả-dối, nhưng cũng muốn nhân dịp ấy để thôi việc
 binh, bèn đưa tờ biểu cho quần-thần xem, mọi người đều
 xin hòa. Minh-đế sai quan Lễ-bộ thị-lang là Lý Kỳ 李琦
 đưa chiếu sang phong cho Trần Cao làm An-nam quốc-
 vương, bổ tòa Bố-chính, và triệt quân về Tàu.

Đến tháng chạp năm đinh-vị, Vương Thông theo lời
 ước với Bình-định-vương, đem bộ binh qua sông Nhị-hà,
 còn thủy-quân theo sau.

Bấy giờ có người xui vương rằng: lúc trước người Minh
 tàn-ác lắm, nên đem giết cả đi. Vương nói rằng: « Phục thù
 « báo oán là cái thường tình của mọi người, nhưng cái bản-
 « tâm người có nhân không muốn giết người bao giờ. Và
 « người ta đã hàng mà lại còn giết thì không hay. Nếu mình
 « muốn thỏa cơn giận một lúc, mà chịu cái tiếng muôn đời
 « giết kẻ hàng, thì sao bằng để cho muôn vạn con người sống
 « mà khỏi được cái mối tranh chiến về đời sau, lại để tiếng
 « thơm lưu-truyền thiên cổ trong sử xanh. »

Vương không giết người Minh lại cấp cho thủy-quân 500
 chiếc thuyền giao cho Phương Chính và Mã Kỳ quản-lĩnh;
 cấp lương-thảo cho lục-quân giao cho Sơn Thọ, Hoàng Phúc
 quản-lĩnh; còn 2 vạn người đã ra hàng và đã bị bắt thì giao
 cho Mã Anh quản-lĩnh đem về Tàu. Vương Thông thì lĩnh bộ
 binh đi sau. Bình-định-vương tiễn-biệt rất hậu.

Giặc Minh lục-tục về bắc, bấy giờ mới thật là: *Nam quốc
 sơn hà, nam đế cư*; nước Nam lại được tự chủ như cũ.

22. TỜ BÌNH NGÔ ĐẠI-CÁO. Bình-định-vương dẹp
 xong giặc Minh rồi, sai ông Nguyễn Trãi làm tờ bá cáo cho
 thiên-hạ biết.

Tờ Bình Ngô đại-cáo này làm bằng Hán-văn, là một bản
 văn-chương rất có giá-trị trong đời Lê. Nay theo nguyên văn
 ở trong tập *Hoàng-Việt văn-tuyền* mà chép ra như sau này:

極土木之功，以崇公私之廊宇。州里之征徭重困，閭閻之杼柚皆空。決東得以遂其生。鰥寡顛連俱不獲以安其所。流生民之血，以潤暴酷之吻牙。蛟龍而鉅脰分海。擾民設玄鹿之陷阱。珍物纖翠禽之網羅。昆蟲草木皆不重科厚斂，山澤靡有孑遺。開金場，則冒嵐瘴而莽山陶沙。採明珠，則觸詭計蓋千萬狀。連兵結釁，稔惡殆二十年。敗義傷仁，乾坤幾乎欲息。我民。偽黨懷奸，竟以賣我國。斂蒼生於虐焰，陷赤子於禍坑。欺天罔民，往古，厥有明徵。頃因胡政之煩苛，致使人心之怨叛。狂明伺隙，因以毒取敗，而趙高好大以促亡。唆都既擒於鹹子關，烏馬又殪於白藤海。稽諸漢唐宋元而各帝一方。雖疆弱時有不同，而豪傑世未嘗乏。故劉龔貪功以獻之邦。山川之封域既殊，南北之風俗亦異。自趙丁李陳之肇造我國，與蓋聞仁義之舉，要在安民。弔伐之師。莫先去暴。惟我大越之國，實爲文

平吳大誥

以大義而勝凶殘，以至仁而易疆暴。蒲藤之電驅電掣，茶麟之竹破灰飛。子之兵一心。以弱制強，或攻人之不備。以寡敵衆，常設伏以出奇。卒能降厥任，故予益勵志以濟于難。揭竿爲旗，氓隸之徒四集。投醪餐士，父未減，念國步之遼屯。靈山之食盡兼旬。瓊縣之衆無一旅。蓋天欲困我以汲汲以虛左。然其得人之效，茫若望洋。由己之誠，甚於拯溺。情宛從之謀，謀惟輟者又寡其助。特以救民之念，每勞勞而欲東。故於待賢之車，常時，正賊勢方張之日。柰以人材秋葉，俊傑晨星。奔走前後者既乏其人，之書。即古驗今，細推究興亡之理。圖回之志，寤寐不忘。當義旗初起之。痛心疾首者垂十餘年，嘗膽卧薪者蓋非一日。發憤忘食，每研覃輟畧地之所不容。予嘗跡藍山，棲身荒野。念世讎豈可共戴。誓逆賊雖與俱生海之水，不足以濯其污。罄南山之竹，不足以書其惡。神人之所共憤，天

山。二十五日，保定伯梁銘陣陷而喪軀。二十八日，尚書李度計窮而刎首
 軍所攻，計墮於支稜之野。本月二十日，柳昇爲我軍所敗，身死於馬鞍之
 旣還兵塞險以摧其鋒。予後再調兵截路以斷其食。本月十八日。柳昇爲我
 九月，柳昇遂引兵由邱溫而進。本年本月，沐晟亦分途自雲南而來。予前
 於天下。遂令宣德之孩童，躋兵無厭。仍命晟昇之懦將，以油救焚。丁未
 ，豈意復作孽以速辜。執一己之見，以嫁禍於他人。貪一時之功，以貽笑
 彼智窮而力盡，束手待亡。我謀伐而心攻，不戰自屈。謂彼必易心而改處
 李亮賊之奸蠹，又暴厥屍。王通理亂而焚者益焚。馬瑛救關而怒者益怒。
 成川，流腥萬里。峯洞之屍積野，遺臭千年。陳洽賊之腹心，旣梟其首。
 以偷生。乘勝長驅，西京旣爲我有。還鋒進取，東都盡復舊疆。寧橋之血
 士氣以之益增，軍聲以之大振。陳智山壽，聞風而褫魄。李安方政，假息

馬數千餘匹，已還國而益自股慄心驚。使既畏死貪生，而修好有誠。予以
 ，先給糧五百餘艘，既渡海而猶且魂飛魄喪。總兵王通，參政馬瑛，又給
 倖餽虎乞憐之尾。神武不殺，予亦體上帝好生之心。參將方政，內官馬驥
 路救兵，既不旋踵而俱敗。各城窮寇，亦將解甲以出降。賊首成擒，彼既
 脫身。冷溝之血杵漂，江水爲之嗚咽。丹舍之屍山積，野草爲之殷紅。兩
 自恫疑虛喝而先已破膽。其沐晟東聞昇軍大敗於芹站，遂蹙蹙奔潰而僅得
 平濠之水。風雲爲之變色，日月慘以無光。其雲南兵爲我軍所扼於梨花，
 聚膝行而送款，尚書黃福面縛以就擒，僊屍塞諒江諒山之途，戰血赤昌江
 鼓而鯨割疆斷，再鼓而鳥散膚驚。決潰蟻於崩堤，振剛風於槁葉。都督崔
 珍滅。是還饒餘之士，申命爪牙之臣。飲象而河水乾，磨刀而山石缺。一
 。我遂迎刃而解，彼自倒戈相攻。繼而四面添兵以包圍，期以十月中旬而

。播告遐邇，咸使聞知。

，而致然也。於戲，一戎大定。迄成無競之功。四海永清，誕布維新之緒。萬世太平之基，于以雪千古無窮之恥。是由天地祖宗之靈，有以默相陰佑。覆以之莫安，山川以之改觀。乾坤既否而復泰，日月既晦而復明。于以開全軍爲上，而欲民得息。非惟計謀之極其深遠，蓋亦古今之所未見聞。社

Xem bài phiên - âm
Bình Ngô đại-cáo
trong phần phụ-lục
trang 277.

Tượng-mãng :

Việc nhân-nghĩa cốt ở yên dân, quân điều phạt chỉ vì khử bạo. Như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn-hiến đã lâu. Sơn-hà cương-vực đã chia, phong-tục bắc nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần, gây nền độc-lập; cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, hùng-cử một phương. Dầu cường nhược có lúc khác nhau, song hào-khiet đời nào cũng có.

Vậy nên :

Lưu Cung sợ uy mất vía, Triệu Tiết nghe tiếng giết mình. Cửa Hàm-tử giết tươi Toa Đô, sông Bạch-đăng bắt sống Ô Mã. Xét xem cớ-tích, đã có minh-trung (1).

Vừa rồi :

Vì họ Hồ chính-sự phiền-hà, để trong nước nhân-dân oán hận. Quân cuồng Minh đã thừa cơ tứ ngược (2), bọn gian-tà còn bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung-tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai-vạ. Chước dối đủ muôn nghìn khước, ác chưa ngót hai mươi năm. Bại nhân-nghĩa, nạt cả càn-khôn, nặng khoa-liễm (3) vết không sơn trạch. Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể mò châu, nào hớ bẫy hươu đen, nào lưới dò chim sả. Tàn-hại cả côn-trùng thảo-mộc; rheo-nhóc thay quan quả diên-liên (4). Kẻ há miệng, đưa nhe răng, máu mỡ bấy no-nê chưa chán. Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục-dịch cho vừa. Nặng-nề về những nổi phu-phen, bắt-bớ mất cả nghề canh-cửi. Độc-ác thay! trúc rừng không ghi hết tội; dơ-bẩn thay! nước bể không rửa sạch mùi. Lẽ nào trời đất tha cho, ai bảo thần-nhân nhận được.

Ta đây :

Núi Lam-sơn dấy nghĩa, chốn hoang-dã nương mình. Ngấm non sông căm nổi thề thù, thề sống chết cùng quân

(1) Minh-trung: chứng-cớ rõ-ràng

(2) Tứ-ngược: Hết sức tàn ngược

(3) Khoa-liễm: Thuế-má

(4) Quan: Người không vợ; quả: người góa chồng; diên-liên: những kẻ không có nhà ở, không trông-cậy vào đâu được.

ngịch-tặc. Đau lòng nhưc óc, chốc là mười mấy nắng mưa ; nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận, sách lược-thao suy-xét đã tình ; ngấm trước đến nay, lễ hưng-phế dẫn-đo càng kỹ. Những trần-trọc trong cơn mộng-mị, chỉ bần-khoăn một nỗi đồ-hồi. Vừa khi cò nghĩa đẩy lên, chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngật vì :

Tuần-kiệt như sao buổi sớm, nhân-tài như lá mùa thu. Việc hôn-tâu thiếu kẻ đỡ-dần, nơi duy-ác hiểm người bàn-bạc. Đòi phen vùng-vẫy, vẫn dăm-dăm con mắt dục đông (5) ; mấy thừa đợi-chờ, luống dăng-dăng cỗ xe hư tả (6). Thế mà trông người, người càng vắng-ngắt, vẫn mặt-mờ như kẻ vọng dương (7) ; thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội-vã như khi chứng-nịch (8). Phần thi gian hung-đồ ngang-dọc, phần thi lo quốc-bộ khó-khăn. Khi Linh-sơn lương hết mấy tuần ; khi Khôi-huyện quân không một lữ. Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách chiết thiên ma ; cho nên ta cố-gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử. Mưa dầu gây, ngọn cờ phất-phới, ngóng vãn-nghe bốn cõi đàn hồ. Mở tiệc quân, chén rượu ngọt-ngào, khắp tướng-sĩ một lòng phụ tử. Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi ; quân giặc nhiều, ta ít mà ta được luôn.

Dọn hay :

Đem đại nghĩa để thắng hung-tàn, lấy chí nhân mà thay cường-bạo. Trần Bồ-đăng sấm vang sét dậy, miền Trà-lân trúc phá tro bay. Sĩ-khí đã hăng, quân thanh càng mạnh. Trần Trí, Sơn Thọ mất vía chạy tan ; Phương Chính, Lý An tìm đường trốn-tránh. Đánh Tây-kinh phá tan thế giặc, lấy Đông-đô thu lại cõi xưa. Dưới Ninh-kiều máu chảy thành sông ; bên Tuy-động xác đầy ngoài nội. Trần Hiệp đã thiệt mạng, Lý Lương lại phoir thầy. Vương thông hết cấp lo

(5) Dục đông : Ý nói muốn về lấy Đông-đô

(6) Hư tả : Cỗ xe không bền trái để đợi người hiền

(7) Vọng dương : Trông ra biển không thấy gì

(8) Chứng-nịch : Vết người chết đuối

lương, Mã Anh khôn đường cứu đỡ. Nó đã trí cùng lực kiệt, bó tay không biết tính sao; ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất. Tưởng nó phải thay lòng đổi dạ, hiền lễ tới lui; ngờ đâu còn kiêu kể tìm phương, gây mầm tội-nghiệt. Cây mình là phải, chỉ quen đổ vạ cho người; tham công một thời, chẳng bỏ bầy trò dơ-đuốc. Đến nỗi đưa trẻ ranh như Tuyên-đức (9), nhảm võ không thôi; lại sai đồ nhút-nhát như Thanh, Thăng, đem dầu chữa cháy. Năm dinh-mùi tháng chín, Liễu Thăng từ Khâu-ôn tiến sang; lại năm nay tháng mười, Mộc Thạnh tự Vân-nam kéo đến. Ta đã điều binh giữ hiểm để ngăn lối Bắc-quân; ta lại sai tướng chen ngang để tuyệt đường lương-đạo. Mười tám, Liễu Thăng thua ở Chi-lăng, hai mươi, Liễu Thăng chết ở Mã-yên. Hai-mươi-lăm, Lương Minh trận vong; hai-mươi-tám, Lý Khánh tự vẫn. Lưỡi dao ta đang sắc, ngọn giáo giặc phải lùi. Lại thêm quân bốn mặt vây thành, hẹn đến rằm tháng mười diệt tặc. Sĩ-tốt ra oai ti hổ, thần-thứ đủ mặt trảo nha. Gươm mài đá, đá núi cũng mòn; voi uống nước, nước sông phải cạn. Đánh một trận sạch không kinh-ngạc, đánh hai trận tan-tác chim-muông. Cơn gió to trút sạch lá khô, tổ kiến hồng sụt toang dẽ cũ. Thôi Tụ phải quì mà xin lỗi, Hoàng Phúc tự trói để ra hàng. Lạng-giang, Lạng-sơn thấy chất đầy đường, Xương-giang, Bình-than máu trôi đỏ nước. Gớm-ghê thay! sắc phong-vân cũng đổi; thâm-đạm thay! sáng nhật-nguyệt phải mờ. Binh Vân-nam nghẽn ở Lê-hoa, sợ mà mất mặt; quân Mộc Thạnh tan churen Cần-trạm, chạy để thoát thân. Suối máu Lãn-câu, nước sông rền-rĩ; thành xương Đan-xá, cỏ nội đầm-dia. Hai mặt cứu binh, cầm đầu trốn chạy; các thành cùng khấu, cõi giáp xuống đầu. Bát tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội; thề lòng trời bắt sát, ta cũng mở đường hiếu sinh. Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến bể chưa thời trống ngực. Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến Tàu

(9) Vua Tuyên-tống nhà Minh, niên-hiệu Tuyên-đức.

còn đồ mồ-hôi. Nó đã sợ chết cầu hòa, ngô lòng thú-phục ; ta muốn toàn quân là cốt, cả nước nghỉ-ngoi.

Thế mới là mưu-kế thật khôn, và lại suốt xưa nay chưa có. Giang-san từ đây mở mặt, xã-tắc từ đây vững nền. Nhật-nguyệt hỡi mà lại minh, càn-khôn bĩ mà lại thái. Nền vạn thế xây nên chẵn-chẵn, then nghìn thu rửa sạch lâu-lâu. Thế là nhờ trời đất tổ-tông khôn-thiêng che-chở, giúp-dỡ cho nước ta vậy.

Than ôi !

Vẫy-vùng một mảng nhung-y nên công đại-dịnh, phảng-lặng bốn bề thái-vũ mở hội vĩnh-thanh. Bá-cáo xa gần, ngô cùng nghe biết.

TIMSACH.COM.VN

CHƯƠNG XV

NHÀ LÊ

黎 氏

(1428 - 1788)

THỜI - KỲ THỐNG - NHẤT (1428 - 1527)

I. LÊ THÁI-TỔ

1. Bình-định-vương lên ngôi tôn
2. Việc học-hành
3. Luật-lệ
4. Việc cai-trị
5. Phép quân-điền
6. Việc binh-linh
7. Công-thần bị giết

II. LÊ THÁI-TÔNG

III. LÊ NHÂN-TÔNG

1. Cai-trị
2. Việc thuế-lệ
3. Việc canh-nông
4. Nhà sinh-lễ
5. Việc sửa phong-lục
6. Địa-đồ nước Nam

IV. LÊ THÁNH-TÔNG

7. Đại-Việt sử-ký
8. Việc văn-học
9. Việc vũ-bị
10. Đánh Chiêm-thành
11. Đánh Lão-quá
12. Đánh Bồn-man
13. Việc giao-thiệp với Tàn

V. LÊ HIẾN-TÔNG

VI. LÊ TÚC-TÔNG

và LÊ UY-MỤC

VII. LÊ TƯƠNG-DỤC

1. Việc thuế-mã
2. Đại-Việt thông-giám
3. Sự biến-loạn

- VIII. LÊ CHIÊU-HOÀNG và LÊ CUNG-HOÀNG { 1. Giặc Trần Cao quấy-nhiều ở Đông-dô
2. Quan trong Triều làm loạn
3. Mạc đăng Dung chuyên quyền

1. LÊ THÁI - TỖ (1428 - 1433)

Niên-hiệu: Thuận-thiên 順天

1. BÌNH-ĐỊNH-VƯƠNG LÊN NGÔI TÔN. Bình-định-vương là Lê Lợi 黎利 có công dẹp giặc Minh, đem lại giang-sơn cho nước nhà. Nhưng vì trước phải lấy cớ lập con cháu nhà Trần để cầu hòa với nhà Minh, cho nên phải tôn Trần Cao 陳高 lên làm vua. Nay việc chiến-tranh đã xong, lòng người theo về Bình-định-vương, mà Trần Cao cũng biết chừng không ai để cho mình ở yên, bèn trốn vào châu Ngọc-ma (thuộc phủ Trấn-ninh) nhưng bị quan quân đuổi bắt được, đem về bắt phải uống thuốc độc mà chết.

Trần Cao chết rồi, Bình-định-vương lên ngôi tức là vua Thái-tổ 太祖 nhà Lê 黎, đặt quốc-hiệu là Đại-Việt 大越. Năm ấy là năm mậu-thân, lịch Tây là năm 1428.

Vua Thái-tổ sai sứ sang cầu phong bên Tàu, nhưng mà nhà Minh không chịu, bắt phải tìm con cháu nhà Trần để lập lên làm vua. Sứ nhà Minh đi về hai ba lần, sau vua Thái-tổ bắt các quan viên và phụ lão trong nước làm tờ khai rằng con cháu nhà Trần thật không còn ai nữa, và xin phong cho ngài là Lê Lợi làm vua nước Nam. Vua nhà Minh thấy vậy mới thuận phong vương cho ngài.

Từ đấy lệ cứ 3 năm phải sang cống nhà Minh một lần, mà lần nào cũng phải đúc hai người bằng vàng gọi là : « đại thân kim nhân 代身金人 ». Có lẽ là lúc đánh trận Chi-lăng có giết mất tướng nhà Minh là Liễu Thăng 柳升 và Lương Minh 梁銘, cho nên phải đúc hai người bằng vàng thế mạng.

Việc cầu phong và việc chịu cống nước Tàu là việc thế bất-dắc-dĩ, vì rằng nước ta đối với nước Tàu thì lớn nhỏ khác nhau nhiều lắm; vả lại nước ta một mình lẻ-loi ở phía nam không có vây-cánh nào cả, như vậy, nếu mà cứ kháng-

cự, không chịu kém một tí, thì không bao giờ yên được. Mà dầu bề ngoài mình chịu kém nước Tàu, nhưng kỳ thực bề trong vẫn tự chủ, chứ người Tàu không xâm-phạm gì đến việc nước mình. Thế cũng là một sự giao-thiệp khôn-khéo, làm cho nước được yên-trị.

Vua Thái-tổ lên ngôi rồi, phong thưởng cho các công-thần: bên văn thì ông Nguyễn Trãi 阮 薦 đứng đầu, bên võ thì ông Lê Văn 黎 問 đứng đầu, cả thảy là 227 người đều được quốc-tính cả. Ngài lại phong cho ông Nguyễn Trãi là Quan-phục-hầu 冠 服 侯, ông Trần nguyên Hãn làm Tả-tướng-quốc, ông Phạm văn Xảo 范 文 巧 làm Thái-úy.

Những người công-thần vào bậc thứ nhất thì được thưởng tước là *Thượng-trí-tự* 上 智 字, bậc thứ nhì thì được tước là *Đại-trí-tự* 大 智 字, bậc thứ ba thì được tước là *Trí tự* 智 字.

2. VIỆC HỌC-HÀNH. Vua Thái-tổ sửa-sang việc học-hành, đặt trường Quốc-tử-giám ở đất kinh-dô để cho con cháu các quan viên và những người thường dân tuần-tú vào học-tập; mở nhà học và đặt thầy dạy nho-học ở các phủ và các lộ. Rồi lại bắt các quan văn vũ từ tứ phẩm trở xuống phải vào thi *Minh-kinh-khoa* 明 經 科, nghĩa là quan văn thì phải thi kinh-sử, quan vũ thì phải thi vũ-kinh. Ở các lộ cũng mở khoa thi *Minh-kinh* để cho những người ăn-dật ra ứng-thi mà chọn lấy nhân-tài.

Những người đi tu đạo Phật, đạo Lão cũng bắt phải thi kinh điển những đạo ấy; hễ ai thi trúng thì mới cho phép được làm tăng và đạo-sĩ, ai thi hỏng thì phải về tục làm ăn.

3. LUẬT-LỆ. Đặt ra luật-lệ mới theo như hình-luật nhà Đường: có tội xuy, tội trượng, tội đồ, tội lưu và tội tử.

Tội xuy chia ra làm 5 bậc từ 10 roi đến 50 roi; tội trượng cũng chia ra làm 5 bậc, từ 60 đến 100 trượng; tội đồ chia ra làm 3 bậc: đồ làm dịch đình, đồ làm lính chuồng voi, và đồ làm lính đồn-diên; tội lưu chia ra làm 3 bậc: lưu

đi cận châu, lưu đi viễn châu và lưu đi ngoại châu (1); tội tử cũng chia ra làm 3 bậc: tội thất cổ và chém, tội chém bêu đầu và tội lăng-tri.

Hễ ai được vào hạng bát nghị (2) thì trước phải tâu xin nghị, khi nào nghị xong rồi lại phải tâu để vua xét lại. Những người cựu thần có công từ ngũ-phẩm dĩ thượng, có ai phạm tội đồ hay là tội lưu thì cũng tha cả; con cháu những người được nghị công mà có tội, thì cứ theo cái thứ bậc tập ấm của ông cha mà giảm cho. Những quan viên, quân dân ai có lầm-lỗi, nhớ ra phạm đến tội lưu trở xuống thì được cho chuộc. Những người 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống hay là có phế-tật mà phạm tội lưu trở xuống, thì cũng được cho chuộc. Những người 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống hay là đốc-tật, thì cứ thứ-tự giảm bớt cho. Những người phạm tội gì hay là phạm tội ăn-trộm, ăn-cắp của người ta mà tự mình ra thú nhận trước, thì được lượng tội mà giảm cho ít nhiều.

Trong nước bấy giờ có nhiều người du-dăng cứ rượu chè cờ bạc, không chịu làm ăn tử-tế, vậy nên đặt ra phép nghiêm để trừng-trị: ai đánh đồ-bác bắt được phải chặt ngón tay mất ba phân; đánh cờ, bắt được phải chặt ngón tay mất một phân; không có việc gì quăn-tu nhau để rượu chè, phải đánh 100 trượng, người dung chứa những kẻ ấy cũng phải tội, nhưng mà được giảm đi một bậc.

Sự nghiêm-phạt như thế, thì có thái-quá thật, vì là làm tàn-hại đến thân-thể người ta, nhưng mà cũng có công-hiệu, khiến cho trong nước bớt có thứ người cả đời không chịu làm gì, chỉ đi đánh lừa người mà kiếm ăn.

(1) Lưu đi cận châu là vào Nghệ-an, đi viễn châu là vào Bố-chính đi ngoại châu là vào Tân-bình.

(2) Bát nghị 八議 là: Nghị thân 議親, nghị cổ 議故, nghị hiền 議賢, nghị năng 議能, nghị công 議功, nghị quý 議貴, nghị cần 議勤, nghị lân 議有. Xem ở sách Chu-lễ thì biết rõ.

đi cận châu, lưu đi viễn châu và lưu đi ngoại châu (1); tội tử cũng chia ra làm 3 bậc: tội thất cổ và chém, tội chém bêu đầu và tội lăng-tri,

Hễ ai được vào hạng bát nghị (2) thì trước phải tâu xin nghị, khi nào nghị xong rồi lại phải tâu đề vua xét lại. Những người cựu thần có công từ ngũ-phẩm dĩ thượng, có ai phạm tội đồ hay là tội lưu thì cũng tha cả; con cháu những người được nghị công mà có tội, thì cứ theo cái thứ bậc tập ấm của ông cha mà giảm cho. Những quan viên, quân dân ai có lầm-lỗi, nhớ ra phạm đến tội lưu trở xuống thì được cho chuộc. Những người 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống hay là có phế-tật mà phạm tội lưu trở xuống, thì cũng được cho chuộc. Những người 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống hay là đốc-tật, thì cứ thứ-tự giảm bớt cho. Những người phạm tội gì hay là phạm tội ăn-trộm, ăn-cắp của người ta mà tự mình ra thú nhận trước, thì được lượng tội mà giảm cho ít nhiều.

Trong nước bấy giờ có nhiều người du-dăng cứ rượu chè cờ bạc, không chịu làm ăn tử-tế, vậy nên đặt ra phép nghiêm đề trừng-trị: ai đánh đồ-bác bắt được phải chặt ngón tay mất ba phân; đánh cờ, bắt được phải chặt ngón tay mất một phân; không có việc gì quần-tụ nhau để rượu chè, phải đánh 100 trượng, người dung chứa những kẻ ấy cũng phải tội, nhưng mà được giảm đi một bậc.

Sự nghiêm-phạt như thế, thì có thái-quá thật, vì là làm tàn-hại đến thân-thể người ta, nhưng mà cũng có công-hiệu, khiến cho trong nước bớt có thứ người cả đời không chịu làm gì, chỉ đi đánh lừa người mà kiếm ăn.

(1) Lưu đi cận châu là vào Nghệ-an, đi viễn châu là vào Bố-chính đi ngoại châu là vào Tân-bình.

(2) Bát nghị 八議 là: Nghị thân 議親, nghị cố 議故, nghị hiền 議賢, nghị năng 議能, nghị công 議功, nghị quý 議貴, nghị cần 議勤, nghị lân 議有. Xem ở sách Chu-lễ thì biết rõ.

4. VIỆC CAI-TRỊ. Khi vua Thái-tổ mới ở Nghệ-an ra Đông-dô, thì đã chia nước ra làm bốn đạo, nay lại đặt thêm một đạo nữa gọi là Hải-tây-đạo, gồm cả Thanh-hóa, Nghệ-an, Tân-bình và Thuận-hóa.

Trong các đạo, đạo nào cũng có quan Hành-khiển 行憲 để giữ sổ-sách về việc quân-dân. Còn như các xã-thôn thì cứ xã nào hơn một 100 người trở lên, gọi là đại xã, đặt ba người xã quan; xã nào có 50 người trở lên, gọi là trung-xã, đặt hai xã quan, xã nào có 10 người trở lên gọi là tiểu xã, đặt một người xã quan để coi việc trong xã.

5. PHÉP QUÂN-ĐIỀN. Bấy giờ thường những người không có công-lao gì với nhà-nước thì lắm ruộng nhiều nương, mà những kẻ phải đánh đông dẹp bắc lao-lung khổ-sở, lúc về một tấc đất không có. Vì thế cho nên vua Thái-tổ định ra phép quân-điền 均田 để lấy công điền, công thổ mà chia cho mọi người, từ quan đại-thần cho đến những người già yếu cô quả, ai cũng có một phần ruộng, khiến cho sự giàu nghèo ở trong nước khỏi chênh-lệch lắm.

6. VIỆC BINH-LÍNH. Khi giặc Minh hãy còn ở nước Nam, thì phải cần có nhiều quân binh, cho nên lúc quân An-nam ta mới ra Đông-dô, cả thầy được 25 vạn, sau lấy được Đông-dô rồi cho 15 vạn về làm ăn, chỉ để lại 10 vạn để phòng-vệ mà thôi, nay lại chia quân ra làm 5 phiên, một phiên ở lại lưu ban còn bốn phiên cho về làm ruộng, cứ lần lượt thay đổi nhau mà về.

7. CÔNG-THẦN BỊ GIẾT. Vua Thái-tổ vẫn là một ông vua anh tài, đánh đuổi được giặc Minh, mà lại sửa-sang được nhiều công-việc ích-lợi cho nước, nhưng khi ngài lên làm vua rồi, có tính hay nghi-ngờ, chém giết những người công-thần như ông Trần nguyên Hân 陳元幹 và ông phạm văn Xảo 范文巧. Hai ông ấy giúp ngài đã có công to, về sau chỉ vì sự ghen-pha mà đều phải chết oan cả.

Nghĩ mà buồn thay cho mấy người công-thần đời xưa, chỉ làm về hai chữ công danh, mà đem tấm lòng son sắt đi phù-tá quân-vương trong lúc nguy-nan, mong được chút

hiền-vinh để cho thỏa cái chí trượng-phu ở đời. Ngờ đâu: chim bay đã hết, cung tốt cắt di, thỏ nhanh chết rồi, chó săn phải giết; đến khi công việc xong rồi, thì không những là một thân mình cũng không được trọn-vẹn mà cả họ-hàng thường cũng phải vạ lây. Thế mới biết chỉ có ông Trương tử Phòng 張子房 nhà Hán là người kiến cơ hơn cả!

Vua Thái-tổ làm vua được 6 năm thì mất, thọ được 49 tuổi.

II. LÊ THÁI - TÔNG (1434 - 1442)

Niên-hiệu: Thiệu-bình 紹平 (1434-1439)

Đại-bảo 大寶 (1440-1442)

Khi vua Thái-tông 太宗 lên làm vua thì ngài mới có 11 tuổi, cho nên công-việc gì cũng ở quan Phụ-chính là Lê Sát 黎察 quyết định hết cả.

Lê Sát là một người ít học nhưng vì trước theo vua Thái-tổ lập được công to, quan làm đến Đại-tư - đồ 大司徒. Nay làm Phụ-chính, thường hay cậy quyền, trái phép, làm nhiều điều kiêu-hãnh, hễ triều-thần ai là người không tông-phục thì tìm cách làm hại.

Vua Thái-tông tuy còn trẻ tuổi nhưng vốn có tính thông-minh, làm vua được ít lâu thì ra thân chính lấy, rồi giết Lê Sát đi để thu lấy quyền. Song cũng vì ít tuổi mà lại không có người phù-tá, cho nên sau thành ra say-đắm tửu sắc làm lắm điều không được chính-đính.

Đời Thái-tông làm vua thì trong nước phải mấy năm đại hạn, nước lụt và hoàng-trùng làm hại mùa-màng, dân phải đói khổ. Ở mạn mừng-mán lại có đôi ba đám giặc nổi lên làm loạn, có khi vua phải thân chinh đi đánh, có khi chỉ sai quan đi tiêu-trừ, cũng dẹp yên được. Còn việc giao-thiệp với những nước lân-bang, như Tiêm-la (Thái-lan), Chiêm-thành, Ai-lao thì những nước ấy đều có sứ-thần đi lại và thường có tiến cống cả.

Ở trong thì chỉnh-đốn việc thi-cử lại. Lệ cứ 5 năm một lần thi hương, 6 năm một lần thi hội. Phép thi thi kỳ đệ-nhất làm một bài kinh-nghĩa, bốn bài tứ-thư nghĩa, mỗi

bài phải 300 chữ trở lên ; kỳ đệ-nhị thì làm bài chiếu, bài chế và bài biểu ; kỳ đệ-tam làm bài thi phú ; kỳ đệ-tứ thì làm một bài văn sách phải 1.000 chữ trở lên.

Đến năm nhâm-tuất (1442) mở khoa thi tiến-sĩ, bao nhiêu những người thi đỗ đều được khắc tên vào bia đá để phần-chấn lòng người văn-học. Các tiến-sĩ được khắc tên vào bia ở Văn-miếu khởi đầu từ đấy.

Những cách-thức tiêu-dùng tiền và lụa vải ở trong nước cũng định lại cả ; cứ 60 đồng là một tiền ; lụa thì cứ dài 30 thước, rộng 1 thước 5 tấc trở lên là một tấm, các thứ vải thì hoặc dài 24 thước, hoặc 22 thước là một tấm ; giấy thì 100 tờ làm một tập.

Tháng bảy năm nhâm-tuất (1442), Thái-tông đi duyệt binh ở huyện Chi-linh. Bấy giờ ông Nguyễn Trãi đã về trí sĩ ở trại Côn-sơn 峯山, thuộc huyện Chi-linh. Khi vua đi qua đó có vào thăm, và thấy người hầu ông ấy là Nguyễn thị Lộ 阮氏路 có tài sắc, bèn bắt theo hầu. Đi đến huyện Gia-định (nay là huyện Gia-bình ở Bắc-ninh) thì vua mất. Triều-đình đổ tội cho Nguyễn thị Lộ giết vua, bắt ông Nguyễn Trãi làm tội và tru di cả ba họ.

Vua Thái-tông làm vua được 9 năm, thọ được 20 tuổi.

III. LÊ NHÂN-TÔNG (1443-1459)

Niên-hiệu : Đại-hòa 大和 (1443-1453)

Diên-ninh 延寧 (1454-1459)

Khi vua Thái-tông mất, thái-tử là Bàng Cơ mới lên 2 tuổi. Các quan đại-thần là bọn Lê Khả 黎可, Nguyễn Xi 阮熾, lập thái-tử lên làm vua, tức là Nhân-tông 仁宗, để bà Hoàng-thái-hậu ra thính chính.

Trong mấy năm bà thái-hậu cầm quyền, thì có mấy việc quan-trọng như là đặt ra 14 điều hộ-luật về việc tư diên ; đổi cách thi đề lấy người làm lại, bỏ thi ám-tả và thi kinh-

nghĩa, chỉ thi viết và thi tính mà thôi. Lại đào sông Bình-lỗ (3) ở tỉnh Thái-Nguyên để cho tiện đường vận-tải.

Còn ở ngoài, thì vua nước Chiêm-thành là Bí Cai 青荻 cứ hay sang cướp phá ở đất Hóa-châu. Triều-đình đã mấy phen sai quan vào đánh đuổi, nhưng vẫn không chữa. Đến năm bình-dần (1446) Triều-đình sai Lê Thu 黎受, Lê Khả 黎可 đem quân sang đánh Chiêm-thành lấy được thành Đồ-bàn, bắt được Bí Cai và cả phi tần đem về để ở Đông-kinh, rồi lập người cháu vua Bồ-đề là Mã-kha-qui-Lai lên làm vua.

Năm mậu-thìn (1448) lại có xứ Bồn-man 盆蠻 xin nội thuộc nước ta, đặt làm châu Qui-hợp 歸合. Đất Bồn-man phía đông-nam giáp tỉnh Nghệ-an, tỉnh Quảng-bình, phía tây-bắc giáp tỉnh Hưng-hóa, tỉnh Thanh-hóa.

Tuy vậy, nhưng vì bà Thái-hậu hay nghe những lời nói gièm, chém giết các quan cựu-thần như là Lê Khả 黎可, Lê khắc Phục 黎克復, làm cho nhiều người không phục.

Năm quý-dậu (1453), Nhân-tông mới bắt đầu thân chính. Trước hết ngài truy-tặng cho những người công-thần và cấp ruộng quan-diền cho con cháu các ông Lê Sát, Lê Ngân, và Lê khắc Phục.

Lại sai ông Phan phù Tiên 潘孚先 làm bộ quốc-sử kể từ vua Thái-tông nhà Trần cho đến khi thuộc nhà Minh, cả thấy là 10 quyển.

Trước các vương-hầu và các quan văn-vũ đều cứ theo phẩm-hàm của mình mà ăn lộc lấy thuế trong 50 hộ hay là 100-hộ. Nay Nhân-tông lại cho thêm tiền thuế bằng nữa.

Vua Nhân-tông có lẽ cũng nên được một ông vua hiền, nhưng chẳng may ngài có người anh là Lạng-sơn-vương Nghi Dân 宜民, trước đã làm Thái-tử, sau vì người mẹ phải tội cho nên phải bỏ. Đến năm kỷ-mão (1459), Nghi Dân đồng mưu với bọn Lê đắc Ninh 黎得寧, Phạm Đồn 范屯,

(3) «*Khâm-định Việt-sử*» chép rằng sông Bình-lỗ chảy từ Thái-nguyên về đến Phù-lộ, thì có lẽ sông Bình-lỗ là sông Cà-lỗ chăng?

Phan Ban 潘般 và Trần Lăng 陳陵 nửa đêm trèo thành vào giết Nhân-tông và Hoàng-thái-hậu, tự xưng làm vua, rồi cho sứ sang Tàu cầu phong.

Nhân-tông trị-vi được 17 năm, thọ 19 tuổi.

IV. LÊ THÁNH-TÔNG (1460-1497)

Niên-hiệu: Quang-thuận 光順 (1460-1469)

Hồng-đức 洪德 (1470-1497)

Nghi Dân cướp ngôi vua được 8 tháng, nhưng vì tính hay nghe lời đũa-nịnh, chém giết kẻ cự thần, cho nên lòng người không ai phục, đến tháng sáu năm canh-thìn (1460) các quan đại-thần là bọn Nguyễn Xi 阮熾, Đinh Liệt 丁列 mưu chém Phạm Đồn 范屯 và Phan Ban 潘般 ở giữa nghị-sự-đường, rồi đóng cửa thành lại vào bắt Nghi Dân giết đi, rước con thứ tư vua Thái-tông là Bình-nguyên-vương Tư Thành 平元王 思誠 lên làm vua, tức là vua Thánh-tông 聖宗.

Thánh-tông là một ông vua thông-minh, thờ mẹ rất có hiếu, ở với bề tôi dãi lấy lòng thành. Ngài trị-vi được 38 năm, sửa-sang được nhiều việc chính-trị, mở-mang sự học-hành, chỉnh-đốn các việc vũ-bị, đánh dẹp nước Chiêm, nước Lào, mở thêm bờ-cõi, khiến cho nước Nam ta bấy giờ được văn-minh thêm ra và lại lừng-lấy một phương, kể từ xưa đến nay chưa bao giờ cường-thịnh như vậy.

Thánh-tông lên ngôi rồi phong tước và cấp ruộng quan điền cho các công-thần. Ngài lại truy-tặng những người công-thần bị giết oan ngày trước, và cho tìm con cháu ông Nguyễn Trãi về, cấp cho 100 mẫu ruộng để phụng-thờ tổ-tiên.

Những người mà được quốc-tính, nay ngài cho phục-tính lại để cho khỏi mất tên họ.

1. VIỆC CAI-TRỊ. Từ trước đến giờ triều-chính vẫn theo lối cũ của nhà Trần: trên thì có tả hữu Tương-quốc 相國, rồi đến Lễ-bộ, Lại-bộ, Nội-các-viện, Trung-thư, Hoàng-môn, và ba sở Môn-hạ, lại có ngũ-đạo Hành-khiển để coi sổ-sách quân-dân các đạo. Đến khi Nghi Dân cướp ngôi, đặt ra lục Bộ và lục Khoa. Lục bộ là: Lại-bộ 吏部, Hộ-bộ 戶部, Lễ-bộ 禮部,

Binh-bộ 兵部, Công-bộ 工部 và Hình-bộ 刑部. Lục khoa là: Lại-khoa 吏科, Lễ-khoa 禮科, Binh-khoa 兵科, Hình-khoa 刑科, Hộ-khoa 戶科 và Công-khoa 工科.

Quan lục bộ thì có Thượng-thư 尚書 làm đầu, rồi đến tả hữu Thị-lang 侍郎, Lang-trung 郎中, Viên-ngoại-lang 員外郎, Tư-vụ 司務.

Thánh-tông đặt thêm ra lục tự là: Đại-lý-tự 大理寺, Thái-thường-tự 太常寺, Quang-lộc-tự 光祿寺, Thái-bộc-tự 太僕寺, Hồng-lô-tự 鴻臚寺, Thượng-bảo-tự 尚寶寺. Quan Lục tự thì có Tự-khanh 寺卿, Thiểu-khanh 少卿 và Tự-thừa 寺丞.

Ngài lại lập ra quan chế và lễ-nghi theo như bên Tàu. Các quan văn võ có phần ruộng đất, lại được tiền tuế bổng. Nhưng ai mà làm điều gì những-lạm, thì đều phải nghiêm trị.

Ngài lại định lệ trí sĩ, cho các quan nội ngoại: ai làm quan đến 65 tuổi thì được xin về trí sĩ, còn những người làm nha-lại đến 60 tuổi cũng được xin về.

Trước vua Thái-tổ chia ra làm 5 đạo, có phủ, lộ, trấn, châu, huyện, xã. Đạo thì đặt quan Hành-khiển 行遣, Tuyên-phủ chánh phó sứ 宣撫正副使; phủ thì đặt Tri-phủ 知府; lộ thì đặt An-phủ-sứ 安撫使; trấn thì đặt Trấn-phủ-sứ 鎮撫使; châu thì đặt Phòng-ngự-sứ 防禦使; huyện thì đặt Chuyển-vận-sứ 轉運使 và Tuần-sát-sứ 巡察使; xã thì đặt Xã-quan 社官.

Thánh-tông chia nước ra làm 12 đạo là Thanh-hóa, Nghệ-an, Thuận-hóa, Thiên-trường, Nam-sách, Quốc-oai, Bắc-giang, An-bang, Hưng-hóa, Tuyên-quang, Thái-nguyên, Lạng-son. Mỗi đạo có tòa Đô 都, Tòa thừa 承 và tòa Hiến 憲. Tòa Đô thì có chánh phó Đô-tổng-binh 都總兵, coi về việc binh; tòa Thừa thì có Thừa-chính 承政 chánh-phó sứ, coi về việc chính; tòa Hiến thì có Hiến-sát 憲察 chánh-phó sứ, coi về việc hình.

Lại đặt ra chức Giám sát-ngự-sứ 監察御史 để đi xem xét công-việc ở các đạo cho khỏi sự nhũng-nhiều.

Sau nhân có đất Quảng-nam mới lấy của Chiêm-thành lại đặt làm 13 xứ là Thanh-hóa, Nghệ-an, Sơn-nam, (trước là Thiên-trường), Sơn-tây (trước là Quốc-oai), Kinh-bắc

(trước là Bắc-giang), Hải-dương (trước là Nam-sách) Thái-nguyên, Tuyên-quang, Hưng-hóa, Lạng-son, An-bang, Thuận-hóa, Quảng-nam. Ở những xứ hiểm-yếu như Nghệ-an, Thuận-hóa, Tuyên-quang, Hưng-hóa, Thái-nguyên, Lạng-son, Quảng-nam đều đặt chức Thủ-ngự kinh-lược-sứ 守禦經略使 để phòng giữ. Trong 13 xứ ấy lại chia làm 52 phủ, 172 huyện và 50 châu. Còn ở dưới phủ huyện thì có hương, phường, xã, thôn, trang, sách, động, nguyên, trưởng cả thảy là 8.006.

2. VIỆC THUẾ-LỆ. Bấy giờ thuế đinh mỗi người đồng niên đóng 8 tiền; còn thuế ruộng, thuế đất và thuế đất bãi trồng dâu thì cứ kể mẫu mà đóng thuế, mà thứ đất nào cũng chia ra làm ba hạng.

Việc làm sổ hộ, thì cứ 6 năm một kỳ, quan phủ huyện phải dẫn các xã-trưởng về Kinh để khai số hộ-khẩu ở các xã.

3. VIỆC CANH-NÔNG. Vua Thánh-tông lấy sự nông-tang làm trọng, cho nên ngài chú ý về việc ấy lắm. Thường thường ngài sắc cho phủ huyện phải hết sức khuyến bảo dân làm việc cày ruộng trồng dâu.

Đặt quan Hà-dê và quan Khuyến-nông để coi việc cày cấy trong nước. Bắt quan Hộ-bộ và quan Thừa-chính ở các xứ phải tâu cho ngài biết những đất bỏ hoang để bắt phủ huyện đốc dân phu khai-khẩn làm ruộng.

Lập ra cả thảy 42 sở đồn-diên, đặt quan để trông-nom sự khai-khẩn, khiến cho dân khỏi phải đói-khổ.

4. NHÀ TẾ-SINH. Vua Thánh-tông lại lo đến các chứng bệnh làm hại dân. Ngài lập nhà Tế-sinh để nuôi những người đau-yếu, và khi nào ở đâu có dịch tễ thì sai quan đem thuốc đi chữa bệnh.

5. VIỆC SỬA PHONG-TỤC. Dân ta bấy giờ sùng-tín đạo Phật, hay làm đình làm chùa. Những lễ hôn và lễ tang thì làm những điều trái với lễ thường, như là nhà nào có tang-chế thì làm cỗ bàn ăn-uống, rồi bày ra các trò hát xướng, làm một cuộc vui chơi. Lễ hôn thì ăn lễ hỏi rồi, để ba bốn năm mới cho rước dâu về nhà chồng.

Thánh-tông cấm không cho làm chùa mới, để tiền-của và công-phu mà làm việc có ích. Cấm những nhà có lễ tang không được bày cuộc hát xướng. Việc hôn thì khi đã nhận lễ hỏi rồi, phải chọn ngày cho rước dâu, và lệ cử cưới rồi ngày hôm sau đi chào cha mẹ, ba ngày thì đi lễ từ đường.

Ngài lại đặt ra 24 điều, sức cho dân-xã thường thường giảng đọc để giữ lấy thói tốt :

1. Cha mẹ dạy con phải có phép-tắc, trai gái đều có nghề-nghiệp, không được rượu-chè cờ - bạc, tập nghề hát - xướng để hại phong-tục.

2. Người gia-trưởng tự mình phải giữ lễ-phép để cho cả nhà bắt-chước; nếu con em làm càn, thì bắt tội người gia trưởng.

3. Vợ chồng cần-kiệm làm ăn, ăn-nghĩa trọn- vẹn, duy chỉ có khi nào người vợ phạm tội thất xuất 七 出 thì mới được bỏ, chứ không được khiến ái 妻 愛 cầu dung 苟 容 làm hại đến phong-hóa.

4. Làm kẻ tử-đệ nên yêu - mến anh em, hòa - thuận với hương-đảng, phải lấy lễ-nghĩa mà cư-xử; nếu trái phép thì người tôn-trưởng đánh-đập dạy-bảo, có tội to thì phải đem nộp quan để trừng-trị.

5. Ở chốn hương-đảng tông-tộc, có việc hoạn-nạn thì phải giúp-đỡ lẫn nhau; nếu ai có tiếng là người hạnh-nghĩa tốt, thì các quan phủ huyện sở tại phải bằ lên tòa Thừa, tòa Hiến, để tâu vua mà tình biếu cho.

6. Đàn-bà có lỗi mà cha mẹ và chồng đã trừng-trị thì nên phải sửa mình dỗi lỗi, không được tự-tiện trốn đi, làm hư mất nết đàn-bà.

7. Người đàn-bà góa không được chứa những đũa trai trẻ ở trong nhà, nói dối là con nuôi để âm hành những việc gian dâm.

8. Người đàn-bà góa chồng, đối với các con vợ cả, hoặc vợ lẽ, nàng hầu, nên có lòng thương-xót, không được mưu-mô để chiếm-đoạt gia-tài làm của riêng mình.

9. Đàn-bà góa chồng, chưa có con-cái, phải ở nhà chồng để giữ đủ tang-lễ, không được chuyển-vận, của-cải mang về nhà mình.

10. Làm đàn-bà thì phải theo chồng, không được cậy cha mẹ mình phú-quí mà khinh nhà chồng, nếu không như thế thì bắt tội đến cha mẹ.

11. Kẻ sĩ-phu nên quý phẩm-hạnh và giữ phép quan, nếu cứ xu-nịnh những kẻ quyền quí để cậy thế làm càn thì phải cách bỏ đi không kể đến nữa.

12. Kẻ điền-lại chỉ việc giữ sổ-sách giấy-má để làm việc quan, nếu làm những sự diên-đảo án tù, thì quan trên sẽ xét ra mà trừng-trị.

13. Quan dân đều phải hiếu-đễ, và chăm-chỉ làm ruộng, cùng giúp-dỡ lẫn nhau; khi đi làm việc quan, không được trễ-biếng, trốn-tránh. Nếu ai có tiếng là người lương-thiện thì các quan phủ huyện phải trình tòa Thừa, tòa Hiến đề tâu mà tinh biểu cho.

14. Kẻ thương-mãi phải tùy thời giá mà buôn-bán với nhau, không được thay đổi thưng dẫu, và tụ-tập đồ-dăng để đi trộm-cướp; nếu phạm điều ấy thì trị tội rất nặng.

15. Việc hôn-gia tế-tự phải giữ lễ-phép, không được làm càn.

16. Chỗ dân-gian có mở trường du-hí hoặc cúng-tế, thì con-trai con-gái đến xem, không được đứng lẫn lộn, để khỏi thói dâm.

17. Các hàng quán bên đường, có phụ-nữ đi xa đến trọ, thì phải phòng giữ. Nếu để hà-hiếp ô-nhục người ta, việc phát-giác ra, thì người phạm cùng với chủ nhà đều phải trị tội cả.

18. Phủ huyện phải lập bia ở các nơi sở-tại để cấm con-trai con-gái không được cùng tắm một bến, để cho có phân biệt.

19. Các xã-thôn phải chọn một vài người già-cả, đạo-đức làm trưởng, những ngày thông-thả đem dân ra đình,

tuyên giảng những lời cáo dụ, để khiến dân bắt-chước làm điều thiện, thành ra mỹ tục.

20. Trong hạt phủ huyện có kẻ cường-hào xâm-chiếm điền-thổ, ức-hiếp cô-độc và xui-dục người ta kiện-tụng, thì cho xã-thôn cáo giác lên để quan xử-trị, nếu mà ần-nặc thì phải biếm-bãi.

21. Các nhà vương, công, đại-thần dung túng những đưa tiểu-nhân, đưa người khấn lễ, và để cho người nhà đi ức-hiếp dân-gian mà mua rẻ các đồ vật, thì cho dân được đầu cáo để trọng trị.

22. Những người làm quan phủ, huyện mà biết khuyên-bảo dân-gian làm điều lễ-nghĩa khiêm-nhượng, có quan Thừa-chính, Hiến-sát xét thực, thì được cho vào hạng tốt; nếu ai không chăm dạy-bảo dân thì cho là người không xứng chức.

23. Các người huynh-trưởng ở chốn xã-thôn và phường biết dạy-bảo con em trong làng cho nên được phong-tục tốt, thì quan phủ huyện phải bẩm tâu Thừa, tâu Hiến để tâu vua ban khen cho.

24. Các dân mừng-mán ở ngoài bờ-cõi, nên giữ lời di-huấn, không được trái đạo luân-thường như cha, anh, chú, bác đã chết thì con em không được chiếm lấy những thê-thiếp, nếu mà trái phép, thì sẽ trị tội rất nặng.

6. ĐỊA-ĐỒ NƯỚC NAM. Từ xưa đến nay nước Nam ta vẫn không có địa-đồ, Thái tông bèn sai quan ở các đạo xem xét ở trong hạt mình có những núi sông gì, hiểm-trở thế nào phải vẽ địa-đồ ra cho rõ-ràng và chỗ nào tự cổ chí kim có những sự-tích gì phải ghi-chép vào cho tường-tận, rồi gửi về bộ Hộ để làm quyền địa-dư nước ta.

7. ĐẠI-VIỆT SỬ-KÝ. Thành-tông sai Ngô sĩ Liên 吳士連 làm bộ Đại-Việt sử-ký 大越史記 chia ra làm 2 bản. Một bản kể từ Hồng-bàng-thị cho đến thập-nhị Sứ-quân có 5 quyền. Một bản kể từ Đinh Tiên-hoàng cho đến Lê Thái-tổ có 10 quyền. Cả thảy là 15 quyền.

8. VIỆC VĂN-HỌC. Vua Thánh-tông định phép thi hương, sửa phép thi hội, để chọn lấy nhân-tài. Thường ngài ra làm chủ các kỳ thi đình, và ngài lập ra lệ xướng danh các Tiến sĩ và lệ cho về vinh qui.

Ngài mở rộng nhà Thái-học 太學 ra. Phía trước thì làm nhà Văn-miếu, phía sau thì làm nhà Thái-học, và làm ra các phòng ốc để cho những kẻ sinh-viên ở học. Làm kho Bí-thư để mà chứa sách. Sự học bấy giờ càng ngày càng mở-mang thêm.

Ngài lại hay ngâm thi, đặt ra Quỳnh-uyển cửu-ca 璚苑九歌, xưng làm Tao-dân nguyên-súy 騷壇元帥, cùng với kẻ triều-thần là bốn ông Thân nhân Trung 申仁忠, Đỗ Nhuận 杜潤, cả thấy 28 người xướng họa với nhau. Non xanh nước biếc chỗ nào cũng có thơ của ngài.

Ngài sai ông Thân nhân Trung và ông Đỗ Nhuận làm bộ Thiên-nam dư-hạ-tập 天南餘暇集, 100 quyển nói về việc chính là hình-luật đời Hồng-đức. Ngài làm ra một quyển Thân-chính ký-sự 親征記事, kể việc ngài đi đánh Chiêm-thành, Lão-quá và các mường.

9. VIỆC VÕ-BỊ. Tuy rằng vua Thánh-tông hết lòng sửa-sang mọi việc trong nước, nhưng ngài cũng hiểu rằng phạm một nước mà cường-thịnh thì tất là phải có võ-bị, cho nên ngài bắt các quan tổng-binh phải chăm giảng-tập trận đồ, phải luyện-tập sĩ-tốt để phòng khi có việc.

Ngài đổi năm Vệ-quân ra làm năm phủ là: Trung-quân phủ, nam-quân-phủ, bắc-quân phủ, đông-quân phủ, và tây-quân phủ. Mỗi một phủ thì có 6 vệ, mỗi vệ có 5 hay là 6 sở, mỗi sở có số quân độ 400 người. Quân cả 5 phủ ước chừng độ 6.7 vạn người. Ngài lại đặt ra 31 điều quân lệnh để tập thủy trận; 42 điều để tập bộ trận.

Lại đặt ra lệ cứ ba năm một kỳ thi võ. Tướng-sĩ ai đậu thì thưởng, ai hỏng thì phạt, để khiến mọi người đều vui lòng về việc võ-bị.

Đời vua Thánh-tông mấy năm về trước cũng được yên

ôn, nhưng mấy năm về sau thì phải chinh-chiến nhiều lần. Khi thì phải đánh giặc Lào, khi thì đánh những giặc cỏ ở trong nước; nhưng chỉ có đánh Chiêm-thành, đánh Lão-quá và đánh Bồn-man là phải dùng đến đại binh.

10. ĐÁNH CHIÊM-THÀNH. Năm canh-thìn (1470) là năm Hồng-đức nguyên-niên, vua nước Chiêm-thành là Trà Toàn 茶全 muốn sinh sự với nước Nam. Một mặt thì cho người sang cầu viện-binh bên nhà Minh, một mặt thì đem quân sang đánh phá ở đất Hóa-châu.

Vua Thánh-tông cho sứ sang Tàu kể chuyện Trà Toàn làm nhiễu, rồi ngài tự làm tướng, cử đại-binh hơn 20 vạn sang đánh Chiêm-thành; khi quân vào đến Thuận-hóa, Thánh-tông đóng quân lại để luyện-tập và sai người lên sang vẽ địa-đồ nước Chiêm-thành để biết cho rõ chỗ hiểm chỗ không rồi mới tiến binh lên đánh lấy cửa Thị-nại (cửa Bình-định).

Trà Toàn đánh thua, rút quân về giữ kinh-thành Đồ-bàn. Quân An-nam kéo đến vây đánh, phá được thành, bắt được Trà Toàn.

Bấy giờ có tướng Chiêm-thành là Bồ tri Tri 通持特 chạy về đất Phan-lung, sai sứ vào cống và xin xưng thần. Thánh-tông có ý muốn làm cho nước Chiêm yếu thế đi, mới chia đất ra làm ba nước, phong làm ba vua, một nước gọi là Chiêm-thành, một là Hóa-anh và một nước nữa là Nam-phan.

Còn đất Đồ-bàn, đất Đại-chiêm và đất Cồ-lũy thì vua Thánh-tông lấy để lập thêm đạo Quảng-nam, có 3 phủ, 9 huyện, rồi đặt quan cai-trị, và chọn dân đinh từ 15 tuổi trở lên, ai là người thông-minh ham học thì cho làm sinh-đồ, để dạy cho sự học-hành và sự lễ-ngĩa.

Khi Trà Toàn đã phải bắt rồi, em là Trà Toại trốn vào núi, sai người sang kêu với nhà Minh và xin phong làm vua. Thánh-tông biết tin ấy liền sai ông Lê Niệm 黎念 đem 3 vạn quân vào bắt được Trà Toại giải về kinh-sư. Sau vua nhà Minh có sai sứ sang bảo ngài phải trả đất Chiêm-thành, nhưng ngài không chịu.

Từ khi vua Thánh-tông đánh được Chiêm-thành rồi, thanh-thế nước Nam lừng-lẫy, nước Lào và các mường ở phía tây đều về triều cống cả.

11. ĐÁNH LÃO-QUA. Đến năm kỷ-hợi (1479) có tù-trưởng xứ Bồn-man là Cầm Công 琴公 có ý làm phản, xui người Lão-quá (4) đem binh quấy-nhiều ở miền tây nước ta. Thánh-tông liền sai quan Thái-úy là Lê thọ Vực 黎壽域 cùng với các tướng-quân là Trịnh công Lộ 鄭公路, Lê đình Ngạn 黎廷彦, Lê Long 黎弄 và Lê nhân Hiếu 黎仁孝 chia làm 5 đạo đi từ Nghệ-an, Thanh-hóa và Hưng-hóa sang đánh đuổi vua Lão-quá đến sông Kim-sa (5) giáp với nước Diên-diện. Trận ấy quân An-nam được toàn thắng.

12. ĐÁNH BỒN-MAN. Gây nên sự đánh Lão-quá là cũng vì họ Cầm ở Bồn-man muốn làm điều phản-ngịch.

Nguyên đất Bồn-man trước đã xin nội thuộc, đổi làm châu Qui-hợp, nhưng vẫn để cho tù-trưởng là họ Cầm được đời đời làm Phụ-đạo. Sau đổi làm Trấn-ninh phủ 鎮寧府, có 7 huyện, và đặt quan phủ huyện để giám-trị. Nay Cầm Công cậy có người Lão-quá giúp-đỡ, bèn đuổi quân An-nam đi, chiếm lấy đất, rồi đem quân chống giữ với quan quân.

Thánh-tông bèn ngự giá thân-chính, nhưng đi đến Phù-liệt, được tin thắng trận của quân ta sang đánh Lão-quá, ngài trở về, sai ông Lê Niệm đem binh đi đánh. Cầm Công đánh thua chết, còn những người Bồn-man xin hàng.

Thánh-tông phong cho người họ Cầm Công là Cầm Đông 琴冬 làm Tuyên-úy-đại-sứ và đặt quan cai-trị như trước.

13. VIỆC GIAO-THIỆP VỚI TÀU. Nước ta bây giờ tuy phải theo lệ xưng thần với nhà Minh, nhưng vua Thánh-tông

(4) Lão-quá, là đất thượng Lào ở về phía tây Bắc-Việt bây giờ tức là Louang-Prabang. Có khi gọi là nước Nam-chương.

(5) Theo địa-dư nước Tàu, thì Kim-sa-giang là khúc trên sông Trường-giang. Sông ấy chảy ở phía bắc qua tỉnh Tây-khương và Tứ-xuyên. Đây có lẽ là nhà chép sử lẫn với khúc sông Lan-thương-giang là khúc trên Cửu-long-giang.

vẫn hết lòng phòng-bị mặt bắc. Thịnh-thoảng có những người thổ-dân sang quấy-nhiều, thì lập tức cho quan quân lên tiêu-trừ và cho sứ sang Tàu để phân-giải mọi sự cho minh-bạch. Có một hôm được tin rằng người nhà Minh đem binh đi qua địa-giới, Thánh-tông liền cho người lên do-thăm thực-hư. Ngài bảo với triều-thần rằng : *«Ta phải giữ-gìn cho cẩn-thận, đừng để cho ai lấy mất một phân núi, một tấc sông của vua Thái-tổ để lại.»* Ngài có lòng vì nước như thế, cho nên dầu nước Tàu có ý muốn dòm-ngó cũng không dám làm gì. Vả lại quân An-nam bấy giờ đi đánh Lào, dẹp Chiêm, thanh-thế bao nhiêu, nhà Minh cũng phải lấy lễ-nghĩa mà đãi An-nam, cho nên sự giao-thiệp của hai nước vẫn được hòa-bình.

Xem những công việc của vua Thánh-tông thì ngài thật là một đấng anh-quân. Những sự văn-trị và sự võ-công ở nước Nam ta không có đời nào thịnh hơn đời Hồng-đức. Nhờ có vua Thái-tổ thì giang-sơn nước Nam mới còn, và nhờ có vua Thánh-tông thì văn-hóa nước ta mới thịnh, vậy nên người An-nam ta không bao giờ quên công-đức hai ông vua ấy.

Thánh-tông làm vua được 38 năm thọ được 56 tuổi.

V. LÊ HIỂN - TÔNG (1407 - 1504)

Niên-hiệu : Cảnh-thống 景統

Thái-tử là Tăng 增 lên nối ngôi làm vua, tức là vua Hiến-tông 憲宗.

Ngài là một ông vua thông-minh hòa-hậu. Thường khi bãi triều rồi, ngài ra ngồi, nói chuyện với các quan, hễ ai có điều gì trái phải, ngài lấy lời êm-ái mà nhủ-bảo, chứ không gắt-mắng bao giờ. Ngài vẫn hay nói rằng : *«Vua Thái-tổ đã gây-dựng nên cơ-đồ, vua Thánh-tông đã sửa-sang mọi việc, ta nay chỉ nên lo gìn-giữ nếp cũ, và mở-mang sự nhân-chính ra cho sáng rõ công-đức của ông cha trước.»*

Ngài theo cái chủ-ý ấy mà trị dân, cho nên trong mấy năm ngài làm vua không có giặc-giã gì, mà những việc chính-trị đều theo như đời Hồng-đức, chứ không thay-đổi gì cả.

Nhất là về việc cày ruộng trồng dâu, ngài lưu tâm khuyên-nhủ quan dân, khiến mọi người phải hết sức giữ-gìn, bắt đào sông, khai ngòi, đắp đường, làm xe nước, để cho tiện việc vệ nông. Việc văn-học cũng vậy, không bao giờ ngài để trễ-nải. Nhưng ngài trị-vi được có 7 năm thì mất, thọ được 44 tuổi.

VI. LÊ TÚC - TÔNG (1504) VÀ LÊ UY - MỤC (1505 - 1509)

Niên-hiệu : Thái-trinh 泰 貞 và Đoan-khánh 端 慶

Hiển-tông mất, truyền ngòi lại cho người con thứ ba tên là Thuần, tức là vua Túc-tông 肅 宗.

Túc-tông làm vua được 6 tháng thì mất. Triều-đình tôn người anh thứ hai của ngài là Tuấn 濬 lên làm vua, tức là vua Uy-mục 威 穆.

Từ vua Uy-mục trở đi thi cơ-nghiệp nhà Lê mỗi ngày một suy dần, vì rằng từ đó về sau không có ông vua nào làm được việc nhân-chính, và lại thường hay say-đắm tửu-sắc, làm những điều tàn-ác, cho nên thành ra sự giặc-giã, thoán-đoạt, đến nỗi về sau dầu có trung-hưng lên được, nhưng quyền chính-trị vẫn về tay kẻ cường-thần.

Vua Uy-mục mới lên làm vua thì giết tồ-mẫu là bà Thái-hoàng Thái-hậu, giết quan Lê-bộ Thượng-thư là ông Đàm văn Lê 覃 文 禮 và quan Đô-ngự-sử là ông Nguyễn quang Bật 阮 光 弼, vì lẽ rằng khi vua Hiển-tông mất, bà Thái-hậu và hai ông ấy có ý không chịu lập ngài.

Đã làm điều bạo-ngược, lại say đắm tửu-sắc; đêm nào cũng cùng với cung-nhân uống rượu, rồi đến khi say thì giết đi. Có khi bắt quân sĩ lấy gậy đánh nhau để làm trò chơi. Tính đã hung-ác, mà lại hay phản-trắc. Cho nên sử Tàu sang làm thơ gọi Uy-mục là Quỉ-vương 鬼 王.

Bấy giờ Uy-mục lại hay tin dùng mấy kẻ ngoại thích và tìm những người có sức mạnh để làm túc-vệ. Bởi thế cho nên Mạc đăng Dung 莫 登 庸 là người đánh cá vào thi đồ đồ-lực-sĩ, được làm chức Đô-chỉ-huy-sứ 都 指揮 使. Còn

những tôn-thất và công-thần thì bị đánh-đuổi, dân sự thì bị hà-hiếp, lòng người ta-oán, thiên-hạ mất cả trông-cậy, triều-thần có nhiều người bỏ quan trốn đi.

Tháng chạp năm kỷ-tị (1509). có Giản-tu-công tên là Oanh 簡休公 濬 cháu vua Thánh-tông, là anh em con chú con bác với ngài, bị bắt giam. Ông rút tiền cho người canh ngục mới được ra, trốn về Tây-đô, rồi hội với các quan cựu-thần đem binh ra đánh bắt vua Uy-mục và Hoàng-hậu Trần-thị giết đi.

VII. LÊ TƯƠNG-DỰC (1510 - 1518)

Niên-hiệu: Hồng-thuận 洪順

Giản-tu-công giết vua Uy-mục rồi tự lập làm vua, tức là vua Tương-dực 襄翼.

Vua Tương-dực tính hay chơi-bời và xa-xỉ, như là sai người thợ tên là Vũ như Tô 武如蘇 làm cái điện 100 nóc, xây cái Cửu-trùng-đài, bắt quân dân làm trong mấy năm trời không xong, mà thật là hao-tồn tiền-của, chết hại nhiều người. Rồi lại đóng chiến-thuyền bắt đàn-bà chèo chơi ở hồ Tây. Lại tư-thông cả với những cung-nhân đời tiền triều. Vì hoang dâm như thế, cho nên sứ nhà Minh sang trông thấy ngài, bảo rằng ngài là *tướng lợn*, sự loạn-vong chắc là sắp tới vậy.

1. VIỆC THUẾ-MÁ. Việc thuế-má lúc bấy giờ thì đại-khải cũng như mấy triều trước, nhưng không biết rõ tiền-tài sản-vật đồng-niên thu được những gì. Đến đời vua Tương-dực thấy sứ chép rằng trước thì thuế vàng thuế bạc đồng niên thu được:

Vàng mười, thứ tốt gọi là «kiêm-kim» . . . 480 lượng

Vàng mười 2.883 —

Bạc 4.930 —

Nay vua Tương-dực định lệ đổi lại mỗi năm thu được:

Vàng mười thứ «kiêm-kim» 449 —

Vàng mười 2.901 —

Bạc 6.125 —

Những vàng bạc ấy là nộp vào kho để cho vua tiêu-dùng. Còn cách thu-nộp thế nào thì không rõ.

2. ĐẠI-VIỆT THÔNG-GIÁM. Đời bấy giờ có quan Binh-bộ Thượng-thư là ông Vũ Quỳnh 武瓊 làm xong bộ Đại-Việt thông-giám 大越通鑑; chia ra từ họ Hồng-Bàng cho đến thập-nhị Sứ-quân làm ngoại-kỷ, còn từ Đinh Tiên-hoàng đến Lê Thái-tổ làm bản-kỷ, cả thảy là 26 quyển. Vua sai ông Lê Tung 黎嵩, soạn bài tổng-luận về bộ sử ấy.

3. SỰ BIẾN-LOẠN. Thời bấy giờ vua thì hoang chơi, triều-thần thì tuy là có bọn ông Nguyễn văn Lang 阮文郎, ông Lê Tung 黎嵩, ông Lương đắc Bạng 梁得朋, v.v... nhưng người thì già chết, người thì xin thôi quan về. Vả cũng không có ai là người có thể ngăn giữ được vua và kinh-doanh được việc nước, cho nên trong nước giặc-giã nổi lên khắp cả mọi nơi. Ở đất Kinh-bắc thì có Thân duy Nhạc 申維岳, Ngô văn Tông 吳文總, làm loạn ở huyện Đông-ngan và huyện Gia-lâm; đất Sơn-tây thì có Trần Tuấn 陳珣 đánh phá. Lại có tên Phùng Chương 馮章 làm giặc ở núi Tam-đảo; Trần công Ninh 陳公寧 chống giữ ở huyện An-lãng. Đất Nghệ-an thì có Lê Hy 黎熙, Trịnh Hưng 鄭興, Lê văn Triệt 黎文徹 làm phản. Lại ở huyện Thủy-đường (Hải-dương) có Trần Cao 陳高, thấy sấm nói rằng ở phương đông có thiên-tử khí, bèn cùng với đồ-đảng đánh lấy đất Hải-dương, Thủy-đường, Đông-triều, rồi tự xưng là vua Đế-thích giáng sinh, bởi thế thiên-hạ theo có hàng vạn người.

Trần Cao đem quân về đóng ở đất Bồ-đề, bên kia sông Nhị-hà, chực sang lấy Kinh-đô. Sau quan quân sang đánh, Trần Cao lui về đóng ở Châu-sơn, thuộc phủ Từ-sơn. Vua sai An-hòa-hầu là Nguyễn hoằng Dụ 阮弘裕 sang đóng quân ở Bồ-đề để chống giữ.

Tuy trong nước giặc cướp như thế, nhưng vua cũng không chịu sửa-sang việc gì cả, lại khinh-dễ các quan triều-thần. Bấy giờ có Nguyên-quận-công là Trịnh duy Sản 鄭惟僊, trước vẫn có công đi đánh giặc, nhưng sau vì hay can vua mà phải đánh. Trịnh duy Sản tức giận bèn mưu

với Lê quang Độ 黎廣度 và Trình chí Sâm 程志森 để lập vua khác, rồi giả mượn tiếng đi đánh giặc, đem đem binh vào cửa Bắc-thần giết vua Trương-dực.

Ngài trị-vi được 8 năm, thọ được 24 tuổi.

VIII. LÊ CHIÊU-TÔNG VÀ LÊ CUNG-HOÀNG

(1516-1527)

Niên-hiệu: Quang-thiệu 光紹 (1516-1526)

Thống-nguyên 統元 (1527)

Bọn Trịnh duy Sản giết vua Trương-dực rồi, hội triều-đình lại định lập con Mục-ý-vương là Quang Trị 光治, mới có 8 tuổi, nhưng Võ-tá-hầu là Phùng Mai 馮邁 bàn nên lập cháu ba đời vua Thánh-tông là con Cầm-giang-vương tên là Ý 持, đã 14 tuổi. Đảng Trịnh duy Sản bắt Phùng Mai chém ngay ở chỗ nghị-sự, rồi lập Quang Trị. Quang Trị mới làm vua được ba ngày, chưa kịp đổi niên-hiệu, thì bị Trịnh duy Đại 鄭惟大 là anh Trịnh duy Sản đem vào Tây-kinh. Quang Trị vào đây được mấy ngày lại bị giết.

Lúc trong Triều còn đang rối loạn, chưa biết ai là vua thì Nguyễn hoằng Dụ 阮弘裕 ở bên Bồ-đề được tin Trịnh duy Sản đã giết vua Trương dực, bèn đem quân về đốt phá Kinh-thành và bắt Vũ như Tô, là người đốc việc làm đền-dải cho vua Trương dực, đem chém ở ngoài thành.

Bọn Trịnh duy Sản lại lập con Cầm-giang-vương là Ý 持 lên làm vua, tức là vua Chiêu-tông 昭宗.

Nhưng bây giờ Kinh-thành đã bị tàn-phá rồi, Trịnh duy Sản phải rước vua vào Tây-kinh.

1. GIẶC TRẦN CAO QUẤY-NHIỀU Ở ĐÔNG-ĐÔ. Giặc Trần Cao thấy Triều-đình đã bỏ kinh-đô, bèn đem quân sang chiếm lấy, rồi tiếm hiệu làm vua.

Triều-đình vào đến Tây-kinh, truyền hịch đi các nơi lấy binh ra đánh Trần Cao.

Trịnh duy Sản 鄭惟僉, Nguyễn hoằng Dụ 阮弘裕, Trịnh Tuy 鄭綏, Trần Chân 陳真 và các quan cựu thần phân binh

ra vây Đông-kinh. Trần Cao phải bỏ thành chạy lên đất Lạng-nguyên (có lẽ là Lạng-sơn).

Triều-đình lại về Đông-kinh, rồi sai Trịnh duy Sản lên Lạng-nguyên đuổi đánh Trần Cao. Trịnh duy Sản khinh địch quá, bị giặc giết mất. Quân giặc lại về đóng ở Bồ-dề. Vua sai Thiết-sơn-bá là Trần Chân 鉄山伯陳真 đem quân đánh tập hậu, phá được quân của giặc.

Trần Cao lại chạy về Lạng-nguyên, và thấy sự-nghiệp không thành, bèn nhường quyền lại cho con là Thăng 昇 rồi cắt tóc đi tu để trốn cho khỏi nạn.

2. QUAN TRONG TRIỀU LÀM LOẠN. Tuy giặc Trần Cao đã phá được, nhưng mà lúc bấy giờ vua Chiêu-tông hãy còn trẻ tuổi, chưa quyết-đoán được, mà Triều-thần thì không có ai là người có chí giúp nước, đến nỗi ngoài thì giặc làm loạn, trong thì các quan sinh ra hiềm-thù, đem quân đánh lẫn nhau, như là Nguyễn hoẵng Dụ và Trịnh Tuy, hai người đi đánh giặc về rồi mỗi người đóng quân một nơi để chống-cự với nhau, vua can ngăn cũng không được.

Ở trong Triều thì bọn Trịnh duy Đại 鄭惟大 mưu sự làm phản, bị người tố cáo ra, phải giết cả đảng.

Bọn Nguyễn hoẵng Dụ và Trịnh Tuy cứ đánh nhau mãi, sau Trần Chân bèn Trịnh Tuy đem quân đánh Nguyễn hoẵng Dụ. Nguyễn hoẵng Dụ bỏ chạy về giữ Thanh-hóa.

Vua sai bọn Mạc Đăng Dung 莫登庸 đi đánh Nguyễn hoẵng Dụ. Nhưng Đăng Dung tiếp được thư của Hoẵng Dụ viết riêng cho mình, bèn không đánh, đem quân trở về.

Bấy giờ quyền-bính về cả Trần Chân và lại có người nói rằng Trần Chân có ý làm phản, vua bèn cho người vời Trần Chân vào thành rồi đóng cửa thành lại, bắt giết đi.

Bộ tướng của Trần Chân là bọn Hoàng duy Nhạc 黃惟岳, Nguyễn Kinh 阮敬, Nguyễn Áng 阮盛 nghe tin Trần Chân phải giết, bèn đem quân vào đánh phá kinh-thành. Vua phải chạy sang lánh mình ở đất Gia-lâm, rồi cho người vào Thanh-hóa vời Nguyễn hoẵng Dụ ra đánh giặc. Nguyễn hoẵng Dụ không ra.

Chiêu-tông không biết mong cậy vào ai được, phải cho người sang Hải-dương vời Mạc đăng Dung về giúp. Mối thoán-đoạt gây nên từ đó.

Nguyên Mạc đăng Dung là cháu 7 đời ông Mạc đình Chi 莫庭之, ngày trước vốn ở làng Đông-cao, huyện Bình-hà (thuộc Hải-dương) sau dời sang ở làng Cồ-chai (thuộc huyện Nghi-dương, tỉnh Kiến-an bây giờ). Mạc đăng Dung thừa trể, nhà nghèo, làm nghề đánh cá, nhưng có sức mạnh, thi đỗ Đò-lực-sĩ, làm đến Đò-chỉ-huy-sứ về triều vua Uy-mục; đến triều vua Tương-dực được phong là Vũ-xuyên-bà 武川伯, sau vua Chiêu-tông lại phong là Vũ-xuyên-hầu 武川侯.

Nay vua Chiêu-tông gọi sang, nhất thiết trao cả binh quyền để đánh giặc Hoàng duy Nhạc.

Mạc đăng Dung đem vua về ở Bồ-đề rồi cho người mật dụ bọn Nguyễn Kinh, Nguyễn Áng về hàng. Bọn ấy nói rằng Trần Chân bị giết là tại Chử Khải 褚啟, Trịnh Hựu 鄭佑, Ngô Bình 吳柄 gièm-pha. Nếu nhà vua làm tội ba người ấy thì xin về hàng.

Vua bắt ba người đem giết đi, nhưng bọn tên Kinh tên Áng vẫn không giải binh. Mạc đăng Dung lại dòi vua về Bảo-châu (thuộc huyện Từ-liêm). Thế giặc vẫn mạnh, rồi lại có Trịnh Tuy và Nguyễn Sư làm phản, thông với bọn tên Kinh lập Lê Do 黎操 lên làm vua, đóng hành-điện ở Từ-liêm.

Vua lại phải cho người vào gọi Nguyễn hoẵng Dụ lần nữa. Nguyễn hoẵng Dụ đem binh Thanh-hóa ra đề cùng với Mạc đăng Dung đi đánh giặc. Nhưng Hoẵng Dụ xuất binh đánh trước, bại trận, phải rút quân về Thanh.

Được ít lâu Mạc đăng Dung trừ được bọn Lê Do, Trịnh Tuy và Nguyễn Sư, rồi lại hàng được bọn Hoàng duy Nhạc, Nguyễn Kinh, Nguyễn Áng đem về làm vây-cánh của mình. Từ đó quyền-bính về cả Đăng Dung.

3. MẠC ĐĂNG DUNG CHUYỀN QUYỀN. Mạc đăng Dung bây giờ quyền-thế hống-hách, ra vào cung cấm tiếm dụng nghi-vệ thiên-tử. Các quan ai có vì nhà vua mà can-gián điều gì, thì Đăng Dung tìm cách giết đi. Các quan triều-thần có nhiều

người thấy quyền lớn về cả họ Mạc, cũng bỏ vua mà theo phò Mạc đăng Dung.

Vua Chiêu-tông thấy vậy, mới mưu ngầm với bọn nội thần là Phạm Hiến 范獻 và Phạm Thử 范恕 để đánh Mạc đăng Dung, lại cho người vào Tây-kinh với Trịnh Tuy đem binh ra làm ngoại-ứng. Đêm đến canh hai vua chạy lên Sơn-tây để thu-xếp binh-mã đánh họ Mạc.

Sáng hôm sau Mạc đăng Dung mới biết vua xuất ngoại, liền sai Hoàng duy Nhạc đem quân đuổi theo, đến Thạch-thất, Duy Nhạc bị quân sở-tại bắt được giết đi.

Mạc đăng Dung cùng với các quan ở trong triều lập Hoàng-dệ là Xuân 椿 lên làm vua, tức là Cung-hoàng 恭皇, đổi niên-hiệu là Thống-nguyên 統元. Nhưng ở kinh-thành sợ vua Chiêu-tông viện quân về đánh, cho nên Mạc đăng Dung rước Hoàng-dệ Xuân về ở đất Gia-phúc, nay là Gia-lộc thuộc tỉnh Hải-dương.

Khi vua Chiêu-tông chạy lên Sơn-tây, những người hào-khết ở các nơi theo về cũng nhiều, nhưng vì vua nghe lời những kẻ hoạn-quan là bọn Phạm Điền 范田, không theo lời bàn của các tướng, cho nên lòng người li-tán, mọi việc hỏng cả. Vua cho người vào Thanh-hóa với Trịnh Tuy ba bốn lần, Trịnh Tuy do-dự mãi không ra. Sau Trịnh Tuy cùng với Trịnh duy Tuấn đem hơn một vạn quân ra giúp, thì vua lại nghe lời bọn Phạm Điền bắt Nguyễn bá Kỷ 阮伯紀 là thuộc tướng của Trịnh Tuy đem giết đi. Trịnh Tuy tức giận đem quân bắt vua Chiêu-tông về Thanh-hóa.

Năm giáp-thân (1524) Mạc đăng Dung đem quân vào đánh Thanh-hóa, Trịnh Tuy thua trận rồi chết, vua Chiêu-tông bị bắt đem về để ở Đông-hà (thuộc huyện Thọ-xương), rồi cho người đến giết đi.

Vua Chiêu-tông làm vua được 11 năm, thọ 26 tuổi.

Cách hai năm sau là năm đinh-hợi (1527), Mạc đăng Dung bắt các quan nhà Lê thảo bài chiếu truyền ngôi cho nhà Mạc.

Cung-hoàng và bà Hoàng-thái-hậu đều bị giết cả. Bảy giờ triều-thần có Vũ Duệ 武睿, Ngô Hoán 吳煥, quan Đô-ngự-sử là Nguyễn văn Vận 阮文運, quan Hàn-lâm hiệu-lý là Nguyễn thái Bạt 阮泰拔, quan Lễ-bộ Thượng-thư là Lê tuần Mậu 黎俊懋, quan Lại-bộ Thượng-thư là Đàm thận Huy 譚慎徽, quan Tham-chính-sứ là Nguyễn duy Tường 阮惟祥, quan Quan-sát-sứ là Nguyễn tự Cường 阮自強, tước Bình-hồ-bá là Nghiêm bá Kỳ 嚴伯冀, quan Đô-ngự-sử là Lại kim Bàng 賴金榜, quan Hộ-bộ Thượng-thư là Nguyễn thiệu Tri 阮紹知, quan Phó Đô-ngự-sử là Nguyễn hữu Nghiêm 阮有嚴, quan Lễ-bộ tả Thị-lang là Lê vô Cương 黎無疆 đều là người khoa-giáp cả, người thi nhò vào mặt Mạc đăng Dung hay là lấy nghiền mực đập vào mặt, hay chườm-măng, bị Đăng Dung giết đi. Có người thi theo vua không kịp, nhảy xuống sông mà chết, người thi quay đầu về Lam-sơn lạy rồi tự-tử. Những người ấy đều là người có nghĩa-khí đề tiếng thơm về sau.

Nhà Lê, kể từ vua Thái-tổ cho đến vua Cung-hoàng vừa một trăm năm (1428-1527), được 10 ông vua. Nhưng trong bảy nhiều ông, trừ vua Thái-tổ ra, thì chỉ có vua Thánh-tông và vua Hiến-tông là đã lớn tuổi mới lên ngôi, còn thì ông nào lên làm vua cũng còn trẻ tuổi cả. Vì thế cho nên việc triều-chính mỗi ngày một suy-kém, lại có những ông vua hoang dâm, làm lắm điều tàn-bạo đề đến nỗi trong nước xảy ra nhiều sự biến-loạn.

Vậy vận nhà Lê phải lúc trung-suy, nhưng công-đức vua Thái-tổ và vua Thánh-tông làm cho lòng người không quên nhà Lê, cho nên đầu nhà Mạc có cướp ngôi cũng không được lâu-bền, và về sau họ Trịnh tuy có chuyên-quyền nhưng cũng chỉ giữ ngôi chúa, chứ không dám cướp ngôi vua.

PHỤ-LỤC

Phiên âm bài Hán-văn từ trang 237 đến trang 241
(Việt-Nam sử-lược)

BÌNH NGŨ ĐẠI-CÁO

Cải văn : nhân nghĩa chi cử, yếu tại an dân ; điều phạt chi sự, mạc tiền khử bạo. Duy ngã Đại-Việt chi quốc, thực vi văn-hiến chi bang. Sơn xuyên chi phong vực kỳ thù, Nam Bắc chi phong-tục diệc dị. Tự Triệu Đinh Lý Trần chi triều tạo ngã quốc, dĩ Hán Đường Tống Nguyên nhi các đế nhất phương. Tuy cường nhược thì hữu bất đồng, nhi hào kiệt thế vị thường pháp.

Cổ Lưu Cung tham công dĩ thủ bại, nhi Triệu Tiết hiếu đại dĩ xúc vong. Toa Đô kỳ cầm ư Hàm-tử quan, Ô Mã hựu ử Bạch-đăng hải. Kẻ chư vãng cổ, quyết hữu minh trung.

Khoảnh nhân Hồ-chính chi phiên-hà, trí sử nhân-tâm chi oán-bạn. Cường-Minh từ khích, nhân dĩ độc ngã dân ; nguy-đang hoài gian, cảnh dĩ mai ngã quốc. Hàn thương-sinh ư ngược-diêm, hãm xích-tử ư họa-khanh. Khi thiên vông dân, quý-kế cái thiên vạn trạng ; liên binh kết hần, năm ác đài nhị thập niên. Bại nghĩa thương nhân, kiên khôn ky hồ dục tức ; trọng khoa hậu liêm, sơn trạch mỹ hữu kiệt dĩ. Khai kim-trướng, tặc mạo lam-chương nhi phủ sơn đảo sa ; thái minh-châu, tặc xúc giao-long nhi hoàn yếu thộn hải. Nhiều dân thiết huyền lộc chi hãm tịnh, điển vật chửc thùy cầm chi vông la. Còn trùng thảo mộc giai bất đắc dĩ tại

chi huyết thành xuyên, lưu tinh vạn lý; Tuy-động chi thi tích dã, di xá thiên niên. Trần Hiệp tắc chi phúc tâm, kỳ kiêu kỳ thủ; Lý Lượng tắc chi gian đồ, hựu bộc quyết thi. Vương Thông lý loạn nhi phần giả tích phần, Mã Anh cứu đấu nhi nộ giả tích nộ. Bĩ tri cùng nhi lực tận, thúc thủ đãi vong; ngã mưu phạt nhi tâm công, bất chiến tự khuất. Vị bĩ tất dịch tâm nhi cải lự, khởi ý phục tác nghiệt dĩ tốc cò. Chấp nhất kỳ chi kiến, dĩ giả họa ư tha nhân; tham nhất thi chi công, dĩ di tiểu ư thiên-hạ. Toại lệnh Tuyền-đức chi giáo đồng, độc binh vô yểm; nhưng mệnh Thanh Thằng chi nhụ tướng, dĩ du cứu phần. Đình-vị cứu nguyệt, Liễu Thăng toại dẫn binh do Khâu-ôn nhi tiến; bản niên bản nguyệt, Mộc Thạnh diệc phân đồ tự Vân-nam nhi lai. Dư tiền kỳ tuyền binh tắc hiểm dĩ tời kỳ phong, dư hậu tái điều binh tiết lộ dĩ đoạn kỳ thực. Bản nguyệt thập bát nhật, Liễu Thăng vi ngã quân sở công, kế đồa ư Chi-lăng chi dã; bản nguyệt nhị thập nhật, Liễu Thăng vi ngã quân sở bại, thân tử ư Mã-yên chi sơn. Nhị thập ngũ nhật, Bảo-định bá Lương Minh trận hãm nhi táng khu; nhị thập bát nhật, thượng-thư Lý Khánh kế cùng nhi vẫn thủ.

Ngã toại nghinh nhận nhi giải, bĩ tự đảo qua tương công. Kế nhi tứ diên thiêm binh dĩ bao vi, kỳ dĩ thập nguyệt trung tuần nhi diển diệt. Viên tuyền tỵ hựu chi sĩ, thân mệnh trào nha chi thân. Âm tượng nhi hà thủy can, ma đao nhi sơn thạch khuyết. Nhất cổ nhi kinh khó ngạc đoan, tái cổ nhi điều tán quán kinh. Quyết hội nghị ư băng đê, chấn cương phong ư cỏ diệp. Đổ-đốc Thôi Tự tất hàng nhi tổng khoản, thượng-thư Hoàng Phúc diện phước dĩ tỵu cầm-Cương-thi tắc Lang-giang, Lang-sơn chi đồ; chiến-huyết xích Xương-giang, Bình-than chi thủy. Phong vân vị chi biến sắc, nhật nguyệt thắm dĩ vô quang.

Kỳ Vân-nam binh vi ngã quân sở ách ư Lê-hoa, tự đồng nghị hư hát nhi tiên dĩ phá đảm. Kỳ Mộc Thạnh chúng vẫn Thăng quân đại bại ư Cần-tram, toại lạn tạ bốn hội nhi cận đắc thoát thân. Lãnh-câu chi huyết xử phiêu, giang-thủy vị chi ó yết; Đan-xá chi thi sơn tích, đã thảo vị chi ân hồng

Lưỡng lộ cứu binh, kỳ bất tuyền chủng nhi cầu bại ; các thành cùng khốn, diệp tương giải giáp dĩ xuất hàng. Tặc thủ thành cầm, bỉ kỳ điều nga-hồ khát liên chi vũ ; thần vũ bất sát, dư diệp thê Thượng-đế hiếu sinh chi tâm. Tham-tướng Phương Chính, nội-quan Mã Kỳ, tiên cấp hạm ngũ bách dư sru, kỳ độ hải nhi đo thả hồn phi phách táng. Tổng-binh Vương Thông, tham-chính Mã Anh, hựu cấp mã sở thiên dư thất, dĩ hoàn quốc nhi ich tự cổ lật tâm kinh. Bỉ kỳ ủy tử tham sinh, nhi tu hiếu hữu thành ; dư dĩ loạn quân vi thượng, nhi dục dân đắc tức.

Phi duy kể mưu chi cực kỳ thâm viễn, cái diệp cổ kim chi sở vị kiến văn. Xã-tắc dĩ chi điện an, sơn xuyên dĩ chi cải quán. Kiền khôn kỳ bỉ nhi phục thái, nhật nguyệt kỳ hồi nhi phục minh. Vu dĩ khai vạn thế thái bình chi cơ, vu dĩ tuyệt thiên cớ vô-cùng chi số. Thị do thiên địa tổ tông chi linh, hiếu dĩ mặc tương âm hựu, nhi tri nhiên dã.

Ô-hô ! Nhất nhung đại-định, ngật thành vô cạnh chi công ; tứ hải vĩnh-thanh, đản bố duy-tân chi cáo. Bá cáo hà nhĩ, hàm sử văn tri.

Xem bài dịch nghĩa in từ trang 242 đến trang 245,
sách Việt-Nam sử-lược

NHỮNG SÁCH SOẠN-GIẢ DÙNG ĐỂ KÊ-CỨU

A. SÁCH CHỮ NHO VÀ CHỮ QUỐC-NGŨ :

1. Đại Việt sử-ký, của Ngô Sĩ-Liên
2. Khâm-dịnh Việt-sử Thông-giám cương-mục
3. Trần-triều thế-phổ hành trạng
4. Bình Nguyên công-thần thực lục
5. Hoàng Lê nhất thống chí
6. Lịch-triều hiến-chương, của Phan huy Chú
7. Đại Nam thực lục tiền biên
8. Đại Nam thực lục chính biên
9. Đại Nam thống chí
10. Đại Nam chính biên liệt truyện
11. Đại Nam điển lễ toát-yếu, của Đỗ văn Tâm
12. Minh-mệnh chính yếu
13. Quốc-triều sử toát-yếu, của Cao xuân Dục
14. Thanh-triều sử-ký
15. Trung-quốc lịch-sử
16. Hạnh-Thục ca, của bà Nguyễn nhược Thị

B. SÁCH CHỮ PHÁP :

1. Cours d'Histoire Annamite, par Trương Vĩnh Ký
 2. Notion d'Histoire d'Annam, par Maybon et Ruissie
 3. Pays d'Annam, par E. Luro
 4. L'Empire d'Annam, par Gosselin
 5. Abrégé de l'Histoire d'Annam, par Shreiner
 6. Histoire de la Cochinchine, par P. Cultru
 7. Les Origines du Tonkin, par J. Dupuis
 8. Le Tonkin de 1872 à 1886, par J. Dupuis
 9. La Vie de Monseigneur Puginier, par E. Louvet
 10. L'insurrection de Gia-định, par J. Silvestre
- (Revue Indochinoise — Juillet - Aout 1915)

55 1/2

TIMSACH.COM.VN

ẤN - HÀNH TRONG KHUÔN KHỔ
CHƯƠNG - TRÌNH HỢP - TÁC GIỮA
BỘ GIÁO - DỤC VÀ CƠ - QUAN
PHÁT - TRIỂN QUỐC - TẾ HOA - KỲ
- TẠI VIỆT - NAM -

Tr H. 30

GIÁ BÁN 125.000